

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

LỊCH-SỬ VÀ HỌC-THUYẾT CỦA MONTESQUIEU (MẠNH-ĐỨC-TƯ-CUU)

MONTESQUIEU (Tàu dịch là Mạnh-đức-tư-cuu), chính tên là CHARLES DE SECON-DAT, bá-tước MONTESQUIEU, là một quan tư-pháp kiêm văn-học, luật-học, sử-học nước Pháp, sinh ở nơi lâu-thành *La Brède*, gần *Bordeaux* ngày 18 tháng giêng năm 1689, mất ở *Paris* ngày mồng 10 tháng 2 năm 1755. Ông ông và chú bác ông đều làm quan tư-pháp tòa Thượng-thẩm; cha thời làm quan võ về hưu. Vậy thời nhà ông là nhà dòng-dối tấn-thần, tuy thường làm ra mặt cao-kỳ, muốn tập-tễnh vào hàng quý-tộc, nhưng vốn vẫn có cái nền-nếp hiền-ngbĩa, lại có cái vẻ-dạng thi-thư. Ngay thừa nhỏ đã định nối nghiệp nhà theo về chức tư-pháp. Tuổi đồng-ấu được bà mẹ hiền chăm nuôi, chưa lớn lên mẹ đã mất, tự năm 1700 đến 1711 cho vào học ký-túc ở trường *Juilly* của các thầy dòng *Oratoriens*, cách kinh-dô *Paris* mấy dặm. Khi học luật tốt-nghiệp rồi, năm hai-mươi-lăm tuổi được bổ làm quan cố-vấn ở tòa thẩm-án *Bordeaux*. Năm sau lấy vợ, rồi hai năm nữa, là năm 1716, kế-nghiệp ông bác làm quan chánh tư-pháp (chức tư-pháp ở nước Pháp ngày xưa có thể cha con bác cháu di-truyền cho nhau được) Từ trước đến bấy giờ ông vẫn lấy tên là Nam-tước LA BRÈDE, khi ấy mới thêm chức Chánh-án MONTESQUIEU. Ông làm chức tư-pháp, nhưng cũng không hứng về công-việc ấy; chính ông thú-thực rằng thủ-tục các việc án, thường những « đờ ngu-dốt » vẫn thạo lắm, mà tự ông có khi

không hiểu, Ông cũng không lấy làm phiền lòng chi, thường làm công-việc khác để tiêu-khiển như giao-du với kẻ nọ người kia, tìm vào các hội giao-tế của những bậc khuê-các, chăm chỉ nghiên-cứu về lịch-sử, về văn-chương, về khoa-học. Trong ít lâu còn phân-vấn chưa biết chuyên-trì về mặt nào; năm 1716, có đọc ở Hội Hàn-lâm *Bordeaux* một bài « Luận về chính-sách người La-mã trong tôn-giáo » (*Dissertation sur la politique des Romains dans la religion*); rồi lại khảo-cứu về các vấn-đề cách-trí, như nguyên-nhân của tiếng vang, như sự nặng của vật-chất, những vật trong suốt soi qua được là tại làm sao, quả cật (thân) dùng để làm gì, vân-vân. Năm 1719, ông muốn soạn một bộ sách đề là « Cỗ-kim địa-lý chí » (*Histoire physique de la terre ancienne et moderne*), sách thể-tài to-tát lắm, ông định sưu-tập tài-liệu, tra hỏi khắp cả các nhà bác-học trong thế-giới. Sau đến năm 1721, ông lại biên-tập một bộ đề là « kinh-nghiệm về bác-vật học » (*Observations sur l'histoire naturelle*). Trong các khoa-học, duy có khoa số-học là ông không thiệp-liệp đến mà thôi. Xem như thế thì cái chí ông MONTESQUIEU là muốn được nổi danh về khoa-học như NEWTON, PASCAL, mở đường cho BUFFON sau này; giá ông không phải vì chức-vụ tư-pháp ở xa *Paris* luôn, lại giá không phải bệnh mắt cận-thị nặng, thời có lẽ ông cố chuyên-trì về cách-trí và sau này không

làm nên sách « Van-pháp tinh - lý » (*L'Esprit des lois*) vậy. Bất-dắc-dĩ không thể theo đuổi về khoa-học được, năm ba-mươi-hai tuổi mới xoay về nghề văn-chương. Năm 1721 xuất-bản sách « Thư Ba-tư » (*Lettres persanes*); năm 1725 lại xuất-bản sách « Đền bà nữ-thần Ái-tinh » (*La Temple de Guide*). Hai sách ấy được thiên-hạ hoan-ngheh lắm Nhất là sách « Thư Ba-tư » bán đắt cho đến nỗi hàng sách nào cũng bảo các tay thiếu - niên văn - sĩ rằng : « Các ông cứ làm sách « Thư Ba-tư » cho chúng tôi. » Lại cũng nhờ sách đó mà ông MONTESQUIEU năm 1728 được vào Hội Hàn - lâm Đại-Pháp. Đã có chân Hàn-lâm rồi, bấy giờ ông mới khởi-công làm một bộ sách rất to-tát, sách tổng-luận về triết-lý cả các pháp-luật cũ-kim, trong hai mươi năm ông hằng đề ý biên soạn về sách ấy. Ông từ chức tư-pháp, đi du-lịch các ngoại-quốc, như nước Áo, nước Hung, nước Ý, nước Thụy-sĩ, nước Hòa-lan, nước Anh, ở nước Anh suốt hai năm; rồi về nơi lâu-thành *La Brède*, đóng cửa ở nhà, trong hai năm luôn nữa biên-tập các tài-liệu đã thu-thập được trong khi du-lịch. Ấy đó là ông soạn sách « Van-pháp tinh-lý » (*L'Esprit des lois*), sách năm 1748 xuất-bản. Mười - bốn năm trước ông đã in thử một tập đề là « Luận về nguyên - nhân sự thịnh-suy của dân La-mã » (*Considérations sur les causes de la grandeur et de la décadence des Romains*). Năm 1750, nhân có người bài-bác sách « Van-pháp », ông phải làm một cuốn đề là « Biện-hộ về sách Van-pháp tinh-lý » (*Défense de l'Esprit des lois*). Gồm cả các sách đã kể ở trên, thêm mấy cuốn sách nhỏ nữa, như sách « SYLLA và EUCRATE » vấn-đáp » (*Dialogue de Sylla et d'Eucrate*), sách *Lysimaque*, sách « Phong nhã-luận » (*Essai sur le Goût*), thế là được toàn-tập cả các văn trước-thuật của MONTESQUIEU. Ông làm xong

một bộ sách vĩ-dại như sách « Van-pháp tinh-lý », cần phải an-nhàn nghỉ-ngơi; và ông cũng bị đau, mà mất thì mỗi ngày một thêm yếu. Năm 1755 mất, thọ được sáu-mươi-sáu tuổi. Cuộc đời ông bình-thường giản-dị, ngoài công việc trước-thuật, không có sự-nghiệp gì khác. Bao giờ ông cũng giữ được cái tư-cách độc-lập, cái thái-độ trung-dung, tư-tưởng không thái-quá, không bất-cập, tuy vẫn là một nhà triết-học chân-chinh mà không công-nhiên về bề với « phái triết-học » đương-thời. Tinh-khi nhu - hòa, cần - thân, biết thương người, không tự-kỷ, người thời bấy giờ ai biết cũng yêu-mến kính-trọng.

TRƯỚC - TÁC VÀ HỌC - THUYẾT CỦA MONTESQUIEU. — 1^o Nói về sách « *Thư Ba-tư* ». — Những sách thuận cách-tri của MONTESQUIEU cùng những bài diễn-văn của ông thỉnh-thoảng đọc ở Hội Hàn-lâm *Bordeaux*, thời không có quan - hệ gì về văn-học. Bài có tiếng nhất là bài « Luận về chính-sách người La - mã trong tôn - giáo », thời tâm-thường lắm; dẫn chứng sách-vở nhiều, nhưng ngày nay xem ra cho là thật thái quá; tác-giả còp nhặt vô-số những việc vặt mà dựng thành một cái lý-thuyết rất sai-lầm. Chủ-ý ông lập-luận chừng muốn phát-biểu cái lòng ông không mộ đạo Thiên-chúa. Các cụ Hàn ở *Bordeaux* nghe đọc bài luận đó năm 1716 chắc không ngờ tác-giả sau này sẽ trở nên một tay văn-hào. Chợt đến năm 1721, bấy giờ ông ba-mươi-hai tuổi, xuất-bản sách « *Thư Ba-tư* », thời danh tiếng nổi lừng ngay lên. Ông đọc sách nhiều lắm mà lại thích sách kim-hơn sách cổ. Ông thường đọc sách « *Chuyện bốn thật* » (*Amusements sérieux et comiques*) của DUFRESNY và sách « *Quí què chân* » (*Le Diable boiteux*) của LESAGE, nghĩ muốn cũng làm một bộ sách hoạt-kê đề trào-phúng người đời, mà lại nhân thể châm-biếm về chính-trị nữa. Trong sách « *Chuyện bốn thật* »

của DUFRESNY, thiên thứ ba, có nói rằng : « Thành Paris thật là một cái thế-giới lớn... Thứ nghĩ giá có một người nước Xiêm đến đây, thời con mắt họ chắc thấy nhiều sự mới-mẻ lạ - lùng lắm .. Tôi muốn đem người nước Xiêm đó đi du-lich với tôi ; xem cái ý - kiến ngộ - nghĩnh của họ có lẽ cũng vui và cũng thú... Nhiều điều mắt ta thấy tai ta nghe đã quen đi cho là sự thường, thử xem người ấy họ quan-cảm ra làm sao. » Còn chuyện « Quỉ què châu » của LESAGE thời là chuyện khôi-hài một thằng quỉ giắt tác-giả đi trên mái các nhà, rồi dùng thuật mở phanh mái ra cho xem trong nhà họ làm những gì. Ấy MONTESQUIEU làm sách « Thư Ba-tur » cũng là do một cái ý đó. Ông giả-thiết có hai người Ba-tur tên là *Usbeck* và *Rica* trọ ở nhà ông, họ thư-từ với người nước họ, ông đem những cái thư ấy công-bổ ra, làm thành quyển sách, vừa là bộ tiểu-thuyết tự-do phóng-túng, mà lại có vẻ bi-ai, vừa là bức tranh tả những cái cảnh nực cười éo-le trong xã-hội đương-thời, lại vừa là quyển sách thuyết-lý, có nhiều tư-tưởng mới mẻ cao-thượng đáng một nhà đạo-đức, nhà pháp-luật... Trong lịch-sử văn-học nước Pháp, sách « Thư Ba-tur » này tức là một bản tục-biên cho sách « Nhân-phẩm-luận » (*Les Caractères*) của LA BRUYÈRE hai quyển cùng là tả về niện-trạng xã-hội đương-thời, xem thời biết xã-hội đời vua Louis thứ 14 với xã-hội đời vua Louis thứ 15 xa cách nhau biết dường nào. Năm xuất-bản sách (1721) cũng là thích-hợp lắm. Nước Pháp tự ngày vua Louis thứ 14 thăng-hà, đã bày hẳn ra một cục-diện mới. Vua trước là một vị lão-thành chuyên-chế ; nối ngôi là một vị ấu-chúa năm tuổi Trong năm-mười năm vua trước trị vì. Nghị-hội thành Paris phải ngậm tăm không được bàn nói một câu gì, khi vua băng thì đi - chiếu của vua Nghị-hội liền bãi bỏ, chính-quyền

giao cho công-tước D'ORLÉANS làm phụ-chính, thay vì vua còn nhỏ tuổi mà trị nước. Công-tước này là học-trò thầy giáo-sĩ DUBOIS và là một tay chơi-bời phóng-túng vô-dộ. Đời Nhiếp-chính đó thật là một thời-đại ngộ-nghịch, khinh-miệt cả lễ-tục, và chuộng những thói dâm-dăng sa-hoa. Sách « Thư Ba-tur » thật là món văn-chương thích-hợp cho đời đó. Khi xuất-bản, tác - giả không đề tên, nhưng giá ở Paris bấy giờ thời cũng có thể làm một tay hào-hoa có tiếng. Ông khéo kết-cấu chuyện, đặt ra một cái hoàn-cảnh đặc-biệt, lấy tay chủ-động là người nước Ba-tur theo Hồi-giáo, nên có thể phán-đoán một cách nghiêm-nhật về xã-hội, chính-trị, phong-tục, tôn - giáo, nước Pháp đời bấy giờ, về cái cách người Pháp quan-niệm về nhân-sinh, về đạo-nghĩa, về quốc-gia, về gia-đình thế nào ; có thể tự-do phê-bình về ông Giáo-hoàng một câu rằng : « Chẳng qua vì như một pho tượng cũ, thiê-n-hạ đã quen hương-hoa đó mà thói » (*une vieille idole qu'on encense par habitude*) ; lại phán-đoán về vua Louis thứ 14 một câu rằng : « Ông vua này như một nhà quỉ-thuật cao tay làm cho thần-dân mê-tin, làm cho một đồng bạc thành hai, một mảnh giấy trắng hóa ra bạc thật... » Người Ba-tur cũng như các người Đông-phương khác có tục súc - thê, đối với người đàn bà không có cái lối sùng - thượng như người Tây - phương, nên trong sách phán-đoán về đàn bà lại tự-do lắm ; tác-giả lại mượn thể có thể dùng những lối văn-chương tỉ-dụ theo Đông-phương, rất có thú-vị. MONTESQUIEU khéo lợi-dụng những cái khéo làm văn như thế, thật là có tài-tinh, có lý-thù, có cái vẻ thanh-nhã phong-lưu, khiến cho sách « Thư Ba-tur » xuất-bản, « bán đắt như bánh mì », theo lời người đời bấy giờ khen như thế. Chính-sách đó dự-bị cho ông được vào Hội Hàn-lâm, mà cũng chính sách đó ngăn-trở cho ông không

được vào ngay. Tề-tướng là đại-tư-giáo FLEURY thấy sách nhiều chỗ nói bạo quá không bằng lòng, nhất-dịnh phản-đối không cho vào. Cứ theo như lời ông VOLTAIRE nói thời bấy giờ tác-giả dụng thuật dễ đánh lừa tề-tướng. Bèn in lại sách, làm một bản thứ nhì, bỏ bớt những đoạn tự-do quá, tề-tướng thấy vậy mới bằng lòng. Bản thứ nhì ấy, ngày nay hiếm lắm, nhưng ai có mà đem so-sánh với bản bây giờ thời xét kỹ cũng không khác gì mấy, những đoạn nói về vua, về giáo-hoàng vẫn còn cả, chỉ có đổi thiên nọ sang thiên kia, ở bức thư này đem ra bức thư khác, thế mà thôi. Là tác-giả chỉ chú-ý đánh lừa tề-tướng chơi; quả tề-tướng mắc lừa thật. Thế là ông MONTESQUIEU được vào Hội Hàn-lâm, cùng ngồi bằng-dẳng với tề-tướng FLEURY vậy. Tuy sách ông bán đắt, các hàng sách muốn ông cứ làm một thứ sách như thế cho dễ bán, nhưng tự ông bỏ cái lối văn-chương du-hí đó mà soạn những sách đúng-dắn hơn, xứng-dáng với tư-cách một quan tư-pháp, như sách «Luận về nguyên-nhân sự thịnh-suy của người La-mã», là sách khai-mào cho bộ «Vạn-pháp tinh-lý» sau này.

2o Nói về sách «Nguyên-nhân sự thịnh-suy của người La-mã.» — Sách «Thư Bà-tư» và sách «Đền ba nữ-thần Ái-tinh», là những sách văn chơi phóng-túng hợp với thời-thượng đời «Nhiếp-chính» (*Régence*) đó. Cách chín năm ông không làm sách gì nữa, rồi mới xuất-bản một quyển thật là hợp lối văn-chương cổ-diễn, ngày nay còn cho học-sinh các trường giảng đọc. Sách này là ông lấy tư-cách nhà sử-học, nhà luật-học, nhà triết-học, mà nghiên-cứu về lịch-sử La-mã, giải bày những cái nguyên-nhân thịnh-suy thế nào. Ông không thuật lại những việc trong sử ai ai cũng đã thuộc cả, ông dùng cách lý-luận mà chứng-giải sơ-dĩ làm sao mà một lũ hung-đồ dựng thành lên được đế-quốc La-mã, lại sơ-dĩ làm sao mà đế-quốc ấy đến suy-đổi bại-hoại. Ông

nói rằng người La-mã làm chúa-tề được thiên-hạ là vì biết chuộng tự-do, biết làm lao-dộng, biết mến tôn-quốc; là vì có cái tinh-thần thượng-võ, có cái kỷ-luật nghiêm-nhặt, một lòng tin ở quốc-vận vững-vàng, chiến-tranh thua không cam chịu thua bao giờ, biết khéo chia sẻ kẻ thù ra mà thắng cho được, còn đối với dân thất-bại thời khéo phù-dự cho qui-hàng. Đó là những nguyên-nhân của sự cường-thịnh nước La-mã. Nay Đế-quốc La-mã bị đổ là vì dất rộng qui thành ra nội-loạn luôn, phá-hoại mất cái tinh-thần tự-do, dung-nạp cả dân-lộc tứ-phương; lại vì phong-lưu xa-xỉ mà ra phong-tục đồi-bại, chính-trị chuyên-chế các vị đế-vương nhiều khi là những nhân-vật quái-gở; sau nữa là vì đặt ra thành *Constantinople* (Quán-sĩ-dân-dinh,) làm kinh đô Đôn-phương, thành ra đế-quốc chia ra làm đôi. — Sách nhỏ, chia ra hai-mươi-ba thiên, bảy thiên kể về các nguyên-nhân cường-thịnh, còn mười sáu thiên thời nói về các nguyên-nhân suy-đổi, phần sau đó là phần ông MONTESQUIEU nghiên-cứu kỹ nhất. Sách không có tựa, không có kết, các thiên liền tiếp nhau cũng không có thứ-tự nhất-dịnh; chẳng qua là gồm những lời bình-luận của tác-giả cốt để khiến cho độc-giả đọc mà tự ngẫm-nghĩ suy-xét vậy. Lời văn thời giản-trúc, có khi hơi hời hợt nghĩa; toàn thể thời giọng bình-dị, thỉnh-thoảng có mấy đoạn văn-chương sán-lạn cho nổi lên. Thật là một quyển sách có giá-trị to; tuy vậy cũng không nên quá khen mà cho là mới-mê đặc-biệt gì. Trước MONTESQUIEU, có nhiều người như BALZAC, SAINT-EVRE-MONT, BOSSUET về thế-kỷ trước, giáo-sĩ DE VERTOT làm sách «Lịch-sử Các-mệnh La-mã» (*Histoire des révolutions romaines*), xuất-bản năm 1719, đã từng trước-thuật nhiều sách hay về triết-lý của lịch-sử La-mã. MONTESQUIEU hình như không biết đến người trước, trong toàn tập không hề thấy biên tên Bos-

SUET một lần nào, thực thời sở-dắc ở sách-vở người trước nhiều. Sách « La-mã thịnh-suy » của ông kỹ thực chỉ là suy-diễn một thiên trong sách « Thế-giới-sử » (*Histoire universelle*) của BOSSUET, thiên này chắc ông đã đọc đi đọc lại, nghiền-ngẫm kỹ lắm, lúc viết sách của ông, ông phải cố lắm mới làm ra cho có sáng kiến và có đặc-sắc được. Tuy vậy sách nọ hiển-nhiên là bắt-chước của sách kia, cứ so-sánh thời thấy có nhiều đoạn dẫu lời văn không giống mà ý-nghĩa thật như nhau. Cái thuật của MONTESQUIEU dùng để làm cho người đọc tưởng rằng chính ông sáng-nghĩ ra, là những ý-kiến ông xếp đặt cách khác BOSSUET, BOSSUET chung-dục lại thời ông dần-diễn ra, BOSSUET chứng-dẫn việc nọ thì ông chứng-dẫn việc kia, BOSSUET nói trong ba câu văn-chương cổ-kính, ý-nghĩa hàm-súc, thời ông phổ-diễn tới một trang dài, và thường thường có ngụ-ý ám-chỉ về việc đương-thời. BOSSUET thời nghị-luận có phương-pháp và vụ lấy giúu-dị; chủ-ý là muốn giải rõ những nguyên-nhân cường-thịnh của La mã, nên phần đó nói dài gấp đôi phần khác; MONTESQUIEU thời lại làm đôi khác cả đi. Mà làm thế không phải là cần phải cải-bỏ những chỗ khuyết-diểm trong sách BOSSUET đâu, vì sách BOSSUET tuy vẫn tất mà lại hoàn-bị hơn sách ông. — Song cái tôn-chỉ lập-luận của hai người có khác nhau: BOSSUET thời làm sách để dạy hoàng-thái-tử, có cái chỉ to-tát muốn dập nền thịnh-trị cho nước nhà; MONTESQUIEU thời không có hoài-bão lớn-lao như thế; chủ-ý ông chỉ muốn răn cho người đời biết nên phòng giữ thế nào để cho khỏi đến nỗi suy-dôi. Cho nên ông viết sách « La-mã thịnh-suy » cũng là chánh-đáng lắm, và trong sách ông nói được nhiều điều hay mà sách BOSSUET vì lập-luận theo phương-diện khác không thể nói cho hết được.

Vậy sách « La-mã thịnh-suy » là một quyển sách rất tốt, các nhà chính-trị nên đọc kỹ mà ngẫm-ngĩ luôn. Cái lỗi to của ông là ông không hiểu rằng ông có thể công-nhiên nổi gót bậc tiên-bối mà không sợ mất danh-giá, công-nhiên tuyên-bố rằng sách của ông là mô-phỏng sách « Thế-giới-sử » của BOSSUET, và thuyết-minh cho độc-giả biết rằng sở-dĩ làm sao ông muốn bàn lại về một vấn-đề mà người trước đã bàn một cách sáng-sủa như thế. MONTESQUIEU vốn không ưa BOSSUET, cho là độc-đoán quá và quá thiên về đạo Thiên-chúa. Ông đương soạn một bộ sách khác, giá đem sách « La-mã thịnh-suy » sáp-nhập vào làm một thiên trong sách ấy cũng được. Vậy mà ông lại xuất-bản riêng ra trước, là có ý tỏ cho thiên-hạ biết rằng cái tài ông cũng có thể làm được bằng BOSSUET. Lại cũng là có ý muốn dò dư-luận và dự-bị cho sách « Vạn-pháp » xuất bản sau này vậy.

30. — Nói về sách « Vạn-pháp tinh-lý », sách Biện-hộ cho sách « Vạn-pháp tinh-lý », các sách linh-tinh khác, và các sách xuất-bản sau khi tác giả đã mất. — Khi MONTESQUIEU xuất bản sách « La-mã thịnh-suy » thời ông đã bắt đầu soạn sách « Vạn-pháp » được sáu năm rồi, mãi đến năm 1748, là mười-bốn năm sau nữa, sách ấy mới ra đời. Ông cho in ở Genève, thành hai quyển lớn, ông không xin bản-u yền, không xin duyệt-y (*privilege et approbation*), là lẽ thường các sách xuất-bản về đời ấy), lại không để tên tác-giả trên đầu sách nữa. Ấy cũng là một cách « làm đôm », vì thiên-hạ đều biết là sách của ông. Sách in ra, bán chạy quá. Chính MONTESQUIEU nói rằng (mà không phải nói ngoa) trong mười tám tháng trưng-bản tới hai-mươi-hai lần, lại liền phiên-dịch ra khắp các thứ tiếng. Sách là sách của một nhà tư-tưởng tự-do, nói về đạo thiên-chúa một cách lễ-độ, nhưng không có tán.

tưởng gì ; thành ra phái triết-học, phái tôn-giáo đều không bằng lòng cả. Phái triết-học thời không khen mà cũng không chê ; các chức tư - giáo cũng không nở hạ-lệnh cấm các giáo-dồ đọc sách. Nhưng không bên nào là lấy sách làm vừa ý cả. Sau giòng *Jésuites* khởi lên công-kích trước, làm án tác-giả buộc cho tội phạm Thiên-chúa. Ông liền in một tập sách nhỏ đề là « Biện-hộ về sách « Vạn - pháp » để trả lời lại ; văn-chương ông thời tất là lải hơn bọn kia, nên ông phá được cái án của họ cũng dung-dị. Thành ra sách « Vạn-pháp » trước sau bán vẫn đắt, và khi ông chết thật đã nên danh-giá một bậc đại-văn-hào.

Nguyên tên sách « Vạn-pháp tinh-lý » thật là dài lạ-lùng ; cả tên như sau này : « Nói về tinh-lý pháp-luật, hay là về sự quan-hệ pháp-luật với chính-thể, phong-tục, khi-hậu, tôn - giáo, thương-nghiệp, v. v., tác-giả lại thêm nghiên-cứu về luật-pháp La-mã (thuộc về sản-nghiệp kế-tục), về luật Pháp-lan và luật Trung-cổ » (*De l'Esprit des lois, ou du rapport que les lois doivent avoir avec la constitution de chaque gouvernement, mœurs, climat, religion, commerce, etc., à quoi l'auteur a ajouté des recherches sur les lois romaines, touchant les successions, sur les loix françaises et sur les lois féodales*). Nhan đề có dài thật, nhưng tưởng không lấy gì làm rõ-ràng cho lắm ; song xem đó cũng biết chủ-ý tác-giả là muốn làm « một bộ sách thuần chính-trị và thuần pháp-luật », theo như chính lời ông đã nói trong sách như thế. Sách có ba-mươi-mốt thiên, chia ra làm hơn năm trăm chương, nhưng mà cũng khó mà lý-hội được cương-lĩnh thế nào. D'ALEMBERT đã có thử tóm lược đại-cương ; tay số-học, quen tóm-tắt, mà cũng phải đến hai-mươi-lăm trang, thế mà chưa gọi là hoàn-toàn được. Ngày nay các nhà chính-trị, nhà pháp-luật,

nhà lý - luận trừ - danh, cũng thử làm như thế mà không được cả. Là vì sách « Vạn-pháp tinh-lý » cũng như sách « La-mã thịnh-suy », lập-luận không có trật-tự gì cả. Một bộ sách to-tát như thế, đáng ở trên đầu phải có một bài tổng-luận cho sáng-sủa, đây không có ; hai thiên cuối cùng bình như phụ thêm vào sau, mà kết-luận thời không có. Muốn nói đại-khái một câu thời có thể nói rằng chủ-ý MONTESQUIEU là muốn bàn về triết-lý của pháp-luật ; trích lấy cái tinh-t túy trong luật-pháp của các nước. Trước hết ông giải-thích chung về nghĩa pháp-luật, theo ý ông thời nghĩa ấy vừa thích-hợp cho luật thiên-nhiên bất-dịch của tạo-hóa, vừa thích-hợp cho luật biến-dịch luôn luôn của người ta. Ông nói rằng : « Luật ấy là sự quan-hệ tất-nhiên bởi tính-chất sự-vật mà ra. » (*Les lois, ce sont les rapports nécessaires qui découlent de la nature des choses*). Vậy thời luật chính-trị tất phải thích-hợp chính-thể. Đây đến đoạn MONTESQUIEU phân-loại các chính-thể, đoạn này là vào đầu thiên thứ nhì, cách phân-loại đã trở-danh lăm, ai cũng biết. Ông cho đại-phàm có ba chính-thể : Chính-thể cộng-hòa (hoặc thuộc về binh-dân, hoặc thuộc về qui-tộc), chính-thể quân-chủ và chính-thể áp-chế. Chính-thể khác nhau, pháp-luật tương - đương cũng phải khác nhau, vì mỗi chính-thể có một cái tôn-chỉ riêng, hay một cái động-cơ riêng ; tôn-chỉ của chính-thể cộng-hòa là sự đạo-đức ; tôn-chỉ của chính-thể quân-chủ là sự danh-dự ; tôn-chỉ của chính-thể áp-chế là sự úy-cụ. Nhưng phải hiểu rõ, chớ ngộ-nhận, vì những danh-từ đây không có dùng theo nghĩa thường. Như chữ đạo-đức đây là đạo-đức về chính-trị, nghĩa là lòng ái-quốc, nghĩa bình-dẳng, là một thứ đạo-đức có lợi, chứ không phải đạo-đức thuần-túy ; danh-dự đây cũng không phải là danh-dự thuần-túy, tức là cái lòng

tham danh-vọng, tham địa-vị, phẩm-tước, huy-chương. Ấy cái gốc của cả học-thuyết MONTESQUIEU là ở đó; cả cách khảo-luận của ông là căn-cứ ở sự phân biệt ba chính-thể và ba cái động-lực chi-phối mọi sự hành-vi của kẻ làm dân bị trị và kẻ cầm quyền chủ trị. Nhưng hoá-giả có người bác MONTESQUIEU cũng có lẽ. Bác rằng: sự đạo-lực như đã giải nghĩa trên đó, há lại không thích-hợp cho chính-thể quân-chủ hay sao, nhất là chính-thể quân-chủ lập-hiến như chính ông đã tưởng-tượng là cái chính-thể hay nhất? Tự ông cũng cho sự đạo-lực là có thể có trong chính-thể quân-chủ được, nhưng không phải là cái động-cơ của chính-thể ấy. Ở những nước cộng-hòa dân-chủ rất bình-dẳng, há lại không thấy hằng ngày thiên-hạ đua chen nhau mà tranh cướp lấy chút hư-danh dư, sự danh-dự há chẳng phải là cái động-cơ rất mạnh cho các chính-phủ lợi-dụng dư? Sau nữa chính-thể quân-chủ cũng chính-thể cộng-hòa, há lại không dùng đến luôn những cách úy-cụ, có khi dùng cả cách khủng-hoảng nữa dư? Sự úy-cụ pháp-luật há chẳng phải là cái trở-lực rất mạnh để ngăn cho người ta không dám phạm pháp-luật dư? Còn như chính-thể áp-chế, thời ông vẫn ghét lắm, vậy mà ông cũng liệt bằng-dẳng với các chính-thể kia, lại dụng-công nghiên-cứu xem pháp-luật nào là thích-hợp, thế là ông tôn nó quá vậy. Thiên thứ V, ông đã tả-mạc và phán-đoán về chính-thể ấy một câu như sau này: « Dân đã man ở đất *Louisiane*, hề muốn ăn quả cây, thời đánh đổ cây xuống rồi hái quả mà ăn; ấy chính-thể áp-chế cũn như thế » Cái chính-thể đã khả-bĩ khả-ố như thế, mà ông còn tìm xem nên thi-hành thế nào; ông nói hình-phạt ở đây có thể nghiêm hơn nơi khác; lòng khoan-dung không cần lắm; sự sa-xỉ phải có mới được; sự nô-lệ ở đây dễ chịu hơn chỗ khác v.v... Trách nào nữ-

hoàng CATHERINE II nước Nga đọc sách « Vạn-pháp » thích nhất là mấy thiên ấy, tự tay chưa lấy; lại chính mấy thiên ấy là nữ-hoàng với vua FREDÉRIC II nước Phổ đã thi-hành cho nước Ba-lan (*Pologne*) khốn-nạn vậy. — Thuyết-lý chung rồi, tác-giả bàn đến cách ứng-dụng riêng, cách ứng-dụng này thời thật là vô-cùng vô-số; như bàn về phép giáo-dục trong các nước cộng-hòa, nước quân-chủ, nước áp-chế, bàn về luật chính-trị, về cách sinh-hoạt trong xã-hội, v. v.. Lại nghiên-cứu về pháp-luật quan-hệ với sự phòng-bị, sự công-kích, với quyền tự-do về chính-trị, với cách thâu-liễm các tô-thuế thế nào. Một cái đặc-sắc của sách này là tác-giả thường chú ý về pháp-luật quan-hệ với thổ-địa, nhân-dân, khí-hậu phong-tục, thương-nghiệp, tôn-giáo thế nào. Rồi lại phân-biệt pháp-luật của Thiên-chúa với pháp-luật của nhân-loại thế nào; nói rằng: « sức mạnh của tôn-giáo là ở lòng người tin-ngưỡng; sức mạnh của người ta là ở lòng người úy-cụ »; lại định phạm-vi của hai thứ pháp-luật ấy mà nói rằng: « phạm việc gì phải qui-định bằng phép người, không nên đặt phép trời, phạm việc gì phải qui-định bằng phép trời, không nên đặt phép người. » — Sau khi đã bày tỏ hết những sự duyên-cách của luật-pháp La-mã và luật-pháp nước Pháp rồi, thời đến thiên thứ XXIX, có lẽ là thiên hay nhất trong sách, vì có kết-luận hẳn-hoi, trong thiên này MONTESQUIEU chứng-giải một cách phân-minh quả-quyết rằng phạm nhà lập-pháp phải nên chủ lấy ôn-hòa; ông nói một câu thành-thực thiết-tha rằng: « Tôi nói câu này, mà tôi tưởng tôi làm cả bộ sách này cũng chỉ là để chứng-minh một câu này là: nhà lập-pháp phải giữ lấy cái tinh-cách ôn-hòa; cái hay về chính-trị cũng như cái hay về luân-lý là ở giữa nơi trung-dung, không thái-quá, không bất-

cập vậy. » (*Je le dis, et il me semble que je n'ai fait cet ouvrage que pour le prouver : l'esprit de modération doit être celui du législateur ; le bien politique comme le bien moral, se trouve toujours entre deux limites*). Muốn chứng-giải điều đó, ông dẫn vô-số các việc, tuy tụ-trung cũng có nhiều việc sai lầm, là bởi ông mượn tài-liệu ở nhiều nhà làm sách không được chỉnh-dinh mà tự tuyển - trạch cũng không được tinh-vi, nhưng nói tóm lại sách ông thật là một cái công-trích trước-tác vĩ-dại nhất về thế-kỷ thứ 18 vậy. Sách ông có ảnh-hưởng to trong chính-giới đời bấy giờ, có lẽ tự ông cũng không dự biết như thế. Ông tán-thành cái chính-thể quân-chủ theo như nghĩa ông giải-thích ; ông cho rằng quyền vua ở nước Pháp bấy giờ đã có qui-tộc và nghị-hội cũng đủ hạn-chế cho không lạm-dụng được, và như vua Louis XIV hay Louis XV, ông không cho là vua áp-chế. Ông lại tuyệt-nhiên không ước-ao cho nước Pháp theo về chính-thể cộng-hòa ; thân là một tay đại-thuyết-lý về chính-trị mà có lẽ không hề một lúc nào ngờ rằng nước ông trong khoảng một thế-kỷ rưỡi về sau ba lần theo chính-thể quân-chủ lập - hiến, ba lần theo chính-thể chuyên-chế (đời ROBESPIERRE và đời hai vua Nã-phá-luân), lại ba lần theo chính-thể cộng-hòa ; lại cũng không ngờ rằng trong khoảng ấy chín lần, nghĩa là mỗi khi cách-mệnh đổi chính-thể, thiên-hạ đều nói tở-thuật cái học-thuyết của ông, đều muốn thi-hành cái chủ-nghĩa của ông, đều dương-danh ông lên để lấy thể vậy.

Xét về phương-diện văn-chương, sách « Vạn-pháp » cũng có giá-trị to lắm ; tuy có khuyết-diểm, nhưng có nhiều vẻ li-kỳ, ai cũng phải phục. Bà DU DEFFAND là một vị kтуê-các văn-học về thời bấy giờ, đã phê-bình một câu rằng : « Sách đề là « Vạn-pháp tinh-lý », thật là nói chuyện lý-thủ về

pháp-luật » (*C'est de l'esprit sur les lois*). Mà kẻ cũng lạ : một nhà triết-học, luật-học, khảo về triết-lý trong luật-pháp, thế mà lời văn nhẹ-nhàng vui-vẻ, dững đưng, khinh-khiêu, lại có khi bỡn-cợt khời-hài (*sautillant goguenard*, lời của VOLTAIRE), ấy mới kỳ. Có đoạn lời-lẽ khi tự-do phóng-tung quá, không khác gì lối văn sách « Thư Ba-tư », hay sách « Đền nữ-thần », như thế thì cũng không xứng-đáng thật. Tuy vậy mặc lòng, đời sau không thể không công-nhận lời phê-bình rất đích-đáng của VOLTAIRE như sau này. VOLTAIRE vốn không ưa gì MONTESQUIEU, nhà văn vẫn có ý ghen nhau ; vậy mà năm 1759, bốn năm sau khi MONTESQUIEU đã mất, trong một bức tư-thư cho bạn, có mấy câu nói về ông rằng : « Tôi cũng biết rằng MONTESQUIEU làm sách, tuy có chia ra thiên ra chương hẳn-hoi, nhưng vẫn không có thứ-tự ; lại có khi nói câu châm-biếm cho là lời giải-thích, viết câu phân-thuyết cho là tư - tưởng mới ; lại thường khi dẫn-chứng sách - vở không được dùng ; nhưng thật là một bậc thiên-cổ anh-tài vừa có tư-cách thâm-trâm, vừa được gặp thời may-mắn, biết tư-tưởng và biết làm cho người ta phải tư-tưởng. Phạm kẻ có trách-nhiệm trị dân, phải lấy bộ sách của ông làm kinh-thương-khoá vậy. Sách ấy sẽ lưu-truyền mãi mãi. »

MONTESQUIEU đã phải phí mất hai-mươi năm luôn để làm bộ « Vạn-pháp », cần phải nghĩ - ngoi để dưỡng sức. Trong những mảnh giấy tạp-biên của ông, sau này người ta sưu-tập thành sách đề là « Tư-tưởng tạp » (*Pensées diverses*), có một đoạn ông nói rằng : « Ý tôi muốn soạn lại mấy chỗ trong sách « Vạn-pháp » của tôi cho được tường-tận hơn, nhưng tôi không thể làm được nữa ; mắt tôi đọc sách nhiều đã yếu đi quá, nay còn sáng được ngày nào là hay ngày ấy, không biết nhầm

lại lúc nào. » — Thực thế, tự năm 1750 là năm xuất-bản sách « Biện-hộ về sách « Vạn-pháp » », cho đến năm 1755 ông mất, xem ra ông không soạn-thuật gì nữa.

Kể cho đủ toàn-tập của ông, thời ngoài những sách đã nói trên kia, còn mấy tập sách nhỏ nữa, sách tạp-luận, tạp-ký, du-ký, ngữ-lục, v. v. nhưng toàn là những sách vụn-vặt, rời-rạc, không có quan-hệ gì mấy.

KẾT-LUẬN. Nói về địa-vị MONTESQUIEU trong lịch-sử văn-học nước Pháp. — Tác-giả sách « Thư Ba-tư » và sách « Vạn-pháp tinh-lý » chắc là một người trong mấy người có ảnh-hưởng sâu-xa nhất về thế-kỷ thứ 18, và có thể liệt-bằng-dẳng với VOLTAIRE, ROUSSEAU, DIDEROT vậy. Cùng với các nhà ấy, ông cũng là thuộc về đội tiên-phong của cuộc Đại-cách-mệnh nước Pháp vậy. Những tay chủ-dộng ở Hội Lập-hiến (*La Constituante*) về đời Cách-mệnh nghiên-cứu và sở-dắc ở các sách về ông nhiều lắm. Ông nhất-thiết phản-đối mọi sự chuyên-chế hết sức tán-dương sự tự-do, tự-do về chính-trị, tự-do về xã-hội, tự-do về tôn-giáo, sánh với VOLTAIRE thời ông có ý ham bình đẳng hơn, sánh với DIDEROT thời ông có độ-lượng khoan-dung hơn, và sánh với ROUSSEAU thời ông chắc không khi nào có những sự mộng-tưởng bằng lòng như trong sách « Xã-trúc » vậy. Trong thế-giới sỗ-dĩ gây ra cái đại-phong-trào cách-mệnh, khiến cho đầu đầu chính-thể quân-chủ chuyên-chế cũng biến-đổi ra quân-chủ lập-hiến, hay ra cộng-hòa đại-nghị, và theo cái chế độ phân quyền, phần nhiều là nhờ ở công ông vậy. Các nhà chính-trị ở nước Pháp về hồi tháng 5 năm 1789, đều thờ ông như bậc thánh-sư, nhưng ba tháng về sau, khi đã bãi được đặc-quyền của qui-tộc, khi đã tuyên-bố bình-đẳng rồi, thời thiên hạ dần dần nhạt cái học-thuyết của ông,

cho là ôn hòa quá, và khuynh hướng theo về chủ-nghĩa ROUSSEAU kịch-liệt hơn. Rồi sau các tay lãnh-tự trong đảng cách-mệnh, cũng xoay ra oùng cách chuyên-chế như các bậc đế-vương, hoặc có dẫn chứng đến sách ông, thời dẫn những câu như thế này : « Tôi xin thú thật rằng cứ nghiệm ra những dân tộc được rất tự-do trên thế-giới tự xưa đến nay lạm-dụng sự tự-do thế nào, thời phải chịu rằng thời-hồ cũng có lúc tạm-thời phải che lấp cái tự-do đi, như đời xưa người ta che các tượng thần vậy. » (*J'avoue que l'usage des peuples les plus libres qui aient jamais été sur la terre me fait croire qu'il y a des cas où il faut mettre pour un moment un voile sur la liberté, comme l'on cachait les statues des dieux.*) Nghĩ cũng lạ thay ! Xét ra thời các gốc tư tưởng của ông là chủ-nghĩa tự-do, nhưng tư-tưởng ông phiền-phức uyên-chuyên, sự quan sát của ông cũng rộng-rãi vô-cùng, nên phải chuyên-chế, phải cách-mệnh, phải nào đọc sách của ông cũng sở-dắc cả, phải nào cũng có thể coi ông làm thầy vậy.

Xét về phương-diện văn-học, sử-học, ảnh-hưởng của MONTESQUIEU cũng chẳng kém gì. Thiên hạ mô-phỏng lối văn ông nhiều lắm, vì nói cho dẫu văn ông cũng không phải tuyệt-bút gì mà không có người bắt chước được. Văn ông không được nhẹ-nhàng, sáng-sủa, gãy-gọn, phân-minh bằng văn VOLTAIRE, lại cũng không có cái hơi mạnh-mẽ cái thú thanh-tạo, cái cảm thâm-trầm như văn BUFFON hay văn ROUSSEAU. Sánh với các nhà đại-tân-văn về thế-kỷ thứ 17, ông cũng chưa bằng. Nói tóm lại thời văn-chương ông chỉ có thể liệt vào bậc ba bậc tư, chứ không đứng được bậc nhất trong văn-học-sử nước Pháp. Cách kết-cấu của ông thường-thườn cũng không được khéo, thứ nhất là phòg diễn không có thứ tự, không được sáng-

suốt. Nhưng ông có con mắt trác-kiến, quan-sát rạch-ròi, luận nghị đích-đáng, phê-phán thâm-trầm, ông thật là một nhà sử-học hay nói cho đúng hơn là một nhà « triết-học về lịch-sử » (*un philosophe de l'histoire*) tuyệt-luân. Phái « lịch-sử triết-học » ở nước Pháp sau này, như bà STAEL, CHATEAUBRIAND, AUGUSTIN THIERRY, GUIZOT, DE TOCQUEVILLE, TAIN, đều suy-tôn ông là tị-tổ vậy. Ông thật là vào hàng những bậc vĩ-nhân thiên-cổ của nước Pháp vậy. Nhà sử-học kiêm triết-học ALBERT SOREL có làm một bộ sách rất hay nghiên-cứu

về lịch-sử học-thuyết của ông, kết-luận một đoạn như sau này, thật là đích-đáng lắm ; nói rằng : « Đương-thời ông đã ảnh-hưởng rất sâu-xa ; hiện-kim ông vẫn còn có thể giáo-huấn cho chúng ta được nhiều nữa. Tên ông có một-thiết quan hệ với nhiều việc cải-cách hay của nước Pháp đã làm nên tự một thế-kỷ nay. Ông là một người tiêu-biểu cho cái tinh-thần cổ-hữu của nước Pháp, có cái tinh-cách khúc-triết, rộng rãi quảng-đại và khôn-ngoaan vậy. »

THƯỢNG-CAI biên dịch

HỘI VẠN - QUỐC

Hàng ngày nghe nói đến Hội Vạn-quốc, tưởng cũng nên biết cách tổ-chức, cách hành-dộng của Hội Vạn-quốc thế nào, cùng những cơ-quan và đoan-thể thuộc về Hội Vạn-quốc là gì.

Hội Vạn-quốc (Tàu dịch là « Liệt-quốc liên-minh hội ») là do hòa-ước Versailles năm 1919 đặt ra. Các nước đồng-minh thắng trận năm ấy, muốn củng-cố sự đắc-thắng của mình và phòng-bị sự chiến-tranh về sau, theo lời bàn của ông cố Giám-quốc Hoa-kỳ WILSON, họp nhau lại làm một hội lớn, gồm dần cả các nước trong thế-giới, để cùng nhau bàn-hạc và giải-quyết các vấn-đề lớn quan-hệ đến sự sinh-hoạt trong quốc-tế. Hội-sở định đặt ở thành Genève (Nhật-ngõa) nước Thụy-sĩ. Trước còn có mấy cường-quốc chiến-thắng chủ trương, sau các nước nhỏ năm châu lục-tục vào hết cả. Hiện nay thời trong liệt-cường duy có ba nước lớn, là Mĩ, Đức và Nga, là chưa có chân Hội Chính Giám-quốc Mĩ WILSON xướng-suất ra Hội Vạn-quốc, mà nước Mĩ lại không vào Hội, điều đó

cũng lạ. Nguyên ông WILSON có nhiệt-thành chủ-trương thật, nhưng sau chính-sách nước Mĩ thay đổi, Nghị-viện không duyệt - y, ông cũng không được tái-cử nữa, nên nước Mĩ vẫn đứng làm khách-quan ở ngoài Hội. Nước Đức thời đã có giấy xin vào Hội, nhưng đến kỳ hội-đồng sau này mới quyết-nghị. N a thời trước sau vẫn phản-đối Hội Vạn-quốc, cho chẳng qua là một cái công-lí lớn của mấy cường-quốc hiệp nhau lại để thi-hành cái đế-quốc chủ-nghĩa, còn các nước nhỏ tham-dự vào là a-dua vô-ích cả, nên nhất-định không chịu vào.

Những nước có chân sáng-lập Hội Vạn-quốc, nghĩa là có duyệt tờ hòa-ước Versailles tự trước ngày mồng 1 tháng 9 năm 1924 (theo thứ-tự A B và biên cả dịch âm chữ Tàu) như sau này:

Belgique (Tì-lợi-thì)

Bolivia (Ba-lợi-phi)

Brazil (Ba-tây)

Anh-đế-quốc :

Royaume-Uni (Anh-quốc bản-bộ)

Australie (Úc-châu)

Canada (Gia-nã đại)
 Inde (Ấn-đô)
 Nouvelle Zélande (Nguru-tây-lan)
 Afrique du Sud (Nam Phi-châu)
 Chine (Chi-na = Trung-quốc)
 Cuba (Củ-ba)
 France (Pháp)
 Grèce (Hi-lạp)
 Guatémala (Qua-dê-mã-lạp)
 Haïti (Hắc-đê)
 Honduras (Nzân-dô-lạp)
 Italie (Ý-đại-lợi)
 Japon (Nhật-bản)
 Libéria (Lai-ti-lợi-á)
 Nicaragua (Ni-qua-lạp-oa)
 Panama (Ba-na-mã)
 Pérou (Bi-lỗ)
 Pologne (Ba-lan)
 Portugal (Bồ-đào-nha)
 Roumanie (Lỗ-mã-ni)
 Royaume des Serbes (Tắc-nhĩ-đuy-á,
 Crotes Slovènes nước Serbie cũ)
 Siam (Xiêm-la)
 Tchécoslovaquie (Triết-khắc)
 Uruguay (Ô-lỗ-khuê)

Những nước xin vào Hội sau khi ký hòa-ước Versailles:

Albanie (Áo-lặc-ba-ni), vào ngày 17 tháng 12 năm 1920.
 Argentine (République) (A-ngân-đê-ná), vào ngày 18 tháng 7 năm 1919.
 Autriche (Áo) 15-12-1920.
 Bulgarie (Bồ-lặc-qua-lợi-á) 16-12-1920.
 Chili (Chi-lợi), 14-11-1919.
 Colombie (Kha-luân-ti-á), 1-2-1920.
 Costa-Rica (Cách-ti-đạt-lợi-qua), 16-12-1920.
 Danemark (Đan-mạch), 8-3-1920.
 Dominicaine (République) (Đa-minh-ni-gia), 29-9-1924.
 Espagne (Tây-ban-nha), 10-1-1920.
 Esthonie (Ai-ti-đô-ni), 22-9-1921.
 Ethiopie (Ai-đê-a-bá), 28-9-1923.
 Finlande (Phân-lan), 16-12-1920.
 Hongrie (Hung-gia-lợi), 18-9-1922.
 Irlande (Ái-nhĩ-lan), 10-9-1923.

Lettonie (Lai-đô-ni-á), 22-9-1921.
 Lithuanie (Li-đô-ni-á), 22-9-1921.
 Luxembourg (Lực-xâm-bảo), 16-12-1920.
 Norvège (Na-uy), 5-3-1920.
 Paraguay (Ba-lạp-khuê), 29-10-1910.
 Pays-Bas (Hòa-lan), 5-3-1920.
 Perse (Ba-tư), 21-11-1919.
 Salvador (Sát-hoa-đô-nhĩ), 10-3-1920.
 Suède (Thụy-điền), 9-3-1920.
 Suisse (Thụy-sĩ), 5-3-1920.
 Venezuela (Phân-ngách-thoát-lạp), 3-3-1920.

Tổng-cộng cả các nước có chân Hội Vạn-quốc ngày nay là năm-mười-lăm nước.

Cơ-quan hành-dộng của Hội Vạn-quốc là Đại-hội-dồng (Assemblée), thường họp mỗi năm một lần vào khoảng tháng chín, và Thường-hội-ng nghị (Conseil), mỗi khi có việc quan-trọng thời họp, lại đặt một Tổng-thư-ký-cục thường-trực (Secrétariat général permanent) để quản-lý việc từ-hậu.

Đại-hội-dồng là họp những đại-biêu của các nước có chân Hội, mỗi nước được cử nhiều nhất là ba đại-biêu, nhưng khi bỏ về mỗi nước chỉ được cử một về nhà thôi. Đại-biêu các nước cũng coi như bác sứ-thần, được đủ các đặc-quyền tư-cách như sứ-thần các nước. Tổng-thư-ký phải giữ việc giấy-má trong khi đại-hội-dồng. Cứ theo chương-trình hội Vạn-quốc thời đại-hội-dồng được quyền bàn-xét hết thảy các việc thuộc về phạm-vi hành-dồng của Hội Vạn-quốc hay là có quan-hệ đến cuộc hòa-hình trong thế-giới.

Đại-hội-dồng năm nào cũng họp về ngày thứ hai đầu tháng chín ở Genève. Hoặc vì cơ-hội đặc-biệt cần phải họp vào lúc khác thời muốn triệu-lập bao giờ cũng được, hoặc ở ngay hội-sở, hoặc ở nơi nào tùy tiện.

Thường-hội-ng nghị thời có mười hội-viên, trong số đó thời bốn nước: Anh, Đế-quốc, Pháp, Ý, Nhật, là chân hội

viên thường-trực (*membre permanents*), còn sáu nước là viên bất-thường do đại-hội-đồng tự-do bầu-cử. Chức-trưởng hội-ng nghị thời do lần lượt các hội-viên theo thứ-tự A B. Chức thư-ký hội-ng nghị tức là tổng-thư-ký Hội.

Mỗi nước có chân Hội Vạn-quốc mà có đại-biểu ở hội-ng nghị thì chỉ được một đại-biểu và khi quyết-nghị việc gì được bỏ một về mà thôi. Nước nào có chân Hội Vạn-quốc mà không có đại-biểu ở hội-ng nghị thời mỗi khi có việc gì quan hệ riêng đến mình được cử một người đại-biểu để cùng với hội-ng nghị xét việc ấy.

Hiện năm 1925 Hội-ng nghị có mười nước như sau này: Pháp, Anh, Ý, Nhật, Tĩ, Ba-tây (*Bresil*), Tây-ban-nha, Thụy-điền, Triết-khắc, Ô-lỗ-khue (*Uruguay*).

Thư-ký-cục là để giúp công việc cho Đại-hội-đồng và Thường hội-ng nghị. Mỗi khi có hội-đồng hội-dự-bị các công việc sẵn, khi hội-đồng xong thời làm tờ biên-bản, hội-đồng quyết-nghị điều gì thời đốc-suất việc thi-hành. Lại làm cái cơ-quan mối giới cho Đại-hội-đồng với Thường-hội-ng nghị cho Hội Vạn-quốc với các nước có chân Hội cùng các nước ở ngoài Hội. Cục trưởng là một chức Chánh-Tổng-thư-ký, lại có một chức Phó-tổng-thư-ký (*secrétaire général adjoint*) và hai chức Tổng-tổng-thư-ký (*Sous - secrétaires généraux*). Chức Chánh-Tổng-Thư-ký là do trong hòa-uớc đã cử sẵn; sau này hễ có khuyết thời do Thường-hội-ng nghị cử mà phải có đa-số Đại-Hội-đồng duyệt-y.

Tổng-thư-ký-cục đặt ở Genève tại ngay hội-sở Hội Vạn-quốc. Những nhà đất thuộc về hội-sở tuy ở nước Thụy-đĩ, nhưng thuộc trị-ngoại-đặc-lệ (*extrritorialisés*).

Tiền-kinh-phí của Hội Vạn-quốc thì do các nước có chân Hội đều phải chịu, chiểu theo một cái suất-số-biểu đã định

ở kỳ đại-hội-đồng năm 1923. Các khoản chi-tiêu chia ra làm 932 phần, thời nước Anh chịu 88 phần, nước Pháp 78 phần, nước Ý 61 phần, nước Nhật 61 phần, nước Tàu 65 phần, Ấn-độ 65 phần, v. v. . .

Tổng-thư-ký-cục, ngoài các chức Chánh-Tổng-thư-ký (người Anh, hiện là Sir JAMES ERIC DRUMMOND), Phó-tổng-thư-ký (người Pháp) và Tổng-Tổng-thư-ký (một người Ý, một người Nhật, lại còn chia ra các sảnh, mỗi sảnh có một sảnh-trưởng: sảnh Chính-trị, sảnh Hành-chính, sảnh Kiềm-tế và Tài-chính, sảnh thông-báo và giao-thiệp với các nhà báo, sảnh Giao-thông và chuyên-vận, sảnh Pháp-luật, sảnh Ủy-nhiệm, sảnh coi các vấn-đề xã-hội, sảnh Vệ-sinh, sảnh Tài-giảm binh-bị).

Hội Vạn-quốc lại đặt ra nhiều hội-đồng nữa để giúp cho Đại-hội-đồng và Thường hội-ng nghị điều-tra nghiên-cứu các việc thuộc về các chuyên-môn, như Hội-đồng - thường-trực để tư-vấn về các việc quân-sự, hội-đồng tài-giảm binh-bị, hội-đồng coi việc ủy-nhiệm cai-trị các xứ, hội-đồng kinh-tế và tài-chính, hội-đồng giao-thông và chuyên-vận, hội-đồng hiệp-tác về đường văn-hóa, hội-đồng trừng-trị những việc buôn bán đàn bà con trẻ, hội-đồng trừng-trị việc buôn thuốc phiện, hội-đồng thường-trực về vệ-sinh.

Một cơ-quan trọng-yếu của Hội Vạn-quốc là tòa « Quốc-tế tài-phán thường-trực-viện » (*Cour Permanente de justice Internationale*) đặt ở Hải-ha (*La Haye*), là kinh-đô nước Hòa-lan. Viện này đặt theo điều thứ 14 chương-trình hội Vạn-quốc, thể-lệ do Đại-hội-đồng hội Vạn-quốc duyệt-y ngày 13 tháng 12 năm 1920 và biên-định trong biên-bản ngày 16 tháng 12 năm 1920.

Cứ chiểu lời trong điều thứ 14 chương-trình hội Vạn-quốc thời Viện Thẩm-phán phải xét-xử cả các việc

phân-tranh có cái tinh-cách thuộc về quốc-tế mà các nước đương-sự đem đến cáo-trình. Lại khi nào Thường-hội-nghị hay là Đại-hội-đồng Hội Van-quốc tư-vấn về một việc phân-tranh gì thì Viện Thăm-phán cũng phải xét mà bày tỏ ý-kiến.

Viện-Thăm-phán mỗi năm họp hội-đồng một kỳ, cứ lệ thì hội-đồng họp ngày 15 tháng 6. Khi nào gặp cơ-hội đặc-biệt, cần phải họp ngay, thời viện-trưởng có thể triệu-tập một kỳ hội-đồng phi-hườn. Viện-Thăm-phán có 11 ông chánh-thẩm và 4 ông bồi-thẩm, do cả Hội-n-hệ và Hội-đồng Van-quốc cử ra. Ba năm một lần Viện-Thăm-phán bầu ông viện-trưởng và phó-viện-trưởng. Hai chức ấy có thể tái-bầu được. Các chức chánh-thẩm thời nhiệm-kỳ là 9 năm, hết hạn cũng có thể tái-bầu được. Viện-Thăm-phán theo lệ thường thời phải có 11 người mới họp được, nhưng mà mỗi năm lại đặt ra một phòng tố-tụng có ba người, và cứ ba năm một lần đặt ra một phòng để điều-giải về việc lao-động và một phòng để điều-giải về việc giao-thông chuyên-vận. Chánh-viện-trưởng và chánh-lục-sự thời thường trực ở ngay viện-sở.

Lại một cơ-quan trọng-yếu của hội-Van-quốc nữa chuyên chủ tổ-chức về các việc lao-động trong quốc-tế. Việc tổ-chức lao-động trong quốc-tế đã định trong phần thứ 13 hòa-trước *Versailles*. Cách tổ-chức ấy thuộc về các khoản đại-khái như sau này: Định thời giờ làm việc, định giờ làm việc mỗi ngày và mỗi tuần lễ định cách tuyển-mộ công-nhân, cách phòng-bị cho thợ những khi không có việc làm, định tiền công thợ thế nào cho đủ sinh-hoạt, cách phòng-bị kẻ lao-động thế nào cho khỏi các tật bệnh chung hay là các tật bệnh riêng về nghề-nghiệp mình cần những tai-nạn bất-kỳ xảy ra trong khi làm việc, cách bệnh vực

cho đàn bà, cho trẻ con còn ấu-trĩ hay mới thành-đồng, cách cấp lương-dưỡng lão và dưỡng bệnh, cách bảo-hộ các quyền-lợi của các thợ-thuyền đi làm ngoại-quốc, tuyên-bố cái chủ-nghĩa công-nhân được tự-do lập các hội-đồng-nghiệp, tổ-chức sự giáo-dục về công-nghệ và về chuyên-môn.

Đoàn-thể quốc-tế lao-lộng chia ra làm ba bộ-phận: 1^o Tổng-hội-nghị những đại-biểu các nước có chân hội Van-quốc; 2^o Hội-đồng-quản-trị « Quốc-tế lao-động sự-vụ-cục »; 3^o Quốc-tế lao-động sự-vụ-cục.

Tổng-hội-nghị những đại-biểu các nước có chân hội Van-quốc, thì mỗi nước có 4 đại-biểu, 2 người thay mặt chính-phủ, 1 người thay mặt các chủ-xưởng và 1 người thay mặt bọn-thợ. Mỗi đại-biểu có thể đem theo hai người chuyên-môn cố-vấn thuộc về các việc phải bàn-xét ở hội-nghị. Cục-trưởng « Quốc-tế lao-động sự-vụ-cục » kiêm chức thư-ký tổng-hội-nghị.

Hội-đồng-quản-trị « Quốc-tế lao-động sự-vụ-cục » định như sau này.

A) Mười hai người đại-biểu của chính-phủ mười hai nước có tham-dự vào cuộc tổ-chức thường-trực về lao-động, là những nước Anh, Pháp, Ý, Nhật, Đức Ti, Tây-ban-nha, Ba-lan, Gia-nã đại, Chi-lợi Phan-lan Ấn-độ,

B) Sáu người đại-biểu của chủ.

C) Sáu người đại-biểu của thợ.

Chánh-hội-đồng-quản-trị hiện nay là người Pháp,

Quốc-tế lao-động-sự-vụ-cục (*Bureau International du Travail*) thời đặt ngay ở hội-sở hội Van-quốc và thuộc về toàn-thể các cơ-quan của hội Van-quốc. Quản-lý sự-vụ là một chức vụ-cục-trưởng hiện nay là ông ALBERT THOMAS người Pháp, thuộc quyền giám-đốc của hội-đồng-quản-trị nói trên kia. Trong cục cũng chia ra làm nhiều sảnh: 1^o Sảnh quản-lý;

2^oSánh hành-chính, gồm coi cả các công việc của các cơ-tào trong cục ; 3^o Sánh xuất-bản phiên-dịch và tàn-trữ thư-tịch ; 4^o Sánh ngoại-giao, lại chia ra các tỉ coi về công việc chung trong hội-nghị, về các điều-uớc hiệp-uớc quốc-tế, các vấn-đề thuộc về luật-pháp ; 5^oSánh điều-tra nghiên cứu, chia ra các tỉ coi về việc thống-kế về cách-thức lao-động, về luật-pháp lao-động, về sự di dân làm ăn các nơi và thợ thuyền không có công việc làm, về nông - n. hiệp, về sự vệ-sinh và sự bảo-an cho các công-nhân trong các công-nghệ ; 6^o Sánh tin tức và giao-thiệp.

Trở lên là nói về các cơ-quan thờ g-trực của hội Vạn-quốc. Ngoại-giá lại còn nhiều các cơ-quan khác làm-thời tùy việc đặt ra. Sau này kể về mấy cái cơ quan quan-trọng nhất.

Nói về các hội-đồng quản-trị các địa hạt. — Trong hòa-uớc có định rằng hội Vạn-quốc được quyền cai trị hay là b o-hộ cho mấy địa-hạt (như hạt sơn Sarre, thành Dantzig) hay là giám-đốc việc điều-tra chúng-dân, ý-kiến ở mấy hạt khác cho biết thuận theo về nước nào (như hạt Slesvig, hạt Haute Silésie, . . .) Hội Vạn-quốc lại được ủy-quyền cho mấy nước chiến-thắng lĩnh lấy các thuộc-địa cũ của các nước chiến-bại để th y Hội cai-trị cho đến ngày những xứ ấy có thể tự trị được như Pháp được ủy-quyền cai-trị đất Syrie của Thổ-nhĩ-kỳ ngày trước, Anh được quyền cai-trị các thuộc-địa Đức ở Phi-châu.

Bấy nhiêu việc quản-lý cai-trị các địa-hạt, hội Vạn-quốc đều có đặt H i-đồng quốc-tế để trông nom cả, nay không thể kể riêng từng Hội-đồng một, phiền phức quá.

Nói về Hội-đồng bồi-thường. — Hòa-uớc Versailles có giao cho một Hội-đồng

để thay vì các chính-phủ Đồng-minh giao thiệp với nước Đức thuộc về các vấn-đề bồi-thường chiến-tranh. Duy có Hội-đồng này mới có tư-cách thương-lương, quyết-dịnh và thông-cáo cho nước Đức biết những khoản bồi-thường tổn-hại về chiến-tranh mà nước ấy phải trả cho các nước Đồng-minh ; Hội-đồng được toàn-quyền nghĩ định thế nào là phải cho hợp lẽ công-bằng, duy phải cho Chính-phủ Đức được tùy-tiếp đến phân-giải và chám-chước trước hội-đồng ; hội-đồng lại định các thời-kỳ và cách-thức cho nước Đức phải trang-trả thế nào cho hết các khoản nợ.

Hội-đồng được quyền kiểm-sát thi hành rất rộng ; lại được tự đặt lấy thủ-tục, không phải bó buộc theo chế-độ pháp-luật nước nào ; quyền quyết-dịnh cũng được tự-do, chỉ lấy lẽ công-bằng làm chuẩn-dịch mà thôi.

Năm nước có đại-biểu-thường-trục ở Hội-đồng là : Mĩ, Pháp, Anh Y, Ti.

Nước Mĩ tuy không có duyệt y hòa-uớc, nhưng cũng để cho đại-biểu được gián-tiếp tham-dự vào công việc bản định của hội-đồng.

Lại ngày mồng 9 tháng 4 năm 1924, hội-đồng có cử một hội các chuyên-giá ủy-viên để điều-tra về việc bồi-thường của Đức, hội ủy-viên này có thảo ra một cái chương-trình thường gọi chương trình Dawes, vì chánh-ủy-viên là tướng Dawes nước Mĩ, chương-trình ấy đã được các nước duyệt-y ở Luân-dôn ngày 30 tháng 8 năm 1924 ; vậy nay mỗi lần hội-đồng bồi-thường phải quyết-nghị một việc gì thuộc về chương-trình ấy thì có cử một người nước Mĩ tham-dự vào hội-đồng.

Chánh-hội-đồng bồi-thường là ông thương-nghị-viên nước Pháp Louis BARTOU.

Nói về hội đồng chiết-cứ hạt sông Rhin. — Trong hòa uớc Versailles có cho

quyền các nước Đồng-minh được đem quân chiếm cứ miền tả-ngạn sông *Rhin* để làm cách đàn-áp cho chính-phủ Đức phải thi-hành đúng các điều-kiện trong hòa-ước. Vậy hòa-ước có đặt ra một hội-đồng để trông coi về việc chiếm-cứ đó. Hội-đồng này có bốn người gọi là cao-đẳng ủy-viên, đại-biêu cho nước Pháp, nước Anh, nước Tỉ và nước Mĩ, Hội-sở ở *Coblence* trong hạt sông *Khin*.

Ngoài các cơ-quan hội-nghị đã kể trên đó, ở các nước còn vô-số những cơ-quan khác nữa theo về cái chủ-nghĩa quốc-tế hợp-tác và chuyên về đủ các môn thương-nghiệp, nông-nghiệp, công-nghệ, chính-trị, pháp-luật, giao-thông, vệ-sinh, cứu-tế, và các khoa-học thuần-túy cùng ứng-dụng : thiên-văn, địa-chất, lý-hóa-học, vân-vân. Các cơ-quan có tính-cách quốc-tế như thế, theo điều thứ 24 chương-trình Hội Vạn-quốc đều là thuộc quyền Hội Vạn-quốc cả. Những cơ-quan nào đã đặt ra từ trước khi có Hội Vạn-quốc, thì nay sáp-nhập vào Hội Vạn-quốc ; những cơ-quan nào đặt ra sau khi có Hội Vạn-quốc thì tất phải có Hội Vạn-quốc chủ-trương. Các cơ-quan ấy nhiều lắm và phiền-phức lắm, không thể kể ra đây được.

..

Ấy cách tổ-chức và hành-dộng của Hội Vạn-quốc như thế. Nay dư-luân trong các nước đối với Hội Vạn-quốc thế nào ? Có hai phái : một phái hoài-nghĩ và một phái tán-thành. Phái hoài-nghĩ thì cho là Hội Vạn-quốc là một chuyện hảo-huyền, chẳng thành hiệu-quả gì. Phái tán-thành thì cho là cái tôn-chỉ Hội Vạn-quốc là hay, ngày nay mới thành-lập ra chắc chưa có thể-lực gì, nhưng sau này sẽ có ngày trở nên một cái cơ-quan tất-yếu cho sự sinh-hoạt trong quốc-tế.

Có một nhà làm báo, ông HENRY RUFFIN có làm một quyển sách điều-tra về Hội Vạn-quốc, đề là « Ông có tin Hội Vạn-quốc không ? » (*Croyez-vous à la Société des Nations ?*). Trong sách ấy tác-giả có hỏi ý-kiến của nhiều nhà chính-trị, văn-học, triết-học. v. v.. Sau đây xin trích-dịch hai đoạn thuộc về ý-kiến của một ông văn-sĩ và một ông nghị-viên, tiêu-biêu cho hai phái hoài-nghĩ và tán-thành.

Văn-sĩ là ông G. DE LA FOUCHARDIÈRE là một tay hoạt-ké có tiếng. Tác-giả hỏi ông có tin Hội Vạn-quốc không ? ông trả lời rằng : « Tôi không tin Hội Vạn-quốc. Cái tôn-chỉ Hội Vạn-quốc là một cái tôn-chỉ thượng-dãng hoạt-ké (*conception d'ironie supérieure*).

« Bọn kẻ cướp thường lập thành đảng họp nhau ở những nơi đầu đường xó chợ để mà cướp bóc khách bộ-hành ; cõ kim các nước cũng vậy, thường họp nhau thành bè thành đảng đứng ở các đầu đường thế-giới để bóc lột các dân-tộc kém mình. Thế gọi là hội Đồng-minh, thế gọi là hội Liên-hiệp, lấy khí-giới bắt người ta theo công-lý của mình, mà công-lý thường là lẫn với võ-lực với kim-tiền.

« Nước cũng như người, thường là hay kiêu-căng hống-hách, gây oán gây thù ; họp nhiều nước lại với nhau là họp cái lòng dục-vọng của bấy nhiêu nước lại, tất mỗi nước phải được thỏa cái bụng dục danh-lợi của mình mới nghe, nghĩa là kết-quả tất đến chỗ này thì cửa khải-hoàn, đài kỷ-niệm, chỗ kia thì bãi chiến-trường mồ con mả lớn ngồn-ngang, lũ phế-binh tay gãy chân què khốn-nạn.

« Phải, tôi vẫn biết rằng Hội Vạn-quốc là một cái vô-danh công-ti đặt ra không phải là để kiếm lợi về việc chiến-tranh xâm-lược, nhưng cốt là để bảo-thủ cho sự hòa-bình thế-giới ; cái mục-

dịch ấy tựa-hồ như trái ngược, nhưng cũng không lấy gì làm lạ.

« Tôi thường trông thấy bọn quân-sĩ nhiều khi vào hàng cà-phê, để gươm để súng ở nhà ngoài, rồi vào trong xum nhau lại đánh bài, cả buổi không thấy to tiếng bao giờ. Ấy Hội Vạn-quốc cũng thế: Liệt-cường tạm để khí-giới một chỗ, rồi vào ngồi nói chuyện suông với nhau, nhưng đến lúc phải đánh nhau thì cũng đánh nhau thực-lực, chứ chẳng phải không.. »

Ông nghị-viên là FRANÇOIS PONCET, nghị-viên Paris ở Hạ-nghị-viện nước Pháp. Ông này thì tin ở Hội Vạn-quốc, sẵn lòng tán-thành cho Hội Vạn-quốc. Ông nói:

« Nếu Hội Vạn-quốc nay tan mất đi, thì nhân-loại sẽ thiệt mất một cái lý-tưởng lớn, một sự hi-vọng cao.

« Chúng ta dù tin hay dù không tin ở tương-lai Hội Vạn-quốc, phàm ai có bụng về thế-đạo nhân-tâm cũng có cái nghĩa-vụ phải làm ra như mình tin thật, và phải gia-công giúp-đáp cho hội nay mới thành-lập có thể mỗi ngày một phát-đạt thêm lên.

« Sự thực ngày mai nhiều khi chính là cái mộng-tưởng hôm qua.

« Và lại không nên quên rằng Hội Vạn-quốc là một bộ-phận cốt-yếu trong hòa-ước Versailles. Có người tưởng rằng nếu đem bỏ cái chương-trình Hội Vạn-quốc đi thì cũng không phạm gì đến hòa-ước. Theo ý tôi, ai tưởng thế là tưởng lầm. Chương-trình Hội Vạn-quốc là một cái cơ-sở của hòa-ước. Nếu bỏ đi thì tất chuyển-động đến cả hòa-ước. Cứ như ý tôi thì muốn giữ cho Âu-châu được hòa-bình, chỉ có một cách thành-thực mà thi-hành cho đúng hòa-ước Versailles là hơn cả, như vậy thì tất cũng phải thành-thực tán-trợ cho Hội Vạn-quốc. Cái chính-sách muốn tuân theo hòa-ước Versailles mà lại muốn ngăn-trở cho hội

Vạn-quốc không thành được, là một cái chính-sách mơ-hồ đại-dột. Và lại nếu tự mình thay đổi một bộ-phận trong hòa-ước, thì mình cấm người ta thay đổi các bộ-phận khác làm sao được? Mỗi bên tùy ý thay đổi thì hòa-ước còn có giá-trị gì?

« Tôi nói thế không phải là nói rằng số nhiều người Pháp hồi đầu đối với Hội Vạn-quốc có ý lãnh-dạ là tuyệt-nhiên không có lẽ phải đâu. Hội Vạn-quốc không có nước Mĩ, không có nước Đức, không có nước Nga, mà nước Anh cũng thuộc-địa tự-trị của Anh lại chiếm một địa-vị to, thì thiên-hạ ngờ rằng có lẽ hội này không phải là một cái cơ-quan để bảo-thủ cho cuộc hòa-bình Âu-châu mà lại thành ra một cái cơ-quan để cho nước Anh lợi-dụng mà đạt cái mục-dịch quyền-lợi riêng của mình, ngờ thế cũng không phải là không có lẽ. Và lại hồi ấy đã có người ở mấy nước hô-hào để đòi hội Vạn-quốc cải-chính lại hòa-ước Versailles. Như thế thời cái lòng ngờ vực của người Pháp cũng là phải lắm.

« Nhưng mà nghiệm ra công việc mấy năm sau đây thì cũng đủ phá được lòng ngờ ấy.

« Xem như hội Vạn-quốc xử việc Haute-Silésie thì biết xử cũng công-bằng lắm; lại xem cái thái-độ nước Anh thì biết rằng nước ấy cũng có lòng thành-thực, dù khi hội Vạn-quốc xử việc gì trái với quyền-lợi mình cũng sẵn lòng tuân-phục.

« Tự dấy đến nay những người chủ-trương hội Vạn-quốc trước sau vẫn giữ một cái thái-độ rất chánh-đáng. Bao giờ cũng giữ cho hội Vạn-quốc không sai-lạc mất cái nhiệm-vụ chân-chính đi. Hoặc có kẻ xui khôn xui dại, cũng nhất-thiết biết khước đi hết, lại biết khéo giao-thiệp, khéo nhẫn-nhục cho không nước nào phải mất lòng, khiến cho cái hội Vạn-quốc chỉ thế này mà đứng

vững được ở giữa một thế-giới như thần-kinh đương rung-dộng vậy.

« Ngày nay thì hội Van-quốc chắc là sống được rồi, nhưng sự to sự lúc mới đầu quả là không có gì cả. Thế cũng đã là một cái kết-quả to lắm rồi. Phạm người có bụng thành-thực cũng phải nên thừa-nhận như thế, và nên biết công cho Hội mấy năm nay làm cũng đã được nhiều việc có ích, như việc cai-trị hạt sông Sarre, việc chấn-chỉnh tài-chính cho nước Áo, các việc hội-ngị kinh-tế, tài-chính, thương-chính, v.v.. Nếu Hội Van-quốc cứ theo đuổi một đường như thế, giữ được cái bản chân của mình, hiểu biết được cái tình-thế trong thiên-hạ, cái hoàn-cảnh ở quanh mình, lại biết nhân sự kinh-lịch bấy lâu mà dần dần sửa đổi phương-pháp cho thích-hợp, củng-cố thế-lực cho vững-vàng, thì có thể mong rằng có ngày sẽ đạt được cái hi-vọng của kẻ sáng-lập, nghĩa là sẽ thành nơi trung-tâm-diểm cho cuộc hòa-bình trong thế-giới vậy.

« Về phần nước Pháp cũng không nên chệnh-mãng đối với Hội Van-quốc. Lại phải nên hết sức giúp cho Hội Van-quốc được sống lâu, được mạnh khỏe. Làm thế, nước Pháp không có thiệt, mà lại có lợi nhiều. Nếu thiên-hạ có thể đỡ cho nước Pháp cái trách-nhiệm là làm cho Hội Van-quốc hư hỏng thì thật là một cái tai-hại cho nước Pháp.

« Một phần cốt-yếu trong chính-trị ngày nay, thuộc về nội-chính, cũng như thuộc về ngoại-giao, là cái *du-luận*.

« Một chính-phủ muốn cho lâu bền được thì phải có *du-luận* về với mình mới được. Nay ngày nay đã có một cái *du-luận* quốc-tế rồi, đã có một cái *du-luận* thế-giới rồi. Đó là một cái hiện-tượng tuy không phải mới tác-thành ra tự khi chiến-tranh, nhưng tự khi chiến-tranh đến giờ mới thật là phát-biểu ra rõ-rệt. Cái hiện-

tượng ấy ta không thể không thừa-nận được, thù rằng khéo chằm-chước còn hơn. Cách chinh-trị khéo, cách ngoại-giao khéo ngày nay, là biết xoay *du-luận* thế-giới về với mình.

« Cái *du-luận* thế-giới ấy thường nhóm lên ở Genève, ở Hội Van-quốc vậy. Đầu không phải nhóm lên ở đây, cũng là lộ ra ở đây, khiến cho có thể nghiệm mà biết được. Muốn ảnh-hưởng đến *du-luận* đó thì phải ở Genève. Vậy nước Pháp phải có đại-biểu ở Hội Van-quốc, mà đại-biểu phải là những tay thượng-hạng lọc-lỏi, phải biết tình-thế nước nhà, biết tình-thế nước người, biết ngữ-ngôn phong-tục của người ta, có thể thay nước mình tuyên-bố những lời dich-dáng, có ảnh-hưởng sâu-xa; lại phải có đủ phương-tiện để hành-dộng cho to-tát và đắc-lực. Hiện các đại-biểu của Chính-phủ Pháp phải ra Hội Van-quốc kể cũng là những tay xứng-dáng cả. . .

« Trong các cơ-quan của Hội Van-quốc, có một điều tôi đã từng bài-bác, là sở « Quốc-tế-lao-dộng-sự-vụ-cục ». Cứ xét những lời tôi vừa nói rồi thì cũng hiểu cái ý tôi bài-bác là thế nào. Thiên thứ 13 trong Hòa-ước định lập một cái cơ-quan quốc-tế thường-trực để tổ-chức việc lao-dộng trong thế-giới, có một đoạn khai-mào, tôi cho là lời lẽ không được chánh-đáng. Cứ như lời khai-mào đó thì ra cách làm ăn lao-dộng trong xã-hội ngày nay là bất-thiết bất-công-bằng, nhất-thiết đáng phá-hoại cả, và đảng lao-dộng thật là công-nhiên bị các giai-cấp khác lợi-dụng và áp-chế vậy. Như thế thì có khác nào như tưởng-lệ khuyến-khích cho những kẻ đương muốn chủ-trương phá-hoại hay không?

« Song chắc cái bản-tâm của các nhà biên-tập hòa-ước không phải như thế. Theo ý các nhà ấy thì Hội Van-quốc là cái cơ-quan để chủ-sự hòa-bình về

chính-trị, mà Lao-động-cục là cái cơ-quan để chủ sự hòa-bình về xã-hội. Nhưng cái tinh-thế chính-trị trong thiên-hạ sau cuộc chiến-tranh phiền-phức khó-khăn, khiến cho Hội Vạn-quốc hành-động rất nghiêu-khê, phải hết sức nhường-nhịn, hết sức cẩn-thận mới được việc ; cái tinh-thế kinh-tế trong thiên-hạ cũng thế, khiến cho sự hành-động của Lao-động-cục cũng có nỗi khó-khăn và cũng cần phải cẩn-thận như thế.

« Nếu Hội Vạn-quốc cứ theo lời từ-văn trong chương-trình, không biết quyền-nghi ứng-biến, lại muốn lập thành như một « siêu-chính-phủ » (*super-gouvernement*), cao hơn cả các chính-phủ quốc-gia để tự-quyền can-thiệp vào việc riêng của các nước, việc phân-tranh gì trong các nước cũng đòi ra mà xử-xét, và quyền xử-xét lại muốn cho được tuyệt-đối, vì ngay từ đầu mà làm cách như thế thời phỏng có được còn đến ngày nay hay không ?

« Cuộc tổ-chức cho việc quốc-tế lao-động chắc cũng cùng một tinh-thế như thế.

« Muốn cho làm trọn nhiệm-vụ và tỏ ra là có ích, thời tất phải hành-động, đã cố-nhiên rồi. Nhưng phải tìm nơi trường-sở thích-dáng mà hành-động, khởi-xướng việc gì phải cân nhắc cho kỹ, những sự hoai-bảo viễn-vọng phải biết cố ý hạn-chế lại, và thứ nhất là đừng để cho gây ra những sự giai-cấp

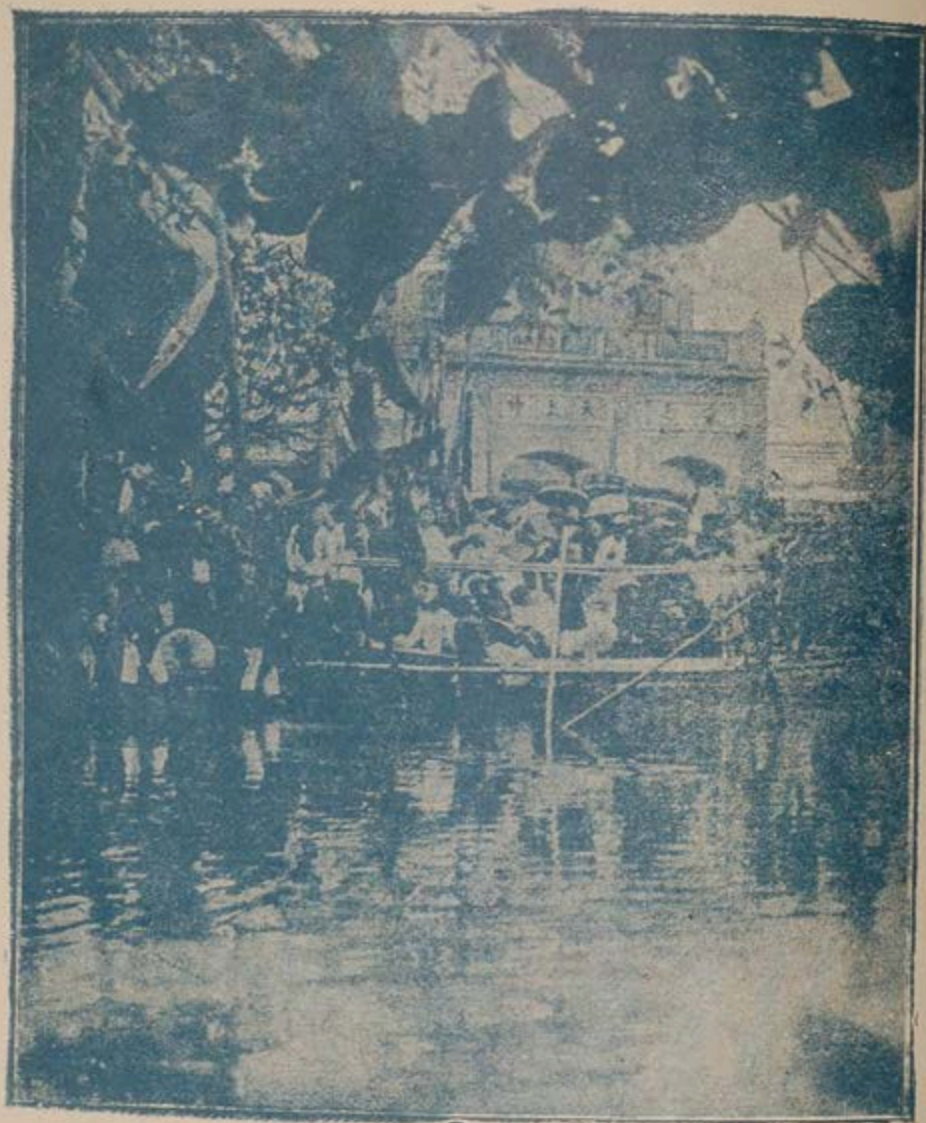
chiến-tranh là những sự mà cái chức-vụ của Lao-động-cục lại chính là phải ngăn-ngừa cho được.

« Xét ra có lắm lúc Lao-động-cục tựa như con ngựa con trâu, háng-hái muốn dăng cả cương mà chạy lên cho mau vậy. Khi ấy tôi có bài-bác là chủ-ý nhắc lại cho biết mà đừng vội-vàng như thế, kéo nguy-hiềm đến nơi. Không phải là tôi có phản-đối gì cái chủ-nghĩa của Lao-động-cục hay là những nhà chủ-trương trong Lao-động-cục đâu. Tôi chỉ muốn nhắc cho ai nấy nhớ câu cổ-ngữ rằng : muốn đi được lâu, thời phải đi từ từ. Hội Vạn-quốc cũng vì biết theo câu cổ-ngữ đó cho nên đã được vô-sự. Lao-động-cục là một bộ-phần trong Hội Vạn-quốc, cũng nên theo như thế; sẽ thấy có điều hay.

« Những kẻ làm hại Hội Vạn-quốc không phải ai đâu, chính là những kẻ nhiệt-thành quá-dáng, nóng-nảy vội-vàng, muốn coi Hội Vạn-quốc như một nền tôn-giáo hay là dùng hội Vạn-quốc làm một cái lợi-khi riêng cho một phe một đảng chính-trị nào. Thiết-tưởng Hội Vạn-quốc không nên coi làm kỷ-vật của một đảng một phái nào. Hội Vạn-quốc phải cần có người tán-thành, nhưng tán-thành một cách ôn-hòa, ý-thức, lại làm-thời có thể cảnh-cáo cho biết sự-thực dễ khỏi đi sai đường vậy. »

HỒNG-NHÂN biên-dịch





Hội Đền Giảng

Kinh ảnh T. C. Khuyển.

TRÍCH-DỊCH CÁC SÁCH CỦA ROUSSEAU (LƯU-THOÀ) (1)

I V

VI. — Bộ « Xã-ước »

Ông ROUSSEAU có sắp định soạn một bộ sách lớn bàn về các chế-độ chính-trị, nhưng làm không xong, bộ « Xã-ước » (Contrat social) này chỉ là một phần trong sách đó. Bộ « Xã-ước » là tiếp tục cho bài « Luận-vấn về lẽ bất-bình-dẳng », nghiên-cứu xem cái nguyên-lý lúc khởi-lập ra các xã-hội thế nào. Theo cái lý-tưởng của ROUSSEAU thời xã-hội là một hội người ta kết-hợp lại như có một cái giao-kèo khế-ước lẫn với nhau, mỗi người được mọi người giữ-gìn bênh-vực cho sinh-mệnh tài-sản của mình, mà tự mình cũng phải giúp giữ-gìn bênh-vực cho sinh-mệnh tài-sản của mọi người, nhưng ai nấy đều vẫn giữ được cái quyền tự-do cổ-hữu của mình có hiệp-lực mà không mất được tự-do. Sách « Xã-ước » (có khi dịch là « Dân-ước », có bốn thiên : thiên thứ nhất bàn về sự thành-lập xã-hội và về xã-ước ; thiên thứ nhì bàn về quyền chủ-tể và các quyền-lợi ; thiên thứ ba bàn về chính-thể ; thiên thứ tư bàn về chế-độ xã-hội, về quyền tư-pháp, về phép bầu cử. Chủ-nghĩa trong sách là chủ-nghĩa dân-chủ, nhưng cũng phải có cách hạn-chế ít nhiều. Chính-sách « Xã-ước » này là gây ra cái tư-trào cách-mệnh và làm thầy cho những nhân-vật đời Đại-Cách-mệnh nước Pháp, bởi thế nên ảnh-hưởng đối với người đương thời và đối với sự cải-cách chính-trị trong thiên hạ rất sâu-xa vậy. — Sau đây trích-dịch sáu đoạn trong sách « Xã-ước ».

1. — Nói về Tự-do

Người ta bẩm-sinh tự-do, mà đâu đâu cũng phải gông-cùm. Kể họ tưởng làm thầy người, thực ra lại nô-lệ hơn người. Làm thế nào mà thay-đổi được như thế ? Điều đó thì tôi không biết. Sự thay-đổi đó, bởi đâu mà làm cho thành chánh-dáng, thời câu hỏi này tôi tưởng có thể giải-quyết được.

Nếu chỉ xét một cái võ-lực và hiệu-quả của võ lực, thời tôi dám nói rằng : một dân-tộc bị bách-phải phục-tòng mà phục-tòng, thế là phải ; có sức chống được cường-quyền mà tức-khắc chống cho thoát được, thế lại còn hơn ; vì rằng người ta đã lấy cường-quyền mà đoạt mất tự-do của mình, mình cũng lại lấy cường-quyền mà thu-phục lại, thế thời mình lấy lại là phải, hay là người ta cướp mất của mình là người ta không phải. Nhưng cái chế-độ xã-hội là một điều công-lý tuyệt-luân, làm nền làm gốc cho cả các công-lý khác. Tuy-nhiên công-lý ấy không phải tự thiên-nhiên mà lại ; công-lý ấy do sự ước-định mà thành. Nay phải xét xem sự ước-định ấy thế nào. . . .

2. — Nói về CƯỜNG-QUYỀN

Kể mạnh nếu không biến cái sức mạnh của mình thành quyền-lợi và sự phục-tòng của người thành nghĩa-vụ, không bao giờ đủ mạnh mà được làm thầy mãi. Bởi thế mới thành ra hai chữ cường-quyền, cứ biểu-diện thời dường như một câu nói hoạt-kê, cứ

(1) Xem N. P. số 104, 105, 106.

lý - diện thời thực là một cái lẽ chính-dáng. Nhưng có ai cất nghĩa được cho ta hiểu lẽ ấy là thế nào không? Sức mạnh là một cái mạnh về vật-chất; tôi không hiểu nó kết-quả thế nào mà lại thành ra có đạo-lý ở trong đó được. Đối với sức mạnh phải chịu, là một sự bách phải thế, không phải tự ý thế; cho quá đi nữa là một sự cần-thận nên thế. Nay lại cho là một cái nghĩa-vụ, là nghĩa thế nào?

Nay hãy cứ giả-thiết rằng cái quyền-lợi hão-huyền ấy có thật. Tôi bảo rằng thế chỉ thành ra rối bét, không có nghĩa-lý gì; vì rằng sức mạnh đã làm ra quyền-lợi, thời cái nguyên-nhân thay đổi, cái kết-quả tất cũng thay đổi: sức mạnh sau đoạt được sức mạnh trước, thời cũng kể được quyền-lợi trước. Hễ không phục-tòng mà không hại gì thời không phục-tòng là chánh-dáng; kẻ mạnh hơn bao giờ cũng có lẽ phải, thời chỉ phải làm thế nào cho mình được mạnh hơn mà thôi. Nay một cái quyền-lợi mà hễ không có sức mạnh thời tiêu mất, là cái quyền-lợi gì? Vì sức mạnh mà phải phục-tòng thời không cần phải phục-tòng vì nghĩa-vụ; đã không bách phải phục-tòng thời cũng không buộc phải phục-tòng nữa. Xem như thế thời chữ *quyền* thêm vào chữ *mạnh* cũng không hơn được tí gì; chữ *quyền* đây không có nghĩa lý gì cả.

Bảo rằng phải nên phục-tòng sức mạnh. Nếu bảo thế nghĩa là đối với sức mạnh phải nên chịu, thời bảo thế là hay, nhưng bảo thế cũng thừa; tôi chắc rằng không ai dám làm trái thế bao giờ. Nói rằng phạm sức mạnh là tự trời cả, tôi cũng biết thế; nhưng phạm tật bệnh cũng tự trời hết; nói thế có phải là cấm người ta ốm không được mời thầy thuốc không? Vì có thằng ăn cướp nó rình được tôi ở xóm rừng: không những tôi bị bách vì sức mạnh phải đem túi tiền của tôi cho nó;

nhưng nếu tôi có cách giữ được túi tiền khỏi mất, thì tôi có cái nghĩa-vụ gì buộc phải cho nó không? vì rằng khẩu súng lúc nó cầm trong tay cũng là một cái sức mạnh đấy chứ.

Vậy thì ta phải chịu rằng sức mạnh không làm ra quyền-lợi, và người ta chỉ có cái nghĩa buộc phải phục-tòng chánh-dáng mà thôi. Như thế thì câu hỏi đầu-tiên của tôi vẫn hầy còn...

Nói rằng một người không-dùng mà hi-sinh mình đi, là nói một điều tuyệt-vô nghĩa lý, một điều vô-khả tư-nghị; làm như thế là trái lẽ mà là hão-huyền, chỉ vì người làm thế là người không có lý-tính. Nay đối với cả một dân mà cũng nói thế, là cho dân ấy là một dân điên-dồ: sự điên-dồ không làm thành quyền-lợi.

Cho dầu mỗi người ta có thể tự-do phóng-khí mình đi được, cũng không thể phóng-khí được con cái mình: Chúng nó đẻ ra là làm người mà làm người tự-do; cái tự-do là của nó, ngoài nó không ai có quyền xử-dụng được cái tự-do ấy. Trước khi nó đến tuổi khôn lớn, người cha có thể thay vì nó đặt cách phòng-bị bảo-tồn cho nó được yên-lành sung-sướng; nhưng không có quyền đem cho bán, đem bán đứt nó đi được: vì cho hay bán như thế là trái với lẽ thiên nhiên và vượt hẳn quyền làm cha vậy. Vậy thì một chính-phủ là không có quyền, mà muốn cho được chánh-dáng, thời đến mỗi đời thay đổi, dân phải có quyền muốn thừa-nhận hay muốn bãi bỏ đi cũng được; nhưng thế thì chính-phủ ấy không phải là không có quyền nữa rồi.

Phóng-khí cái tự-do của mình, là phóng-khí cái tư-cách làm người, phóng khí quyền lợi của nhân loại, phóng-khí cả nghĩa-vụ của mình nữa. Người nào đã chịu bỏ hết thảy như thế thì còn gì mà đền-bồi cho được. Một sự phóng-khí như thế là trái với cái bản-

lành của người ta, và người ta phạm ý-
nguyện đã không có tự-do thì hành-vi
cũng không có đạo-lý gì nữa. Và lại đặt
ra một bên thì cái chủ-quyền tuyệt-đối,
một bên thì sự phục-tòng vô-hạn, thế
là đặt ra một cái ước-hảo-huyền và trái
ngược. Đối với một người mình đã có
quyền tuyệt-đối, thời tất mình không
phải bó-buộc gì với người ta nữa, có
phải thế không? Đã thế thì chỉ vì một lẽ
giao - kéo mà không có tương - đối,
không có đáp-đổi lẫn nhau, giao-kéo ấy
có phải là không có giá-trị nữa không?
vì rằng kẻ nô-lệ của tôi thì nó đối với
tôi còn có quyền-lợi gì, cái gì của nó là
của tôi, quyền-lợi nó là quyền-lợi tôi,
quyền-lợi tôi lại đem đổi lại với tôi thì
thật là vô-lý quá.

30. — Nói về xã-ước

Nay tôi giả-thiết người ta ở trong
tình-trạng thiên-nhiên đã đến lúc những
trở-lực hại cho sự sinh-tồn của mình
mạnh hơn cái sức đề-kháng của mỗi
người có thể đối-phó mà sống được. Bấy
giờ thì cái tình-trạng cơ-sơ ấy không thể
giữ được nữa; nếu loài người không
đổi cách ăn-ở di thì loài người sẽ tiêu-
diệt mất. Nay người ta không có thể
sinh thêm ra sức mạnh được, chỉ có
thể tập-hợp và dốc-suốt những cái sức
mạnh hiện có mà thôi; vậy thì muốn
sinh - tồn được chỉ có một cách là
dem kết-tập các sức mạnh của mình
lại làm thành một cái khối đủ mạnh để
chống-lại với cái trở-lực kia, khiến cho
các sức mạnh ấy chuyên-chủ về một
đường và hành-động cho ứng-hợp nhau.

Cái khối sức mạnh đó tất phải hiệp-
lực nhiều người thời mới thành được:
Nhưng mà sức mạnh và tự-do của mỗi
người lại là cái khi-giới để cho người
giữ thân mình trước nhất, thì làm thế
nào cho đem góp vào của chung mà
không hại đến mình, không thiệt đến
cái công bảo-tồn chằm-chút cho mình?
Sự khó khăn đó xét về cái đề-mục tôi

bàn đây, có thể diễn ra một câu như
sau này:

« Tim lấy một cái hình-thể hợp-quần
thể nào cho có thể dùng cả cái sức
mạnh chung mà phòng-bị bảo-hộ cho
sinh-mệnh tài-sản của mỗi người có
phần vào đó, mà lại khiến cho mỗi
người vẫn hiệp-lực với mọi người mà
vẫn tự-chủ được riêng mình, vẫn tự-
do được như trước »

Đó là cái vấn-đề cốt-yếu, ta dùng cái
thuyết xã-ước để giải-quyết vậy.

Các điều-kiện trong cái ước đó là
rất hợp với lẽ đương-nhiên, khiến cho
thay đổi đi một tí cũng đủ làm cho
hư-không vô-hiệu; thành ra tuy những
điều ấy không có công-nhiên tuyên-bố
bao giờ, mà ai ai cũng âm-nhiên thừa-
nhận hết cả, bao giờ cũng như bao giờ
vậy; mãi cho đến bao giờ cái ước đã bị
phá, mỗi người lại phục lại các quyền-
lợi lúc đầu của mình, trước kia phải bỏ
cái tự-do thiên-nhiên để lấy cái tự-do
ước-định, bấy giờ cái tự-do ước-định
mất rồi thì lại phục lại cái tự-do thiên-
nhiên vậy.

Các điều-kiện ấy xét cho kỹ ra rút
lại chỉ có một điều, là mỗi người với
hợp-quần phải nhượng hết cả quyền-
lợi của mình cho đoàn-thể: vì rằng một
là mỗi người đều hi-sinh hết-thảy, thì
ai ai cũng bình-dẳng như ai; hai là ai
ai cũng bình-dẳng như ai, thì không ai
muốn xâm-phạm kẻ khác.

Vả lại, quyền - lợi đã hoàn-toàn
nhường hết thì sự hòa-hợp cũng phải
rất mực hoàn-toàn, và người trong hội
không ai còn phải yên-cầu gì nữa: Vì
nếu người tư-nhân còn có quyền-lợi
gì mà trên mọi người không có người
nào cao hơn cả để đứng mà tài-phán,
mà phán-xử kẻ nọ kẻ kia với công-
chúng, thì mỗi người dường như tự-làm
tài-phán cho mình, tất chẳng bao lâu
muốn tài-phán đến cả kẻ khác; như thế
thì cái tình-trạng thiên-nhiên không thể

bỏ được, và sự hợp-quần tất thành ra một sự áp-ức hay là một sự hãm-huyền.

Sau nữa mỗi người đã hi-sinh cho tất cả mọi người thì là không phải hi-sinh cho riêng ai sốt cả; mà trong hội đã không người nào là mình không nhường quyền cho họ mà họ không nhường quyền cho mình, thì mình mất đi bao nhiêu là mình được lại bấy nhiêu, mà lại được thêm cái sức mạnh để bảo-thủ lấy cái sở-hữu của mình.

Vậy thời nếu cứ xét cái xã-ước thuần-túy thời thấy tóm lại một câu như sau này: mỗi người đem bản-thân và hết cả sức mạnh của mình góp vào của chung để phục-tòng một cái ý-nguyện chung; còn mọi người thì đều đón mỗi người vào trong đoàn-thể như một cái phần-tử liền với cả toàn-thể vậy.

Bấy giờ thời sự hợp-đồng đó, thay vào cái cá-tính của mỗi người, gây thành một cái đoàn-thể tinh-thần, trong hội có bao nhiêu đầu người là có bấy nhiêu hội-viên; đoàn-thể ấy cũng nhân đó mà được nhất-tri, được có một cái « nhân-cách » chung, được có sinh-hoạt, có ý-nguyện. Cái nhân-cách chung đó là bởi hợp cả các nhân-cách riêng mà thành ra, xưa gọi là « chợ » (*cité*), nay gọi là « nước » (*République*) hay là đoàn-thể chính-trị (*corps politique*) khi thuộc về thụ-động thì người trong nước gọi là « quốc-gia » (*Etat*), khi thuộc về chủ-động thì gọi là « chủ-tể » (*souverain*); khi đối với các nước khác thì xưng là « liệt-cường » (*puissance*). Người trong hội đối lẫn với nhau thì gọi chung là « dân » (*peuple*), tham-dự vào chủ-quyền trong nước thì gọi là « công-dân » (*citoyen*) mà phục-tòng pháp-luật của nhà nước thì gọi là « thần-dân » (*sujet*). Nhưng bấy nhiêu danh-từ thường lẫn lộn với nhau và dùng tiếng nọ thay tiếng kia; duy khi nào dùng cho đúng thì cũng phải biết phân-biệt vậy.

4. — Nói về QUYỀN CHỦ-TỂ

Kết-quả quan-trọng đệ-nhất của các lẽ đã giải trên kia là duy có cái ý-nguyện chung mới có thể chi-phối được các sức mạnh trong quốc-gia cho hợp với cái mục-dịch lập-quốc, là chủ sự ích-lợi chung; vì rằng xã-hội sở dĩ cần phải lập ra là bởi các lợi riêng mâu-thuẫn với nhau, thì các lợi riêng ấy phải điều-hòa nhau, xã-hội mới thành ra được. Cái dây liên-lạc của xã-hội là cái phần công-cộng trong các mối lợi khác nhau đó; nếu không có một chỗ nào cho các mối lợi ấy điều-hòa cho được, thì chẳng có xã-hội nào thành lập được. Nay cai-trị trong xã-hội là chi căn-cứ ở một cái mối lợi công-cộng đó.

Vậy thì tôi nói rằng quyền chủ-tể chỉ là quyền thi-hành cái ý-nguyện chung, không bao giờ có thể nhường bỏ đi được, và kẻ cầm chủ-quyền tức là cả đoàn-thể, tức là thay mặt cho cả đoàn-thể, thời chỉ có mình đại-biểu được cho mình mà thôi; quyền-vị mới có thể truyền-thụ cho nhau được, chứ ý-nguyện không thể truyền-thụ được.

Vì rằng tuy cũng có khi cái ý-nguyện riêng hoặc có chỗ thích-hợp với ý-nguyện chung, nhưng mà sự thích-hợp ấy không thể thường và không thể bền được, cái ý-nguyện riêng bao giờ cũng muốn sai-biệt, mà cái ý-nguyện chung bao giờ cũng muốn bình-đẳng. Và cho dầu có thể thích-hợp được lâu nữa, cũng không thể lấy cái gì làm bằng-cứ được; thích-hợp như thế là ngẫu-nhiên mà được, không phải dụng thuật mà được. Quyền chủ-tể có thể nói rằng: ý-nguyện ta hiện nay giống như ý-nguyện người này hay người này; nhưng không có thể nói rằng: ý-nguyện người ấy ngày mai thế nào, ý-nguyện ta cũng vẫn thế, vì rằng cái ý-nguyện mà lại tự bỏ bước mình về sau như thế thì vô-lý quá, và không có cái ý-nguyện nào có quyền được nguyện sự gì trái với sự ích-lợi

của kẻ tự nguyện vậy. Vậy thời nếu dân chỉ hứa một câu rằng sẽ phục-tòng, thế là dân liện-thị tự giải-tán, tiền-thị mất cái tư-cách làm dân; đã có kẻ làm thầy rồi, thời không có quyền chủ-tể nữa, cái đoàn-thể chính-trị bị diệt từ đây.

Nói thế không phải là nói rằng phạm mệnh-lệnh của kẻ chúa-trưởng, những khi quyền chủ-tể có thể phản-đối được mà không phản-đối, tuyệt-nhiên không thể cho là ý-nguyện chung được đâu. Khi ấy thì không ai nói gì, phải cho là ai cũng thuận cả.

5. — NÓI VỀ DÂN

Kẻ làm nhà trước khi dựng một cái nhà lớn phải dò xét cái nền đất xem có đủ sức mang nặng được không; người quân-tử dạy dân cũng phải thế, không có bắt đầu biên-chế ngay những pháp-luật cho thật hoàn-toàn; nhưng trước phải xét xem dân theo pháp-luật ấy có đủ tư-cách theo được không. Bởi thế nên ông Bá-lạp-dồ (PLATON) không chịu lập-pháp cho hai dân *Arcadiens* và dân *Cyréniens*, là biết rằng hai dân ấy giàu có, không thể chịu được binh-dãng; cũng bởi thế cho nên ở đất *Crète* phép thi hay mà người thi dở, vì rằng nhà lập-pháp là *Minos* đã muốn giáo-bóa một dân vốn nó ác-liệt.

Biết bao nhiêu quốc-dân đã lộng-lẫy trên mặt đất, mà không bao giờ đặt cho phép hay được; lại những dân có phép hay, cũng chỉ được hưởng trong một thời-kỳ rất ngắn. Dân-tộc cũng như người ta, chỉ dễ dạy lúc thuở trẻ mà thôi; già lên thì thành ra khó sửa: tập-tục đã thành, thiên-kiến đã định, muốn sửa đổi lại thật là khó-khăn và vô-ích; cái tệ trong dân-gian, mình muốn phá đi cho họ, họ cũng không chịu, khác nào như người ốm nhất gan và dở hơi kia, trông thấy mặt ông thầy thuốc đã khiếp sợ.

Không phải rằng tức cũng như bệnh-tật có khi làm cho người ta rối trí quên cả việc cũ, thời-hở trong lịch-sử các quốc-gia lại không có hồi kịch-liệt, xảy ra những sự cách-mệnh làm cho các dân-tộc rối trí như người ta trong cơn bạo-bệnh, nghĩ đến việc trước ghê mà muốn quên đi, vào những hồi ấy thời quốc-gia đã bị thiếu đói trong cơn nội-loạn, kiếp đời rồi mà lại phục-sinh lại, thoát khỏi tay cái chết, lại được trai-trẻ mạnh-mẽ như xưa. Tỉ như *Ti-ba-đạt* (*Sparte*) về đời ông *LYCURGUE*, thành *La-mã* sau đời họ *Tarquins*; lại tỉ như gần đây nước *Hòa-lan* và nước *Thụy-sĩ* sau khi đuổi được bọn bạo-quân.

Nhưng mà những việc đó cũng ít có; đó là những cái đặc-lệ, mà cái lý-do nó bao giờ cũng ở trong thế-chế riêng của mỗi nước. Ngay trong một nước cũng không thế qua hai lần như thế được; vì rằng nếu chỉ dã-man mà thôi, còn có thể mong tự-do được, chứ dân-khí đã suy thì không thể sao được nữa. Bấy giờ thời họa-loạn có thể diệt được mà cách-mệnh không thể phục được, khỏi vòng lao-lung thì vào cảnh ly-tán, không thành là một nước nữa: Bấy giờ phải có tay chuyên-chế, chứ không mong người giải-phóng được. Cho nên, hỏi các dân tự-do, phải nhớ lấy câu: Cái tự-do có thể thu-hoạch được, nhưng đã mất rồi, không bao giờ thu-phục được nữa.

Quốc-gia cũng như cá-nhân, có một cái thời-kỳ trưởng-thành, phải đợi cho đến bấy giờ hẵng nên đặt pháp-luật; nhưng mà cái thời-kỳ thành-thực của một dân-tộc không phải là bao giờ cũng dễ biết đâu; nếu làm sớm thì tất hỏng. Có dân-tộc này mới sinh ra đã có tinh thuần rồi; dân-tộc kia thì mười thế-kỷ cũng vẫn chưa thuần. Như dân *Nga* không bao giờ thành hẳn một dân có kỷ-luật được, vì đã bắt theo kỷ-luật sớm quá. Vua *Đại-Bi-dắc* có cái tài mô-phỏng, nhưng không có cái chân-tài

sáng-nghĩ, tự không mà làm ra có được. Vua làm được một vài việc cũng hay; còn nhiều việc thì thất-cách cả. Biết rằng dân còn dã-man, mà không biết dân chưa đủ thành-thực để theo pháp-luật; đáng nên dạy dân võ-nghệ, lại đem dạy dân văn-hóa. Đáng bắt đầu tạo-thành ra người Nga trước đã, lại hóa theo cho giống như người Anh người Đức; dân thế nọ hóa theo thế kia, thành ra ngăn-trở cho không bao giờ phát-siêng được hết cái năng-lực của mình. Tức cũng như một ông thầy Pháp dạy học trò cho nó lỗi-lạc được một lúc thuở nhỏ, rồi sau không thành gì hết. Nước Nga muốn đoạt cả Âu-châu, rồi có ngày tự mình bị đoạt.

6. — NÓI VỀ CHÍNH-THỂ DÂN-CHỦ

Cứ lấy xác-lý mà suy-luận thời tự cổ không bao giờ có nước dân-chủ chân-chính, mà sau này cũng sẽ không bao giờ có. Số nhiều cầm quyền cai-trị, số ít bị người cai-trị, điều đó là trái với trật-tự thiên-nhiên. Không có thể tưởng-tượng một dân bao giờ cũng họp-tập nhan lại luôn để mà bàn việc nước, và nếu đặt hội ủy-viên để làm thay, thì cái chính-thể dân-chủ tất phải sai đi vậy. Vì rằng tôi tưởng có thể cho là một cái công-lệ được rằng hề khi chức-quyền chính-phủ chia ra làm nhiều nơi nhiều sở, thì nơi nào ít người sớm trưa tất có quyền to hơn, không vì lẽ gì nữa, cũng vì một lẽ là giản-tiện và chạy việc hơn.

Vậy lại, cái chính-thể dân-chủ ấy phải bao nhiêu điều khó-khăn mới thành được. Thứ nhất là nước phải nhỏ lắm cho dân dễ triệu-tập và mỗi người công - dân có thể dễ biết được các người khác; thứ nhì là phong-tục phải giản - dị lắm cho công việc khỏi bề-bộn và bàn-bạc khỏi lối-thối; sau nữa lại phải cho địa-vị và tài-sản bình-dẳng nhau lắm, không thì quyền-lợi và thế-lực cũng không thể

bình-dẳng được lâu vậy; sau hết, không nên có thói xa-xỉ, hay là rất ít mà thói, vì xa-xỉ một là bởi có của mà ra, hai là cần có của mới được, làm hư cả kẻ giàu cả kẻ nghèo, kẻ giàu thì vì có của, kẻ nghèo thì vì tham của, khiến cho quốc-gia truy-lạc vào nơi kiêu-xa đâm-dật, quốc-dân không ai thiết đến việc nước, chỉ kẻ nọ làm nô-lệ cho kẻ kia và hết thấy làm nô-lệ cho cái công-luận hết cả.

Bởi thế nên có nhà danh-sĩ đã lấy sự đạo-đức làm gốc cho chính-thể cộng-hòa; vì bấy nhiêu điều không có đạo-đức không thành được, nhưng nhà danh-sĩ ấy là bậc thiên-tài, chỉ vì không phân-biệt kỹ nên nói thường không được đúng và có khi không được rõ, không biết rằng cái quyền chủ-tể dân cũng như đầu, thì phạm quốc-gia tổ-chức cho hẳn-hoai cũng phải lấy đạo-đức làm gốc cả, duy có hơn có kém, tùy chính-thể mà thôi.

Lại phải biết rằng trong các chính-thể, không có chính - thể nào dễ mắc phải cái họa nội-loạn nội-chiến bằng chính-thể dân-chủ, vì không có cái nào có cái khuynh-hướng mạnh muốn thay-đổi luôn, và cần phải săn-sóc giữ-gìn bằng cái ấy. Nhất chính-thể dân-chủ là cái chính-thể kẻ công-dân lại cần phải kiên-tâm mãnh-lực lắm, và mỗi ngày phải nên tâm-niệm cái của của một ông chúa Ba-lan đã nói ở Nghị-viện nước ấy rằng: « Thà nguy-hiểm tự-do còn hơn thái-bình nô-lệ. » (*Mala periculosam libertatem quam quietam servitium*).

Vì có một dân thần-thánh cả, thì dân ấy tất theo chính-thể dân-chủ. Một lối chính-trị hoàn - toàn như thế không xứng cho người thường.

VII. — BỘ « SÁM-HỐI-LỤC »

Có người đã nói sách « Sám-hối-lục » (*Les Confessions*) là lịch-sử một tâm

hồn (histoire d'une âme). Câu ấy rất đúng. Trong sách này, thật là tác-giả « xưng tội » với cả nhân-loại, như đứng trước tòa án để xin xét-xử cho cái thân-thể, sự hành-vi của mình. Mỗi trang sách như bày tỏ được cái tâm-hồn của ông; không những ông kể-lẽ hết các việc lớn việc nhỏ trong đời ông, mà ông lại phó bày cho biết cả những nơi u-âm màu nhiệm trong tâm-lý ông. Ông cố lấy thành-thực, nhiều khi thành-thực quá đến sỗ-sàng. — Lại có người, gọi sách « Sám-hối-lục » là « kinh phúc-âm về tình-cảm » (évangile du sentiment). Đọc sách này rất cảm-dộng. Bao nhiêu những điều làm-lỡ tội-lỗi, những sự khổ-não cay-dắng của ông, ông cứ thế ông nói ra, không có giấu-gếm gì, khiến cho độc-giả biết đến không thể không thương vậy. Xem sách này thời rõ nhân-cách ông là một người vốn có bụng tốt, hiếu thiên-nhiên, nhưng mang phải cái bệnh đa-sầu yếm-thể, thành ra thân làm khổ đời, đeo-dặng một cái thân-thể rất thâm-dạm long-dong. — Văn trong sách này là văn đạo-tình, phải đọc nguyên-văn mới thưởng-thức được, dịch ra mất thú vị nhiều. Nay chỉ trích-dịch một đoạn mở và một đoạn kết như sau này.

1^o — BỞI SAO TÔI VIẾT SÁCH

« SÁM - HỐI » NÀY

Nay tôi làm một việc tự cò chưa ai từng làm và sau này cũng không ai bắt-chước. Tôi muốn bày cho kẻ đồng-loại tôi biết một người chân-thật như trời bầm-sinh; người ấy là tôi vậy.

Đọc một tôi. Tôi biết bụng tôi, tôi biết người đời. Tôi không giống một người nào tôi sở-biết; tôi tưởng tôi cũng không giống một người nào ở đời này. Dầu tôi không hơn người, mà tôi khác người. Tạo-vật phá cái khuôn đúc ra người tôi là làm hay hay làm dở, phải đọc xong sách này mới phán-đoán được.

Giờ thăm-phán cuối cùng, dù hiệu kèn báo sớm hay báo trưa lúc nào, tôi xin cầm quyển sách này trên tay mà đến trước mặt Thượng-đế. Tôi giống-giặt thưa rằng: — Ấy việc tôi làm là thế, bụng tôi nghĩ là thế, tôi làm người như thế. Sự hay sự dở, tôi đều kể thực cả. Tôi không có nín cái gì xấu, tôi không có thêm cái gì tốt; hoặc tôi có tội-diêm một dôi lời không đâu, chỉ là để bõ cho sự kỳ-ức có khuyết mà thôi. Có điều tôi cho là thực, vì tôi biết rằng có lẽ thực, không khi nào tôi biết là dối mà tôi lại cho là thực bao giờ. Tôi thế nào, tôi bày ra như thế. Khi hèn-mạt đáng khinh thời tỏ ra hèn-mạt đáng khinh; khi khảng-khái hào-mại thì tỏ ra hào-mại khảng-khái; bụng tôi thế nào, tôi phó bày ra thế, Thượng-đế xét soi. Người đã biết đó. Xin người họp cả chúng-sinh nhân-loại quanh đây, để cho nghe lời tôi xưng tội, tôi dè-mạt cho họ thăm-thương, tôi nhục-nhân cho họ xấu-hổ. Rồi mỗi người đều lần-lượt đến qui dưới ngai rồng mà cũng thành-thực thú tội như tôi vậy. Rồi thử xem có ai dám nói trước Thượng-đế: *Tôi còn hơn anh này!* thời người ấy cứ nói.

2. — LỜI CUỐI CÙNG

Tôi đã nói thực cả. Vì có ai biết chuyện gì trái với lời tôi vừa thuật, thời dù có trăm nghìn chứng-cớ mặc lòng, cũng là chuyện hư-ngôn giả-trá cả, và nay tôi còn sống không chịu đem ra cùng tôi cứu xét cho vỡ lẽ, thời người ấy là người không biết mền sự công-bằng, điều chân-lý vậy.

Về phần tôi, tôi dám cao-thanh mà tuyên-bố, không có sợ-hãi gì. ai đã đọc sách tôi rồi, lấy con mắt mà quan-sát cái tinh-nết, cái khuynh-hướng, lòng hăng-hái, sự vui-chơi, thói ăn cách ở của tôi, mà đoán cho tôi là con người bất-chính, thời người ấy cũng là người đáng bóp cổ mà chôn sống vậy.

PHÁN-ĐOÁN VỀ ROUSSEAU

1 — Xét về tinh-cách và ảnh-hưởng của Rousseau

Các sách của ROUSSEAU ảnh-hưởng rất sâu và rất rộng, thật cũng là một sự lạ. VOLTAIRE lúc sinh-thời hiền-hách hơn ROUSSEAU biết bao nhiêu, vì có cái trí-tuệ sáng-suốt, có cái văn-chương sán-lạn, lại trước-tác cũng nhiều, vậy mà không có công biến-cách xã-hội, chính-trị, phong-tục, cho đến tinh-tinh tập-thượng trong thế-kỷ ấy và thế-kỷ sau bằng ROUSSEAU. VOLTAIRE chỉ kích-thích cái tinh hoạt-kê đĩnh-ngộ của người Pháp. ROUSSEAU thời cảm-động đến cả tâm-hồn tinh-tinh người ta. Học-trò của VOLTAIRE là những người thông-minh sáng-suốt, lại có cái tinh-cách hoài-nghi : đồ-đệ của ROUSSEAU thời toàn là những kẻ nhiệt-thành tin-ngưỡng, hăng-hái cải-cách, những kẻ bị cái tinh-cảm, sự tưởng tượng nó sai khiến : những kẻ mơ-màng cảm-kích, lấy cảm-động làm hành-vi, lấy ức-thuyết làm qui-tắc, lấy không-ngôn làm lý-luận ; những người thật-thà mộc-mạc, khao-khát sự hạnh-phúc mà tri-thức hơi thiển-cạn ; nói tóm lại là đại-da-số trong loài người.

Nhân-tinh-tinh tư-cách của ông, nhân-cái lịch-sử bỗng-lông, cái giáo-dục khuyết-hám, những sự khổ-sở long-dong trong một đời ông, nên ông thành như cái cơ-quan để diễn-đạt những cái dục-tình của hạng người

hiều nhất trong xã-hội, như : ghen-giét kẻ quyền-tức, phá-qui, thế-lực ở đời ; ham-chuộng sự tự-do, độc-lập, yên-ôn, thanh-nhàn ; thường hay bất-bình phẫn-uất, và mơ-màng những sự xa-xôi hảo-huyền.

Đối với người đương-thời, ông nhất-thiết bi-quan cả. Kẻ quyền-qui nhiều khi cũng biệt-đãi ông, ông không hề nhớ ơn bao giờ, lại cho là họ có ý muốn lung-lạc để lợi-dụng mình. Giao-du với kẻ bằng-bối thì khó tình, không mấy người được lòng ; người ta dậm-đà thời mình lại dậm-thăm quá, tưởng như đối với mình phải đến giờ thì gửi xương, thấy không được như thế thời xoay ra oán-trách người ta ngay ; người ta thoang-thoảng thời cho là lạnh-nhạt, trách là khinh người, cũng đem lòng oán-giận. Thành ra bè-bạn, đối với ai cũng oán hết. Có người đã nói chuyện bè-bạn của ông như chuyện tình-nhân bị thất-tin mà gieo-hòn cho nhau vậy. — Còn đối với kẻ đồng-nghệp là bọn văn-sĩ đời bấy giờ, thời bọn này cũng là một phái có thế-lực, giá ông chịu nhập-phương với họ thời mạnh cánh biết đường nào. Nhưng ông khứng-khỉnh, lạnh-nhạt cũng không ai ưa. Song cái thái-độ ông đối với bọn « làng văn », phái « triết-học » đương-thời đáng khen, chứ không đáng chê. Ông gần-qui bọn này, biết cái tâm-tinh bi-đi của họ, ngoài mặt

(1) Nhà văn ta, đồng cảm bút là gọi đến tên thầy Lu (ROUSSEAU), thầy Mạnh (MONTESQUIEU) có lẽ nhiều khi cũng không biết rõ tư-tưởng hai người ấy thế nào. Bản-chỉ đã lược-thuật về lịch-sử học-thuyết của hai họ ấy, để củng-biến cho các độc - giả nghiên-cứu. Lại trích-dịch nhiều bài văn của ROUSSEAU. Cái tư-tưởng ROUSSEAU có ảnh-hưởng trong thiên-ha sâu-xa lắm. Nay lại tóm tắt dịch thêm một bài phán-đoán về ông cho biết tư-tưởng ấy hay dở thế nào. Tác-giả bài này là ông L. CROUSLÉ dạy khoa văn-học ở trường Đại-học Paris vào khoảng hai ba-mươi năm trước. Lời phán-đoán xem ra công-bằng và sáng-suốt, tưởng cũng là một ngọn bút phê-bình có giá-trị vậy.

làm ra khảng-khái cao-thượng, mà kỹ-thực chỉ biết phụng-sự cái khoái-lạc chủ-nghĩa, cái vật-chất chủ-nghĩa, ông lại càng thêm chán lăm. Tư-nghĩ người ta càng văn-minh bao nhiêu càng hư-hại bấy nhiêu, văn-học mỹ-thuật không làm cho phong-tục tốt ra, lại làm cho phong-tục xấu đi; ông bắt đầu phản-đối sự-nghiệp văn-minh và tán-dương cái tình trạng thiên-nhiên tự bấy giờ.

Nói tóm lại, ông là một bậc thiên-tài, nhưng có cái tính-cách thái quá, nên những cái gì điều-độ không biết lấy làm mãn-nguyên. Đối với những lệ-tục trong xã-hội đời bấy giờ, ông không bằng lòng; đối với những cái lý-thuyết cải-cách của các học-giả đương-thời, ông cũng không ưng-ý. Cái chí lớn của ông là muốn tự tay ông ra cải-tạo xã-hội đương-thời, không những xã-hội đương-thời nước Pháp, mà cả xã-hội nhân-loại cỡ-kim vậy.

2 — Xét về mấy sự cải-cách của Rousseau

Đối với cái xã-hội xa-xỉ phóng-lung đời bấy giờ, ông vẽ ra một cái xã-hội mơ-màng tưởng-tượng đời cổ - sơ. Đối với các giai-cấp phiền-phức, ông bày ra cái cảnh-tượng bình-đẳng, cho rằng người ta vì được bình-đẳng cả thời ắt được sung-sướng cả, chỉ vì hơn kém nhau, nên mới phải khổ-sở. Đối với những sự chơi-bời quá-độ, ông tả ra những cái phong-thú thiên-nhiên. Hàn bà bấy giờ hay những việc gia-đình mà chăm việc giao-thiệp. Ông vẽ ra một cái cảnh gia-đình rất đầm-ấm vui-vầy, để làm gương cho bọn nữ-lưu. Tưởng-tượng vẽ ra mà thôi, chứ khổ-nạn cho ông, ông có biết cái thù gia-đình là cái gì. Bể con ra, đem cho đi hết, nào có hề biết nuôi dạy bao giờ. Nhưng do tưởng-tượng mà vẽ ra, vẽ mới lại càng đẹp lăm, thật là một cái « ý-trung

gia-đình » vậy. — Về phần riêng ông, ông cũng cố lánh ra nơi thành-thị mà về ẩn chốn nhà quê. An-đề làm gì? Đề làm sách. Ông đã phản-đối văn-sĩ đương-thời, mà ông cũng làm một tay văn-sĩ hay sao? Không, cái chí ông làm sách không giống bọn đồng-nghiệp kia: ông làm sách là để chữa đời, không phải để chiều đời, để vui đời.

Tư-tưởng của ông dần dần trở-chức thành thống-hệ; ông nghiêm-nhiên có một cái triết-học riêng. Cái triết-học mới thú biết bao nhiêu, làm cho người đời mê đặc! Cái triết-học ấy là gọi cả những kẻ khổ-nạn đau-dớn trong cái bề trâm-luân này mà bảo rằng: Các người có biết các người khổ là bởi đâu không? Các người khổ là bởi cái xã-hội này không ra gì. Nên đập đổ cái xã-hội ấy đi mà gây ra xã-hội khác. Nên quay về mà sống theo cái cảnh-trạng thiên-nhiên. Chưa làm được thời cứ theo một cái phương-pháp như thế này: xã-hội làm gì, ta làm trái hẳn lại, nhất-thiết không có theo đời một tí gì!

Nói tóm lại thời ông khuyên cho người ta phải phản-đối với xã-hội. Nay theo ý ông thời xã-hội phải cải-cách ra thế nào? Xã-hội gốc ở người ta, muốn cải-cách xã-hội phải cải-cách người ta trước nhất. Vậy thời việc cần nhất là việc giáo-dục. Ông làm hẳn một bộ tiểu-thuyết về giáo-dục, là bộ Emile. Chủ-ý bộ sách này là tả về cách giáo-dục một người thế nào là hoàn-toàn cho xứng-đáng với cái xã-hội hoàn-toàn. Người ấy ông đặt tên là Emile. Nay dạy Emile là cốt để làm gì? Dạy Emile là cốt vì Emile mà dạy, cốt mưu cho cậu được cái hạnh-phúc ở đời. Chính Rousseau nói rằng: « Dạy Emile là chỉ vì cái bản-thân Emile mà dạy », ông nói câu ấy chắc ông cũng cân-nhắc lăm vậy; như vậy thời là không cần gì cải-cách xã-hội cả, xã-hội gác bỏ một xó, chỉ vì nhân-

thân một người, mưu sự hạnh-phúc một người mà thôi. Ông vẫn nói rằng người ấy mà dạy khéo thời sẽ biết làm hết bổn-phận đối với xã-hội. Nhưng trong khi dạy chỉ biết đến cá nhân mà thôi, không biết đến xã-hội, thời ngày sau còn mong cải-cách xã-hội thế nào.

Và lại cách giáo-dục của ông. Tự ông cũng nói rằng không chắc mấy người theo cho hoàn-toàn được, lại nói rằng nếu không theo được hoàn toàn, còn có khuyết-diểm, thời hỏng cả. Như vậy thời tội gì mà phí công khó nhọc bày ra một lối giáo-dục phiền-phức, mà rất lại không thi-hành được, thế có hão-huyền không? Đó là một điều khuyết-diểm trong cái chương-trình cải-cách cho ông: ông muốn cải-cách xã-hội mà ông mưu cải-cách cá-nhân cũng không xong. Ông muốn cho học trò ông là cậu Emile được sung-sướng, ông nói rằng cái cứu-cánh của giáo-dục là cầu lấy hạnh-phúc cho người ta; ông lại nói rằng: Người ta ai cũng cầu hạnh-phúc, nhưng ông kết rằng: Thế nhưng không ai được hạnh-phúc cả. Mà chính ngay Emile cũng không thấy được sung sướng, kết-cục cũng phải chịu khổ-sở như mọi người, và sau phải lấy sự đạo-đức thay vào sự hạnh-phúc. Như thế thì cớ kìm phép giáo-dục nào là chẳng chủ sự đạo-đức, hà-tất phải đặt ra một lối mới làm gì.

Những sự mâu-thuẫn đó, trong học-thuyết ROUSSEAU nhiều lắm. Như trong sách « xã-ước » tả ra một lối chính-trị bình-dẳng tự-do, ngỡ là chủ-trương cái dân-chủ và cộng-hòa chính-thể cho là chính-thể hoàn-toàn nhất, dè dàu lý-luận đến nửa chừng thời đứng dừng lại, kết-luận một câu rằng: Thế nhưng mà cách chính-trị dân-chủ không thi-hành được, vì là một cái chính-thể hoàn-toàn quá, phí là một xã-hội những thành-hiện cả, còn người thường ta không thể theo được. Tán-dương mãi, rồi kết một câu như thế, thế có chán không?

Thế mà chính những cái tư-tưởng tự ông cho là viên-vông huyền-hoặc đó, người đời lại làm kẻ mê hoặc, tự đời ông đến giờ biết bao nhiêu người muốn liếng ông muốn kiến-thiết ra một cái quốc-gia mà chính ông cũng cho là không thể thành được.

3 —. Phân-đoán về mấy sự cải-cách của Rousseau

Tư-tưởng của ông sở-dĩ không được nhất-tri như thế là bởi trong người ông chính có hai người: một người thời bông-lông, lãng-mạn, hay hăm hăm những sự xa-xôi, hay hiếu-kỳ, lập-diễn một cái tư-tưởng gì thời đem hết tài văn-chương, tài hùng-biện mà diễn đến kỳ-cùng, dường như làm một cái trò vui truyện khoái cho thần-tri, không quản gì thực hay hư, làm được hay không làm được; một người thời ôn-hòa căn-thủ như mọi người, làm lúc thấy người kia cuồng-phiếm quá cũng phải đứng lên mà can-ngăn. Bởi thế nên sách ông có chỗ thời phủ-phiếm vô-cùng, có chỗ thời lý-luận cũng thích-dáng. Nhưng cái phần phủ-phiếm nhiều hơn, cho nên đọc rồi mà ngẫm-ngĩ lại cho kỹ, không được mấy điều thiết-thực.

Như về luân-lý thời tựa-hồ như ông dạy cái chủ-nghĩa nhân-nại làm người quân-tử an-bản, lấy sự đạo-đức làm phong-thú. Nhưng chữ đạo-đức của ông lắm khi lại lẫn với chữ khoan-lạc, ông cho đạo-đức là linh-thần được thụ-sướng, không phải bận cái khổ-nhọc lo lắng gì đến mình, tiêu-dao trong cõi tình cõi cảm. Ông lấy mục-dịch sự giáo-dục là cần cho cá nhân được hạnh-phúc, ông cũng tự biết rằng không thể cầu được, nhưng ông xirong ra cái thuyết ấy hăm-hại người đời vô-cùng, đời sau biết bao nhiêu người theo ông đi cầu hạnh-phúc mà đấng-cay sâu khổ một đời. Những vai chủ-dộng các tiểu-thuyết sâu-thẳm lãng-mạn về đời sau

như René, Obermann, là sản-nhi của cái học-thuyết của ông cả.

Về chính-trị thời ông công-nhiên tuyên-bố dân-quyền, dân-chủ, nhưng sau lại bảo rằng cái chính-thể cộng-hòa dân-chủ không thi-hành được. Rút lại thời ông muốn lấy cái lối thị-tính chính-trị của thành Genève là tính nhà ông để làm mẫu cho thiên-hạ, nhưng chính thành Genève cũng đã chán cái lối chính-trị ấy mà muốn bỏ rồi. Lối ấy là lối qui-tộc chính-thể, quyền chính-trị không ở tay một người mà ở tay một bọn nhiều người, rút lại cũng thế, có tự-do bình-dẳng hơn chút nào. Trên đầu sách ông than một câu rằng: « Người ta bầm-sinh tự-do, mà đầu đầu cũng thấy cùm-sích », ngờ ông tìm cách tiết được cái độc chuyên-chế, ai hay ông lại đem cái chuyên-chế ở một người ra nhiều người, cho Quốc-gia được quyền tuyệt-đối, phỏng có hơn gì?

Về tôn-giáo thời cái chí ông là muốn điều-hòa tình với lý, lòng ngưỡng-mộ Thiên-chúa với sự tự-do phán-đoán. Ông thấy các học-giả đời ông đều phản-đối tôn-giáo, ông lấy làm giận lắm. Ông muốn chứng-giải cho người đời biết rằng cái lòng tôn-giáo là một tấm lòng thâm-thiết của người ta, không thể bỏ đi được. Ông bèn làm sách để phát-minh ra cái ông gọi là « đạo thiên-nhiên » (religion naturelle). Sách « Lời tuyên-ngôn của ông cổ đất Savoie » của ông có ảnh-hưởng sâu-xa lắm. Nhưng cái đạo thiên-nhiên đó là cái đạo đã bỏ hết cả các hình-thức tôn-giáo ở ngoài, chỉ còn lấy cái lương-tâm của người ta làm bằng-cứ, đối với kẻ sùng đạo thời là lạt-lẻo quá, không đủ thờ-phụng kính-mến, mà đối với kẻ không ưa đạo thời cũng là thừa. Và lại bao nhiêu lễ-nghi giáo-lý bỏ đi hết, chỉ còn trông vào một tấm lòng của người ta mà thôi. Nhưng cái lương-tâm ấy có

đủ vững-vàng chắc-chắn mà bằng-cứ được không? Nghiệm ra thời nhiều khi cũng mơ-màng phăng phất lắm. Cho nên ông ROUSSEAU chỉ muốn điều-hòa tôn-giáo và triết-lý mà điều-hòa không xong vậy. Cái đạo thiên-nhiên của ông là đứng giữa chỗ giao-giới cái tôn-giáo chân-chính với sự hoài-nghi lảng-mạn vậy.

4 —. Giải về mấy cái lý-do của sự ảnh-hưởng của Rousseau

Làm sao những cái học-thuyết hão-huyền, phát-phơ, không cốt-cách, không thực-hiện như thế, mà lại cảm người được sâu như vậy? Nhưng người đời vẫn có cái tính háo-hức, thấy nói chuyện phá-hoại thì lấy làm khoái lắm, khao-khát muốn cho được tự-do, cho được bình-dẳng, cho được độc-lập, cho được hạnh-phúc, tưởng rằng cứ khuy-nh-đảo cái xã-hội bây giờ đi, rồi thời cái hoàng-kim thời-dại sẽ tức-khắc xuất-hiện ra trước mắt. Cho nên thấy ai kích-thích cái lòng uất-phẫn, khiến cho chán cái cảnh đời này, mà bày-vẽ ra những cảnh thần-tiên trong mộng, lấy làm hăm-hở mà theo ngay. Cái tài ấy lại chính là cái tài của ROUSSEAU. Hoặc ông làm án xã-hội bây giờ, hay hoặc ông kết-cấu xã-hội tương lai, ngọn bút hùng-hồn của ông làm cho người ta như say như mê, ông nói sao nghe vậy, không còn-biết phân biệt thực-hư phải-trái nữa. Ngọn bút ấy lại linh-hoạt vô-cùng, khiến cho những nhân-vật ông sáng-tạo ra được người đời yêu mến như người sống thực; những xử-sở ông đã tới qua được người đời thăm viếng như nơi lễ-bái vậy. Bình-sinh ông được bao nhiêu người cảm ông mà thờ ông như một bậc tôn-sư, nhưng ông mang cái thân đa-bệnh, cái bụng đa-nghi, có lẽ cũng không biết, cứ tưởng thiên-hạ ghé bỏ mình hết cả.

Ông cảm người sâu cho đến đoạt được cả tình-thần người ta. Xem như

cách ông lý-luận. Những lúc có lý phải thời lời-lẽ sáng-sủa, ai cũng phải chịu đã đành. Những lúc ông nguy-biến, ông cũng có cái cách thoái-thác làm cho độc-giả không biết đầu mà dò được. Lại khi lẽ trái hiển-nhiên thời ông nói giọng cao-kỳ, như thách người ta phản-đối vậy. Như nói rằng : « Tôi vẫn biết rằng nói thế là nói ngược đời, nhưng nhiều khi phải nói nghịch tai thiên-hạ mới không trái với sự thực. » Nói thế có khác nào như nói rằng : « Phải nói trái lẽ phải mới có lẽ phải được ». — Ấy ông thường có cách lý-luận như thế. Ông có phải giống như MONTAIGNE hay PASCAL muốn tóa-chiết cái lý-tĩnh của người ta để suy - tôn một cái thiên-lý cao-siêu không? Không phải thế. Ông là một kẻ cô-độc chán đời, ông cho người đời là một lũ hèn-mạt cả. Ông thóa-mạ người đời một cách kịch-liệt quá, khiến cho ai muốn phản-đối ông cũng phải ngừng miệng ; mà kẻ nào thâm-phục ông thời lại càng sùng-bái mê-tin lắm.

Sức mạnh của văn ông là ở cái cách nghị-luận đùng-dột đó một phần. Nhưng phần nhiều là ở cái tình-cảm mạnh. Không có một câu văn nào của ông là không chan-chứa những cảm-tình. Lúc nào ông cũng như một nhà hùng-biến đứng trước một người phản-đối ; nói những câu tầm-thường cũng như mũi tên viên đạn định nhâm định

bắn vào ai. Mà ai đó, có lẽ là độc-giả cũng không biết đầu. Cho nên người đọc có khi biết rằng bị mắng mà không dám cãi lại.

Kề lối văn thóa - mạ thì VOLTAIRE cũng là tài. Nhưng mà VOLTAIRE còn có người ngờ là không thành-thực, chứ ROUSSEAU thời còn ai ngờ? Một người hiền-lành yên-đàn như thế, cam tâm làm kẻ ăn-dật, không can-thiệp với đời, thế mà phải cất tiếng lên để mắng đời, thời cái đời ấy hư đến thế nào, mà lời mắng kia đáng biết bao nhiêu!

Chỉ tiếc thay là ROUSSEAU đã phản-đối cả nhân-loại mà lại oán nhân-loại muốn hãm-hại mình, tựa-hồ như vũ-trụ chỉ có mình là « duy ngã độc-tôn », thật cũng tự-phụ quá vậy. Ông thóa-mạ những cái tệ cái dở của đời, thì phải lắm, ai cũng phải phục ; nhưng ông cho là cả giống người không ra gì thì cũng khi quá vậy. Vẫn biết rằng ông vốn lòng ngay dạ tốt ; nhưng sao ông chỉ cho có một mình ông là có lòng ngay dạ tốt mà thôi? — Trên mộ ông ở trong đền Pantheon, có một bức tượng hình người tay mở hé cái cửa cầm ngọn đuốc soi cho đời sau ; tôi vẫn thường ngắm-ngẫm mà tự hỏi không biết ngọn đuốc ấy có khỏi khói mù không, có chiếu cho tỏ cái chân-lý hơn hay là chỉ đốt cho thêm cái đục-tình hơn?



LỊCH-SỬ VƯƠNG DƯƠNG-MINH

Vương Dương-minh tiên-sinh là một kẻ đại-nho có ảnh-hưởng lớn về hồi thập-ngũ thập-lục thế-kỷ ở Á-dông ta. Khoảng nhà Minh nhà Thanh ba bốn trăm năm nay, phái nhà nho bên nước Tàu, cũng có nhiều người theo học-thuyết tiên-sinh mà trừ-danh ở đời. Song quốc-dân nước Tàu khi ấy đối với học-thuyết tiên-sinh, còn một nửa thuộc về phần hoài-nghi. Vì nước Tàu tự đời Nam Tống trở xuống, kẻ học-giả vẫn tôn-tin học-thuyết ông Chu Hy, cho học-thuyết ông Chu Hy là chính-học, mà học-thuyết tiên-sinh với học-thuyết ông Chu Hy không khỏi có chỗ di-đồng. Cho nên về phần trong cõi nước Tàu, học-thuyết tiên-sinh tuy có ảnh-hưởng sâu xa, nhưng cũng không lấy gì làm ảnh-hưởng to cho lắm. Duy học-thuyết tiên-sinh lại thịnh-hành ở bên cõi nước Nhật-bản; trong nước Nhật-bản vẫn có một học-phái, gọi là Dương-minh học-phái; phái ấy là phái nhà nho, chân-chính thực-học, khởi-diểm tự họ Trung - thôn, rồi đến họ Hùng - trạch, họ Bắc - đảo, họ Tam - trạch, họ Tây - hương, họ Đông-hương, các nhà đại-danh-giá, nhà nào nhà ấy đều đào-luyện được cái tâm-linh phẩm - cách minh, thi-thố ra những việc hạnh-phúc trong xã-hội. Các người anh-kiệt về hồi duy-tân trước sau khoảng gần trăm năm nay, quả nửa là ở trong Dương-minh học-phái mà ra. Phái sĩ-phu trong nước Nhật-bản đã có câu « Nhất sinh đề thủ bài Dương-minh, » thì tôn-tin học-thuyết Dương-minh biết là dường nào. Thậm-chi nghề viết chữ của người Nhật-bản, cũng phần nhiều học viết như lối Dương-minh, tưởng cũng là do sùng-bái nhân-phẩm Dương-minh, học-thuyết Dương-minh mà ra vậy. Lối chữ Dương-minh thì thường viết liền nét, thường

có khi một dềng chỉ có một nét, trông như hình mây khói long-xà, có cái tinh-thần hoạt-dộng, mà thể-thế vẫn chính-dại, pháp - độ vẫn cần-nghiêm. Vua Khan-hy đã có lời phê: « Thư diệp thông thần. » Nghĩa là Vương Dương-Minh không những nhân-phẩm đã cao-siêu, học-thuật đã thâm-thúy, công-nghiệp đã kỳ-vĩ, mà thư-pháp cũng huyền-thông biến-hóa, vào cõi thánh-thần. Ấy Dương-minh tiên-sinh không những học-thuyết thiên-cổ, mà thư-pháp cũ g thiên-cổ vậy. Dân-tộc nước ta, cũng là một dân-tộc ở Á-dông, cũng nguyên là một dân-tộc học chữ nho. Thế mà hỏi đến học-thuyết Vương Dương-minh thế nào, ít có người biết, hỏi đến lịch-sử Vương Dương-minh thế nào, cũng ít có người biết, không những phái khác ít có người biết, chính ngay như trong phái nhà nho, cũng ít có người biết, ỏi cũng khá ngán thay! Vậy thì học - thuyết Vương Dương-minh thế nào, rồi sẽ xin thuật qua, nay hẵng xin kể rõ về lịch-sử Vương Dương-minh.

Tiên-sinh tên húy là Thủ-Nhân 守仁, tự là Bá-An 伯安, người tỉnh Triết-giang phủ Thiệu-hưng huyện Du-diêu bên nước Tàu, là dòng-dõi quan Hữu-quân tướng-quân Vương Hy-Chi 王羲之 đời Tấn, thân-phụ là Vương Hoa 王華, Vương Hoa đỗ tiến-sĩ, làm quan đến Nam-kinh Lại-bộ thượng-thư, mẹ là Trịnh-thị 鄭氏. Tiên-sinh từng đọc-thư tu-đạo ở Dương-minh 洞陽明洞, cho nên đời gọi là Dương-minh tiên-sinh.

Tiên-sinh sinh về hồi Thành-hóa bát-niên (1472) đời vua Hiến-tôn nhà Minh, ngoài mười tuổi, theo thân-phụ lên Bắc-kinh, vì thân-phụ khi ấy ở Bắc-kinh

đã là hạng qui-hiền, mới bắt đầu thực-nghiệp một người tâm-thường học-sư. Tiên-sinh thừa nhỏ, tính nết thì hào-dãng, thích những sự du-biệt không thể ngăn cấm được, người thân-phụ thường lấy làm lo. Một hôm hỏi người thực-sư rằng người ta sự gì là đệ-nhất đẳng sự? Người thực-sư nói chỉ sự đọc sách đề dăng-khoa là đệ-nhất đẳng-sự. Tiên-sinh đem lòng hoài-nghi mà nói rằng cái sự đọc sách đề dăng-khoa ấy, chưa tất đã là đệ-nhất đẳng-sự, hoặc giả cái sự đọc sách đề học làm thành-hiền là đệ-nhất đẳng - sự đấy chẳng. Khi ấy Tiên-sinh thường phóng-khoảng đi chơi xa, hoặc vào Tráng-an, hoặc ra Cư-dung, lịch-duyet những nơi biên-tái phía bắc nước Tàu, đã khảng-khải có cái chí kinh-lược tứ-phương, lưu-ý về sự phòng-ngữ bắc-dịch, đua nhau với những đứa Hồ-nhi tập cỡi ngựa tập bắn, thường có khi hơn một tháng rồi mới về. Lại muốn làm ra sở-sách, bày tỏ những việc quân-phòng, dâng lên triều-đình, thân-phụ trách mắng là cuồng mới thôi.

Tiên-sinh mười-bảy tuổi lại về Du-diêu mới lấy vợ, vợ là Chư-thị 諸氏; người bố vợ là Chư Dưỡng-Hòa 諸養和, khi ấy người làm chức Bố-chính-tu ở tỉnh Giang-tây. Tiên-sinh lên Giang-tây ở trong quan-thự làm lễ cưới. Giữa ngày hôm cưới, thì thấy cậu qui-tế lên ra đi đầu mắt, mãi không thấy về, người bố vợ phải sai người đi tìm, đến ngày hôm sau mới về. Hỏi ra mới biết rằng tiên-sinh ngẫu-nhiên thừa-hưng đi chơi, gặp một người đạo-sĩ Thiết-trụ-cung, tiên-sinh hỏi đạo, được nghe những lời bí-quyết dưỡng-sinh, nhân cùng với người đạo-sĩ ấy đối-tọa đàm-luận mà quên về.

Tiên-sinh khi ấy ở trong quan-thự ông bố vợ, nhân cũng thông-dong vô-sự, trong quan - thự lại có tích-trữ những giấy tốt mấy hôm, vì cở-thiếp nhiều lắm, tiên-sinh chỉ hàng ngày

dem ra tập chữ, kịp đến lúc về, thì mấy hôm giấy ấy đã hết sạch-sanh-sanh, mà thư-pháp nhân đại-tiến. Về sau tiên-sinh khi giảng học, thường bảo học trò rằng: « Ta lúc mới tập chữ, đối với cở-thiếp mà mô phỏng ra, thì chỉ được cái hình chữ mà thôi, về sau ta đối với sự viết chữ, thường có ý trịnh-trọng không khinh-suất, cầm bút vạch xuống giấy, chỉ ngưng-tư tĩnh-lự, kết-cấu được cái thần chữ ở trong tâm, lâu mãi rồi mới biến-thông được phép viết. Về lại ta thường đọc sách ông Trình Minh-Đạo, thấy có câu rằng: — Mò khi viết chữ rất kinh-cần, không phải là mong lấy chữ tốt, chỉ vì thế mới là học. — Sẽ biết cở-nhân tùy-thời tùy-sự, chỉ ở con tâm, con tâm mà tinh-minh, thì chữ tự-nhiên tốt. » Sau này tiên-sinh cùng với tứ-phương học-giả luận những sự cách-vật tri-tri, phần nhiều đem sự viết chữ ra mà thí-dụ.

Tiên-sinh năm mười-tám tuổi mới hương-mộ về đạo nho, thường nói người ta chắc có thể học mà đến được bậc thành-nhân. Cùng bè-bạn đọc sách, chú-kinh chú-sử, bách-gia chú-tử, đọc rất là rộng, không chừa-tuần trong lối cử-nghiệp, bè-bạn đều biết tiên-sinh đã du-tâm ra ngoài cử-nghiệp rồi.

Hai-mươi-mốt tuổi thì hương, đỗ hương cử, rồi lại lên Bắc-kinh, vì thân-phụ còn làm quan ở Bắc-kinh, lên Bắc-kinh tinh-thần, nhân ngụ ở Bắc-kinh, đem các học-thuyết của Tống-nho, khảo-câu nghiên-cứu, trầm-tư mặc-tưởng, câu lấy chi-lý, thì chi-lý man-mác, chưa có bờ-bến nào mà định-phương-hướng trong cõi học, nhân đắc-bệnh, đã tự-thán rằng thành-hiền cũng có phận mới làm được. Nhân tạm phóng-thích hoài-bão, nghĩ về đường tùy-thế tự công-danh, mới lưu-tình về sự văn-chương, văn-chương cũng đại-tiến. Năm sau vào thi hội, lại lạc-đệ, các bạn thân trong tự-đồng

học nhiều người lấy sự lạc-dệ làm hồ, Tiên-sinh giải ra rằng: «Đời lấy sự lạc-dệ làm hồ, tôi lấy sự lạc-dệ mà đồng-tâm làm hồ.» Thứ-giả kính-phục.

Tiên-sinh ở Bắc-kinh thi hồng, mới chuyên-ý học-tập binh-pháp. Tiên-sinh thường nghĩ rằng triều-đình tuy đặt ra có khoa vũ-cử, nhưng chỉ kén được những người tài cỡi tài bắn tài múa tài chém, những tài tầm-thường nhỏ-mọn mà thôi, không kén được những người có tài tướng-sứ, hung-trung có thao-lược đủ thông-ngự được ba quân. Mới đem các sách cổ-kim binh-gia yếu-quyết, sách nào sách ấy đều khảo-cửu tinh-vi. Phạm khi có tân-khách yến-liệc xong rồi, thường đem các thứ quả hoặc các thứ hạt bày ra các trân-thể, cùng với tân-khách đàm-tiểu khảo-nghiệm để làm vui. Song tiên-sinh tự thừa tráng-niên về sau, lại là người đa-bệnh, càng tin rằng thánh-hiền có phận mới làm được. Nhân chơi với những người đạo-sĩ, nghe nói những sự tu-đạo dưỡng sinh, nên có cái chí chán đời vào núi.

Sau tiên-sinh lại có chí dụng-thể, lên kinh thi hội, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ xuất-thân, tập-chính ở Công-bộ, bấy giờ là hồi Hiếu-tôn Hoàng-trị thập-nhất niên, tiên-sinh hai-mươi-tám tuổi (1498). Năm sau thụ chức Hình-bộ chủ-sự rồi phụng-mệnh đi ra Giang-bắc thăm-phán các án tù-đ. Khi ấy tiên-sinh cái chí dụng-thể cũng chưa thật là đã quyết-định. Cho nên vẫn thường đi chơi những các nơi danh-sơn cổ-tự tìm hỏi những bạn cao-tăng, nghiên-cứu về Phật-học. Được vài năm tiên-sinh lại cáo quan về, làm nhà tu-đạo ở Dương-minh-đồng. Khi ấy tiên-sinh đã dần biết ra cái học tu-tiên với cái học họ Phật là lầm, lại có chí khuynh-hướng về đạo nho. Tiên-sinh thường vắng-lai ở nơi Tây-hồ và Nam-bình, nơi ấy có nhiều cổ-tự. Có một

người tự-tăng học lối tọa-thiền, ba năm miệng không nói, mắt không trông. Tiên-sinh đến nơi quát lên rằng: «Thầy hòa-thượng kia suốt ngày miệng bô-bô, nói gì thể. Suốt ngày mắt thao-láo, trông gì thể?» Là ý kích-dộng cái bản-năng của miệng của mắt. Người tăng quả-nhiên giật mình, tức-khắc mở choàng mắt ra, ngồi đối-diện nói chuyện. Tiên-sinh nhân hỏi cảnh gia-đình người tăng. Người tăng nói hãy còn mẹ. Tiên-sinh hỏi: «Hòa-thượng xuất-gia, có nhớ mẹ không?» Người tăng nói vẫn nhớ mẹ, không thể quên được. Tiên-sinh liền đem cái bản-tính người ta yêu mến cha mẹ trong sách nho ra giảng-dụ cho nghe. Người tăng sa nước mắt tạ tội. Cách vài hôm, lại hỏi thăm thì người tăng đã từ-giã cảnh chùa về cảnh nhà rồi.

Năm sau ứng-sinh ra chủ-khảo hương-thi tỉnh Sơn-dông, rồi cải chức Binh-bộ chủ-sự. Năm ấy tiên-sinh ở kinh-sư, mới bắt đầu dạy học, đào-tạo cho kẻ hậu-tiến, tự-phương học-giá mới có kẻ lai-học. Duy những kẻ lai-học, phần nhiều là theo lối tục-học, chìm-dắm về sự từ-chương, không biết cái học tâm-thân thiết-thực là cái gì. Tiên-sinh thủ-xướng lên cái học đạo-học, khiến học-trò bắt đầu đi học, trước phải lập ngay cái chí-định học làm thánh-hiền. Kẻ văn-phong dần-dã hưng-khởi, có nhiều kẻ đến cấp-môn. Nhưng cái lối tục-học nhiễm người đã thâm, mà cái lối tôn-sư trọng-hữu học làm thánh-hiền thì bỏ đã lâu, cho nên người đời đều cho tiên-sinh là hiếu-dan mà lập-dị. Duy có một ông Trạng Nhượng-Thủy 汪若水 hiệu là Cam-toàn 甘泉, cũng làm chức Hà-nâm ý kinh-sư, nhất-kiến tiên-sinh, liền ngay đồng-chí, cùng nhau nhận cái trách-nhiệm xướng minh thánh-học, khai-đạo cho người đời.

Khi ấy vua Vũ-tôn mới tức - vị, kẻ gian-thần là Thái-giám Cộn 太監 璫

lộng-quyền. Tiên-sinh nhân vì dảng số cứu-giải cho hai người trực-thần bị tội là Đái Tiên 戴仙 với Bạc Ngạn-Huy 薄彦徽 mà phải tội lây, cũng bị giam cầm ở trong ngục. Đẳng gian-thần khi ấy muốn cam-lâm với đẳng trực-thần đem tiên-sinh luận vào tội đình-trượng, trượng tiên-sinh bốn mươi trượng, tiên-sinh đã chết đi, rồi lại sống lại. Liền phải đi đày ra Qui-châu, thụ chức Long-tràng dịch-thừa, tức là một viên coi trạm Long-tràng, cũng là chỉ đem tiên-sinh đặt vào chỗ tử địa đày mà thôi. Đẳng gian-thần khi ấy có sai người đi theo trình tham tiên-sinh, sợ tiên-sinh bắc tầu Hồ, nam tầu Việt. Tiên-sinh đi ở dọc đường, đến một chỗ sơn-phận, trời đã tối, vào cầu ngủ nhờ một cái chùa, người sư ở trong chùa, sợ không cho vào, tiên-sinh phải vào trong một cái dã-miếu, tựa vào cái hương-án mà nằm. Chỗ dã-miếu ấy chính là chỗ cửa hang hùm beo, nửa đêm hồ đến vây-diều xung quanh miếu, nhưng chỉ gầm hét mà không vào. Sáng sớm mai người sư đi ra miếu, thấy tiên-sinh còn đương ngủ say, lại đánh thức tiên-sinh mà kinh-ngạc nói rằng: « Ông không phải là người thường vậy. » Mời mời tiên-sinh vào chùa, tiên-sinh khi ấy có thơ đề bích rằng: « Hiểm-di nguyên bất trệ hung-trung, hà dị phù-vân quá thái-không. Đại tinh hải đảo tam vạn lý, nguyệt minh minh phi tích hạ thiên-phong. 險夷原不滯胸中。何異浮雲過太空。夜靜海濤三萬里。月明飛鶴下天風。 » Rồi đi ra nhận chức Long-tràng-dịch.

Long-tràng-dịch ở về phía tây-bắc đất Qui-châu, toàn là đất rừng núi, cây cỏ rậm-rạp. Ở đấy, rần rết hùm beo, ma thiêng nước độc. Người ở đấy thuần những giống mọi rợ, tiếng nói như tiếng chim, ngôn-ngữ bất-thông. Giản-hoặc có người khả-thông ngôn-

ngữ thì phần nhiều là những người về lại đầu trộm đuôi cướp ở trung-thiên trốn ra. Lục cữ người ở đấy chỉ ở thiên, không biết làm nhà mà ở, tiên-sinh mới bắt đầu dạy cho cách đắp đất chêm cây làm nhà mà ở. Tiên-sinh khi mới đến bắt đầu làm ngay một cái quan-tài bằng đá để định chỉ đường sinh-tử, thế rằng ta chỉ « cư-dĩ dĩ-sĩ-mệnh » mà thôi, nghĩa là chỉ thong-dong tự-xử, để đợi mệnh trời. Hàng ngày khỏi-cư xuất-nhập, vẫn đoan-trang khiết-tĩnh, để cầu lấy cái lẽ linh-nhiết, lâu lâu rồi hung-trung lại thấy tiên-sinh vui-vẻ bội-thường. Duy người nhà thì ốm-la-liệt cả, tự việc xách nước kiếm củi, tiên-sinh đều phải làm lấy, hàng ngày nấu cháo cho người nhà ăn. Lại người nhà phiến-muộn uất-ức, đem thơ ra hát cho người nhà nghe, lại thường khôi-hài cười nói, khiến cho quên đường tật-bệnh, đường di-dịch, đường hoạn-nạn đi. Tiên-sinh nhân nghĩ rằng nếu ông thánh-nhân xử về cái cảnh ngộ này, còn có đạo gì, chỉ do trong lương-tâm mà cầu lấy cái lẽ chính-dáng mà thôi. Nhân đem những lời thánh-nhân trong ngũ-kinh ra mà đối-chứng với cái lương-tâm, thì đều phù-hợp cả, nhân làm ra một bộ sách, gọi là bộ Ngũ-kinh-ức-thuyết 五經憶說. Ở đấy, các người mọi rợ họ cũng yêu mến tiên-sinh, một ngày một rủ nhau lại thăm-cận với tiên-sinh. Thói sai-nhân ở nơi khác đến Long-tràng-dịch, cây quyền cây thế không kính tiên-sinh, họ cũng đem lòng bất-bình, họ làm nhục những kẻ sai-nhân ấy. Tiên-sinh ở Long-tràng, vẫn vui thú về sự đạo-học, mới đến gõ về làm ra một cái thư-viện gọi là « Long-cương thư-viện » 龍岡書院. Lại làm ra một cái nhà gọi là « Di-tân đường 資賓堂 », cái hiên gọi là « Hả-lậu-hiến 何陋軒 », cái đình gọi là « Quán-tử-dình », 君子亭 cái oa gọi là « Ngoạn-dịch-oa 玩易窩 ». Năm ấy tiên-sinh giác-ngộ ra được cái lẽ

cách-vật tri-tri trong sách Đại-học. Quan tuyền-úy-sứ ở đất Thủy-tây mô đạo-đức tiên-sinh, sai người đem cho gạo cho thịt, và cấp cho người sử-linh, lại đem vàng tốt lụa tốt ngựa tốt ra tặng, tiên-sinh đều cảm-tạ mà không nhận, để tỏ ra cái chí xử về cảnh-ngó cùng-khốn kiệm-ước.

Năm sau, quan đề-học phó-sứ đất Qui-dương là Tích Thư 席書 sinh tiên-sinh sang chủ-trương Qui-dương thư-viện, đóng-dã học trò Qui-dương lấy lễ thờ thầy thờ tiên-sinh. Năm ấy tiên-sinh mới luận ra cái thuyết « tri-hành hợp-nhất ». Năm sau nữa, thăng chức Lu-lãng tri-huyện. Tiên-sinh trị huyện Lu-lãng không chuộng uy-hình, chỉ lấy mọi sự khai-đạo nhân-tâm làm gốc. Ở huyện có bảy thàng, mà đưa lời cáo-thị cho dân đến mười sáu lần. Lời cáo thị đại-đề là những lời chuẩn cần thiết-thực, bảo phụ-lão đem những điển-hiệu-để trung-tin liêm-sỉ lễ-nhượng dạy dỗ lấy con em, có nhiều kẻ toan đi tranh-tụng, kịp nghe những lời cáo-thị khuyến-dụ, thì đem lòng cảm-động chảy nước mắt khóc mà về.

Tiên-sinh từ đấy, đạo-đức học-vấn đã đại-hiến-trừ ở đời, dù có kẻ ghen-ghét cũng không thể ghen-ghét được nữa. Cho nên tự đấy về sau, tiên-sinh lại là một vị nhân-vật thường có quan-hệ về tư-pháp, về thanh-tra, về tuyền-cử, về quân-sự ở triều nhà Minh. Nào Nam-kinh Hình-bộ, hội-thi khảo-quan, nào Lại-bộ thanh-lại-ty, văn-tuyền thanh-lại-ty, nào Đô-sát-viện ngự-sứ, tuần-phủ Nam-chương Đinh-Chương đảng-xứ, nào đề-đốc quân-vụ tiện-nghi hành-sự, nào Nam-kinh Binh-bộ thượng-thư tham-tả cơ-vụ, phong-lân-kiểu-bá, đều là những chức thanh-quí và trọng-yếu cả. Duy sự-nghiệp tiên-sinh thì lại hiển-trừ nhất là trường-quan-sự. Cái lịch-sử quân-sự của tiên-sinh, có hai thời-kỳ, một là thời-kỳ binh cái

giặc lưu-khẩu ở Nam-chương, hai là thời-kỳ giặc cái loạn đại-ngịch phiến-vương là Thần Hào ở Nam-xương.

Kể về thời-kỳ binh giặc lưu-khẩu. Xưa nay khó đẹp nhất là cái giặc lưu-khẩu, nay đây mai đó, không có định-tung; đại-đề là những quân vô-lại, tiền-quần hàng chục hàng trăm, đại-quần cũng có hàng nghìn hàng vạn, thường hay núp-náu ở chỗ rừng sâu núi hiểm, thừa-cơ ra cướp phá dân-gian, dân-gian cực-kỳ khổ-hại, mà đại-khái là những quân ó-hợp, không đội-ngũ, không lĩnh-tụ gì cả; khi đại-bình tiến-tiến, thì chúng tung-tích diễn-nhiên; khi phòng-bị hơi sơ-giải một chút thì chúng lại ra cướp phá; lại cầm binh-khi thì là người dân, kẻ lương người dữ cũng khó tra-xét; thường có cái giặc mười năm hai mươi năm, mà vẫn không ai làm gì được chúng, chính sách khoan-nhân, thì ra nuôi giặc chứ không phải nuôi dân, chính-sách nghiêm-khắc, thì ra giết dân chứ không phải giết giặc.

Đất Nam-chương (tức phía nam tỉnh Giang-tây) tiếp-giáp bốn tỉnh Hồ-nam, Phúc-kiến, Quảng-đông, Giang-tây, rừng thì sâu, núi thì hiểm, đạo-tặc thành dân thành lũ, dân-sự nguy-khổ. Bảy lâu địa-phương-quan hề thấy đạo-tặc hoành-hành lắm, thì các tỉnh hội-dồng với nhau sớ-tấu xin điều-bát đại-quần, vãng-phần hàng năm, phí-tồn hàng vạn, đến lúc tập-binh cử-sự, thì ma quỷ nó đã tàng-hình, khi bãi-bình về thì cáo chuột nó lại tự-dăng, hoặc sẵn đảng đông thì nó lẫn sang đảng tây, danh đảng nam thì nó chạy lên đảng bắc, rút lại chẳng nên công-trận gì, mà cách phòng-bị lại càng sơ-sai trở biếng.

Tiên-sinh khi ấy bốn-mươi-sáu tuổi, đã về hạng xấp-xỉ lão-thành, được vua Vũ-tôn tin cậy, đặc-mệnh thăng chức Đô-sát-viện tả-dò-ngự-sứ tuần-phủ Nam-chương Đinh-chương đảng-xứ, lại được

quyền tiết-chế cả quân - bị các lĩnh láng-diềng. Tiên-sinh khi phụng-mệnh đi ở dọc đường, nghe đạo-tặc ở Chương-nam đương xi-thịnh, gặp đường đi mau, bắt-phân mộ-da, kịp đến Chương-nam, tức-khắc thông-báo cho các tỉnh, phải khắc-kỷ khởi-binh, không được dưng-dâng như trước. Tiên-sinh phó-nhiệm mới mười ngày, đã tức-nghị tiến-binh. Nhưng không trản đi đánh vội, bắt binh-bị các tỉnh, cử trong bộ-thuộc, kén lấy những người kiên-dũng tuyệt-luân, can-dảm hơn người, đại - khái mỗi tỉnh chỉ độ năm sáu trăm người; làm chuẩn mà thôi, nghĩa là binh vụ tỉnh bất vụ đa; còn những người hèn yếu thì thải ra cho sung về đội công-binh, không khiến cầm binh-khi đi đánh giặc, để cho tỉnh-giảm mọi đường phiền-phí. Lại mộ binh-dũng ở dân-gian, cho lệ-thuộc các quan binh, bắt các quan binh chia đội huấn-luyện thống suất. Các số quân như trên, chỉ chia ra các đạo, hoặc giữ các thành, hoặc phòng-liệt các nơi hiểm-trở sung-yếu mà thôi. Lại cho các đạo binh-bị được phép ứng-biến xuất-kỳ, gặp đâu đánh đấy, không phải phiền đến đại-quân. Từ đấy, những kẻ hào-kiệt mới ra sức, những kẻ đạo-tặc mới biết sợ, dân-gian mới có đường cấy trồng.

Khi ấy đại-binh đóng ở Trảng-phủ-thôn, gặp giặc, đại-chiến một trận, chém bắt cũng được khá nhiều. Giặc mới có cơ cùng-xúc, không dưng-hôn tây-thoán như trước được nữa, mới chạy cả lên Tượng-hồ-sơn, y-sơn thủ-hiêm. Tiên-sinh thân-đốc chư đạo quân, tiến lên đóng đồn ở Thượng-hàng, làm ra bộ bất-chiến. Mật sai các đạo trinh-thám đi phao-ngón rằng quan-quân sắp-sửa khao-chúng thoái-quân, đợi đến lai-thu sẽ tái-cử. Lại mật sai các đạo binh-quan, phân-binh tam-lộ, dưng đến tối hôm mười-chín tháng hai, nửa đêm ngậm tẩm cùng tiến, thẳng xông vào núi Tượng-hồ, cướp được ải-khẩu.

Chư-tặc thất-hiêm, lại lên giữ một làng núi cao, bốn bề như vách dựng, vắn gỗ chặt đá cố chết chống cự với quan-quân; tự sáng đến trưa ngày hôm ấy, quan-quân phấn-dũng kịch-chiến. Lại có một đạo quân theo đường gian-dao đột-ngột reo hò kéo lên núi, quân giặc kinh-hãi vỡ chạy, quan-quân thừa-thắng tiến-tiến. Rồi quân Phúc-kiến phá được hơn ba-mươi sở sào-huyệt của giặc, quân Quảng-dông cũng phá được mười-sáu sở sào-huyệt của giặc, vừa chém vừa bắt, dưng thủ dưng tông, cả thấy hơn bảy nghìn dưng; đồ vật lương thực của giặc, thu được không biết số nào mà kể, chư-tặc-đồng ở miếu Nam-chương, tảo - diệt hết sạch-sành-sánh. Cái giặc lưu-khẩu hai-mươi năm trời, chỉ trong ba tháng mà dẹp yên, nếu không thần-toàn sao được như vậy.

Khi ấy giặc-dã mới yên, những việc kiến-thiết phủ-an, trong địa-phương còn nhiều việc lắm. Tiên-sinh thường nói trong nước có giặc, cũng như trong người có bệnh, hưng - sự chinh-thảo đó là cách tiêu-phạt châm-chích, thiết-quan phủ-dân đó là cách âm-thực điều-dưỡng; nếu không biết điều-dưỡng, thì bệnh nó lại phát ngay, khi ấy thì dưng ông Biển-Thước cũng không làm gì được nữa. Tiên-sinh mới dâng sớ lên triều-đình, xin cho được hết cả trách-nhiệm mục-dân. Tiên-sinh liền được cải-thu làm chức đề-đốc Nam-chương Đĩnh-chương đẳng-xứ quân-vụ, khám-cấp kỳ-bãi, liện-nghi hành-sự. Tiên-sinh từ đấy, làm một chức toàn-quyền ở xứ Giang-tây.

Khi ấy đất Nam-chương tuy đã bình-tĩnh, song Lạc-xương với Long-xuyên các xứ, tặc-đồ sào-huyệt cũng hãy còn nhiều. Tiên-sinh cho chúng là kẻ cùng-khẩu, tan chỗ nọ tụ chỗ kia, nếu dưng đánh giết-giặc cho đến kỳ-cùng thì cũng không phải là bản-tâm. Tiên-sinh sắp-sửa cất quân đi đánh, trước hàng sai người đem cho các chúng trâu,

tiền, vãi, rượu, mà đưa lời cáo-dụ các chúng. Lời rằng :

« Cái tiếng người ta cùng lấy làm xấu-xa, còn gì hơn cái tiếng làm kẻ đạo-tặc ; cái sự người ta cùng lấy làm oán-giận, còn gì hơn cái sự bị người đến phá-hại cướp-bóc. Thi-đụ có kẻ mắng các người là đạo-tặc, chắc các người đem lòng tức-giận mà tìm cách mắng lại. Lại thi-đụ có kẻ đốt nhà-cửa các người, lấy của-nả các người, bắt vợ con các người, chắc các người cũng đem lòng oán-thù, thâm-nhập cốt-tủy, mà thề rằng chết cũng báo lại. Nhân đồng thử tâm, các người há lại không biết. Thế mà cứ phải đi làm những sự đạo-tặc, tướng cũng có phần bất-đắc-dĩ ở trong đó. Hoặc là do những kẻ tham-quan nhũng-lai làm bách các người, hoặc là do những kẻ phú-hữu hào-cường há-hiếp các người, nhất-thời tông-bí, phải đi làm càn, đã trót vào trong gian-dãng, rồi không dám ra nữa. tình ấy cảnh ấy, các người cũng khổ lắm đấy, ta đây rất lấy làm thương. Song cũng là do các người hối-ngộ không sớm đấy mà thôi. Khi các người đi làm giặc, thế là người sống mà tìm đường chết, đường chết mà dám đi, nữa là ngày nay cái hạnh tông-thiện, thế là người chết mà cầu đường sống, đường sống mà chẳng dám đi ư? Nếu các người quả muốn cái hạnh tông-thiện, ta đây há có cái lẽ lại giết các người. Các người quen thói làm ác, hay giết người, vậy cái tâm hay e-lệ hoài-ngại. Nhưng có biết đâu cái lòng quân-tử, giết một con vật còn và bất-nhân, huống chi nhân-mệnh, quan-hệ đạo trời, nếu khinh-dị giết hoại, thì trong cõi minh-minh, tất có báo-ứng, rồi có tai-vạ về sau, người quân-tử há chịu làm thế. Ta đây vì các người nghĩ-ngợi bản-khoản, thường đến suốt đêm không ngủ. cũng là vì các người tìm lấy một đường sinh-lộ đấy thôi. Chỉ vì các người n-mé đại-dột quá, không biết

nghĩ, rồi sau bất-đắc-dĩ mới phải dung-binh, thế không phải là ta giết các người, là trời giết các người đấy. Bảo rằng ta không khi nào giết các người, thì cũng là nói dối các người ; nhưng mà bảo rằng tất định giết các người thì cũng không phải là bản-tâm ta. Các người hiện nay tuy là kẻ làm ác, nhưng xưa kia lúc chưa làm ác, cũng là hạng xích-tử của triều-đình. Thi-đụ như một nhà, cha mẹ sinh được mười con, tám người con làm thiện, hai người con làm ác định làm hại tám người, thì cái lòng cha mẹ chắc phải nghĩ trừ-khử hai người đi, rồi sau tám người mới được yên ; cũng là con cả, cớ sao cha mẹ lại tất phải giết hai người đi, là bất-đắc-dĩ vậy, ta đối với các người, cũng chính như thế. Nếu hai người con kia nhất-đần hối-ngộ, cải-ác tông-thiện, kêu-khóc thứ thực, thì kẻ làm cha mẹ tất cũng thương xót mà thứ cho, là cớ sao? Cớ là không nỡ giết con ấy, là cái bản-tâm cha mẹ, nay được thỏa-mãn cái bản-tâm, thì mừng nào mừng bằng may nào may bằng ; ta đối với các người, cũng lại chính như thế. Ta nghe các người đi làm giặc, lấy của người cũng chẳng được bao nhiêu, đôi vẫn hoàn đôi, rách vẫn hoàn rách. Sao các người chẳng đem cái sức cần-khở đi làm giặc của các người ra, mà các người dùng về sự canh-nóng, vất về sự thương-cỏ, có thể làm được no đủ giàu có, vui-thú yên-lành, phóng-tâm tung-chú, du-quan những nơi thành-thị, tru-dau những nơi điền-dã. Há như ngày nay ra thì sợ quan trách kẻ thù, vào thì lo người bắt sợ người nã, ăn-hình nấu vết, khổ-sở chung-thân, rút lại thân thì diệt, nhà thì tan, vợ con bị nhục, có sướng gì không? Vì bằng các người biết nghe lời ta, cải-hạnh tông-thiện, thì ta tức-khắc coi các người là kẻ lương-dân, ta không truy-niệm cái ác cũ các người nữa. Nếu các người làm ác đã thành tính-quen, khó cải đi được, thì

cũng mặc ý các người. Ta chỉ hết cái chức-trách trừ-ác của ta, phía nam ta lấy quân Lương-Quảng, phía tây ta lấy quân Hồ-Tương, ta thân-suất đại-quân, vây phá sào-huyệt các người, một năm chẳng xong thì hai năm, hai năm chẳng xong thì ba năm, cái sức các người thì hữu-hạn, mà binh-lương ta vô-cùng. Vì khiến các người đều là con hổ có cánh, chắc cũng không trốn ra ngoài cõi trời đất được. Than ôi! Dân ngộ đồng-bào. Các người đều là hạng xích-tử ta, ta không thương được các người mà đến nỗi phải giết các người, ta đau-dớn thay! ta đau-dớn thay! ta nói đến đây, ta bất-giác sa nước mắt xuống. »

Lời dụ-văn ấy đưa ra, kẻ đạo-tặc người nào người ấy đều cảm-dộng kể cừ-khỏi trong đám đạo-tặc như lũ anh Hoàng Kim Sào, anh Lư Kha, đều mang đồ-dâng ra đầu-hàng, xin đem tử-lực để báo đức.

Tiên-sinh bắt đầu đi dẹp giặc tự giữa mùa xuân, đến cuối mùa đông giặc đã toàn yên, só tâu lên triều-dinh, xin đem quân về. Năm ấy là năm Vũ-tôn Chinh-dức thứ mười hai, quân đi đến Nam-khang, bách-tính cứ theo hai bên đường, thấp hương đón mừng, vái lạy. Vùng Chương-nam các châu huyện chỗ nào tiên-sinh từng kinh qua, thì châu nào châu ấy, huyện nào huyện ấy, đều lập sinh-từ, vẽ tượng tiên-sinh tuế - thời thi - chúc.

Tiên-sinh khi đánh giặc, bắt được tên cừ-khỏi là Tạ Chí-San, hỏi nó rằng may vì sao mà được đồ-dâng nhiều thế. Nó thưa rằng cũng chẳng dễ đâu. Lại hỏi. Nó mới thưa rằng: « Tôi bình-sinh hề trên đời người nào là người hào-hán, thì tôi không dám khinh - dị phỏng-quá người ấy đi, tôi thiên-phương bách-kế kết-giao với người ấy; hoặc người ấy có sự hoãn-cấp, thì tôi hết sức giúp, hoặc người ấy muốn uống rượu, thì tôi cũng hết sức kiếm được

rượu, cho tha-hồ người ấy uống, đợi khi mình với người ấy ôiết nhau đã thâm, rồi mời thổ-thực can-tràng, thì nói gì được ấy ». Tiên-sinh lui về bảo học trò rằng cái đạo cầu lấy người bằng-hữu có ích mà chơi của bọn nho ta, chính uên như vậy.

Tiên-sinh vốn là người đạo-học, khi đương cữc, dù chức gì mặc dù, thường lúc nào cũng vẫn giảng học, sĩ-phu ở trong triều, cùng danh-sĩ ở hải-nội, phần nhiều là học trò tiên-sinh. Thậm-chi khi đi đánh giặc, bõ-rối về quân-sự, cũng vẫn có thư gửi cho học trò nói về « tâm-tĩnh chi học ». Thư gửi cho Dương Sĩ-Đức 楊士德 có những lời rằng: « Phá cái giặc ở trong núi ấy dễ, phá cái giặc ở trong tâm ấy khó. Nếu các bạn táo-diệt được cái giặc nhân - dục ở trong tâm đi, mà thu lấy cái cóng hiệu thiên-lý khuếch-thanh, thế mới là cái sự-nghiệp to-tát không mấy đời có của kẻ đại-trượng-phu. »

Tiên-sinh dẹp xong giặc ở Chương-nam bắt đầu kiến-thiết cho dân ở xứ ấy về việc học. Thường nói dân-phong mà bất-thiện là do giáo hóa bất-minh, dân dễ tiêm-nhiễm về ác-tục, muốn cho dân hay, phải di-phong dịch-tục dần dần mới được. Tức hành cáo-dụ các huyện phụ lão ở Chương-nam, bắt làng nào làng ấy đều phải lập trường học, gọi là xã-học, đón thầy dạy lấy các con em, kỳ cho thành cái phong-tục có đạo-đức liêm-sĩ.

Tiên-sinh lại lưu-ý nhất là phép dạy trẻ con. Thường nói rằng dạy trẻ con trách nó những sự kiềm-thúc quá, cầu nó những điều thông-minh quá là lầm, chỉ nên dạy nó những điều hiểu-dễ trung-tin lễ-nghĩa liêm-sĩ làm cốt; còn như cái phương-pháp hãm-dưỡng, dạy nó hát những bài thi-ca, để cảm phát lấy tình-chí, dạy nó lập những lễ ứng-đối tiến-thoái đề-từ-chiến

lấy uy-nghi, dạy nó đọc sách, để mở đường tri-giác dần dần, trẻ con vì như cái mầm cỏ cây, để cho nó thur-sương thì nó mới lên được.

Tiên-sinh lại lập cho dân Chương-nam cái hương-ước. Tiên-sinh có nghĩ rằng đất Chương-nam nguyên là đất đạo tặc, nay tuy hương-hóa ở ngoài mặt, nhưng chứa thật hương-hóa ở trong tâm. Cho nên lập cho dân cái hương-ước, đại-đề những điều quan-hệ về phong-tục về luân-lý, về việc bảo-trợ ; việc cảnh-giới, bắt phụ lão trong hương-lý phải đốc-suất tử-đệ cần-thận thực-hành để phủ-đương giáo-huấn về lúc bình-nhật.

Kể về thời-kỳ dẹp loạn Thần Hào 宸濠, Thần Hào nguyên là một tước thân-vương thế-tập phong đất ở Nam-xương (tức tỉnh-thành Giang-tây), là người kiêu-xỉ hung-ác, có hình-tích bạo-nghịch đã lâu, vì giao-kết với lũ hoạn-quan ở trong triều che mắt vua Vũ-tôn, cho nên tội ác vẫn chữa hiền. Năm ấy là năm Chính-đức thứ mười bốn, tiên-sinh đề-đốc quân-vũ đất Chương-nam, đóng ở Cát-an, tiếp-cận với địa-diềm Thần Hào, vì Nam-xương ở phía bắc, Nam-chương ở phía nam, cùng trong một cõi tỉnh Giang-tây. Tháng sáu năm ấy, tiên-sinh phụng-mệnh làm chức thanh-tra, đi ra tỉnh Phúc-kiến, khám xét quân-tinh. Đi đến huyện Phong-thành, viên tri-huyện là Cố Bật 顧泌 đón báo Thần Hào khởi loạn ở Nam-xương, tiên-sinh liền quay thuyền về. Khi ấy Thần Hào đã sai một đạo quân đi ở phía bắc xuống đón bắt tiên-sinh, gió nam lại thịnh quá, thuyền tiên-sinh không tiến về phía nam được, mà quân Thần Hào thì sắp đuổi đến nơi. Tiên-sinh khẩn trời rằng trời mà còn thương đến ức-triệu sinh-linh, để cho Thủ-Nhân kuông-phù xā-tắc, thì xin trời quay gió ngay đi; nếu trời không có ý gì, thì Thủ-Nhân xin chết ở đây. Nói xong, trời tức-khắc quay gió.

Nhưng quân Thần Hào đuổi kịp quá, tiên-sinh phải trốn sang một chiếc ngư-thuyền, mới thoát về Cát-an được. Tiên-sinh khi ấy không kịp thành-mệnh với triều-đình, nhất-diện khởi nghĩa-binh ở Cát-an, nhất-diện sai người lên Bắc-kinh dâng sớ cáo-biến.

Thần Hào có binh sáu vạn, thanh-ngôn là mười vạn, lấy Nam-xương làm sào-huyệt, chia đạo ra đánh Nam-khang, đánh Cửu-giang, sang sông Dương-tử vây Yên-khánh, định tiến đường lấy Nam-kinh, rồi lên lấy Bắc-kinh, thanh-thể chần-dộng.

Tiên-sinh ở Cát-an, kịp giục các đạo bản-bộ quân khải-kỵ lai-hội ở Chương-thu, phát hiệu-lệnh thế-sư, tiến lên đóng ở Phong-thành. Giặc phục-binh ở Tân-cửu-xưởng, đề sách ứng với Nam-xương. Tiên-sinh cử một đạo quân do đường gián-đạo, nửa đêm lên đánh phá Tân-cửu-xưởng quân giặc kinh-vỡ, chạy về thành Nam-xương. Mờ mờ sáng, nghĩa-binh các đạo tề-tiến. Giặc thấy quân-đội tiên-sinh tập-hợp được mau quá, trong thành Nam-xương người nào người ấy kinh-hãi thất-sắc. Các đạo nghĩa-binh thừa thắng, bắc thang vắt dây, hò hét xung-đột lên thành, thành Nam-xương vỡ. Nghĩa-binh vào thành, bắt sống được quân giặc hơn một nghìn người, vợ con Thần Hào nhảy vào đồng lửa mà tự-đốt. Tiên-sinh hạ lệnh yên-úi cư dân, và tha tội cho những kẻ hiệp-tòng, niêm-phong kho-tàng, thu nhặt ẩn-tín, nhân-tình cả yên. Các nguy-quan là lũ anh Hồ Liêm, Vương Kỳ, tập-nập ra đầu thú. Thế là chỗ căn-bản của giặc, đã vào trong tay nghĩa-binh.

Thần Hào khi ấy, đương đốc-suất đại-quân, lên vây Yên-khánh, nghe tin Nam-xương nguy-cấp, giải vây Yên-khánh, đem quân về cứu căn-bản. Tiên-sinh khi ấy khải-phục được Nam-xương, kịp tiến binh đuổi đánh Thần Hào. Các quan-liều đều nói thế giặc đương mạnh, ta hãy nên giữ vững

lấy thành Nam-xương, để xem thể giặc có chuyển-biến ra thế nào, rồi sẽ động. Tiên-sinh nói rằng thể giặc tuy cường-dại, nhưng hiện nay tiến chữa có đường lợi, thoạt không có chỗ về, người nào người ấy chỉ-khi đã từ-táng, có cái cơ không đợi đánh mà tự vỡ; binh-pháp có câu trước được bước người, thì đoạt được khi người, chính là thế vậy. Liễn chia binh các đạo, chinh-binh, kỳ-binh, tả-đục, hữu-đục, tiến đánh. Ngày thứ nhất đại-chiến ở Hoàng-gia-dô, ngày thứ hai đại-chiến ở Bát-tự-nã, ngày thứ ba bắt sống được Thần Hào ở Tiên-xá, áp-giải về Nam-xương, thành Cửu-giang với thành Nam-khang, cũng đồng - thời khắc-phục, đất Giang-tây nhất-luật khuyển-thanh. Tự lúc khởi binh đến lúc phá tặc, chữa đầy mười n. ấy, mà đã thành công, lời cáo-biến, lời thỉnh-mệnh, triều-dinh chữa kịp trả lời, mà đã tấu-tiếp, cũng là một sự ít thấy của nhà quân, cũng là do quân tiên-sinh đều là quân nghĩa-dũng, mà tiên-sinh dụng binh lại được thần-tốc.

Khi ấy, dâng gian-nịnh ở Bắc-kinh là lũ anh Trương Vĩnh 張永, Trương Trung 張忠, Giang Bán 江彬, Hứa Thái 許泰, thấy tiên-sinh có công to, đem lòng ghen-ghét, phách vua Vũ-tôn đi thân-chính, để đàn-áp tiên-sinh. Khi thân-chính ấy, thì Thần Hào đã bắt được rồi, chẳng qua tiêu-trừ những dư-dãng dấy mà thôi. Vũ-tôn đi thân-chính, xa-giá đóng ở Hoài-dương, bọn Trương Trung, Hứa Thái kéo quân xuống Nam-xương, cậy là bậc-quân, có lắm điều vô-lẽ với nam - quân. Tiên-sinh chỉ tự-xử thung - dung, lấy lễ đãi chúng, không so kể gì cả. Tiên-sinh biết chúng muốn tranh công, mới đem Thần Hào giao cho quân Trương Vĩnh, mà dâng sớ cáo-bệnh, lui ra dưỡng bệnh ở Vu - hồ. Bọn Trương Trung lại gièm với vua Vũ-tôn, bảo rằng Thủ-Nhân tất có chí-phần

quốc. Vũ-tôn cũng đem lòng nghi ngờ, sai người đi trinh-thám tiên-sinh, người trinh-thám về báo Thủ-Nhân ở Vu-hồ, chỉ thấy hàng ngày tĩnh-tọa ở trong một cái thảo-am, Thủ-Nhân là kẻ đạo-học, há lại có phần-quốc. Tiên-sinh khi ấy đã dâng sớ cầu giải chức, vua Vũ-tôn không cho, đặc-mệnh kiêm chức Giang-tây tuần-phủ, tiên-sinh lại về Nam-xương. Năm Chính-đức thứ mười sáu, tiên-sinh năm mươi tuổi, thăng Nam-kinh Bình-bộ thượng-thư, tham-tán cơ-vụ, phong Tân-kiến-bá. Năm ấy tiên-sinh mới yết ra cái thuyết « tri lương-tri » để dạy học trò. Tiên-sinh thương nói hai chữ lương-tri của ta, là do trong thiên-nan vạn-lữ mà được, vì ta đã trải cái biến trong cuộc đời nhiều lắm, mới nhận-chân ra được hai chữ lương-tri.

Tự năm Chính-đức thứ mười bốn đến năm Gia-tĩnh thứ sáu, trong khoảng mười năm, tiên-sinh vừa làm chức trọng-thần, trụ-thạch cho nước, vừa làm vị giáo-sư, khai-giác cho đời, vừa làm kẻ du-lãm, điềm-xuyết cho vùng Ngô-sơn Việt-thủy. Lịch-sử tiên-sinh không những là lịch-sử thánh-hiền, lịch-sử hào kiệt, mà lại là lịch-sử phong-lưu vậy.

Năm Gia-tĩnh thứ sáu, tiên-sinh năm mươi sáu tuổi, đương ở Việt-trung, lập cái Dương-minh thư-viện, đã có cái chỉ sơn-lâm. Triều-dinh lại đặc-mệnh tiên-sinh tống-đốc Lương-Quảng và Hồ-nam Giang-tây tứ tỉnh quân-vụ, khai sù-y-phủ ở Ngô-châu, (thuộc Quảng-tây). Vì Quảng-tây có cái man-khẩu phiến-loạn ở Tư-châu Điền-châu, quan đề-đốc là Diêu Mac 姚鵬 hợp quân bốn lĩnh đi đánh mãi không xong. Tiên-sinh phụng mệnh, tự Việt-trung, sang sông Tiền-dương, qua núi Thương-sơn, đến thành Nam-xương, xuống huyện Cát-an, qua đất Triệu-khánh, sang phủ Ngô-châu. Tiên-sinh đến Ngô-châu, xem xét tình-hình, biết rằng cái giặc ấy không phải

đánh, chỉ tại quan không ra quan đây thôi. Mới dâng sớ bảy mươi điều dở, ra mười điều hay, xin triết triều-quan về, mà dùng thờ-quan ; xin bãi các đạo dụng-bình, mà tuyên-bố triều-đình uy-dức. Rồi từ-trưởng các đồng, đồng nào đồng ấy đều mừng-rỡ ra đầu hàng, đất Quảng-tây toàn yên. Thật là không mất một mũi tên, không giết một người giặc mà tâu-công. Tiên-sinh muốn đem cái văn-hóa trung-triều biếp-cải cho cái phong-tục mọi rợ, cho nên lập ngay cho người xứ ấy cái Điền-châu học-hiệu, để làm cái nguồn-gốc phong-hóa. Lại lập ra cái Nam-ninh học-hiệu giữa tỉnh Quảng-tây để tiêu-biểu cho sĩ-tập tỉnh ấy về đường lý-học.

Năm ấy tiên-sinh vào yết miếu quan Phục-ba tướng-quân 伏波將軍 (Mã Viện đời Hán). Tiên sinh năm mươi lăm tuổi, từng có tâm mộng vào yết miếu Phục-ba ; đến khi ấy vào bái-yết dưới đền, y-nhiên như trong giấc mộng. Tiên-sinh nói ta di phen này, thực có thiên-định không phải là sự ngẫu-nhiên. Nhân có thơ kỹ-sự, thơ có câu rằng : « Nguyệt nhiễu tinh kỳ thiên chướng linh, phong truyền linh mộc ngũ khê hàn. 月繞旌旗千嶂靜。風傳鈴木五溪寒。 » Khả tướng thấy khí-tượng

người đạo-học đối với linh-sắc kẻ anh-hùng. Song sự ấy là một sự cuối-cùng trong lịch-sử tiên-sinh, sẽ biết tiên-sinh thiếu-thời là kẻ anh-hùng mà học đạo, cho nên văn-niên lại lưu-lộ ra cái chi sùng-bái anh-hùng.

Cuối năm Gia-tĩnh thứ bảy (1528) tiên-sinh ở Quảng-tây đi kinh-lược các nơi qua núi Mai-linh, đến đất Nam-an, năm ấy tiên sinh mất, thọ năm-mươi-bảy tuổi. Khi ấy tiên-sinh đi thuyền, tiên-sinh nằm ở trong thuyền, bệnh-thể đã kịch ; kẻ môn-nhân là Chu Tịch tức là viên địa-phương-quan ở Nam-an, đến thăm thầy, khóc-lóc, hỏi thầy có di-ngôn gì không. Tiên-sinh hơi mở miệng cười mà nói rằng : « Thủ tâm quang minh 此心光明, lại phải nói gì ». Nói xong, nhắm mắt mà mất. Du-thần đi đường thủy, tự Nam-an lên Nam-xương về Du-diêu, sĩ-dân gần xa, đón đờng viếng khóc, như khóc cha mẹ ; kẻ môn-nhân hội-táng có hơn hai nghìn người. Cách tỉnh-thành Chiết-giang ba mươi dặm, chỗ Hồng-kê ấy, tức là chỗ mộ Dương-minh tiên-sinh. Bốn chữ « thủ tâm quang minh » ấy, tức là cái yếu-lĩnh trong học-thuyết Dương minh tiên sinh.

Từ-g-vân NGUYỄN ĐỒN-TRỰC



THẨM HƯƠNG-CẢNG VÀ QUẢNG-ĐÔNG (1)

11

V. — Phong-trào dề-chế Anh. —
Bọn thợ bãi-công ở Hương-cảng chạy về Quảng-châu cổ-động việc dề-chế. — Hai bên điều-đinh không xong

Việc bãi-ông ở Hương-cảng tự dấy đã xong, 80 phần 100 thợ đã về xưởng làm. Sự sinh-hoạt ở Hương-cảng đã khôi-phục lại cái trạng-thái thường. Vậy Hương-cảng và Quảng-đông không cần phải giải-quyết về một vấn-đề bãi-công nữa.

Bởi thế nê nhai bên mới có thể trực-tiếp thương-thuyết về các việc khác được. Trong khi ở Hương-cảng việc bãi-công còn dương thịnh-hành thời Chính-phủ Quảng-đông vẫn cố nài dề vì Chính-phủ Hương-cảng làm môi-giới mà điều-đinh với bọn thợ bãi-công, cho tỏ cái ý rằng trong việc bãi-công ở Hương-cảng Chính-phủ Quảng-đông không hề có can-thiệp vào bao giờ. Quảng-đông có vì bọn công-nhân đó yêu-cầu điều-khoản gì về chính-trị với Hương-cảng cũng là lấy cái địa-vị khách-quan mà thôi, chứ Quảng-đông không thể can-thiệp vào việc Hương-cảng được. Nay việc bãi-công đã xong rồi thì hai Chính-phủ có thể trực-tiếp thương-thuyết với nhau, vì chỉ còn có vấn-đề dề-chế phải giải-quyết mà thôi.

Từ xưa đến nay mấy lần dề-chế ngoại-hóa ở Tàu không lần nào có công-hiệu bằng lần này ở Quảng-đông.

Sánh với lần này thời lần dề-chế đồ hàng Nhật hồi năm 1919 và 1921 thật không thắm vào đâu. Lần này ở

các nơi giao-dịch trọng-yếu có địa-linh canh (trước linh lại có khi-giờ nữa) dề-cấm không cho đồ hàng Anh hay đồ hàng đem ở một nơi nào thuộc Anh vào địa-phận tỉnh Quảng-đông; lại cấm không cho đồ hàng-hóa bản-tính xuất cảng đem sang một địa-hạt thuộc Anh. Hai đảng cũng hơi có lậu một chút, nhưng ít lắm, không kể đáng. Thự thời sự dề-chế thật được hoàn-toàn

Nay xét xem cái số thợ bãi-công ở Hương-cảng về Quảng-châu là bao nhiêu, theo số ước-lượng của Chính-phủ Hương-cảng, chứ không theo số Chính-phủ Quảng-đông. Hiện nay có chừng 20.000 người sẵn-sàng giúp cho việc dề-chế thành-công, nghĩa là cho đến khi hai bên điều-đinh thỏa-đang mới thôi. Nghĩa chữ *thỏa-đang* ở đây là bọn đó muốn đòi cho được lĩnh tiền công cả trong cái thi-giờ bãi-công. Đó với điều-yêu-cầu đó thời thái-độ của Hương-cảng rõ-ràng lắm: trong khi bãi-công, một xu cũng không trả, về phần chính-phủ cũng vậy, và phần các nhà buôn người Anh và người Tàu ở Hương-cảng cũng vậy. Như thế thì không biết giải-quyết ra thế nào, trừ chính-phủ Quảng-đông chịu nhận trách cho bọn bãi-công (kể cũng khó lắm), hay bọn này chịu đòi Quảng-châu mà đi (hiện nay cũng đã có một phần làm thế rồi), thì không kể.

Tuy vậy thế nào rồi cũng phải giải-quyết được, vì hai bên Hương-cảng và Quảng-đông đều thành tâm muốn điều-đinh cho xong.

(1) Dịch mấy bài đăng trong nhật-báo nước Anh ở Thượng-hải, *North China daily news*, theo bản dịch chữ Pháp của báo *la Politique de Pékin* (北京政聞報). — Xem N. P. số 107.

Đứng đầu Chính-phủ Hương-căng là SIR CECIL CLEMENTI, ông này người hòa-nhã, có tri-độ rộng, vừa nói được tiếng quan-hoại, vừa nói được tiếng Quảng-dông, lại có tính nhãn-nại, và người Quảng-dông cũng có cảm-tình. Chủ-trương việc thương-thuyết cho Hương-căng, ngoài chính-thức hiện là ông KEMP làm quan Chánh-Chưởng lý Hương-căng, là một người rất am-hiểu công việc nước Tàu và tâm-lý người Tàu, phong-thái nho-nhã, có cái thói quen nhà trạng-sự xét việc gì thời xét ngay đến căn-đề việc ấy.

Về phương-diện Tàu thời người chủ-trương việc thương-thuyết là bác-sĩ C. C. OU (Ngũ Triều-khư), nhân sự tình-cờ giữa buổi tối ông KEMP vào Hội Câu-lạc *Lincoln's Inn* thời bác - sĩ cũng được công-nhận vào Hội, hai người cùng ngồi một bàn ăn với nhau.

Bác-sĩ OU là con ông cố OU TING-FANG (Ngũ Đình-Phương), có cái lịch-duyet làm trạng-sư và làm ngoại-giao. Trong việc thương - thuyết này thời nhất-diện là ông chủ-ý muốn thu lấy cái lợi rất to cho nước Tàu; nhất-diện ông cũng muốn cho được hòa-bình và cũng mong tìm được cách giải-quyết thế nào cho Hương-căng và Quảng-dông cùng nhau hiệp-lực để mở-mang cho miền Đông-nam nước Tàu. Trong khi hội-dàm với đại-biêu Hương-căng, thứ nhất là ông KEMP, ông vẫn thường nói việc đề-chế ngày nay là phần nhiều bởi những chuyện Hương-căng và Quảng-dông cứ chằm-trích nhau vô-ích, làm cho mất lòng nhiều, chứ không những bởi việc ngày 23 tháng sáu năm ngoái mà thôi. Giúp cho ông OU trong việc thương-thuyết này là ông FOU PING-CHANG, làm ủy-viên về ngoại-vụ, người trẻ hơn ông, nhưng có tài văn-học vừa bằng chữ Hán vừa bằng chữ Anh, nhà dòng-dõi học-vấn, thần-thuộc và bằng-hữu đều có quan-hệ với Hương-căng cả.

Những tay ấy giao-thiệp với nhau thời không sợ đến hồng việc được, vì là những người có tư-cách cao-thượng bất-tất dùng những cách biện-hiệp khi-trá.

Việc bãi-công và việc đề-chế đầu đuôi thế nào, không cần phải thuật lại đây làm gì. Tôi đã xét vấn-đề ấy về khắp các phương-diện, và tôi đã kết-luận nói rằng muốn biết bởi duyên-cớ sao thành ra việc bản ở Sa-diện thật cũng khó bằng muốn biết hai bên bên nào đã thắng trận. Chỉ biết rằng việc xảy ra như thế và nhân thế mới thành ra việc đề-chế đồ hàng Anh.

Giả-sử không có 10 vạn người Tàu ở Hương-căng về Quảng-dông thời tình-thế có lẽ lại xoay ra thế khác.

Nhưng bọn đó ở Hương-căng về Quảng-dông, tổ-chức thành một đoàn-thể rất mạnh, có đồng-tâm và có kỷ-luật nhất trong khắp tỉnh Quảng-dông và ở ngay tỉnh-thành Quảng-châu.

Sự phân-tranh của bọn đó với Hương-căng là thuộc về chính-trị hơn là thuộc về kinh-tế.

Bọn đó quyết rằng chính-phủ Hương-căng vẫn dung-tùng những kẻ thù ông Tôn Văn, và người Tàu ở Hương-căng lại tán-trợ và giúp tiền cho những kẻ ấy. Cứ như họ nói thời hiện Hương-căng vẫn còn ám-trợ cho những đảng phản-đối đảng cách-mệnh ở Quảng-tây và Vân - nam và cho tướng CHEN CHUNG-MING (Trần Quynh-Minh). Chính-phủ Hương-căng thì thủy-chung vẫn chối không can-thiệp gì vào những việc đó, lời kháng-ngộ đó không thể không thừa nhận được.

Tuy vậy người Quảng-dông trước kia vẫn tưởng và bây giờ cũng vẫn tưởng rằng Chính-phủ Hương-căng thường ám-trợ cho đảng thù mình luôn. Quảng-dông vẫn trách Hương-căng rằng cả vận-mệnh của Hương-căng là qua-hệ ở cái bụng tốt người Quảng-dông, thế

mà năm trước Hương-cảng lại để cho hải-quân của Bắc-kinh mượn cửa bể làm nơi căn-cứ, lấy cớ rằng Hương-cảng đã công-nhận Bắc-kinh là chính-phủ bạn; thế thì Quảng-dông là Chính-phủ thù hay sao? — Vì Quảng-dông vẫn tự coi là một chính-phủ chân-chính nước Tàu, chẳng kém gì Bắc-kinh vậy.

Đó là những lời trách của Quảng-dông đối với Hương-cảng, trách riêng Hương-cảng. Lại còn lời trách chung nữa, hiện còn thuộc về lý-thuyết hơn là thuộc về sự thực, là Chính-phủ Quảng-dông vẫn kháng-ngại sự nước Anh chiếm-cứ đảo Hương-cảng và các đất phụ-cận, lời trách này tuy không từng tuyên-bố ra rõ-ràng, nhưng thực là thuộc trong chủ-nghĩa của đảng quốc-gia Tàu, muốn thu-phục lại hết những địa-hạt của Tàu bị ngoại-quốc chiếm-lĩnh.

Khi xảy ra việc bãi-công và việc đê-chế, thời cho là sự vận-dộng báo thù Hương-cảng vì những tội-lỗi trên đó. Người Quảng-dông khen ông chưởng Thư-ký cũ Hương-cảng FLETCHER cho là ông hiểu biết cái phương-diện của họ; họ lại oán ông Tổng-đốc Hương-cảng cũ, vì ông cho sự vận-dộng ấy là tự người Nga xui nên.

Người Quảng-dông không lấy gì làm tức bực nghe thiên-hạ nói rằng phải học người Nga mới biết cách « hặc-tội » các nước, không khác gì một lũ trẻ nhỏ đi theo chân một ông giáo Nga vậy. Muốn cho chuyện này điều-đinh được thì người ngoại-quốc ở Tàu phải nên giữ kỷ-dừng có đả-dộng gì đến việc người Nga giúp cả, vì lẽ còn nói rằng chuyện này là thuộc cái mưu của Nga muốn quấy-rối nước Tàu, chứ không phải là tự lòng công-phần của người Tàu (bất-cứ là chánh-dáng hay không chánh-dáng) muốn phản-kháng sự bất-bình đẳng về chủng-tộc và về chính-trị, thời việc gì cũng hiểu sai cả và điều-đinh cũng khó lòng được.

Nay những người của Quảng-dông và Hương-cảng cứ để xét về các việc đó, toàn là người biết bâng-cứ ở sự thực, chứ không ở những chuyện ngờ-vực hão-huyền, ấy cũng là sự may.

Tình-hình ở Sa-diện (*Shameen*) thì lại là một vấn-đề khác hẳn. Đảo Sa-diện là của người Anh dựng ra. Một phần năm trong đảo của nước Pháp cũng là do nước Anh dựng ra, và đã có một lần Pháp muốn bán cho Sir ROBERT HART lấy 20.000 đồng.

Vậy không thể nói đem đất ấy mà nhường trả lại cho Tàu được, trừ khi nào phải đính-dịnh lại cả cái chế-độ người ngoại-quốc ở Tàu thì không kể, mà hiện nay thời câu chuyện đó tưởng chưa có lẽ đề-cập tới. Tổng-đốc Sa-diện là Sir JAMES JAMIESON, người Quảng-dông thường gọi là « ông vua Sa-diện » (*le roi de Shameen*), hương-lai vẫn không để cho người Tàu tham-dự vào việc chính-trị trong tô-giới, lại cũng không bao giờ để cho tô-giới làm nơi trú-ngụ cho bọn tán-thành hay là bọn phản-đối chính-phủ Quảng-dông. Hiện nay thời đảo Sa-diện hai mặt đều đóng kín cả. Ai ra vào thời có quân Anh và quân Pháp mở cửa, bên kia (về địa-phận Tàu) đã có toán lính đứng sẵn để xét khăn gói. Tuy vậy, đối với người ngoại-quốc, không có can-thiệp mấy. Tôi có thử đi ra rồi lại đi vào, tay mang gói, không bị hỏi-han gì cả. Thỉnh-thoảng cũng có chú lính khó tính ném cần mở bò xuống sông, nhưng thường thường thời lính canh cũng vô-sự lắm. Và ở Sa-diện không có buôn-bán giao-dịch gì. Nay nếu thôi việc đê-chế, trừu bọn lính canh về, thời tình-hình Sa-diện lại như thường, không có lối-thối gì.

Có một điều nhỏ mọn, nói ra hoặc có người không bằng lòng: là phần của người Pháp ở Sa-diện chỉ có một phần năm mà họ làm ra cách chống-giữ cần-mật hơn là bốn phần năm của người

Anh. Người Pháp thời hình như lúc nào cũng sợ có loạn, còn người Anh thời coi tình-hình có vẻ bình-tĩnh hơn. Ngày 23 tháng 6, người Pháp bắn súng nhiều hơn người Anh. Thế mà ai cũng bảo rằng lãnh-sự Pháp ở Swatow thường nói với người Tàu rằng người Pháp không hề bắn một phát súng nào.

Tuy ngày nay Quảng-đông vẫn có vẻ thịnh-vượng và Hương-cảng cũng đã tiệm phục-hồi cái tình-hình cũ, nhưng hai bên cũng hiểu rằng muốn cho đường kinh-tế được như thường thời việc đề-chế phải thối đi mới được. Sự điều-dinh việc này cho được là ở lòng thành-thực và cái hảo ý của những tay đại-biểu thương-thuyết của hai bên. Từ trước đến nay thời hai bên cố-nhiệm không đồng-ý với nhau về cái trách-nhiệm việc nhiễu-loạn xảy ra là tự ai, lúc xảy ra bên nào phải, bên nào trái. Muốn cho giản-tiện thời bấy giờ cứ cho là lỗi cả hai bên, thế là xong.

Vậy thời việc điều-dinh này không thể căn cứ ở câu chuyện đó được,

Bài trước tôi đã giải cái thái-độ của chính-phủ Quảng-đông đối với việc giao-thiệp quốc-tế. Tôi đã nói rằng phạm nước nào được hưởng các điều-ước bất-bình-dẳng là coi là cừ-thù với nước Tàu cả. Vậy thời nước Anh cũng là nước cừ-thù của Tàu. Về một phương-diện khác thời Quảng-đông với Hương-cảng là tiếp-giáp nhau, sự buôn-bán giao-dịch được thịnh-vượng là nhờ lẫn của nhau.

Muốn lý-thuyết thế nào mặc lòng, có một điều sự thực hiển-nhiên, là nếu hai chính-phủ tìm cách hiệp-lực cộng-tác được với nhau, thời sự thịnh-vượng ấy sẽ được bội-phần lên, và cách làm ăn ở phía Nam nước Tàu cũng được tăng-tiến thêm lên.

Trước kia sự hợp-tác có khó-khăn vì nhiều lẽ. Nay thời ở Quảng-đông có một chính-phủ những người trai-trẻ

thuộc về hạng tân-nhân-vật, sẵn lòng chăm-chước và đối-phó với sự thực. Những người ấy biết rằng nay muốn cải-tạo cho nước mình, chỉ có thể cậy ở hai nước giúp cho được, là nước Anh và nước Nga. Họ đã thí-nghiệm mà biết cái cách giúp của nước Nga thế nào rồi đó. Họ biết rằng chủ-ý nước Nga không muốn gì giúp cho cái công-trình cải-tạo phương Nam nước Tàu, chỉ muốn cho nước Tàu tham-dự vào cuộc đại-vận-dộng phản-đối cái chủ-nghĩa đế-quốc, là thứ nhất là phản-đối hai nước Anh và Nhật. Bọn cầm quyền ở Quảng-đông ngày nay tưởng không có lợi gì về những cái phong-trào phản-đối trong thiên-hạ đó; mục-dịch của họ là chỉ cốt làm thế nào cho Nam-phương nước Tàu được mau tấn-bộ, mau cải-cách cho kịp tân-thời, thế mà thôi. Muốn đặt đường xe lửa, muốn mở-mang thành-thị, muốn sửa-sang các kiểu-lương đạo-lộ cho sự giao-thông được tiện-lợi. Nói tóm lại là muốn củng-cố cái thế-lực kinh-tế của các tỉnh ở dưới quyền mình vậy.

Chính-phủ bây giờ tuy cũng đã hết sức chỉnh-dốn tài-chính, thế mà vẫn không đủ các khoản kinh-phi để cực-lực thi-hành cái chương-trình cải-cách phía Nam nước Tàu. Duy có Hương-cảng và nước Anh là có cái lợi trực-tiếp vào đó, nên có thể giúp cho Chính-phủ Quảng-đông cải-cách mọi việc. Năm 1919, ông Tôn Văn đã trừ-tình các việc cải-cách mở-mang đó, nay con ông là ông Tôn Khoa cũng vẫn theo một đường lối đó. Ấy cái then chốt sự phú-cường của Quảng-đông là ở đó.

May thay, Chính-phủ Hương-cảng cũng hiểu biết cái chương-trình cải-cách ấy quan-hệ là đường nào. Hiểu biết rằng nếu phía Nam nước Tàu mở-mang ra được thời Hương-cảng cũng sẽ được giàu-có thịnh-vượng hơn. Vì

về đường kinh-tế, tài-sản lưu-thông thường đổ về chỗ nào đã thành cơ sở vững-vàng rồi. Chỗ ấy thường thường là chỗ tụ-tập các ngân-hàng, hơn là nơi sản-xuất nhiều nguyên-liệu.

Ấy những nỗi khó-khăn của Quảng-đông và Hương-cảng có thể mong giải-quyết được là ở đó. Nên giải-quyết thế nào, tôi không biết được. Nhưng cái căn-bản cuộc thương-thuyết, tưởng cũng đủ rõ-ràng vậy. Hương-cảng và Quảng-đông tìm cách giải-quyết ngày nay không phải là tạm thời giải-quyết việc để-chế mà thôi, chính là vĩnh-viễn giải-quyết việc giao-thiệp nước Anh với Nam-phương nước Tàu theo cái tôn-chỉ hiệp-tác về đường kinh-tế để mở-mang cho phía Nam nước Tàu vậy. Nếu điều-dinh xong và thực-hành được cái tôn-chỉ đó thời các điều-trước bất-bình-dẳng chẳng bãi mà cũng tự bãi, vì lòng hảo-hợp của hai bên muốn cùng nhau làm cho thành một cái đại-công-trình, đại-sự nghiệp vậy.

VI. — Chế-độ tài-chính của Chính-phủ Quảng-đông. — Sự cải-cách về thu thuế và kiểm thuế. — Bộ quân-phiệt vẫn là cai tài-ách cho nước Tàu.

Điều cốt-yếu trong việc chỉnh-dốn tài-chính của Chính-phủ Quảng-đông là thu cả các số tài-chính vào một bộ cho được nhất-thống. Việc này là chủ-trương tự ông T. V. Soong, Tài-chính-bộ Tổng-trưởng. Ông là anh em rể ông Tôn Văn, và là một nhà buôn-bán và nhà ngân-hàng ở Thượng-hải.

Ông đã học ở trường Đại-học Harvard bên Anh, sánh với nhiều người du-học ở Tây về, có lẽ ông thông-thạo các lối ngoại-quốc hơn. Trong chế-độ tài-chính, ông dùng cách kiểm-sát theo lối Tây-phương.

Trong hợn quan-liêu ở Quảng-đông, người ta xem ra không ưa ông lắm,

vi cho ông có tính chặt-chẽ quá. Nhưng ai cũng chịu rằng nếu ông đời Quân-đông một ngày, thời nhà « Trung-ương Ngân-hàng » tất đến khùng-boảng: nhà ngân-hàng này là lớn nhất trong hàng tỉnh, chỉ có giấy bạc của nhà này là có Thương-chánh ngoại-quốc mới chịu nhận, còn nhất-thiết các thứ tiền-tiền cùng ngân-phiếu khác đều không nhận cả.

Ngày nay hầu hết các khoản lợi-lạc trong hàng tỉnh là thuộc Chính-phủ thu nhận cả (hơn 90 %).

Có đặt ra một sở trình tham đề do hai những người lậu thuế và những quan tham-những. Thuế « lĩnh-canh » (*taxe de fermier*) chỗ nào bỏ được đều bỏ cả. Hội ủy-viên coi về số dự-toán phải khảo-sát cả các thứ thuế. Dân-gian ngày nay phải đóng đến một trăm thứ thuế khác nhau, ý ông Soong cũng muốn bỏ bớt nhiều thứ đi, nhưng ông nói rằng trước khi bỏ bớt phải làm thế nào cho dân đóng một xu thời một xu ấy vào được đến khó nhà nước; hiện nay còn chưa được như thế. Ông tài-chính cũng phải chịu rằng sự gian-lậu, sự bóc-lộ vẫn còn thịnh lắm. Ông nói rằng ông đã hết sức đặt sổ sách, cách phòng-bị để cho khỏi lậu thuế, thế mà số thuế chỉ tăng được mỗi tháng từ một triệu lên sáu triệu mà thôi, mà ông tính ra thì đáng được 10 triệu mới phải. Ông mong có ngày được như thế.

Sau này xin kê các số thu-nhập hàng năm của tỉnh Quảng-đông từ năm 1912 đến 1924 (số này là của Bộ tài-chính biên cho tôi) :

| | |
|------|-----------------|
| 1912 | : 24.425.426 \$ |
| 1913 | : 19.139.485 » |
| 1914 | : 18.329.760 » |
| 1915 | : 18.016.349 » |
| 1916 | : 16.272.153 » |
| 1917 | : 16.336.717 » |
| 1918 | : 16.184.149 » |
| 1919 | : 21.082.184 » |

| | |
|--------|--------------|
| 1920 : | 14.444.813 » |
| 1921 : | 25.483.791 » |
| 1922 : | 19.223.233 » |
| 1923 : | 10.316.563 » |
| 1924 : | 7.986.952 » |

Nay kê đến số thu-nhập hàng tháng từ khi đặt Chính-phủ mới :

| | |
|--------------------|---------------|
| 1925 — Tháng giêng | : 854.511 \$ |
| Tháng hai | : 811.227 » |
| Tháng ba | : 549.126 » |
| Tháng tư | : 459.393 » |
| Tháng năm | : 722.558 » |
| Tháng sáu | : 702.439 » |
| Tháng bảy | : 799.508 » |
| Tháng tám | : 1.470.167 » |
| Tháng chín | : 981.939 » |
| Tháng mười | : 3.616.529 » |
| Tháng mười-một | : 3.832.838 » |
| Tháng mười-hai | : 4.215.166 » |
| 1926 — Tháng giêng | : 4.312.036 » |
| Tháng hai | : 3.606.329 » |
| Tháng ba | : 5.344.631 » |

Ngày 23 tháng 9 năm 1925, ông Tài-chính LIAO CHUNG-HOI bị ám-sát, ông T.V. SOONG đảm-đương cái trách-nhiệm coi việc tài-chính trong suốt hàng tỉnh. Muốn cho các khoản được dự-dự trong một tháng, khoảng tháng mười ông có vay thêm của các nhà buôn Quảng-đông một món 500.000 \$ 00, tính vào trong số thu-nhập hàng tháng ở trên kia, Số tháng ba năm 1926, không được đúng lắm, vì tổng-số ước ra phải trên dưới 6 triệu, nhưng số đó là Bộ Tài-chính biên cho tôi.

Cứ như ông SOONG nói thì số thu-nhập tăng được nhiều lên thế là nhờ cách thu thuế ngặt hơn, chứ không phải có đặt ra thuế mới nhiều. Xưa kia dân cũng đóng thuế bấy nhiêu, có lẽ đóng hơn nữa, nhưng tiền phần nhiều không tới kho Chính-phủ.

Ở Hương-cảng và ở Quảng-đông thiên-hạ phân-nản rằng các công-nghệ bị nhiều thứ thuế mới nặng quá. Tệ

nhất là thuế dầu hỏa. Thuế này không tốt, vì hại những người nghèo không có tiền thắp đèn điện. Gián-tiếp thì lại lợi cho cả nước Tàu, vì đủ chứng rõ rằng không nên đặt quyền chuyên-mãi dầu hỏa, vì không thế sao cấm không lậu được. Ở Quảng-đông ai cũng buôn lậu *gazoline* và dầu hỏa.

Nhất là các quan Chính-phủ, được bao nhiêu tiền phụ-cấp chỉ để mua dầu ô-tô hết cả, lấy làm phàn nàn về thuế này lắm. Duyên-do sự đặt quyền chuyên-mãi là nhân Chính-phủ đánh thuế mỗi thùng dầu là 5 hào, ba công-ti dầu lớn là: *Asiatic Petroleum Co*, *Standard Oil Co*, và *Texas Oil Co*, đều thôi không buôn-bán với Quảng-đông nữa; thành ra trong ít lâu, trong tỉnh không có dầu nữa, giá mỗi thùng lên đến 25 \$. Bấy giờ Chính-phủ mới phải đứng lên mua dầu ở ngoài vào, giá rất đắt, thành ra đặt quyền chuyên-mãi tự đấy. Giá dầu rồi cũng giảm dần đi, hiện nay thì mỗi thùng bán trên dưới 8 đồng.

Thuế tư lự là thuế xuất-cảng, đánh chiếu giá một phần trăm (1% *ad valorem*) Thiên-hạ trách đặt thuế ấy làm thiệt-hại cho nghề tư lự là khoản đại-tôn của tỉnh Quảng-đông; nhưng thuế ấy nay đã đổi ra một thứ thuế kiểm-sát các tư lự để đặt ra từng hạng chứa ở một nhà kho tại tỉnh-thành trước khi xuất-cảng.

Rượu mạnh thời đánh một thứ thuế nhẹ, đủ tiền phí để chế lại cho nó biến tỉnh đi, cho khỏi bán làm rượu uống được, vì rượu uống đã có thuế khác, cho rượu mạnh bán làm rượu uống thời thiệt mất thuế rượu uống.

Các chất nổ có đặt quyền chuyên-mãi, để cấm không cho nhập-cảng những chất có thể dùng làm đạn-dược được. Các chất này không đánh thuế mới, nhưng thuế cũ thu ngặt lắm. Sở chuyên-mãi các chất nổ được quyền kiểm-sát cả các hóa-chất dùng để làm hỏa-sai (điêm).

Thuế thuốc lá cũng giống như trước, duy trong khi đề-chế thời các thứ thuốc lá của các công-ti ngoại-quốc phát-mãi phải đánh thuế nặng gấp đôi thuốc lá của bản-xứ. Thuốc lá cuốn rời, dầu chế ngay ở Tàu và làm bằng thuốc Tàu nữa, nếu chủ công-ti là người ngoại-quốc, cũng phải đánh thuế 40%. Thuế này ở Quảng-dông thiên-hạ không lấy làm bằng lòng lắm, có người đồn rằng Chính-phủ đặt ra là có ý thiên-vị riêng một công-ti thuốc lá của người Tàu.

Cái cơ-quan tài-chính trọng-yếu của Chính-phủ là nhà « Trung-ương Ngân-hàng » (*Banque Centrale*). Giấy bạc bao giờ đổi cũng được bình-giá (*au pair*) và chính tôi đem ra đổi ở Hương-cảng cũng được giá tốt.

Hướng-lai thời suốt phía Nam nước Tàu chỉ tiêu giấy bạc Hương-cảng mà thôi. Ngày nay nhiều nơi cũng vẫn còn thế. Nhà Trung-ương ngân-hàng bây giờ đương muốn tìm cách cho giấy bạc của mình thông-dụng. Ông Soong nói chuyện về cách tài-chính vận-dụng, có nói rằng giấy bạc của ngân-hàng được dân-gian chuộng lắm, vì tiền trừ-kim của nhà băng này toàn bằng bạc cân-lượng thật đúng pháp-luật, do những tay chuyên-môn giám-định đã chọn lọc kỹ, và giấy bạc đem đến đổi bao giờ cũng trả bằng thứ bạc tốt ấy cả. Song những tiền-tệ lưu-hành trên thị-trường thời phần nhiều lại là bạc giả bạc xấu, nên việc buôn bán cũng thêm phiền-ngại.

Những công việc cải-cách tài-chính ở tỉnh-thành Quảng-dông thật cũng là đáng khen lắm. Nhưng xét đến cái cách chi-dụng các khoản tiền thu-nhập đó, thời không thể không cho là một điều khuyết-hâm to của Chính-phủ Quảng-dông vậy.

Vì rằng 75 phần 100 tiền thu-nhập tỉnh Quảng-dông, là tiêu về quân-phi cả.

Quân Quảng-dông hiện có 120.000 người ; trong hàng tỉnh lại còn 350.000 người nữa.

Quân-dội ấy tổ-chức như sau này :

| Quân-đoàn | Quân-trưởng | Chia làm mấy sư-đoàn |
|-----------|--------------------------------|-------------------------|
| Thứ 1 | HO YING-CHIN (Hà Ưng-Khâm) | 5 |
| — 2 | TAN YEN-KAI (Đàm Diên-Khải) | 3 |
| — 3 | CHU PEI-TEH (Chu Bồi-Đức) | 2 |
| — 4 | LI CH-SUN (Lý Tế-Tham) | 4 |
| — 5 | LI FOUK-LUM (Ly Phúc-Lâm) | 2 |
| — 6 | CHENG CHIEN (Trình Tiềm) | 3 |

Ngoại-giả lại còn hai sư-đoàn quân « tử-đệ » (*cadets*) và bảy quân-đoàn quân Quảng-tây. Xem những số đó thời biết quân-dội to-tát là dường nào; lại xem mỗi năm quân-phi tới 50.000.000 đồng, thời đủ biết quân-dội này không phải dùng để giữ trị-an cho hai tỉnh Quảng-dông Quảng-tây mà thôi, thật là dùng để đánh cá: tỉnh khác mà thu-phục cả nước Tàu vào quyền thống-trị của Quốc-dân-dảng.

Thuộc về trọng-khoản quân-phi đó, trong bọn quan-liêu Quảng-dông có người tán-thành, có người bài-bác, lý-luận của hai bên đại-khái như sau này :

1^o Phái tán-thành. — Miền trung-châu sông Châu-giang là đất trù-mật nhất về phía Nam nước Tàu, xưa nay các tỉnh bên cạnh vẫn thường đến xâm-lấn. Nếu Quốc-dân-dảng muốn cho thành-công, thời phải võ-bị cho cực-lực mới đủ phòng-ngữ các mặt và giữ cho chính-phủ mình khỏi khuynh-đảo. Chi về quân-phi vì đến hơn 75% tiền thu-nhập, cũng không nên tiếc, vì quân-lực

có mạnh mới khiến cho Chính-phủ thành-lập vững-vàng được.

2° Phái bài-bác. — Tiêu về quân-phi nhiều quá như thế thời chính-phủ không còn dư tiền đâu mà lo về việc dân-chính, mà mưu về các công việc cải-tạo nữa.

Cứ xem: số đư-toán thì biết không đủ tiền chi về việc tư-pháp. Đến việc cải-tạo thời lại không có lắm nữa. Lại như việc bãi-công, việc đê-chế, nếu chính-phủ muốn giải-quyết cho xong mà cấp tiền cho những bọn vận-dộng bãi-công và đê-chế, cũng không lấy tiền ở đâu được, vì tiêu về quân-phi cả. Kết-quả thành ra những bậc thiếu-tuấn cầm quyền ở Quảng-đông bây giờ, gia công khó nhọc để cố đặt lấy một chính-phủ đích-dáng, rút lại chỉ làm kẻ thu thuế hộ cho bọn quân-phiệt mà thôi.

Nói đến đây cần phải xét về cái địa-vị đặc-biệt của tướng CHANG KAI-SHIK (Tướng Giới-thạch). Chức ông là Lục-quân Tổng-Tư-lệnh, thực thời ông làm quân-trưởng đệ-nhất quân - đoàn và giám - đốc trường võ - bị Whampoa (Hoàng-phố), lại đứng đầu Quân-cơ Hội-ngiht, nhưng phải theo lời quyết-nghị của hội-dồng. Tuy theo lệ trong Quốc-dân-dảng, mỗi một quân-đoàn có đặt một ủy-viên giám-sát để giữ cho khỏi xoay lại phản-đối Chính-phủ Quốc-dân, nhưng nghe người ta nói trong quân-đoàn thứ nhất Tướng tướng-quân làm cách thế nào không phải đặt ủy-viên. Nói tóm lại thời địa-vị ông không khác gì địa-vị một chức đốc-quân như các tỉnh, chỉ khác là ông công-nhiên chịu theo mệnh-lệnh của Tòa Chính-trị, hay là chú-ý làm ra mặt vâng theo.

Khi tôi ở Quảng-đông, gặp ai tôi cũng hỏi mấy câu như sau này : — Sao bọn quân-phiệt của các ông đây lại khác bọn quân-phiệt của các tỉnh khác? Sao họ lại chịu phục-tòng quan văn? Sao họ lại không đánh đổ Chính-phủ

của các ông để tự chuyên-quyền như các nơi khác?

Mỗi người trả lời một khác. Có người nói rằng vì cái chủ-nghĩa của Tôn Văn trong quân-dội mạnh lắm. Có người lại nói nếu bọn võ-tướng mà giữ mặt chuyên-chế, quân - lính tất không theo nào. Lại có người thời tự-phụ rằng quân-sĩ Quảng-đông có giáo-dục hơn các tỉnh khác, nên có tư-tướng rộng và biết phục-tòng phụng-sự một cái lý-tướng cao.

Cứ ý-kiến riêng tôi, thời bọn quân-phiệt không động đến Chính-phủ Quảng-đông là vì Chính-phủ khéo trừ-biện quân-phi cho họ, họ không phải khó-nhọc gì, không phải phiền-nhiều dân, không phải dụng võ-lực khốn-nạn để thu thuế lấy, mà vẫn được đủ tiền tiêu, thật không tỉnh nào được như thế. Chính-phủ cứ trả được lương quân cho đều-đặn, thời bọn quân-phiệt cứ để cho cầm quyền, có việc chi mà phải khuynh-đảo.

Tôi vẫn có ý trực-tiếp đến thăm Tướng Tướng-quân để hỏi mấy câu như trên kia, nhưng tướng-quân không muốn tiếp tôi. Tôi thân ra Whampoa, cố dễ gặp ông, nhưng không biết vì lẽ gì không muốn cho tôi tiếp mặt.

Ý-giả ông cho tôi là một nhà báo thuộc về một nước theo cái chủ-nghĩa đế-quốc, cho nên ông không muốn để cho tôi đến phỏng-vấn ông. Bởi thế tôi không thể phán-đoán gì về ông được. Quân-lính ông thời coi bộ ra cường-tráng lắm, do người ngoại-quốc là người Nga tập-luyện.

Còn một điều nữa, khi tôi ở Quảng-đông vẫn lấy làm băn-khoăn khó giải, mà rồi cũng không thể giải được, là trong quân-dội có kỷ-luật nghiêm-nhật đó. thời số người theo về chủ-nghĩa cộng-sản nhiều ít thế nào. Đối với sự xung-đột đảng quốc-dân và đảng cộng-sản, đối với sự điều-đinh những mối

phân-tranh Quảng-dông và Hương-cảng, cái thái-độ của quân-đội đó không nói ai cũng biết là quan-trọng vô-cùng. Vậy thời quân-đội đó là theo về đảng Cộng-sản hay là theo về đảng quốc-dân ?

Tôi hỏi khắp mọi người thời trả lời phân-vấn lắm, khiến cho tôi vẫn hồ-nghi ; lại cố thăm Tưởng Tướng-quân mà không được, lại càng thêm hồ-nghi nữa.

Ở Quảng-dông thiên-hạ dương đồn sắp tiến quân đánh phía Bắc. Từ khi tôi biết quốc-dân-đảng đến giờ bao giờ cũng thấy nói chuyện Bắc-phạt. Tôn Văn sở-dĩ thất-bại cũng bởi là mưu việc Bắc-phạt không thành. Kẻ đại-thù của Quốc-dân-đảng là Ngô Bội-Phu. Họ cho Ngô là tiêu-biểu phái thủ-cự, và mục cho là « chó săn của chủ-nghĩa đế-quốc » (*chien de chasse de l'impérialisme*).

Hồi trước, những bạn chung của Tôn Văn và Ngô Bội-Phu đã thử dụ cho hai người cầu-hòa với nhau, nhưng không được. Tôn nhất-định không chịu nghe. Chính-phủ Quốc-dân và phái quân-phiệt Quảng-dông ngày nay, cũng vẫn giữ cái thái-độ của Tôn đó.

Tiến quân lên đánh phía Bắc, tất phải qua Giang-tây hay là Hồ-nam. Nay nếu tiến lên thật thời tất đi đường Hồ-nam, mà tướng tiên-phong tất là TAN YEN-KAI (Đàm Diên-Khai), trước đã làm đốc-quân kiêm tỉnh-trưởng tỉnh ấy. Người ta nói cuộc Bắc-phạt này chừng ba tháng hay sáu tháng nữa thời khởi-hành. Lại có kẻ thời nói rằng có đánh nhau cũng không đánh nhau được to, vì Quảng-dông không có quân-linh đâu mà đem đi nhiều được. Nay mà giờ ra động-binh như thế thời thiệt-hại mất cả những sự-nghiệp đã làm nên ở Quảng-dông, vì bao nhiêu tiền của sẽ đổ cả vào đấy mà còn sợ không đủ, không khỏi phải tăng-gia các thuế-khoá và thu-liếm nặng lên bội-phần. Như thế thời quốc-dân-đảng sẽ mất cái

hi-vọng gây dựng cho tỉnh Quảng-dông thành một tỉnh mẫu-mực cho cả nước Tàu.

Trở lên là ta nói về lý-thuyết, về chủ-nghĩa của các phái cạnh-tranh nhau để lập cho thành một Chính-phủ lương-hảo. Nay nói đến quân-đội thời lại xoay về phạm-vi những chuyện chiến-tranh xâm-lược, chuyện quân-phiệt các-cứ, là chuyện hằng ngày ở phía Bắc nước Tàu, và ngay phía Nam mấy năm trước cũng là chuyện cơm bữa vậy. Mấy tay võ-tướng tranh nhau mà chia rẽ nước Tàu, ấy chuyện chỉ có thể mà thôi. Quảng-dông vẫn tự-phụ rằng bọn quân-phiệt của mình khác quân-phiệt các tỉnh khác ; khác hay không, sau này mới biết được. Nếu bọn quân-phiệt chịu để cho Chính-phủ giảm quân-phi để chi-dùng về việc khác, nếu cách mấy năm cũng vẫn một lòng phục-tòng quyền quan văn trong Tòa Chính-trị, như thế thời phải chịu rằng quân-phiệt Quảng-dông có khác quân-phiệt các tỉnh khác thật. Tôi tưởng không ai trách được tôi là có bụng thiên cổ ý bài-bác chính-phủ Quảng-dông ; nhưng có một điều tôi lấy làm lạ rằng trong Tòa Chính-trị bọn quân-nhân nhiều lắm, mà một người trong bọn ấy lại có địa-vị rất to trong Chính-phủ, dường như quyền-thế mạnh hơn cả quan văn ; điều đó tôi cho là một khuyết-diểm trong cái máy chính-trị của Quảng-dông. Cái khuyết-diểm ấy cũng nguy bằng sự vận-động của đảng Cộng-sản ; và lại phải quân-nhân với đảng cộng-sản thường vẫn có cách hiệp-lực với nhau được. Chính-phủ vẫn quyết rằng không khi nào quân-đội lại quay lại phản Chính-phủ được, điều đó thực hư thế nào phải đợi sau này mới biết được. Có một điều hiển-nhiên là WANG CHING-WEI (Uông Tinh-Vệ) đứng đầu Chính-phủ mà vì bất-bình với CHANG KAI-SHIK (Tưởng Giới-Thạch), phải dời Quảng-dông đi ; lại chỉ vì

Tướng đời thái-dộ đối với người Nga mà bao nhiêu người Nga ở Quảng-dông phải đi hết ; thế thì đủ biết cái thế-lực của Tướng vậy .

VII. — Sự dễ-chế đương hoạt-động — Bọn thợ bãi-công và Chính-phủ Hương-cảng

Việc dễ-chế Anh-hóa có đặt một hội ủy-viên dễ chủ-trương ; lại đặt những tốp lính canh dễ ngăn-cấm cho không ai được chuyên mang các « đồ hàng dễ-quốc » (*marchandises impérialistes*) và trị tội những người nào phạm điều đó. Trong suốt tỉnh Quảng-đông, chỗ nào có con đường lớn vận-tải đồ hàng được đều có đặt tốp lính như thế cả, dễ khám các tàu bè, mở khăn gói, xét trong mình những người qua lại, xem có đem lậu một thứ đồ hàng Anh nào vào trong hạt Quảng-đông không. Người ngoại-quốc ra vào trong tó-giới Sa-diện cũng phải khám, có khi phải tịch-ký đồ hành-lý, song đó là lệ chung, còn khi tôi ở Quảng-đông thời xem ra có lệnh riêng ở các nơi đầu cầu Sa-diện không nên làm phiền-nhiều quá.

Theo thể-lệ của hội-đồng chủ-trương việc dễ-chế, thời nhất-thiết hóa-hạng, cho chỉ đồ thực-liệu nữa cũng vậy, không được đem ở ngoài vào Sa-diện và không được đem ở Sa-diện ra ngoài. Nghe đầu ở Sơn-dầu (*Swatow*) cũng một thể-lệ đó. Đồ ăn ở Sa-diện phải mua tự Hương-cảng. Trong chuyến tàu tôi đi tự Hương-cảng đến Quảng-đông có chở từng bồ bánh mì cho người ngoại-quốc ở Sa-diện. Ngay như cá, ở Quảng-đông có nhiều thứ ngon, mà cũng mua tự Hương-cảng lại.

Ở Sa-diện ngày nay có mấy tên hầu-sáng Tàu là đem tự Hương-cảng lại. Còn sau ngày 23 tháng 6 chỉ có sáu bảy tên ở lại.

Người nào phạm vào lệ-luật dễ-chế thời phải đem ra tòa án của bọn bãi-công dễ trị-tội.

Thường bị đem đi giễu các phố. Các tốp lính canh đều có mặc áo dẫu, lính canh-sát không có can-thiệp vào công việc của họ. Tuy phần nhiều đã bị thu lại khi-giới, nhưng tôi còn thấy một số ít đi ngoài đường phố Quảng-đông có mang súng.

Ngay trước khi tôi đến Quảng-đông, tàu lính canh đi tuần thấy một cái thuyền đánh cá của người Tàu bán cá cho một chiếc tàu Hương-cảng. Lính canh giương súng bắn. Bọn đánh cá nhẩy xuống nước, chết mất sáu người. Những tàu bè nào đem đồ hàng cho các tàu Hương-cảng cũng bị bắt. Người phạm tội phải đem ra tòa án của bọn bãi-công dễ trị tội. Đồ hàng thì bị tịch-ký, nếu đã bán rồi thì bọn bãi-công được lấy tiền.

Bọn bãi-công cũng có khi ăn hối-lộ, ngay ở tỉnh-thành Quảng-đông cũng không ai dám quyết rằng bọn đó thật-thà. Có người nói : Trong bọn đó, 80 % là lũ cuồng-đồ, 15 % là thành-thực yêu nước, còn 5 % thừa-cơ làm giàu.

Trong chuyến tàu tôi đi Quảng-đông về Hương-cảng, có 200 hành-khách người Tàu (đi hạng ba), mỗi người phải nộp hai đồng cho bọn lính canh mới được phép xuống tàu Hương-cảng. Theo lệ thời không ai được dời Quảng-đông mà không có giấy thông-hành. Chuyến tàu đưa SIR JAMES JAMIESON về Hương-cảng mấy bữa trước có 330 hành-khách người Tàu, chắc mỗi người cũng phải nộp tiền như thế.

Ở Quảng-đông không bao giờ tàu-bè đi lại sầm-uất như bây giờ. Hôm tôi đến tỉnh-thành có 27 chiếc tàu bè đi lại Hoàng-phố và Quảng-đông. Số trung-bình các Tàu lớn đến cửa Hoàng-phố là 30 chiếc một ngày.

Những tàu đó là tàu Khách, Nhật, Na-uy (*Norvégiens*), Đan-mạch (*Danois*), Đức. Trước khi đem đồ hàng xuống

bến, các tốp lính xuống khám xem có chở đồ hàng nước Anh không đã. Trước khi tàu rời Quảng-dông thì phải cam-doan rằng không đi Hương-cảng. Những đồ hàng phải chuyển tàu thì đem ra Thượng-hải hay *Manille*. Tàu ở Hương-cảng đến phải đánh thuế nặng lắm. Thiên-hạ đồn rằng có chiếc tàu nọ phải nộp 2.4000 đồng cho hội ủy-viên bãi-công mới được rời Quảng-dông đi. Bọn dẫn-lộ cho tàu bẻ vào sông cũng ít.

Tuy vậy, việc buôn bán ở Quảng-dông ngày nay cũng thịnh lắm. Chợ buôn bán hàng ngày tấp-nập, các tốp lính canh bận việc luôn.

Hương-cảng trước kia mua đồ thực-liệu của Quảng-dông nhiều; nay hai bên không giao-dịch nữa, dân chài quê ở Quảng-dông cũng có thiệt-hại, nhưng dân tỉnh-thành thời lại lợi.

Tôi có hỏi được giá sáu thứ gạo (gạo bản-xứ tốt, gạo bản-xứ vừa, gạo Xiêm A, gạo Xiêm B, gạo An-Nam A, gạo An-Nam thường).

Tàu đỗ ở bến lâu, cho đủ thì giờ đem hàng xuống, cất hàng lên. Như thế thời các tốp lính canh cũng được rộng thì giờ khám xét các hàng hóa, trừng-phạt những người nào phạm luật dề-chế, và thương-thuyết với quan tàu nào có chở hàng lậu.

Tôi có hỏi nhiều người một câu như sau này: — Sao Chính-phủ Quảng-dông lại chịu dề bọn thợ bãi-công lộng-quyền như thế, hầu thành như « một quốc-gia trong quốc-gia » vậy? Sao lại dề cho phép bắt người ta, khám đồ hàng, phạt dân-gian như thế?

Họ trả lời như thế này:

Sự dề-chế là một cái phong-trào ái-quốc đối với nước Anh. Bọn thợ bãi-công ở Hương-cảng chạy về đây, chúng tôi dung cho họ ở. Trong việc họ chống lại với người Anh, chúng tôi không hề ngăn-trở.

Tôi không hiểu họ dùng những tốp lính canh để khám xét phiên-nhiên người ta như thế mà gọi là dề chống với người Anh thời là thế nào. Về phần tôi thì mỗi lần tôi đi ra đi vào ở tô-giả Sa-diện, không bị khám-xét bao giờ. Nhưng việc ông quan năm HAYLEY BAZZ bị xâm-phạm như trong báo *North China Daily News* đã thuật cũng đủ tiêu biểu cái cách họ đối người Anh.

Bọn quan-lại ở Quảng-dông thời cho cách hành-dộng như thế là tự-nhiên lắm, không lấy gì là đáng trách cả.

Ở nhà thương Quảng-dông đường cõ bãi-công, một ông giáo người Tàu đứng đây nói chuyện với ông Dr. Thomson là thầy thuốc ở nhà thương, thế mà họ lói-thối với ông giáo mãi. Một tốp lính đến vây nhà trường ông giáo ấy dạy, không cho ai ra vào, cho kỳ bắt được ông giáo đem đi giễu ngoài phố và đem ra tòa án trị tội mới nghe. Bọn ông giáo đi gọi cảnh-sát, nhưng cảnh-sát cũng không đến. Mãi đến chiều nhờ có một người nữ-sĩ can-thiệp, người này chắc là có thần-thế, nên ông mới được đi xe tay ra tòa án, ra đến tòa thời người nữ-sĩ hộ-biện cho ông, xin cho ông chỉ phải làm một tờ khai cam-doan rằng từ giờ không dám phạm luật dề-chế nữa. Nếu không thì phải đánh, phải tù, và phải phạt bạc nữa. Mà ông giáo này chỉ có tội đứng ở một nơi dương bãi-công, thế mà thôi.

Sự dề-chế thật được hoàn-toàn. Tôi cố tìm trong suốt tỉnh-thành Quảng-dông xem có dấu-hiệu một thứ đồ hàng Anh nào không, tuyệt-nhiên không có. Chính-phủ không hề can-thiệp dề ngăn-sự dề-chế, vì Quảng-dông với Hương-cảng chưa có điều-dinh gì với nhau. Thiên-hạ tựa như coi sự dề-chế là một cách chiến-tranh với Hương-cảng và nước Anh và cho bọn lính canh là quân-đội để chiến-tranh vậy. Nếu không thế thời không có làm một cách nghiêm-nhật ráo-riết như thế.

Trong khi đề-chế thời sự buôn-bán ở Quảng-đông lại có phần tăng-tiến. Lệ thường, khi có việc nhiễu-loạn thời giá đồ ăn bao giờ cũng tăng lên. Nay những thực-liệu ở Quảng-đông trước đem sang bán Hương-cảng nhiều, bây giờ đọng lại cả, thành ra giá đồ ăn ở Quảng-đông lại rẻ đi. Nhân-dân được ăn rẻ, không bị thiệt gì về việc đề-chế, nên cứ đề cho bọn lính hoành-hành. Gạo Chính-phủ cũng kiếm giá cho không được tăng lên. Xem như thế thời dân Quảng-đông không có cái cơ gì về kinh-tế mà phản-đối sự đề-chế. Tuy vậy nếu Chính-phủ cứ đề cho các tốp lính có quyền muốn khám-xét bắt-bớ thế nào cũng được thời bọn đó không khỏi lộng-hành, có ngày cũng nguy cho chính-phủ. Vì phải sợ rằng trong bọn lính đó có

kẻ lợi-dụng cái cơ-hội này mà làm việc chinh-trị. Bọn đó có thông-đồng với đảng cộng-sản, điều đó đã hiển-nhiên rồi. Bởi thế nên muốn thương-thuyết điều-đinh với Hương-cảng thời điều thứ nhất là phải bãi bọn đó về.

Nhưng họ có chịu không? Bây giờ đương không phải làm gì khó nhọc mà được ăn không, mặc không, ở không, đã có «kho bãi-công» chu-cấp hết cả, lại có tiền phạt của «hiền-hạ» để tiêu thêm, không kè còn anh em ở bên Nga trợ-cấp nữa, như thế là sướng lắm rồi, còn muốn quay về làm nghề-nghiệp gì nữa? — Ấy cái hiểm-tượng cho Quảng-đông là ở đó.

(Còn nữa)

HỒNG-NHÂN dịch

CẢNH LẠC - HƯƠNG

Văn này thuộc về lối hí-văn, chuyên ký về sự giai-nhân tài-tử trong làng chơi, chẳng qua cầm bút viết bỡn, đầu Ngô mình Sở mà thành văn, trong lời lãng-mạn, ngụ phép trâm-biếm. Lại trong văn nhiều chỗ mượn hình mượn ảnh về sự cờ kim ra mà nói, thì nhất-thiết mượn về nhân-vật ở Đông-phương, khiến cho hợp với tinh-tinh phong-thú của xã-hội Đông-phương. Bài này nói vắn-tắt thì tức là Lạc-hương-ký 樂鄉記, hoặc đoạn ngắn, hoặc đoạn dài, chia ra có chín đoạn.

TÁC-GIẢ chi

I

Kể về phong-cảnh trong Lạc-hương

Trong cõi thái-bình, có làng gọi là Lạc-hương 樂鄉, tiếp-cận ngay ở Túy-hương 醉鄉. Đầu Túy-hương có cái suối, gọi là Tuyền-toàn 酒泉, rõ thật tha hồ mà lấy, không ai ngăn-cấm, tha hồ mà dùng, không bao giờ hết, tha hồ mà uống, say rồi lại tỉnh, tỉnh rồi lại say. Cách Túy-hương lại có cái đài, trên

dài thấp-thoảng có bóng đèn phù-dung 芙蓉, nghi-ngút có trận mây anh-túc 櫻粟, khách chơi ở trên đài, rất là những khách trai tráng sĩ, gái thuyền-quyên, vai chửa thấy xo, cổ chửa thấy rụt, mặt chửa thấy bùng, da chửa thấy chì, gọi là Yên-đài 煙臺. Đều là phong-cảnh gián-tiếp của Lạc-hương cả.

Làng có hai cổng, eo-le ngoắt-ngoéo đi vào. Một là Xuân-hoa-bạng 春花巷; một là Thu-nguyệt-môn 秋月門. Giữa làng có hồ, hồ thì sâu vô-đề, nước thì

lóng-lánh như gương, mùa nực thì mát, mùa lạnh thì ấm, nước lại đủ có mọi sắc, chỗ thì xanh như mây, chỗ thì trắng như ngọc, chỗ thì đỏ như son, mà ba-dào thì dữ-tợn lắm, gọi là Sắc-hải 色海. Lại có đình, gọi là Khoái-tai-dinh 快哉亭, thú-nghĩa là sướng thay! Đình có cục, gọi là Hành-lạc-cục 行樂局, khiến cho người ta đi đến đấy vui mà quên về. Lại có vườn gọi là Như-ý-viên 如意園, khiến cho người ta vào đến đấy say mà quên mệt. Làng thờ có bốn vị thần: Một vị thần Hoan 歡. Một vị thần Luyến 戀. Một vị thần Oán 怨. Một vị thần Cừ 仇. Bốn vị thần đều có lập ra thành tượng cả. Dáng thần Hoan thì mặt đỏ tung-bừng, cười híp mắt lại. Dáng thần Luyến thì đầu nghiêng cổ ngả, như đại như ngậy. Dáng thần Oán thì chau mày cắn răng, khoanh tay bấm bụng. Dáng thần Cừ thì mắt môi giương mắt, gươm chân đập trời. Bốn vị thần ấy cực thiêng, người nào cứng bóng vía đến đâu mặc dầu, hễ qua chơi trong Lạc-hương, thì bốn vị thần ấy đã ám-ảnh ngay. Người nào ở trong Lạc-hương khi lâu lâu, thì đều bị bốn vị thần ấy sai khiến như nô-lệ, không thể tự-do mà hành-dộng được.

II

Kề về lịch-sử tiến-hóa trong Lạc-hương

Tương-truyền làng ấy sáng-lập ra từ thừa vua Kiệt vua Trụ. Nhưng lạ gì đời là đời cổ, cách chơi còn thật-thà quá, như là gò nem ao rượu, ăn uống như thể đàn trâu, con trai con gái cởi trần cởi truồng đuổi nhau ở trong cái nhà hoặc cái vườn, xem ra cũng còn

khí hủ-bại. Rồi về sau lịch-dại đã từng có cải-lương lại; nào là cách-thức Tước-dài xuân-tỏa 雀臺春鎖 (1), nào là kiêu-mẫu Kim-ốc 金屋嬌藏 (2), nào là chường-trình ngâm-ngợi nguyệt, nào là điều-lệ cười-cột hoa, nào là trường học chuốt hồng tô lục, nào là phiên chợ thập-thủy tâm-phương, nào là sở vũ-vân sự-vụ, nào là ban loan-phượng hội-dồng, phàm sự đều đã tiến-bộ cả. Cho đến ngày nay, gặp được cái phong-trào văn-minh, cái cơ-hội khai-phóng, lại tập-hợp được cả những cách công-xa cực-xỉ của ngũ-dại-châu, trong làng lại càng thịnh-vượng lắm,

III

Kề về phong-tục trong Lạc-hương

Phong-tục làng ấy thì ai cũng như ai, không chia ra có giai-cấp tôn-ty gì cả. Không thượng-xỉ (3), không thượng-tước (4), mà cũng không thượng-dức (5). Trong khi giao-thiệp với nhau, thì con trai con gái không hề có phân-biệt là mấy, cũng có lúc ở dưới trăng kề chung với nhau một bóng, ở trước gió tựa chung với nhau một luồng; lại có khi rót rượu uống chung với nhau một chén, làm thơ họa chung với nhau một vản, gảy đàn phổ chung với nhau một khúc, vây màn nằm chung với nhau một gối, chuyện chung với nhau đầy thàng, cười chung với nhau suốt đêm.

Con gái làng ấy nhiều người có nhan-sắc khá coi. Tuy những bậc khuynh-quốc khuynh-thành, không mấy đời có. Nhưng đại-khải con gái làng ấy đều là yêu-diệu dễ coi cả. Và lại phần như trát, sêu như nhuộm,

(1) Tước-dài xuân-tỏa = Người Tào Tháo làm ra đài Đồng-tước, định đề khóa hai nàng Kiều.

(2) Kim-ốc kiêu-mẫu = Vua Hán Vũ nói nếu được người đẹp, thì nên lấy nhà vàng mà chừa.

(3) Thượng-xỉ = Tôn người có nhiều tuổi.

(4) Thượng-tước = Tôn người có phẩm-tước.

(5) Thượng-dức = Tôn người có đạo-đức.

nước hoa như gôi, dầu thơm như sơn, khăn áo quần xiêm như vẽ, đen dầy cũng hóa ra giòn, xấu dầy cũng hóa ra đẹp.

Con gái làng ấy lại nhiều người biết hát biết múa, biết bài biết bạc, biết khó biết men, cũng có người biết đàn biết thơ, người nào không biết gì cả, thì cũng biết chuyện. Cũng có chị sắc-xảo lâu-lĩnh, cũng có chị thùy-mị thật-thà. Nhưng đại-khái những bề ý-tử, những khoeo lẳng-lơ, thì con gái làng khác còn kém xa.

Đàn ông làng ấy thì đủ hạng người, người sang cho đến người hèn, người thanh cho đến người trọc, người quân-tử, người tiều-nhân, người lão-dại, người thiếu-niên, người văn-minh, người hủ-bại, hạng nào cũng có cả, không kể sao cho xiết được.

Công-vụ làng ấy thì phiền-kịch lắm, người nào không có sức-vóc không có tinh-thần không kham nổi, cho nên tục làng ấy vô-luận con trai con gái, đều truộng những người trẻ-trung. Giản-hoặc cũng có người sáu bảy mươi tuổi, đầu bạc phơ-phơ, mà vẫn còn giẻo-giang lắm, ấy cũng lạ thay!

Cuộc hành-lạc thì thường bày về cuộc đêm, bởi vì tục làng ấy lấy đêm làm ngày, lấy ngày làm đêm. Giản-hoặc cũng có cuộc chơi ngày, nhưng cũng là cuộc lạo-thảo ăn cắp thì giờ đấy thôi. chứ muốn cho cuộc chơi viên-mãn hoàn-hảo, thì phải dành được mà chơi đêm mới được.

Sự hôn-thú làng ấy thì ông nguyệt-lão thật là vô-quyền, có khi đã thành lừa thành đôi rồi, thì ông nguyệt-lão mới biết, cũng có khi đã tay bông tay mang tự bao giờ rồi, mà ông nguyệt-lão vẫn chưa biết đấy là đâu. Lại còn một điều,

không ai đem thường-tình ra mà liệu-trông được, như một vị tuyết-thế anh-hùng, mà chung-tình với một chị Tô-môn-tiêu-kỹ (1), một kẻ khuy-nh-thành nhan-sắc, mà kết tóc với một chú lái bán dầu (2).

IV

Kể về sản-vật trong Lạc-hương

Sản-vật làng ấy, giống chim thì hay sản ra giống yến giống oanh, giống uyên-ương, giống phi-thúy; giống cây thì hay sản ra giống phù-dung, giống dương-liễu, giống đào-hoa, giống thực-được, giống hải-đường; giống bươm thì thật là hồ-diệp-liên-chi, giống ong thì cũng có hăng-hà sa-số. Lại có thứ chim gọi là chim song-phi 雙飛, chim bắt-độc-túc 不獨宿 (3), thứ cây gọi là cây liên-lý 連理 (4), thứ hoa gọi là hoa dạ-hợp 夜合, thứ cỏ gọi là cỏ tương-tư 相思. Tương-truyền đời vua Hạ Vũ khi xưa, có mưa ra vàng ba ngày, các thứ chim ấy tha-hồ mà tắm mà lượn mà vùng-vẫy, các thứ hoa thứ cỏ ấy tha-hồ mà hờn-hở tươi cười. Ước gì đời bây giờ mưa cho lấy một ngày chứ, tưởng cũng đã đủ chơi.

V

Kể về chế-độ trong Lạc-hương

Chế-độ làng ấy thì tôn-trọng nhất là ngôi Trùm, ngôi trùm lại dù có ông trùm và bà trùm. Tự xưa đến nay, chỉ ông Đường Minh-hoàng 唐明皇 là một vị thái-bình thiên-tử, và nàng Dương Qui-phi 楊貴妃 là một vị tuyết-thế giai-nhân là đủ cái tư-cách làm trùm mà thôi. Tự khi ông Minh-hoàng mê-mẩn quá mà mất nước, nàng Qui-phi ngoa-ngoắt quá mà thiệt thân đến giờ, thì cũng không ai xưng-đáng được

(1) Tô-môn-tiêu-kỹ = Truyện ông Hàn Thế-trung.

(2) Chú lái bán dầu = Truyện ở Hoa-khôi.

(3) Bắt-độc-túc = Chẳng ngủ một mình.

(4) Liên-lý = Cây cành liền-thờ.

ngôi trùm ấy nữa. Trước kia cũng có Đặng-đế 揚帝 nhà Tùy với sau này cũng có ông Ngọa-triều 臥朝 nhà Lê, đã toan liều trời liều đất, để gặp-nghe ngôi trùm ấy, chẳng may nửa chừng cuộc hành-lạc đổ ụp. Đặng-đế chết bỏ xác ở Đổng-dô, Ngọa-triều ốm nằm co trong ngọa-diện. Cho nên trong Lạc-hương bấy lâu, đành phải chịu huyền-khuyết lại ngôi trùm. Trong khi tổ-chức hương-sự chỉ chia ra có ba ban. Một ban thứ nhất. Một ban thứ nhì, một ban thứ ba. Ba ban ấy đối với việc làng, sẽ có nghĩa-vụ, đối với người làng sẽ có phương-diện. Còn thì kể ra cũng có thiên-ban vạn-ban; nhưng hoặc là những kẻ nay nhập-tịch mai ly-hương, ngày kia lại hồi-quán, chân trong chân ngoài, đá gà đá vịt mà thôi, không đủ khinh-trọng gì cả.

Kể về tư cách ba ban. Ban thứ nhất thì người nào có nhiều tiền của, thế là hợp tư-cách, chứ không luận kẻ thanh người trọc gì cả. Ban thứ nhì thì các nghề trong làng chơi, phải thông-thạo cả, thì mới hợp tư-cách, nghĩa là nghề chơi cũng lắm công-phu. Duy tiên-phong là cái nghề cưỡi ngựa, hai nghề ấy phải có bằng tốt-nghiệp đã, rồi trong ban sẽ chứng-nhận. Ban thứ ba thì để đãi riêng những người văn-chương nho-nhã, hoặc những người lỗi-lạc phong-lưu, nghề chơi thì cũng có người thạo người không, nghề rượu thì cũng có người say người tỉnh, nghề cưỡi thì cũng có người cưỡi mận người cưỡi nhạ, tiền của thì chỉ đủ đóng đủ góp với làng mà thôi, không lấy dầu mà coi bạc như sành, coi vàng như đất được, dương-cục thì chẳng qua mượn thú mua vui mà thôi, không phải là chìm-dắm gì cả, tư-cách ban ấy lại đặc-biệt.

Lại kể về tình-hình trong ba ban. Ban thứ nhất thì bác Đại-Thạch-Sùng 大石崇, mặt ngày tai diếc, tiền của như trấu, làm ban-trưởng, kỳ-dư cũng vô-số là bác Tiểu-Thạch-Sùng. Ban nhì thì khi xưa có thầy Tư-Mã Trương-Như 司馬相知 dân hay, cậu Chu Du 周瑜 tai sáng, là người khôi-tốt trong ban ấy, tự khi hai người ấy chết rồi, thì về sau trong ban quá nửa là những hạng lẩn-lóc đá, mê-mẩn đời, không mấy kẻ tài-hoa phong-vân được như hai người ấy. Ban thứ ba thì ông Lý Thái-Bạch 李太白, ông Bạch Lạc Thiên 白樂天, ông Viên Tử-Tài 袁子才, ông Cao Chu - thần 高周臣, ông Nguyễn Công-Trứ 阮公著, các ông từng liệt ở trong ban ấy; ông Lý từng làm chánh-ban-trưởng, ông Nguyễn từng làm phó-ban-trưởng, vân-vân. Thơ ông chánh ban trưởng có câu: « *Lời kỹ tùy ba nhiệm khứ lưu. 載妓隨波任去留* »; văn ông phó-ban-trưởng có câu: « *Cuộc hành-lạc được bao nhiêu là lời đó.* » Trong làng chơi vẫn thịnh-truyền. Nhưng xét ra, trong khi ba ban hội-dồng quyết-nghị, bác Thạch-Sùng khi nghiêng về bên tả, thì cả làng cũng xô nhau nghiêng về bên tả, bác Thạch-Sùng khi nghiêng về bên hữu, thì cả làng cũng xô nhau nghiêng về bên hữu, gan-ly như cụ Lý Thái-Bạch, liêu-lĩnh như ông Cao Chu thần, hào-hùng như cậu Chu-lang, tái-bộ như thầy Tư-mã, cũng không đủ có thể-lực gì mà vật ngã được bác Thạch-Sùng.

VI

Kể về tình-trạng thoái-hóa và sự thí-nghiệm trong Lạc-hương

Xét ra, trong Lạc-hương về hồi thập-lực thập-thất thế-kỷ về trước, nhân-tâm hãy còn thuần - phác, chính-trị hãy còn khả-quan, câu nguyệt-òan(1)

(1) Nguyệt-bình = Lời phân-bình sự hay dở trong hàng thành.

thì lấy tài-tử giai - nhân làm qui, cuộc hành-chính thì lấy phong-lưu nho-nhã làm tôn. Cho nên gián-hoặc cũng có những kẻ danh - nhân đưng vào chức-sự, như ông Tạ An-Thạch 謝安石 từng làm lý-trưởng, ông Văn Thiên-Tường 文天祥 từng làm cầu - đàng, cụ Quách Tử - Nghi 郭子儀, cụ Trần Nhật-Duật 陳日喙 từng làm kỹ-mục, vân vân. Tự khi công-ty Ấn-độ đã thành-lập (2), sông bạc Vu-bồ đã khai-trương (3), ngôi hàng Lâm-tri đã xuất-hiện (4), việc làng mới sinh ra lắm sự rắc-rối, tục làng mới sinh ra lắm nỗi xấu-sa. Từ đó, những người chức-sự trong Lạc-hương, chỉ những tụi Trảng-Khanh 長聊 ra thì-chính, hoặc những tay Tống-Ngọc 宋玉 đã thâm-niên, hoặc trú-danh là bác xã đa-tình, hoặc thành-hiệu là ông bô hiếu-sắc, chẳng phong-nhã cũng kè là phong-nhã, chẳng hào-hoa cũng kè là hào-hoa. Tuy cũng có thầy Đường Trọng-Hữu 唐仲友 là người nho-nhã, ông Thái Xung-Bà 蔡冲伯 là kẻ anh-hùng, cũng có vãng-lai trong Lạc-hương. Nhưng xem ra, thầy Đường chẳng qua vi thường-thức câu thơ hay mà tặng cho ả Ấu-Phương 幼芳 hai tấm lụa, ông Thái chẳng qua vì muốn che mặt kẻ quốc-tặc mà giả cách đan-diu với cô Tiểu-Phượng-Tiên 小鳳仙 đấy thôi, kỹ-thực cũng không ham-mệ vui-thú gì trong Lạc-hương cả. Gần mới đây thì trong Lạc-hương, chẳng những mặt An-Thạch, Thiên-Tường, Tử-Nghi, Nhật-Duật ít thấy, mà những bô Tống-Ngọc với Trảng-Khanh cũng ít thấy, phần nhiều thấy những các trạng văn-minh ra ứng-cử, các vai văn-minh ra thừa-hành, quyền sở phong-nhã hào-hoa năm nọ, với quyền khoán tính-thần năm xưa,

hình như đã cho như quyền lịch quá-niên rồi, ít người giữ đến nữa, mà cái thể văn-minh cũng chưa biết thế nào mà định-bình, cái chữ văn-minh cũng chưa biết thế nào mà định-nghĩa. Thế thì cái cuộc văn-minh trong Lạc-hương thế nào, tưởng còn phải thí-nghiệm dần dần, cái cảnh văn-minh trong Lạc-hương thế nào, cũng còn phải quan-sát dần dần mới được. Nếu nhắm mắt mà bước liều, thì chết cả!

VII

Kể về cảnh-tượng nguy-hiểm trong Lạc-hương.

Trước kia đã phải một hồi có hai ông khách qua chơi trong Lạc-hương, ông Bái-công 沛公 thì hiếu-sắc, ông Hạng Vũ 項羽 thì hiếu-chiến. Bái-công biết rằng cung A-phòng trong Lạc-hương có nhiều con gái đẹp, kéo quân lên vào trước. Các ả trong A-phòng thấy Bái-công ra phết trưởng-già, vân dương đỏ, gạ liền ngay Bái-công, Bái-công nghe cũng bùi tai, đã toan ở chịt ngay đấy, không về nữa. Vì có một bác xùng-xô bán thịt chó, với một thầy chàng-nhàng nhà nho, xui khôn xui dại, cứ nói răn ra, bảo Bái-công rằng đừng dừng-mở nhà giàu, đừng ngừa nghề vua Kiệt. Rồi Bái-công lại bỏ các ả chơi-vơ, cút về Bái-thượng, các ả đã xấu duyên lắm rồi.

Hạng Vũ thì còn ở ngoài, nhân đánh chén ở Hồng-môn, say rượu hăng-hải, đem tám nghìn tử-dệ sừng-sực kéo vào sau. Các ả đã chắc rằng vắng ông Bái-công ấy đã có ông Bái-công khác, phen này mà lại gạ được ông Tây-Sở bá-vương nữa thì chưa biết. Ngờ đâu ông ấy lại là người ngóng quá, đã chẳng lưu với các ả thì chơi, lại đốt

(2) Công-ty Ấn-độ = Nói sự nha-phiến.

(3) Sông bạc Vu-bồ = Nói sự đánh bạc, Vu-bồ là một lối đánh bạc ngày xưa.

(4) Ngôi hàng Lâm-tri = Nói sự dĩ thiã.

phá cung A-phòng, ba tháng không tắt lửa, làm cho phong-cảnh Lạc-hương, hóa ra một nơi tiêu-thổ. Khi ấy cái lão quân-sư bảy-mươi tuổi, cũng đi vào đấy, tưởng lão ấy đã có ý ghen thay cho Hạng Vũ, hăm-hè với Bái-công, đập tan đôi chén ngọc, thì cũng có lòng thương đến chị em ít nhiều, cứ lấy một làng xuân thì phủ; ngờ đâu lão ấy cũng doãng. Xem ra Hạng Vũ ông ta cũng không có chủ-nghĩa gì, mục-dịch gì, chẳng qua ông ta thấy mười mấy tầng nhà cửa sang lắm, mấy nghìn có con gái đẹp lắm, tiếng cười khúc-khích ở trong nguyệt, tiếng hát véo-von ở trên mây, nước phấn nước son lai-láng ở mặt đất, ông ta ngựa tai ngựa mắt và ngựa tay, ông ta phá chơi dốt chơi, thế mới thâm-hại chứ!

Sau lại phải một hồi có một đứa Hồ-nhi là thằng An Lộc-Sơn 安祿山, người nó hời-tanh mà xấu-xi, tính nó đa-dâm, mà nó lại muốn chơi sang. Bấy lâu nó vẫn nghe tiếng cái khúc *Nghê-thường vũ-y* 霓裳羽衣 trong Lạc-hương hay lắm, nó thừa-cơ giữa ban đêm mồng bảy tháng bảy, ông trùm Minh-hoàng với bà trùm Quí-phi dương vịn vai nhau, khúc-khích tán truyện sao Ngu-sao Nữ, bất-thình-linh nó đem mấy vạn quân, âm-âm kéo đến tận nơi, nó bắt những con gái đẹp trong Lạc-hương ra, diễn cái khúc *Nghê-thường vũ-y* ấy cho nó xem. Khi-sắc trong Lạc-hương, đương là cái khí sắc ly-ký rục-rỡ, chợt biến ra cái khí sắc thâm-đạm hời-tanh. Khi ấy ông trùm phải vội-vàng dắt bà trùm ra trốn chạy. Đi đến ngang đường, thiên-hạ công-luận rằng cái sự đồ quân xiêu đình ấy, là do cái sóng khuấy-thành xui nên, xin đem bà trùm giết đi, ông trùm phải gạt nước mắt mà thừa-nhận, không thể sao tham tiếc được nữa. Rồi ông trùm phải trèo đèo

lợi suối, chạy mãi vào Ba-thục. Maysao có một thầy kỳ-mục Quách Tử-Nghi ra tay đâm-dang lấy việc làng, phát cờ nổi trống, liêu chết quay về, đánh đuổi thẳng Hồ-nhi đi, thu-thập lấy khúc *Nghê-thường* lại, ông trùm lại dò về. Khi về, hỏi đến các chị ở trong xóm Lê-viên, thì đã bạc đầu cả rồi, ít còn xuân nữa, than ôi ngán thay!

Cứ như hai phen tàn-phá như vậy, thì tưởng cái khí-sắc trong Lạc-hương, còn lâu sẽ hồi-phục được. Nhưng khen thay, các nhà dương-sự trong Lạc-hương cũng nhiệt-thành lắm, cũng nghị-lực lắm! Không bao lâu mà các mặt Bình-nguyên 平原, các vai Vô-kỵ 無忌, đã phấp-phới trong thôn-hoa, các di Triệu-nữ 趙女, các ả Tần-cơ 秦姬, đã chằng-vững trong xóm nguyệt, coi ra lại có màu thịnh-vượng ngay.

Tuy vậy, cuộc Lạc-hương chưa phải là đã thật ninh-thiếp đâu. Ở xứ Hà-dông, vẫn có một đảng, gọi là đảng Sư-tử 獅子 (1), đảng ấy chuyên về cái chủ-nghĩa *hống* 吼, họ vẫn nhất-vị phản-đối Lạc-hương. Nghe đâu đã có hồi họ tổ-chức với nhau ghé-góm: lắm! Bà vợ ông Phòng Huyền-Linh 房玄齡 làm chánh-hội-trưởng, bà vợ ông Trần Quí-Thường 陳季常 làm phó-hội-trưởng, chị Hoạn-thư 宦姐 sắc-xảo khôn-ngoa làm vận-động ủy-viên. Họ cầm cái mục-dịch phá-hoại, họ định đập đổ cuộc tổ-chức trong Lạc-hương. Xét ra họ không có tàu bay tàu lặn, không có lợi-khi gì, mà họ cũng không có quan thành quan tướng, không có ma-lực gì, họ chỉ sờ-tràng về cách dặt tóc năm râu, người nào không có tóc có râu, thì họ quăng dây vạt xe, niu khố niu áo. Người nào họ đã niu được, thì người ấy tất phải lai-hàng, người nào họ đã nắm được,

(1) Hà-dông sư-tử hống = Nói về sự đả-bá ghen.

thì người ấy tất phải thú-phục. Đó là cái thủ-đoạn mãnh-liệt của họ. Còn như cái thủ-đoạn ôn-hòa của họ, thì lại càng khả sợ lắm, họ chỉ cười khanh-khách, thế mà người khổ, họ chỉ nói ngọt-ngào, thế mà người cay. Họ lại còn có một cách không mãnh-liệt, không ôn-hòa, họ chỉ lợi-dụng cái khẩu-tài của họ, họ vào trong Lạc-hương, họ tuyên một đạo chiến-thur cho một phen, thì dài hoa cũng đã đủ sấm-sét, bề nguyệt cũng đã đủ ba-đào. Họ chỉ cậy cường-quyền, họ ít theo công-lý. Duy những người đương-sự trong Lạc-hương, cứ lấy phương-pháp hòa-bình mà đối-phó phòng-bị cho riết, thì may ra cũng vô-sự. Nhưng cái lửa cách-mệnh bao giờ cũng vẫn giấm ở cạnh chốn Chương-dài (1), cái hạt phản-đối bao giờ cũng vẫn gieo ở ven nơi Kim-cốc; hề có cái vấn-đề gì xảy ra, thì họ tức-khắc lại can-thiệp ngay. Chắc là lại phải có những tay đại-chính-trị-gia, đại-ngoại-giao-gia, đại-học-vấn-gia, thì duy-trì mới nổi. Coi vậy, thì Lạc-hương cũng nguy - ngấp lăm thây.

Nhân trình - thám cho kỹ ra, thì trong đảng Sur - tử còn vắng một người. Người ấy là vợ thầy Lâm Bô 林逋, tên là Thị Mai 氏梅. (2) Thị ấy mình thì gầy, da thì trắng, mà cũng có khi hồng-hồng, mờ - hời thì thơm, số thì ấy lập mệnh bằng một-cục. Cho nên chỉ ăn đá ăn rêu, uống sương uống tuyết, thường kén chồng ở trên gò Dữu-lĩnh, hoặc ở trên núi La-phù, nhất-sinh thị ấy chữa hề chung-tình với ai, mà cũng chữa có ai chung-tình với thị ấy. Có một thầy dở người, là thầy Lâm Bô, kết duyên với thị ấy, đón thị ấy về Cô-son, mình mình ta ta,

trên khe nước sạch, duyên duyên nợ, dưới bóng trăng vàng. Sau cũng có con trắng-trẻo xinh-đẹp hẳn-boi, gọi là cậu Hạc 鶴. Xét ra thị ấy là giống có tinh có cảnh có sắc có hương, không phải là giống có máu. Cho nên cái phong-trào Sur-tử dù hành-trương thế nào mặc lòng, thị ấy không hề can-dự. Còn thì thế-gian vô-luận thị thánh thị phạm, thị ma thị bụi, phạm những giống có máu, đều thành danh là Thị Ớt, mà có mùi cay cả.

Lại có một đảng nữa, là đảng Thi-nhân 詩人, họ cũng không phải là thuần-túy vong-tình gì, họ cũng từng xuất-nhập trong Lạc-hương, mà họ lại có ý phản-đối Lạc-hương. Nhưng mà họ không phản-đối bằng máu, họ chỉ phản-đối bằng thơ, xem ra cũng có ảnh-hưởng lắm.

Thơ của họ có những bài rằng: «Chơi xuân buổi chiều mát, hãy-hãy quạt khinh-phong. Người đẹp kiếm hát hay, thâu đêm men rượu nồng. Nguyệt nhỏ như vẻ ngọc, hoa hơn hờ màu hồng. Vui là vui một chốc, vui có được lâu không? 日暮天無雲。春風扇微和。佳人美清夜。達旦酣且歌。皓皓雲中月。灼灼葉中花。豈無一辰好。不久當如何。」 Là ý họ mỉa-mai cuộc hành-lạc trong Lạc-hương.

Lại có bài rằng: «Gõ roi qua quán rượu, cưỡi ngựa dạo lầu hoa. Trăm nghìn một chốc hết, đề-bung nói chi mà. 鳴鞭過酒肆。騎馬遊唱門。百萬一辰盡。含情無片言。」 Là ý họ mắng-mỏ những kẻ mất tiền mà đại trong Lạc-hương.

Lại có câu rằng: «Sao bốn mươi năm phi với đế, không bằng à Mạc với chàng Lưu. 如何四紀爲天子。不及

(1) Chương-dài và Kim-cốc, đều là chỗ trú-danh trong làng chơi.

(2) Thầy Lâm Bô tu-tiên ở núi Cô-son, trồng mai, gọi cây mai là vợ, nuôi hạc, gọi hạc là con.

盧家有莫愁。(1) » Là ý họ chê Minh-hoàng chơi hăng quá, mà không bảo-toàn được Qui-phi, thì không bằng bổ-cu Lu chẳng chơi gì, mà thủy-chung được với mẹ dĩ Mạc.

Lại có câu rằng : « *Ấn ngọc chẳng về tay họ khác, bướm hoa dễ tới đến trời xanh.* 玉璽不緣歸日角。錦帆應是到天涯。 » Là ý họ cười Đặng-đế đi chơi mê-mẩn, quên cả đường về, dễ đến nỗi nhà tan nước mất.

Lại có câu rằng : « *Gái buồn chẳng thấu tình vong-quốc, vang nước còn ngâm khúc Hậu-dinh.* 商女不知亡國恨。隔江猶唱後庭花。(1) » Là ý họ cho cái khúc *Hậu-dinh-hoa* ấy, là cái khúc vong-quốc, không phải là khúc hay-ho gì, họ thóa-mạ cả người làm, thóa-mạ cả người hát.

Lại có câu rằng : « *Giấc mộng Vu-sơn tôi chẳng biết, lương công thần nữ sống Dương-dài.* 處士不知巫峽夢。空勞神女下陽臺。(3) » Là ý họ tầy-chay các á thần văn thần vũ trong Lạc-hương.

Mà như cụ Nguyễn Du, cụ đã có câu rằng : « *Làng chơi ta phải biết cho đủ điều.* » Cụ lại có câu rằng : « *Tu là cõi phúc tình là dây oan.* » Thì ra cụ đã lịch-duyet trong Lạc-hương, mà cụ cũng phản-dối Lạc-hương riết lắm.

Than ôi ! nghe những giọng tán-vấn của các nhà, có tai khôn lẽ giả diếc ; xem những lời tạp-chí của cụ Nguyễn, có mắt khôn lẽ giả dui. Cứ vậy, thì những kẻ đương-cực trong Lạc-hương, cũng nên có phần dễ tai dễ mắt mới được.

VIII

Kề về phong-cảnh phụ-thuộc trong Lạc-hương

Cách Lạc-hương cũng gần, lại có cái thành, gọi là Sầu-thành 愁城. Quận-

lý thành ấy là ông Ô-hò tướng-quân 嗚呼將軍. Cửa thành là Trảng-hận môn 長恨門. Qua cửa Trảng-hận đi vào, có bãi, gọi là bãi Thê-lương 淒涼, có thôn gọi là thôn Tịch-mịch 寂寞, có kiều gọi là kiều Trù-trưởng 惆悵, có đình gọi là đình Lao-lao 勞勞, có chim gọi là chim oan-cầm 冤禽, có đá gọi là đá oán-thạch 怨石, có hoa gọi là hoa bạc-mệnh 薄命, có cỏ gọi là cỏ đoạn-tràng 斷腸. Gió hắt-hiu, mưa lác-đác, mây bãng-lãng, vụ lù mù. Trong thành vô-số là mã, đem dom-dóm, ngày kỳ-lân. Có mã ông bạo-quân, hỏi ra thì là mã vua Kiệt vua Trụ. Có mã ông thiếu-niên thiên-tử, hỏi ra thì là mã ông Gùỵ Đặng-đế. Có mã người ngoạ-bệnh độc-phu, hỏi ra thì là mã ông Lê Ngoạ-triều. Có mã ông thái-bình thiên-tử, hỏi ra thì là mã ông Đường Minh-hoàng. Có mã người tuyệt-thể giai-nhân, hỏi ra thì là mã nàng Dương Qui-phi. Có mã người phú-gia địch-quốc, xem ra thì là mã bác Thạch-Sùng. Có mã người kỹ-nữ khinh-thân, nhận ra thì là mã ả Lục-Châu 綠珠. Duy cái lịch-sử người kỹ-nữ, cũng có trực-tiếp với lịch-sử người phú-gia, xem ra cũng có thú-vị, kể qua chơi trong Sầu-thành cũng nên biết.

Người kỹ-nữ ấy nguyên là người danh-kỹ ở quận Hợp-phố, tên là Lục-Châu, là một người yêu của bác Thạch Sùng. Thạch Sùng khi xưa giàu địch-quốc, mà xa-xỉ lắm. Thường nuôi những con gái đẹp biết hát biết múa năm trăm người ở trong nhà. Lại sửa-sang ra cái vườn, gọi là Kim-cốc-viên 金谷園, nghĩa là vườn vàng, đẹp-đẽ vô-cùng, để làm nơi thưởng-kỹ và yến-khách. Khi yến-khách, thì thường mượn cái đầu của các kỹ-nữ làm 1 khuyen mời, ả nào không mời đượ

(1) *Á Mạc chàng Lu* = Bút Lạc-dương có ả Mạc-sửu, mười hai tuổi biết dệt gấm, mười ba tuổi đi bả, đầu, mười sáu tuổi làm dâu họ Lu, mười bảy tuổi đẻ con trai.

(2) *Hậu-dinh-hoa* = Khúc Khát của Trần hậu-chúa hậu-chúa về sau hoang-dâm mất nước.

(3) *Dương dài* = Núi Vu-sơn có hai vị thần con gái đa dâm, sớm làm thần lành-vấn, chiều làm thần hành-vũ, sớm sớm chiều chiều, ở chốn Dương-dài.

khách uống rượu say, thì chém đầu á ãy đi, lấy á khác thay vào, để khoe-khoang với khách. Có một hôm người khách là Vương Đôn 壬敦 định trêu tức Thạch Sùng, không uống rượu; Thạch Sùng ba lần thay đổi kỹ-nữ, Vương Đôn vẫn khăng-khăng ba lần không chịu uống rượu, Thạch Sùng vì có Vương Đôn mà trước sau chém mất ba người kỹ-nữ. Sau chừ-khách cũng phải ngại mất, Thạch Sùng cũng phải trùng tay; cuộc ấy Vương Đôn đại-thắng, Thạch Sùng đại-bại. Chơi thế mới sang, chơi thế mới lạ! Ít lâu, có giặc Tôn Tù 孫秀 khởi lên, đốt phá Kim-cốc-viên, bắt được Thạch Sùng. Thạch Sùng nói các người chỉ vì của ta đẩy thối. Giặc nói biết của là độc, sao không tan của ra sớm mà giúp người. Rồi đem Thạch Sùng giết đi. Khi ấy, giặc lại toan bắt hiếp cả Lục-Châu đem đi nữa; Lục-Châu sợ những thói hời-tạch làm do-bần đến mình, mới tự trên lầu cao gieo mình xuống mặt đất mà chết. Thương ôi! Lục-Châu tuy là kỹ-nữ nhưng cũng là trinh-nữ, chẳng may chung-tình với một bác trọc-phú, cho nên nắm xương băng-tuyết, phải gửi vào ở chốn Sầu-thành.

Liền ngay Sầu-thành, lại có một cái bể, nào là ao tinh vân-đục, nào là vũng đục tối-tăm, xem ra tức là Khổ-hải 苦海.

Lại cách Lạc-hương cũng không xa, có cái cửa sáng-sủa, gọi là Giác-môn 覺門. Qua Giác-môn lên con đường khang-trang, gọi là Thản-dồ 坦途. Trên con đường ấy, cỏ có cỏ mỹ-nhân 美人, hương có hương vương-giả 王者, trúc có trúc quân-tử 君子, cây có cây trượng-phu 丈夫, quán có quán thanh-hòa 淸和, kiêu có kiêu hạnh-phúc 幸福. Trăng mười phân tỏ, gió bốn mùa xuân, mưa tám cõi nhuần, khi nghìn năm sáng. Vua Đại-Vũ 大禹 nhà Hạ khi xưa, tránh cái nạn con ma Nghi-Địch 饑狄, đã từng lên đó mà chơi; ông Khổng-tử 孔子 nước Lỗ năm nọ, chạy cái giặc

nữ-nhạc nước Tề 齊女樂, cũng đã từng noi đó mà đi. Cho mới hay ông tạo-vật cũng có tinh lắm! khi bày ra phong-cảnh cho người chơi, cũng tinh-khéo lắm! Kia là Túy-hương, kia là Yên-dài, kia là Sắc-hồ, kia là Sầu-thành, kia là Khổ-hải, kia là Giác-môn, kia là Thản-dồ. Cảnh nọ cảnh kia, đều là phong-cảnh của Lạc-hương cả, người chơi mặc sức mà chơi.

IX

Thuật những lời phán-đoán về vấn-đề Lạc-hương

Xưa kia các nhà luật-sư trong Lạc-quốc, đã từng có nhiều nhà tranh nhau phán-đoán về vấn-đề Lạc-hương. Hiện nay trong Lạc-quốc còn chừa có quan tòa, chừa biết nhà nào phán-đoán là phải. Kỳ-giả hằng xin lược-thuật những lời của các trạng như sau này:

Trạng Tống Chi-Vấn 宋之問 nói: «*Phiếm-dăng làm vui, không phải sự ta* 盪舟爲樂非吾事. » Là ý bảo người đời không nên vào chốn Lạc-hương.

Trạng Đỗ Thiệu-Lãng 杜少陵 nói: «*Xét kỹ lẽ vật nên làm vui.* 細推物理須行樂. » Là ý bảo người đời nên vào Lạc-hương mà làm vui, chẳng vui thì cũng thiệt.

Trạng Phạm Trọng-Yêm 范仲淹 nói: «*Thiên-hạ chừa lo, ta nên lo trước, thiên-hạ vui rồi, ta sẽ vui sau.* 先天下之憂而憂. 後天下之樂而樂. » Là ý bảo người đời nên đi trước thiên-hạ mà lo việc đời, đi sau thiên-hạ mà vào Lạc-hương.

Trạng Trương Uẩn-Cổ 張鑑古 nói: «*Vui không nên quá, vui quá hóa buồn.* 樂不可極. 樂極生哀. » Là ý bảo người đời vào Lạc-hương thì vào, nhưng vào thì phải biết đường ra; nếu không biết đường ra, sẽ có cơ nguy-hiểm.

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI - THÍCH⁽¹⁾

孟子國文釋解

XVI

III

爲公滕
國。問文

Dịch-âm. — *Đặng Văn-công vấn vi quốc.*

DỊCH-NGHĨA. — Vua Văn-công nước Đặng hỏi cái đạo trị nước.

Chú-giải. — *Vi*: Trị. *Vi-quốc*: Trị nước. Khi ấy Văn-công mới lên ngôi, lấy lễ đón thầy Mạnh đến nước Đặng để hỏi đạo trị nước.

始其爾爾也。事孟
播乘索于詩不子
百屋。絢。茅。云。可。曰。
穀。其。亟。宵。晝。緩。民

Dịch-âm. — *Mạnh-tử* viết: « Dân-sự bất khả hoãn dã. Thi-vân: « Trú nhi vu mao, tiêu nhi sách đào, cửc kỳ thừa ốc, kỳ thủy bá bách ốc. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói: « Việc nông không thể chậm trễ được. Kinh Thi có nói rằng: « Ngày đi cắt lấy cỏ tranh, đêm kết dây lại cho nhanh, kịp trèo lên lợp nóc, sang năm bắt đầu gieo trồng thứ thóc. »

Chú-giải. — *Dân-sự*: Việc dân, tức là việc canh-nông. *Thi*: Thơ Thất-nguyệt trong *Mân-phong* kinh Thi. *Vu*: Đi lấy về. *Sách*: Dây dùng để buộc tranh. *Đào*: Vắn đi vắn lại kết lại cho sẵn. *Cức*: Kịp. *Thừa*: Lên. *Ốc*: Nóc nhà. *Thừa ốc*: Trèo lên nóc nhà để lợp tranh. *Bá*: Gieo rắc, nghĩa là ném thóc ra để gieo giống.

Đây là dẫn lời kinh Thi để chứng ra rằng việc nông cần kịp.

也。在罔然不恆產產民
位。民後爲心。者者之
罔也。從已。放無有爲
民焉。而及辟恆恆道
而。有刑。陷邪心。心也
可。仁之。乎。修。苟無有
爲。人。是。罪。無。無。恆

Dịch-âm. — « Dân chi vi đạo dã, hữu hằng-sản giả, hữu hằng-tâm, vô hằng-sản giả vô hằng-tâm. Cầu vô hằng-tâm, phóng tịch tà xỉ, vô bất vi đi. Cập hãm hồ tội, nhiên hậu tông nhi hình chi, thị võng dân dã. Yén hữu nhân-nhân tại vị, võng dân chi khả vi dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Cái lễ làm dân xưa nay, kẻ có thường-nghiệp mới giữ được hằng-tâm, kẻ không thường-nghiệp không giữ được hằng-tâm. Nếu không hằng-tâm, thì giòng rài càn dỡ, điều gì là chẳng dám làm. Đến lúc mắc vào tội, lại liền theo mà bắt tội, thế là đánh lười dân dấy. Có lẽ đâu người nhân làm vua, lại chịu làm cái sự lừa dân mắc lười đó.

Chú-giải. — *Hằng*: Thường. *Hằng-sản*: Cái sản-nghiệp về đường sinh-hoạt làm ăn thông-thường. *Hằng-tâm*: Cái lòng thiện vẫn thường có của người ta. *Phóng-tịch*: Giòng-dỡ cong-queo. *Tà-xỉ*: Mếch lệch càn dỡ. *Hãm*: Mắc vào. *Hình*: Giết. *Võng*: Lười. *Võng-dân*: Lừa dân mắc vào tội cũng như xưa cá mắc vào lưới.

Đây là kể ra cái cơ việc nông của dân không thể chậm-trễ được, kịp phải kinh-lý khu-xử, khiến dân có sản-nghiệp no đủ, thì dân mới khỏi làm càn mà nước mới trị được.

(1) Xem N. P. Số 78, 79, 80, 83, 84, 86, 87, 88, 89, 92, 95, 98, 101, 102, 106.

有於下。儉。必賢是
制。民取禮恭君。故

Dịch-âm. — « Thi cổ hiền-quân, tất
cung kiệm, lễ hạ, thủ ư dân hữu chế.

DỊCH-NGHĨA. — « Cho nên ông vua
hiền đời xưa, tất cung-kinh và tiết-kiệm;
cung-kinh cho nên biết tiếp-dãi kẻ
dưới, tiết-kiệm cho nên lấy của dân có
hạn.

Chú-giải. — Cung-kiệm : Cung-kinh là trở
về sự sửa mình, tiết-kiệm trở về cái sự nuôi
mình.

Đây là kẻ rõ ra cái đức của ông vua hiền
cốt phải cung và kiệm.

矣。不爲仁富曰。陽
富仁矣。不爲虎

Dịch-âm. — « Dương Hồ viết : « Vi
phú bất-nhân hĩ, vi nhân bất-phú hĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — « Dương Hồ có nói
rằng : « Đủ làm giàu thì bất-nhân, đủ
làm nhân thì không giàu được. »

Chú-giải. — Dương Hồ : Kẻ gia-thần của họ
Quý nước Lô.

也。也。也。寔 獻 助。人 十 夏
助 徹 皆 而 周 七 而 后
者 者 什 徹。人 十 貫。氏
籍 徹 一 其 百 而 殷 女

Dịch-âm. — « Hạ-hậu-thị ngũ thập
nhị Cống, Ân-nhân thất thập nhị Trọ.
Châu-nhân bách-mẫu nhị Triệt, kỳ thực
giai thập-nhất dã. Triệt giả triệt dã,
Trọ giả tạ dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Nhà Hạ-hậu mỗi người
dân thụ-diễn năm mươi mẫu mà làm
phép Cống, nhà Ân mỗi người dân thụ-
diễn bảy-mươi mẫu mà làm phép Trọ,
nhà Châu mỗi người dân thụ-diễn trăm-
mẫu mà làm phép Triệt, kỳ-thực đều là
mười phần lấy thuế một phần cả. Triệt
nghĩa là thông-suốt, Trọ nghĩa là mượn.

Chú-giải. — Mẫu : mẫu ngày xưa có khác
với mẫu ngày nay, về bề rộng hẹp nên lấy ý
mà hiểu. Cống : Dâng nộp, nghĩa là tính số
ruộng mà thu số thóc, để nộp vào nhà vua. Đời
nhà Hạ, trong năm-mươi mẫu, tính số ruộng
ra mà thu lấy năm mẫu thóc, đem nộp cho vua,
gọi là phép Cống. Trọ : Mượn làm giúp, nghĩa
là ruộng của vua mà mượn dân cấy. Đời nhà
Ân mới làm ra cái phép tính-diễn, lấy chỗ
đất 630 mẫu, vạch ra chín khu, làm hình chữ
tĩnh 井, mỗi khu bảy mươi mẫu, ở giữa là
công-diễn, ở ngoài tám nhà, mỗi một nhà
nhận một khu, gọi là tư-diễn, nhà vua chỉ
mượn sức dân cấy giúp cho công-diễn, mà
không đánh thuế tư-diễn nữa, gọi là phép
Trọ. Triệt : Thông suốt, nghĩa là gom sức chung
lại mà làm, rồi trích từng mẫu ra mà nộp thuế.
Đời nhà Châu, chốn làng xóm đất cao thấp
không đều, không thể vạch ra chữ lĩnh 井
được, thì dùng phép Cống, trong khu số ruộng
mười người, có một cái ngôi làm giới-hạn.
Chỗ dô-bi đất phẳng-phiu, có thể vạch ra
chữ lĩnh 井 được, thì dùng phép Trọ, tám
nhà chung nhau một tĩnh, lúc cấy ruộng thì
thông-lực với nhau mà làm, lúc thu thuế thì
kê số mẫu mà chia cho đều, gọi là phép Triệt.

Đây là kẻ ra những phép sắp đặt cho dân
về đường thương-sản, và cái phép lấy thuế
của dân.

惡 貨 勤 民 其 而 爲 善 龍
在 而 勤。父 田 不 常。於 子 曰。
其 益 不 母。而 爲 樂 貢。治
爲 之。得 使 不 虐。歲 貢 治
民 使 以 民 足。則 寡 米 者 地
父 老 養 其 盼 則 寡 取 取 較 莫
母 稚 其 父 然 必 取 取 之 歲 善
也。轉 父 終 焉。年 取 中 莫
乎 母。將 益 凶 多 之 助。
溝 壑。稱 歲 爲 養 之 以 不

Dịch-âm. — « Long-tử viết : « Tri
địa mạc thiên ư Trọ, mạc bất thiên ư
Cống : Cống giả hiếu sô tuế chi trung
đĩ vi thường, lạc tuế lạc mẽ lang lệ,
đa thủ chi nhi bất vi ngược, tác quả
thủ chi ; hung niên phần kỳ điền nhi
bất túc, tác tất thủ doanh yên. Vi dân
phụ mẫu, sử dân nghề nghề nhiên,
tương chung tuế cần động, bất đắc dĩ
dưỡng kỳ phụ-mẫu, hựu xung thái
nhĩ ích chi, sử lão tri chuyển hồ câu
hác, ô tại kỳ vi dân phụ mẫu dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Long-tử có nói rằng: « Cái phép trị đất, không gì hay hơn phép Trợ, không gì dở hơn phép Cống. Phép Cống ấy, chỉ tính xem cái số thu-hoạch trong khoảng vài năm, để làm cái lệ thu thuế nhất-định, năm được mùa thóc gạo bừa-bãi, dẫu lấy nhiều lên cũng chẳng là tệ, thì lại lấy thuế ít; năm mất mùa không đủ cái chi-phí bón ruộng, thì lại tất lấy thuế cho đầy số. Làm cha mẹ dân, khiến dân gùm-gùm mà trông, đến nỗi suốt năm khó-nhọc, được hột thóc, chẳng được để nuôi cha mẹ, nó lại phải đi vay mà bù thêm vào cái số nộp thuế, khiến cho người già người trẻ chết lẫn ở chỗ ngòi hang, sao xứng là cha mẹ dân vậy. »

Chú-giải. — Long-tử: Người hiền-triết đời xưa. Hiệu: So.sẵn, tính xem là bao nhiêu. Lang-lệ: Bừa-bãi. Phần: Bón, vun. Doanù: Đầy, đủ. Nghễ-nghễ: Đáng bộ ghét giận mà lườm trông. Xung-thái: Đi vay mượn thêm.

Đây là dẫn lời Long-tử, để rõ ra phép Cống nhà Hạ không bằng phép Trợ nhà Ân, ngày nay nên bắt chước phép Trợ.

之 固 祿。夫
矣。行 滕 世

Dịch-âm. — « Phù thế-lộc, Đẳng cố hành chi hĩ.

DỊCH-NGHĨA. — « Ôi, cái phép thế-lộc, nước Đẳng dành đã làm đó rồi.

Chú-giải. — Thế-lộc: Kể làm quan cha truyền con nối, đời đời ăn lộc; đời xưa ăn lộc bằng ruộng, mà phép thế-lộc thì cũng là lấy cái thuế công-diễn nộp vào để làm bổng lộc cho các quan, nên phép thế-lộc cùng với phép tình-diễn, hai phép thường có quan-hệ với nhau. Nước Đẳng vốn đã làm phép thế-lộc ấy rồi, nhưng còn phép Trợ trong phép tình-diễn thì nước Đẳng vẫn chưa làm, nên lấy thuế dân vẫn không có chừng mực.

也。周 觀 田。爲 私。遂 我 詩
亦 之。由 有 惟 及 公 云。
助 雖 此 公 助 我 田。雨

Dịch-âm. — « Thi vân: « Vũ ngữ công-diễn, tội cấp ngã tư ». Duy Trợ vi hữu công-diễn; do thử quan chi, tưng Châu diệc trợ dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Kinh Thi có nói rằng: « Mưa ruộng công ta, rồi đến ruộng tư. » Duy phép Trợ mới có công-diễn, bởi lời ấy mà xem, dẫu nhà Châu cũng dùng phép Trợ đấy.

Chú-giải. — Thi: Thơ Đại-diễn trong thiên Tiễn-nhũ.

Đây là dẫn kinh Thi để chứng về sự của Châu cũng dùng phép Trợ, không những nhà Ân, là ý khuyên nước Đẳng nên dùng phép Trợ.

小 也。皆 學。般 者 也。以 設
民 人 所 則 曰 射 校 教 爲
親 倫 以 三 序。也。者 之。庠
於 明 明 代 周 夏 教 庠 序
下。於 人 共 曰 曰 也。者 舉
上。倫 之。庠。校。序 養 校

Dịch-âm. — « Thiết vi Tường Tư Học Hiệu dĩ giáo chi, Tường giả dưỡng dã, Hiệu giả giáo dã, Tư giả xạ dã; Hạ viết Hiệu, Ân viết Tư, Châu viết Tường, Học tắc Tam-dại công chi, giai sở dĩ minh nhân-luân dã; nhân-luân minh ư thượng, tiều-dân thân ư hạ.

DỊCH-NGHĨA. — « Đặt ra nhà Tường nhà Tư nhà Học nhà Hiệu để dạy dân; nhà Tường lấy nghĩa là nuôi người già, nhà Hiệu lấy nghĩa là dạy dân, nhà Tư lấy nghĩa là tập bắn. Đời Hạ gọi là nhà Hiệu, đời Ân gọi là nhà Tư, đời Châu gọi là nhà Tường, đều là nhà Hương-học; đến như nhà Quốc-học, thì Tam-dại cùng gọi một tên; hương-học cùng quốc-học, đều dễ mà tỏ rõ ra cái đạo làm người; đạo làm người rõ-rệt ra ở trên, kể tiều-dân thân yếu nhau ở dưới.

Chú-giải. — Nhân-luân: Bao luân-lý của loài người, chia ra có năm điều: Cha con phải có thân, vua tôi phải có nghĩa, trai gái phải có phân-biệt, lớn nhỏ phải có thứ-lự, bè-ban phải có tín, gọi là ngũ-luân.

Bây là nói về sự giáo-hóa ; nhưng thi-hành được sự giáo-hóa là bởi dân có hằng-tâm, dân có hằng-tâm là bởi dân có hằng-sân, xem thổ thì biết việc canh-nông của dân không thể hoã được vậy.

師 爲 取 起。有
也。王 法。必 王
者 是 來 者

Dịch-âm. — « Hữu vương-giả khởi, tất lại thủ pháp, thị vi vương-giả sự dã.

DỊCH NGHĨA. — «Sau này có dấng vương-giả dấy lên, tất lại mà bắt-chước, ấy là làm thầy dấng vương-giả vậy.

Chú-giải. — Vương-giả : Người có nhân-chính dấy được vương-nghiệp.

國 新 之。子 之 新。其 雖 詩
子 亦 力 謂 文 命 舊 云。
之 以 行 也。王 維 邦。周

Dịch-âm. — « Thi vân : « Châu tụy cựu-bang, kỳ mệnh duy tân ». Văn-vương chi vi dã, từ lục hành chi, diệc di tân từ chi quốc. »

DỊCH-NGHĨA. — Kinh Thi có nói rằng : « Nhà Châu tụy nước cũ, mệnh trời mới từ đây. » Ấy là nói về đời vua Văn-vương vậy. Người cổ sức làm di, cũng có thể mới được nước người. »

Chú-giải. — Thi : Thơ Văn-vương trong thiên Đại-nhũ. Cựu-bang : Nước cũ. Nhà Châu từ đời ông Hậu-tắc mới được phong, vẫn là nước Chu-hầu cũ, cho nên gọi là nước cũ. Duy-tân : Mới, trở về vua Văn-vương mới chịu mệnh trời, ba phần thiên-hạ đã có hai, cơ-nghiệp mới thịnh lên từ đây. Từ : trở vua Văn-công nước Đàng ; lệ đời bấy giờ, ông vua mới tức-vị chưa qua năm, thì gọi là từ.

Bây là khuyến-miến vua Đàng nên hết sức mà làm lấy vương-chính, trước nuôi dân cho có hằng-sân, sau dạy dân cho có luân-thường, th cũng có thể duy-tân được nước mình.

IV

可 經 君 均。始。之。選 曰。使
坐 界 汗 穀 經 夫 擇 子 果
而 既 吏 祿 界 仁 而 之 戰
定 正。必 不 不 政。使 君 問
也。分 慢 平。正。必 子。將 井
田 其 是 井 自 子 行 地。
制 經 故 地 經 必 仁 孟
祿。界。暴 不 界 勉 政。子

Dịch-âm. — Sử Tắt Chiến văn tinh-địa. Mạnh-tử viết : « Tử chi quân tương hành nhân chính, tuyền trạch nhi sử tử, tử tất miễn chi. Phù nhân-chính, tất tư kinh-giới thủy ; kinh-giới bất chính, tinh-địa bất quân, cốt-lộc bất binh ; thị cổ bạo-quân ô-lại tất mạn kỳ kinh-giới. Kinh-giới kỳ chính, phân điền chế lộc, khả tọa nhi đình dã.

DỊCH-NGHĨA. — Vua Văn-công sai Tắt Chiến hỏi phép tinh-địa. Thầy Mạnh nói : « Vua nhà người sắp sửa làm nhân-chính, kén chọn mà sai người, người nên cố đi. Nay nhân-chính, trước nhất phải sửa-sang chia định các giới-hạn. Sửa-sang các giới-hạn chẳng được chỉnh-dốn, thì ruộng đất chẳng đều, thóc-lộc chẳng công. Cho nên những người vua ác quan tham tất coi khinh cái phép sửa-sang giới-hạn mà muốn bỏ đi. Cái phép sửa-sang giới-hạn đã chỉnh-dốn, thì sự chia ruộng ban lộc, có thể ngồi đó mà định được.

Chú-giải. — Tắt Chiến : Quan nước Đàng, khi ấy vua chuyêa-ủy cho việc tinh-điền, nên lại sai đi hỏi lại cho kỹ. Tinh-địa : Tức là phép tinh-điền, đã kể ở chương trên. Kinh : Sửa-sang. Giới : Bờ cõi. Kinh-giới : Sửa-sang bờ cõi, như là khơi ngòi, mở đường, giồng-giọt cây cối, chia vạch ra cho có giới-hạn. Cốt : Thóc, ngày xưa bổng-lộc của các quan, đều ban cấp bằng thóc. Bạo : Dữ ác. Bạo-quân : Vua dữ ác. Ô : Tham. Ô bản-thủ. Ô-lại : Quan tham-những bản-thủ.

君野治無爲君徧夫
子。人野君野子小。膝
莫人。子人焉。將壤
養無莫焉。將爲地

Dịch-âm. — « *Phù Dạng* những-địa
biển-tiền, tương vì quân-tử yén, tương
vì dã-nhân yén, vô quân-tử mạc trị dã-
nhân, vô dã-nhân mạc dưỡng quân-tử.

DỊCH-NGHĨA. — « Ôi, nước Đàng, cõi
đất tuy hẹp nhỏ, chắc có người quân-
tử mà làm quan, chắc có kẻ dã-nhân
mà đi cày; không người quân-tử chẳng
ai trị kẻ dã-nhân, không kẻ dã-nhân
chẳng ai nuôi người quân-tử.

Chú-giải. — *Quân-tử*: Trỏ người làm quan
giữ việc chính-giáo. *Dã-nhân*: Trỏ kẻ dân
quê chăm việc cày cấy để cung tô-thuế.

Đây là nói rõ ra rằng phạm có nước; không
cứ nước lớn nước nhỏ, nước nào cũng có
người quân tử giữ việc chính trị, có kẻ dã-
nhân giữ phần cày ruộng nộp thuế, thế thì
cái sự chia ruộng ban lộc, phải làm cho
chính-đốn, dẫu nhỏ như nước Đàng, cũng
không thể bỏ được.

賦。使 什 國 而 九 請
自 一 中 助。一 野

Dịch-âm. — « *Thỉnh dã cửu-nhất nhị*
Trợ, quốc-trung thập-nhất sử tự-phù.

DỊCH-NGHĨA. — « Xin ngoài chốn dao-
dã thì chín phần lấy thuế một mà dùng
phép Trợ, trong chốn quốc-dô thì
mười phần lấy thuế một, khiến cho tự
nộp thuế.

Chú-giải. — *Dã*: Chỗ đồng nội đất rộng có
thề vạch ra chữ tỉnh, chia làm chín khu, chỉ
mười dân cày giúp khu ruộng công mà nộp
thuế, thế là chín phần lấy thuế một, tức là
dùng phép Trợ. *Quốc-trung*: Chỗ làng xóm
gần nơi quốc-dô, đất hẹp không thể vạch ra
chữ tỉnh được, thì chia ruộng cho mỗi người
dân một trăm mẫu, mà chỉ nộp vào mười mẫu
thuế, thế là mười phần lấy thuế một phần,
tức là dùng phép Cống.

Đây là nói về cái phép thưởng chia ruộng
ban lộc, dùng phép Trợ và phép Cống, mà
phép Triệt như Châu cũng đại-loại như thế.

十 田 田。有 下。卿
畝。五 圭 圭 必 以

Dịch-âm. — « *Khanh dĩ hạ, lất hữu*
khue-diên, khoe-diên ngũ thập mẫu.

DỊCH-NGHĨA. — « Tự quan Khanh
trở xuống, tất có ruộng khoe-diên,
khoe-diên năm mươi mẫu.

Chú-giải. — *Khoe-diên*: Khoe nghĩa là
thanh-khiết, khoe-diên là cái ruộng để cung
phụng về việc tế-tự.

Đây là ngoài cái khoản thế lộc của các
quan-lại ban thêm ruộng khoe-diên, để hậu-
dãi cho người quân tử.

五 二 餘
畝。十 夫

Dịch-âm. — « *Dư phụ nhi thập ngũ*
mẫu.

DỊCH-NGHĨA. — « Kẻ dư-phụ được
ruộng riêng hai mươi năm mẫu.

Chú-giải. — *Dư-phụ*: Người vị-thành-định.
Cứ mỗi một suất định là một phu, thì trên có
cha mẹ, dưới có vợ con, chừng năm miệng
hoặc tám miệng ăn thì được phần ruộng một
trăm mẫu. Còn người em là dư-phụ chừng
mười sáu tuổi, chưa có vợ, còn phải nhờ anh,
chưa đến cái tuổi thụ-điền trăm mẫu.

Đây là ngoài cái phần ruộng trăm mẫu ra
lại có ruộng cấp cho riêng kẻ dư-phụ, để mà
hậu-dãi kẻ dã-dào.

姓 持。病 相 友。出 田 出 死
親 則 相 助。守 入 同 鄰。徒
睦。百 扶 疾 望 相 井。鄉 無

Dịch-âm. — « *Tử tử vô xuất hương,*
hương điền đồng lĩnh, xuất-nhập
tương hữu, thủ vọng tương trợ, lạt
bệnh tương phụ tri, tác bách tính thân
mục.

DỊCH-NGHĨA. — « Việc tống-tàng và
việc thiên-tử, không phải ra khỏi làng,
ruộng làng chung nhau một tỉnh, ra
vào cùng bạn với nhau, coi giữ giúp
lần cho nhau, đau ốm phụ-tri nhau,
như thế thì trăm họ tự thân-ái hòa-mục.

Chú-giải. — *Tử* : Chết, trở về việc tống-lãng.
Đời : trở về việc thiêu-di. *Thủ-vọng* : Canh giữ trông nom, nói về việc phòng giữ trộm cướp.

Đây là nói làm phép tống-diễn, thì không những giúp dân về đường sinh-hoạt, mà lại làm hay phong-thói cho dân biết giúp đỡ nhau.

野私舉。養皆爲九方
人事。然公私公百里
也。所後田。百田。畝。而
以敢公畝。入其井。
別治事同家中。井

Dịch-âm. — « *Phương-lý nhị tỉnh, tỉnh cửu bách mẫu, kỳ trung vi công-diễn, bát-gia giai tư bách mẫu, đồng dưỡng công-diễn, công-sự tất, nhiên-hậu cầm trị tư-sự, sở-di biệt dã-nhân dã.* »

Dịch-Nghĩa. — « Vương một dặm làm một tỉnh, mỗi một tỉnh chín trăm mẫu; trăm mẫu ở giữa là ruộng công, tám nhà ở ngoài đều được ruộng riêng mỗi nhà trăm mẫu; tám nhà cùng chăm-chút ruộng công; việc công xong,

rồi sau mới dám làm việc tư, để phân-biệt kẻ dã-nhân vậy.

Chú giải. — Đây là nói rõ ra cái bích-thờ phép tống-diễn, ruộng công làm lộc quân-tử, ruộng tư về phần dã-nhân, làm ruộng công trước, làm ruộng tư sau, để phân-biệt dã-nhân với quân-tử.

子君則澤夫也。大此
矣。與任之。潤若略其

Dịch-âm. — « *Thử kỳ đại-lược dã, nhược phù nhuận-trạch chí, tắc tại quán dữ tử hỹ.* »

Dịch-Nghĩa. — « Ấy là những điều đại-lược, còn như mọi bề nhuận-trạch thì ở nhà vua với người đấy. »

Chú-giải. — *Nhuận-trạch* : Nhuận-nhã viên-hoạt, ý là phải liệu mà làm cho thông-hoạt, không nên câu-nệ, phải liệu chăm-chước mà thi-hoạt, khiến cho hợp với nhân-tình, nghị, với thổ-tục, không nệ cái [phép của] đấng tiên-vương, mà cũng không sai cái ý của đấng

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU DỊCH

TÂM - LÝ HỌC (1)

XI

Dấu-hiệu ước-định

Ta hằng bỏ các dấu-hiệu ước-định đã kể ở bảng trên kia mà bàn ngay đến ngôn-ngữ và văn-tự.

Không phải là chỉ ngôn-ngữ mới là cách truyền tư-tưởng, ngôn-ngữ cũng không phải là cách truyền tư - tưởng cũ nhất của loài người. Các dân-tộc thấp hèn hiện nay còn dùng một cách truyền tư - tưởng bằng dấu-hiệu. Ở dân-tộc Waramunga thuộc Úc-đại-

lợi-à (Australie) họ cấm đàn bà góa không được nói có khi đến hàng năm. Trong cái thời-kỳ ấy bọn đàn-bà chỉ ra hiệu tay mà nói chuyện với nhau. Họ ra hiệu khéo đến nỗi rằng khi được nói rồi họ cũng không nói nữa. Những lúc đàn-bà hội-họp nhau cứ im lặng như tờ, nhưng họ vẫn nói chuyện với nhau bằng ngón tay, bằng bàn tay, bằng cánh tay, họ ra hiệu rất nhanh và rất khó bắt-chước.

(1) Xem N. P. từ số 89, 90, 92, 95, 96, 101, 102, 103, 105, 107.

Vì cách nói bằng tay không rõ-ràng bằng tiếng, bần tay không làm được việc gì, nũa cho nên cách nói mới chuộng hơn cách làm hiệu. Cỗi-rễ của ngôn-ngữ — ngôn-ngữ bằng tiếng — mỗi nhà ngôn-ngữ-học (*linguiste*) có một thuyết riêng, đại-khái có bốn thuyết sau này :

1^o Thần-học-thuyết (*Théories théologiques*). — Theo thuyết này thì Thiên-chúa dạy người gọi các vật.

2^o Nhân-tạo-thuyết (*Théories de l'invention artificielle*). — Theo thuyết này thì ngôn-ngữ chỉ là một sự xuyên-tạc, bịa-dặt của người ta (ý-tưởng ông ĐEMOCRITE ở cổ Hi-lạp, ông ADAM SMITH nước Anh (1723-1790).

3^o Tự-nhiên-thuyết (*Théories de la révélation naturelle*). Theo thuyết này thì người ta tự-nhiên biết nói (Ý-tưởng ông MAX MÜLLER, đông-phương ngữ-học-gia Anh-cát-lợi — và ông RENAN, ngữ-học-gia Pháp).

4^o Tiến-hóa-thuyết (*Théorie de l'élaboration progressive*). — Thuyết này cho rằng ngôn-ngữ sinh-xuất vì sự tiến-hóa tự-nhiên, trí-tuệ càng nở-nang, sự cần-dùng trong xã-hội càng nhiều thì tiếng càng nhiều. (Ý-tưởng ông WEITNEY, — có lẽ là người Anh — và ông ROMANES, bác-học Anh sinh ở Gia-nã-dại, một người tai mắt trong phái tiến-hóa-thuyết của ông Đạt-nhĩ-văn).

Ta không xét thuyết thứ nhất vì thuyết ấy không có giá-trị khoa-học. Thuyết thứ hai không ai biểu-đồng-tình, không ai biện-luận chống giữ cho cả. Vậy ta chỉ phải xét thuyết thứ ba và thuyết thứ tư.

I. — Nhà Đông-phương ngữ-học (*philologue orientaliste*) MAX MÜLLER nói rằng bao nhiêu ngôn-ngữ của nhân-loại đều có những « tiếng gốc » (*racines*) chung. Ông chia ngôn-ngữ ra ba loại: tiếng Ấn-độ Âu-la-ba (*langues indo-européennes*) như phạn-ngữ (*sanscrit*), tiếng Ti-lạp-phu (*Slave*, như chữ Nga),

Hi-lạp, La-mã, tiếng *germanique* (như chữ Đức,); — tiếng Do-thái (*langues sémitiques*) như A-thích-bá (*arabe*), Batur (*perse*); — tiếng Touran (*langues touraniennes*) như tiếng Tàu, Tây-tạng, Việt-Nam, Thái, vân-vân.

Ông xét loại tiếng Ấn-độ Âu-la-ba thấy rằng bao nhiêu tiếng cũng chỉ có độ năm trăm « tiếng gốc » chung. Năm trăm « tiếng gốc » ấy, tiếng với nghĩa không có gì là quan-hệ với nhau. Vậy có hai ức-thuyết: một là năm trăm tiếng ấy là sự ước-dịnh của người ta, hai là sự tự-nhiên phát-sinh. Ông chối ức-thuyết thứ nhất vì trước khi đặt các ước-dịnh người ta phải biết nói đã. Ông nhận ức-thuyết thứ nhì. Muốn cho ức-thuyết ấy đúng tất phải chứng-rằng các « tiếng gốc » ấy là ngôn-ngữ đầu của nhân-loại. Một nhà thi-sĩ Đức là ông GUILLAUME SCHLEGEL chia ngôn-ngữ ra làm ba loại là: tiếng độc-vần-phát-âm (*langues monosyllabiques*) như tiếng Tàu, mỗi tiếng là một nghĩa rời nhau, — tiếng dính liền (*langues agglutinantes*) có chữ gốc rời cứ thêm tiếng phụ vào, — tiếng biến-hóa (*langue à flexion*), tiếng theo nghĩa mà biến. Theo ý-kiến ông MAX MULLER và nhiều nhà ngữ-học nữa thì tiếng « dính liền » ở tiếng « độc-âm » ra, tiếng biến-hóa ở tiếng liền ra. Vậy thì ngôn-ngữ của nhân-loại là gồm nhiều tiếng độc-âm, mỗi một âm là một « tiếng gốc ». Phái « tiến-hóa » nói rằng trước người ta còn « hình-thanh » các tiếng; do các tiếng « hình-thanh » (*onomatopées*) mà có các tiếng kêu (*cris*) là các « tiếng gốc ». Ông MAX MULLER phản lại rằng:

« Trong bốn năm trăm « tiếng gốc » còn lại không có tiếng nào là hình-thanh, không có tiếng nào là tiếng kêu, thực là những sự « phát-âm » tự-nhiên (*types phonétiques*); sự « phát-âm » đó là một cái « năng-lực cố-hữu » của trí người ta (*puissance inhérente de*

l'esprit humain) . . . Ở đời vật-lý có một cái luật thiên-nhiên là : cái gì đánh vào cũng kêu, mỗi chất kêu một cách, vật nào cũng vang tiếng . . . Người ta cũng có tiếng vang . . . Mỗi một cảm-giác kích-thích đến linh-hồn cũng làm cho linh - hồn vang chuyển mà thành tiếng . . . Sự « vang chuyển » đó thuộc về tự-nhiên. . . . »

Bình-phẩm thuyết ông MAX-MÜLLER.

Ông MÜLLER nói rằng : người ta lúc sơ-thủy có « tiếng gốc » ; các « tiếng gốc » đó là ý trừu-tượng và khái-quát cả. Cứ như ông thì nhân-loại lúc cổ-sơ đã trừu-tượng và khái-quát được rồi. Nhưng xét các dân - tộc bản - khai-thi ngôn-ngữ còn nhiều tiếng hữu - hình, còn nhiều tiếng chỉ việc riêng (*faits particuliers*), ít tiếng chỉ việc chung (*faits généraux, idées générales.*)

Ở cạnh hồ *Huron* (thuộc Bắc - Mĩ, giáp-giới nước Hoa-kỳ với nước Gia-nã-đại), các động-tự (*verbes*) biến-hóa nhiều cách, ví như tiếng ăn : có tiếng riêng chỉ ăn quả, có tiếng riêng chỉ ăn cá, . . . có bao nhiêu thức ăn thì có bằng ấy tiếng mà tiếng ăn là tiếng chung tuyệt-nhiên không có. Trông một người, trông hòn đá là hai tiếng riêng, . . . Ở giống *Abipone* tiếng đồng-ngữ nhiều quá : đâm bằng giao, đâm bằng gươm, đâm bằng mũi tên là ba tiếng khác nhau : đánh nhau bằng giáo, đánh nhau bằng cung tên, bằng chân tay, bằng chữ là bốn tiếng, vợ cả vợ lẽ đánh nhau lại một tiếng riêng, tiếng đánh tuyệt-nhiên không có, vãn - vãn

Thỏ-dân ở Bắc-Mĩ có tiếng riêng để chỉ cây sên (*chêne*) đen, cây sên đỏ, mà tiếng chung để chỉ cây sên không có. Thỏ-dân ở Ba-lây (*Brésil ở Nam-Mĩ*) có đủ tiếng để chỉ các bộ-phần của thân-thể, duy tiếng để chỉ chung thân-thể không có. Nhiều giống thỏ-dân ở Nam-dương quần-đảo có tiếng riêng để chỉ đuôi chó, tiếng riêng để chỉ đuôi cừu . .

duy tiếng đuôi không có. Không có tiếng để chỉ con bò, nhưng có tiếng để chỉ con bò đốm, bò trắng, bò nâu.

Những tiếng về động-tự (*verbe*), về danh-tự (*nom*) có hình-thức thì nhiều, tiếng hình-dung-tự (*adjectifs*) là tiếng vô-hình, trừu-tượng, thì thật hiếm. Thỏ-dân đảo *Tasmanie* (phía nam Úc-đại-lợi-á, *Australie*), muốn chỉ các phẩm (*qualité*) phải ví với các vật hữu-hình. Muốn nói cứng thì họ nói : như đá ; muốn nói dài họ nói : cẳng.

Vì điều-tra ngôn-ngữ của các dân-tộc thấp hèn ấy cho các nhà ngôn-ngữ-học ngày nay cho rằng những tiếng mà ông MAX MÜLLER gọi là « tiếng gốc » là những tiếng đã biến-hóa canh-cải, tiến-hóa nhiều lắm rồi, đã vượt qua cầu hình-thức mà đến cầu trừu-tượng vô-hình.

II — Thuyết « tiếng-gốc » thiên-nhiên của ông MAX MÜLLER đã phá đổ, nay chỉ còn thuyết thứ tư là thuyết « tiến-hóa ». Ta đã xét rằng ngôn-ngữ của các dân-tộc trình-độ thấp hèn phần nhiều là « hình-chất ». « Các ngôn-ngữ ấy chỉ cốt tả cái hình dáng, cái chu-vi, cái địa-vị, cái cách chuyển-động của các vật ở không-gian, chứ không tả cái cảm-tình đối với các vật ấy (. . . *Leur tendance commune est de décrire, non l'impression reçue . . . , mais la forme, les contours, la position et le mouvement des corps dans l'espace . . .*) » Tới ngày nay ta không thể chia sự biến-hóa của các tiếng kêu tự-nhiên ra các tiếng nói thành thời-kỳ được, chỉ xét được xem tại làm sao mà các « tiếng làm hiệu » (*cri signal*) lại có nghĩa.

Trước hết nên biết rằng ngôn-ngữ lúc sơ-thủy không phải là cách hoàn-toàn để truyền tư-tưởng. Một tiếng lúc đầu bao giờ cũng có dáng-bộ đi theo. Tiếng kêu dùng để làm cho người khác chú-ý, làm dáng để tả ý. Xem như kẻ cảm-diếc muốn nói chuyện với ai tất

cổ kêu lên một tiếng rồi mới ra bộ tả ý sau. Một vài giống thổ-dân ở Ba-tây (Brésil) thuộc châu Nam-Mĩ, nói mà không giơ chân giơ tay thì không sao tả hết ý, làm cho người khác hiểu hết ý. Lại có một vài thứ Mọi đêm đến mà không đốt lửa thì không sao nói chuyện được vì ngôn-ngữ chúng nó chưa đủ để tả ý, phải lấy bộ-dáng bù vào. Như thế nghĩa là ngôn-ngữ người ta trước là tiếng « hình-thanh » (*onomatopée*), song sự « hình-thanh » thật hết vừa khó, vừa hiếm, nên chỉ một tiếng phảng-phất hình-thanh thêm bộ-dáng là đủ để tả ý (*un son vaguement imitatif commenté par un geste a suffi*). Các tiếng « hình-thanh » đúng hiếm lắm (như những tiếng: mèo, gâu-gâu, vịt, cục-tác, bò, quạ...). Chỉ những tiếng phảng-phất hình-thanh là nhiều, (như những tiếng: thì-thào, sột-sạt, ồ-ồ, ào-ào, ầm-ầm, hiu-hắt, hăm, hú, gầm, thét, rít, lộp-độp, lác - đác...). Sự « hình-thanh » đã không được dùng, sau lại vì lẽ « dễ theo, khó bỏ » (*loi du moindre effort*) mà xuyên-tạc, biến đổi mãi đi.

Sau lại lấy tỉ-dụ, lấy sự tương-tự, các sự hội-ý, liên-tưởng, phán- đoán, suy-lý mà biến mãi nghĩa của ngôn-ngữ đi. Lại nhiều khi cố-riển của ngôn-ngữ chỉ là một sự tình-cờ, có khi nhớ được, có khi quên đi. Như chữ *électricité* là điện-khí, chữ *magnétisme* là từ-thiết-lực cố-riển rất lạ: *électricité* ở chữ *électron* của Hi-lạp; chữ *électron* của Hi-lạp nghĩa là hồ-phách vì rằng lúc đầu người ta xát hồ-phách vào vải thấy có điện; chữ *magnétisme* do chữ *magnésie* là tên một thành-phố ở đất *Thessalie* (Hy-lạp), vì đá nam-châm tìm thấy ở

thành ấy trước. Chữ *tragédie* (bi-kịch) do một chữ Hi-lạp nghĩa là dè đực mà ra, không hiểu tại làm sao. Sau lại vì dùng diễn-cổ mà giàu thêm tiếng nói ra nữa. Hiện ngày nay ai còn biết được cố-riển của những tiếng này: *lo, cù* (1).

Ngôn-ngữ quan-hệ với tư-tưởng như thế nào ?

1. Tư-tưởng có trước ngôn-ngữ. Vì thế cho nên khi muốn tả một ý gì nhiều khi hay quanh-co về sự tìm chữ. Ông tử-tước DE BONALD (triết-học-gia Pháp, 1754 - 1840), lại nói rằng người ta tư-tưởng bằng chữ (*penser par des mots*). Cứ như ý ông thì có ngôn-ngữ rồi mới có tư-tưởng. Nếu thật như thế thì sự tả ý chẳng hóa dễ-dãi lắm sao?

2. Ngôn-ngữ đã không đủ tả hết ý thì không ai truyền được tư-tưởng cho ai. Hai người nói tiếng *sương* thì cũng mỗi người hiểu chữ ấy một nghĩa riêng. Bao nhiêu chữ thuộc về tình-tự là có nghĩa riêng cho từng người. Người ta chỉ mượn chữ chung mà khiến ý riêng thôi. Có muốn chỉ rõ nghĩa thêm thì phải thêm dáng-bộ vào, như cười nhạt, nghiêng răng, trừng trố, mèm mại, nhưng dù lấy bộ-diệu tả khéo đến đâu thì ý cũng không tả hết được. Chỉ riêng những ngôn-ngữ thuộc lý như ngôn-ngữ dùng vào số-học, kỹ-hà, là đúng thôi, là tả hết ý thôi.

3. Bởi thế cho nên ngôn-ngữ là cái nguy-hiểm, là cái bước cho nhà tâm-lý-học. Dùng ngôn-ngữ chung của mọi người nhà tâm-lý-học chỉ tả được các trạng-thái của linh-hồn giống như mọi người mà cái tâm-lý mình lúc thế nọ lúc thế kia, bập-bênh trôi-nổi không sao tả hết được.

(1) Tiếng *lo* hình như xuất xứ ở trường Báo-hộ mà ra. Nghĩa chữ ấy rộng lắm. Đều, gâu, ương, ngang, đờ, đều là *lo* cả. Lại như những tiếng của con nhà bạc: dè, voi, trâu (nghĩa là: 5 \$, 100 \$, 20 \$, giá một con voi, một con dè, một con trâu). Trong bộ tiểu-thuyết « *Les Misérables* » (Kẻ khổ-nạn) của VICTOR HUGO có một đoạn bàn về các « âm-ngữ » (*jargon*) đó. Ông xét được nhiều chữ rất lý-thú, cách đặt các chữ đó. Ông lại bàn rằng: không nên khinh những tiếng đó vì những tiếng đó nuôi ngôn-ngữ của mỗi nước.

4. Tuy rằng ngôn-ngữ không giúp nhà tâm-lý-học được gì, nhưng có ích to lắm. Có ngôn-ngữ thì tư-tưởng mới phóng ra ngoài, mới đem ra mà nghiên-ngẫm được.

5. Nếu chỉ tư-tưởng bằng chữ thật như ông DE BONALD nói, thì hay mắc phải bệnh « nói vẹt » (*psittacisme*). Nhiều khi chấp chữ đặt câu mà không có tư-tưởng gì cả. Những văn-chương « rỗng bay phurong múa » là do bệnh ấy mà ra. Chữ là cái « giấy bạc », giấy ấy chỉ có giá-trị về cái « kim-quĩ » (*encaisse métallique*). Ngôn-ngữ tức là giấy bạc, tư-tưởng tức là cái « kim-quĩ ».

Văn-tự

Lời nói, tiếng nói, ngôn-ngữ, là một sự thoảng qua. Cách thời-gian, cách không-gian, người ta không thể dùng tiếng nói mà truyền tư-tưởng. Bởi thế cho nên phải nghĩ ra cách ghi lấy lời nói bằng dấu-hiệu khác ; các dấu-hiệu đó là chữ viết. Ngôn-ngữ có cái tính phẳng-phất, tư-tưởng là sự vô-hình, vô-hình thì ký-ức khó. Cho vật vô-hình một cái hình, đó là mục-dịch của chữ viết. Lúc đầu người ta dùng cách « viết vẽ » (*écriture pictographique*), như chữ Ai-cập thời cổ, chữ tượng-hình của Tàu thời cổ (Thí-dụ như: 𠂇 là lửa, 山 là núi, ☉ là mặt trời). Cách « viết vẽ » hình-dung cái hữu-hình thì dễ, nhưng hình-dung cái vô-hình thì khó. Khi đó lại suy lẽ nhân-quả, liên-tưởng... mà đặt ra các chữ « biểu-y » (*écriture symbolique ou idéographique*), như muốn hình-dung gió thì vẽ cánh buồm phồng... Những chữ « biểu-y » và « tượng-hình » của Cổ-Ai-cập, trước còn biểu-y, sau thành « tiêu-âm » (*écriture phonétique*). Dấu ☉ trước chỉ mặt trời, sau « tiêu-âm » thành văn Ra, sau thành chữ R. Cách viết chữ tiêu-âm theo chữ cái là ở Ai-cập phát-xuất ra. Chữ Hán thì vừa « tiêu-âm », vừa « biểu-y ». Cái phần « tiêu-âm » của chữ Hán

không nhất-dịnh, mỗi nơi đọc một cách. Đọc ra hơi nước nào, xứ nào thì thành chữ của xứ ấy, nước ấy. Còn cái phần « biểu-y » thì đâu cũng thế.

ĐỜI HOẠT - ĐỘNG

(*La vie active*)

Động-tác của thân-thể.

Trên kia ta đã xét cái « máy tư-lự » của người ta. Nay lại xét cái máy ấy xuất-hiện ra ngoài như thế nào, động-tác ra làm sao. Tinh-tự cảm sự-vật ; tri-tuệ cân-nhắc, xét-đoán ; ý-chí động-tác.

Vô-tâm — hoặc vô-ý — động-tác.

Thường ra thì có muốn động mới động, có ý-chí mới có động-tác. Nhưng cũng nhiều khi sự động-tác không có ý một tí nào, chỉ là một sự động-tác của đời con vật (*activité de la vie animale*). Những sự động-tác đó gọi chung tên là nhục-thể động-tác (*activité physique*), vô-ý, vô-tâm, phản với ý-chí động-tác là các sự động-tác có ý-nghĩa, có cân nhắc.

Các sự động-tác về nhục-thể — nghĩa là động-tác vô-tâm, vô-ý — có ba hạng : một là động-tác tự-nhiên (*activité spontanée*), hai là động-tác phản-lại (*activité réflexe*), ba là bản-năng động-tác (*activité instinctive*).

1^o — Các sự động-tác tự-nhiên không có mục-dịch, không có nguyên-nhân rõ-ràng. Như sự động-tác của đứa trẻ con mới đẻ cựa-cạy trong bọc.

2^o — Các sự động-tác phản lại cũng không có mục-dịch, nguyên-nhân rõ-ràng, nhưng cũng còn có thể kích-thích được, não-căn có động thì mới xuất-hiện ; như ngáp, cười, hắt hơi.

3^o — Các sự động-tác về bản-năng vừa có nguyên-nhân, vừa có mục-dịch, nhưng lúc phát-hiện thì mục-dịch và nguyên-nhân đều u-âm. Đứa trẻ con khi mới lọt lòng biết tìm vú mẹ bú là động-tác về hạng này. Như trông thấy vật gì có thể hại đến thân-thể thì tất,

hoặc chạy, hoặc giơ tay hết sức đỡ cản. Như đi mà vấp ngã tất phải giơ tay ra đỡ cho ngã đỡ đau. Các sự động-tác đó rất cần cho sự bảo-tồn tính-mệnh. Thế mà chắc trong khi động-tác ý không để đến chút nào.

Bản - năng

Bản-năng động-tác hoặc gọi là thiên-tính (*instinct*) không những là sự động-tác của giống hạ-dẳng động-vật, mà ở giống thượng-dẳng động-vật như người cũng có, xem như những câu thí-dụ trên kia thì biết.

Bản-năng có cái tinh-chất hoàn-toàn (*caractère de perfection*), không cần phải lịch-duyet, kinh-nghiệm, tập-tành, cũng được hoàn-toàn chu-đáo: đứa trẻ con lần thứ nhất mới ngã, giơ hai tay đỡ cũng khéo như lần thứ hai mươi, ba mươi, một trăm; không đợi đến cái bụi thứ hai vào mắt mới biết nhắm mắt lại để che. Bản-năng lại không làm bao giờ, các sự bản-năng đều đúng lúc, đúng chỗ mà ứng-dụng ra cả. Không có ai không ngã mà lại giơ tay ra đỡ, tự-nhiên nhắm mắt lại để che bụi.

Thói quen

Thói quen tức là tập-quán (*習慣 = habitude*). Có sự động-tác, nguyên-thủy là ý-chí động-tác, nghĩa là phải để tâm vào, sau lâu dần cũng thành ra tự-nhiên và vô-ý như thiên-tính -- tức bản-năng --, cũng chắc-chắn vững-vàng như thiên-tính. Các sự động-tác đó gọi là thói quen.

Thói quen cũ nhất của nhục-thể là sự đi đứng. Ở con gà con thì sự đi đứng là một thiên-tính mà ở đứa trẻ con thì lúc đầu là một sự động-tác có ý-chí; phải luyện-tập hàng tháng hàng năm. Nhưng khi đã quen rồi thì đi

đứng không phải để ý đến nữa mà cũng vững-vàng chắc-chắn như là có thiên-tính biết đi. Nhà vật-lý-học (*physicien*) xét rằng: muốn cho một vật gì đứng vững (*équilibre*) thì cái « trọng-lực trung-tâm » (*centre de gravité*) phải ở những « đường thẳng đứng » (*verticaux*) kéo ở cái « lập-vị-da-lăng-hình » (*polygone de sustentation*) lên. Khi đứng thẳng, khi nghiêng mình, khi nhảy, khi đi, khi lại mà vẫn giữ cho cái « trọng-lực trung-tâm » ở các chỗ đó có phải là dễ đâu. Thế mà vì thói quen sau thành dễ cả. Người rết cừ, người đánh đàn, mắt trông đi chỗ khác, không để tâm đến cũng đưa được thôi, nắn được phím.

Thói quen là cái thiên-tính thứ hai của người ta. Chỉ có bước đầu là gian-nan trắc-trở, khi đã quen rồi thì cũng thường mà thôi. Thói quen cũng như thiên-tính, chỉ khác rằng một đàng có ngay từ lúc sơ-sinh, một đàng sau mới có (1).

Động-tác của linh-hồn

Cái năng-lực thứ ba của linh-hồn là ý-chí (2). Ý-chí là một hình-trạng của sự động-tác (*une des formes de l'activité*). Nói rộng ra thì sự động-tác bao-học cả các năng-lực của người ta, vì rằng sự hoạt-dộng là cội gốc của đời người. Linh-tính đứa trẻ con không phải cực « si » mèm, thầy giáo muốn nặn hình gì thì thành hình ấy, không phải là một cái bình rỗng, muốn nhét gì vào thì nhét, không phải là một tờ giấy trắng, muốn viết chữ gì vào thì viết. Không phải thế, linh-tính người ta là một cái sức mạnh, hoạt-dộng luôn luôn. Linh-tính « biết » (*connaître*), « cảm » (*sentir*)

(1) Về mục ý-chí bàn rõ các sự tập-quán về tinh-thần.

(2) Theo ý-thưởng của một vài nhà tâm-lý-học thì ý-chí không phải là một năng-lực (*faculté*) của linh-hồn, chỉ là một cái sức (*force*) của linh-hồn. Kể đa-tri là kể có cái sức mạnh về tri, kể tri đoán là kể ít sức của tri, vân-vân.

và « muốn » (*vouloir*), linh-tinh là một cái sức để biết, để cảm, để muốn.

Cái sức ấy, khi ứng vào nhục-thể thì gọi là « nhục-thể động-tác », khi ứng vào trí để kích-thích và đưa trí đến một cái mục-dịch, thì gọi là « tri-lực động-tác », khi ứng vào ý-chí để đưa dắt, xếp đặt tâm-hồn người ta thì gọi là « đạo-dức động-tác ». Nhưng dù ứng vào bộ-phận nào trong linh-tinh thì cái « sức » ấy cũng chỉ một chủ-dịch là làm cho nầy-nó thêm cái nhân-tính nhân-cách người ta lên, nghĩa là đưa người ta đến cái « cứu-cánh » (*fin*) hay. Công-việc của nhà giáo-dục là làm cho ba thứ động-tác đó rộng-rãi thêm mãi ra.

Bản-năng và tập-quán

(hoặc nói thiên-tinh và thói quen)

Cái sức hoạt-dộng đó không cứ là ứng vào ba năng-lực của tâm-hồn mới có ba hình-trạng. Chính cái « sức » ấy cũng lúc tri-dộn, lúc mãn-tiếp qua ba bậc khác nhau là bản-năng, ý-chí và tập-quán.

Chương trên ta đã nói rõ cái bản-năng khác cái tập-quán như thế nào, ta đã biết rằng bản-năng là một cái khuynh-hướng (*tendance*) mờ-âm mà có ích, không tập mà có hoàn-toàn tính-cách. Ta đã rõ rằng tập-quán cũng là sự động-tác trước có ý mà sau biến thành thiên-tinh. Ở chương trên mới nói về thiên-tinh và thói quen của xác thịt, bây giờ mới xét về thiên-tinh và thói quen của linh-hồn.

I. — Cảm-giác cũng chịu ảnh-hưởng của thói quen như xác-thịt. Thói quen làm cho người ta yêu cái trước vẫn ghét. Như ăn ớt thì lúc mới có ngon ngọt mà vì thói quen cũng thành ngon, uống rượu lúc bé lấy làm cay-dắng mà lớn lên quen đi lấy làm thú. Cũng như có thói quen mà người làm linh, người

làm ruộng chịu được mưa nắng nóng rét ở chốn sa-trường, nơi đồng-àng. Xưa vua MITHRIDATE quen thử thuốc độc khi uống cũng không thấy đau-dớn gì.

II. — Tri-tuệ người ta cũng chịu ảnh-hưởng của thói quen, rèn-tập luôn thì trí sáng và mạnh thêm lên. Không phải rằng biết đánh vần mà đã đọc được sách, còn phải có thói quen. Nhà kế-toán cộng từng hàng số dài mà vì thói quen cũng không lầm bao giờ. Nhà danh họa, quen ngắm cảnh-vật, chỉ đưa mắt qua là đã thu được dùng hết vị-tri, sắc, màu các vật.

III. — Ý-chí người ta cũng chịu ảnh-hưởng của thói quen. Cũng-tri nhẫn-nhục để làm một việc hay, lúc đầu là khó, nhưng tập quen cũng hóa dễ. Làm điều phải bao giờ cũng phản với tư-lợi, nhưng cố cưỡng lại một lần, hai lần... rồi thì chẳng bao lâu cũng không lấy sự tổn tư-lợi làm khó chịu nữa. Nếu khi muốn làm việc gì « hay », thấy tư-lợi hơi tổn mà lại trừ-trừ, thì cái thói trừ-trừ đó ngày một quen. Khi thói quen ấy đã ăn sâu vào cốt-tủy, thì thành người nhất-thiết chỉ vị-lợi.

IV. — Tinh-tự cũng vì thói quen mà biến đổi. Ông thầy thuốc quen nghe tiếng kêu khóc, quen sờ sờ người, lâu ngày cũng bớt bụng thương người đau khổ, có khi coi cái giết người như chơi. Người tù bị giam-hãm trời-buộc, lâu ngày cũng không lấy làm khổ lắm, kẻ cơ hàn lâu cũng không lấy đời làm chua xót.

Tóm lại mà xét thì thói quen có cái khiến cho linh-hồn phấn-khởi thêm lên, có cái khiến cho linh-hồn tri-dộn lại, có cái thói-quen « thụ-động » (*habitude passive*), có cái thói quen « hoạt-động » (*habitude active*).

Thói quen rất là cần cho việc giáo-dục, mà một lần là thành thói-quen. Chớ có nói rằng : « Một lần chẳng là

thói quen », vì nếu một lần thứ nhất không có hiệu-quả gì cho thói quen. lần nữa tất cũng không có hiệu-quả gì thì làm gì có thói quen. Công một vạn số không (zéro) thì số tương-hợp (somme) vẫn là số không, sao lại thành số được. « Fich-tiểu thành-dại; — Tinh tương cận, tập tương viên » — là nghĩa thế đó.

Ý-chí động-tác

(意志動作 = fait volontaire ou volition)

Trong các sự động-tác thuộc về thiên-tính hoặc thuộc về thói quen thì cái sức dun-dây ta làm, là cái sức u-âm tiềm-ân. Nhưng khi ta không nhằm mắt cho cái sức ấy xô-dẩy nữa, ta khu-xử lấy các năng-lực ta, cân-nhắc lấy việc ta làm, theo đuổi một mục-dịch nhất-dịnh thì ta mới thoát-ly ra ngoài vòng động-tác bằng sức vật-dục mà hoạt-dộng có ý-thức, có tự-do. Do cái sự hoạt-dộng đó mà người ta thoát ra ngoài vòng « con vật » mà thành « con người » — Sự động-tác đó gọi là « ý-chí động-tác ».

Muốn biết rõ sự động-tác đó phải xét từ gốc đến ngọn mới được. Trước khi ý-dịnh làm việc gì phải có « ý-niệm » (conception) về việc ấy; sau phải « cân-nhắc » (déliberation), nghĩa là xét các lẽ nó khiến mình hoặc làm, hoặc bỏ, hoặc làm ra thế này, làm ra thế khác; sau « quyết-dịnh » (détermination, résolution), khi đó thì biện-bạch đã ngã lẽ; sau đến « thực-hành ». — Điều cần nhất trong sự ý-chí động-tác là sự « quyết-dịnh ». Cân-nhắc xong thì quyết-dịnh, quyết-dịnh xong thì thực-hành. Quyết-dịnh thì ở mình mà thực-hành thì chưa chắc đã ở mình, vì linh-hồn tự-do mà thực-hành còn nhiều việc ngoài ngăn-trở. (Chữ tự-do của linh-hồn này phải bàn kỹ, vì có người cho rằng linh-hồn tự-do, có phải lại nói rằng không.

Linh-tính có tự-do không?

Tự-nhiệm chủ-nghĩa.

(Théories du libre-arbitre)

Thế nào là linh-tính tự-do? — Linh-tính tự-do là một cái năng-lực của ý-chí khiến người ta tự-do chọn được, quyết-dịnh được việc mình làm, không có cơ gì ở ngoại-giới hoặc ở tâm-giới ngăn-trở được. Chữ tự-do này không nên lầm với chữ tự-do thuộc về xác-thịt, như chân tay không phải trời buột, không nên lầm với các thứ tự-do luật-pháp, phong-tục đặt ra, như tự-do sinh-trưởng, tự-do luyện-ái, tự-do tin-nguỡng. Tự-do đây là triết-học tự-do, luân-lý tự-do (*liberté philosophique, morale*). Tự-do ấy dù gông cùm trời kẹp cũng vẫn còn.

Tự-nhiệm-phái tức là hạng người tin có cái tự-do ấy. Phái ấy chứ gì rõ ràng linh-tính tự-do như sau này:

I. Lấy tâm-lý chứng — 1^o/ Linh-tính — Nếu ta nghĩ vào các việc ta làm, ta sẽ trực-giác (*intuition*) rõ-ràng rằng linh-tính tự-do, ta sẽ biết rằng ta tự-do muốn làm việc này hoặc việc kia.

2^o/ Tinh-cờ, ngẫu-nhiên — Vì như trên bàn có năm tờ giấy trắng đều nhau. Giơ tay cầm một tờ chắc là ngẫu-nhiên mà cầm không có cái gì bắt cầm tờ này, không cầm tờ khác. Khi cầm một tờ thật là vì không có gì mà cầm tờ ấy không cầm tờ khác. Như thế thì linh-tính tự-do.

II. Lấy chứng ở xã-hội. 1^o/ Ở xã-hội có giao-kèo, cam-doan, pháp-luật, thế là linh-tính có tự-do, vì nếu linh-tính không tự-do để giữ lời ước được thì những cái ấy vô-dụng ư? thì những cái ấy có cũng là vô-lý.

2^o/ Xã-hội có hình-phạt. Nếu người ta tiên-dịnh phải làm việc ấy, thế nào cũng phải làm việc ấy, — theo ý-tưởng phải tiên-dịnh — mà lại gia hình-phạt thì chẳng hóa ra xã-hội quái-gở lắm sao?

III. Lấy luân-lý chứng. — 10) Có luân-lý, tức là tự-do của linh-hồn. Luân-lý ràng buộc người ta về việc đức, cũng như pháp-luật ràng-buộc người ta ở trong xã-hội. Dạy người noi theo một đạo, nếu người ta không có cái tự-do theo được đạo hay không thì luân-lý sao lại có ?

20) Nghĩa-vụ ý-niệm (*Idée du devoir*). Ta trực-giác được nghĩa-vụ ta. Khi có việc gì khó, ta có câu suy-nghĩ rằng: « Có nên làm hay không? có nên làm như thế này không? » Nếu linh-hồn không tự-do thì câu ấy vô-nghĩa. Ông KANT có nói rằng: « Phải, tức là có thể, tức là tự-do » (*Tu dois, donc tu peux. Tu es obligé, donc tu es libre*), cũng là nghĩa thế.

Tiền - định chủ - nghĩa

(Théories déterministes)

Phái này không tin rằng có sự tự-do của linh-hồn. Tiền-dịnh chủ-nghĩa lấy lẽ này làm căn-bản :

Cái gì có cũng phải có cơ làm sao mà có. Có quả phải có nhân. Có nhân, không bao giờ lại không có quả (*Tout ce qui est a sa raison d'être. Tout fait a une cause. Il n'y a pas d'effet sans cause*).

Theo phái tiền-dịnh thì trí người ta không thể khái-niệm được cái nguyên-thủy tuyệt-dịch (*commencement absolu*), một việc mà không có việc khác đi trước làm nhân cho. Phái tiền-dịnh phá mấy câu chứng-dẫn biện-luận của phái tự-nhiệm như sau này.

I. — Thuộc về tâm-lý — 10) Linh-tính — Linh-tính không hoàn-toàn, hay

lâm-lỗi. Có khi không có hiện-tượng thực mà ta cũng tưởng là có, như lúc ảo-cảm, lúc hôn-mê.

20) Sự ngẫu-nhiên, tinh-cờ. — Trí ta chỉ cho ta biết những hiện-tượng hình như không có nguyên-nhân là vì ta không biết rõ được các nguyên-nhân ấy. Ta không biết rõ được các nguyên-nhân ấy vì ta không chịu cùng-kỳ-lý mà suy-xét. Những nguyên-nhân ấy, ở cơ-thể ta, khí-huyết ta, tinh-nết ta, ở đời tiềm-thức ta mà ta không chịu gia công để biết đến. Một sự « ngẫu-nhiên thật » không bao giờ có. Con lừa ông BURIDAN (1) nếu mà có thật thì phải nhịn đói chết ở giữa hai bó cỏ.

Vậy cho nên, việc gì cũng có nguyên-nhân tiền-dịnh trước, nguyên-nhân ấy chỉ có nhỏ hay là lớn thôi. Nhưng dù nhỏ đến đâu, yếu đến đâu thì cũng là có.

II — Thuộc về xã-hội. 10) Các giao-kèo luật-pháp chính là cái nguyên-nhân tiền-dịnh các sự hành-vi của người ta.

20) Hình-pháp của xã-hội chính là nguyên-nhân tiền-dịnh người ta vào sự hành-dộng hay mà ngăn người ta vào sự dờ. Thật thế, nếu một kẻ vì giòng-giống, vì khí-huyết, vì vận cái nguyên-nhân khác nó run-rủi làm điều bất-thiện mà xã-hội lại giao thêm độc-hình thì xã-hội yêu-quái độc-dịa thật. Nhưng không vì thế mà bỏ hẳn hình-pháp được. Kẻ bất-thiện phải coi như vật nguy-hiểm của xã-hội. Vậy thì phải ngăn nó ra để xã-hội khỏi nguy-hiểm. Nhưng kẻ đó là kẻ ốm, xã-hội phải coi nom; phạt cái sự hành-dộng của nó mà đối với nó vẫn

(1) Người ta ví nếu có con lừa để giữa hai đám cỏ giống nhau như hệt, không có cơ gì bảo con lừa ăn bó này bỏ bó kia, thì con lừa đành chết đói. Trước hết con lừa phải đứng cho thật ngay không nghiêng vẹo sang bên nào. Hai bó cỏ lại phải giống nhau y như hệt không sai cái tơ cái tóc nào. Một sự như thế không khi nào có.

phải săn-sóc như săn-sóc người ốm (1) Kể ấy trở nên con người bất-lương vì ai? Hà chẳng phải xã-hội kém đường giáo-dục ư? « Giáo bất nghiêm, sư chi nọa, tử bất giáo, phụ chi quá », dân chẳng hay lỗi tại xã-hội, xã-hội còn trách ai?

∴

Xem sử sẽ nghiệm ra rằng cùng một nguyên-nhân bao giờ cũng cùng một kết-quả. Theo các bảng thống-kế (statistique) thì sự hành-dộng của ta đều có nguyên-nhân cả. Ví như bảng thống-kế sự tự-sát một thành-phố to, số người tự-sát bằng súng lục năm vào cũng độ chừng bấy nhiêu mà cũng ở một vùng thời, số người tự-sát bằng thuốc độc cũng thế. Nếu các sự động-tác của người ta mà tự-do thì bảng thống-kế mỗi năm một khác chứ.

III — Thuộc về luân-lý — Tiên-định chủ-nghĩa không trái với luân-lý, tiên-định chủ-nghĩa lại là gốc cội cho luân-lý.

— Đã biết rằng việc gì làm cũng có cơ thì người ta phải làm sao cái cơ hay. Cái cơ hay đó há chẳng phải cái chi-khí to-tát, cái bung hoai-bào lớn-lão tốt-đẹp của người ta hay nao?

— Không nên nói rằng: « Làm người phải làm điều thiện và lúc nào cũng làm điều thiện được. » Phải nói rằng: « Làm người phải làm điều thiện. Cái sự làm điều thiện cũng khó. Tri-tuệ có sáng-suốt dễ trông tỏ được ánh sáng nghĩa-vu trôi-lội, không có điều ham-mê nào quá-dâng, không có thời

quen xấu, có lòng khảng-khái thì mọi lúc nào cũng làm điều thiện được. »

Hai phái trái nhau như thế, nên theo phái nào? Thiết-tưởng rằng: gạt phắt cái tự-do của linh-hồn đi không nên, giữ cả cũng không nên. Gạt phắt hẳn đi thì gạt cả trách-nhiệm đi, làm việc gì sai cũng đổ tại cái nợ cái kia. Theo phái tiên-định thì lòng nhân rộng mở. Vậy ta phải dung-hòa hai phái triết-trung lấy lẽ phải mà theo.

∴

KẾT-LUẬN CỦA KỂ LÀM SẠCH.

Tâm-lý-học có ích những gì? Nói ra thì dài lắm. Việc giáo-dục, việc xử-kiện, việc kỹ-nghệ... bách-nghệ, bách-công đều cần — hoặc ít hoặc nhiều — tâm-lý-học cả.

Có một ngày kia mà nhiều người trong nước ta hiểu tâm-lý-học, ngồi nói chuyện với nhau về cái « máy tự-lý » thì ích-lợi như thế nào? Ngụ tời trộm nghĩ có một sự ích rất lý-thú. Ngồi bàn với nhau đến tâm-lý-học tức là phải tập phoi gan dãi ruột cũng nhau. Một ngày kia mà nhiều người trong nước nói chuyện với nhau biết phoi gan dãi ruột, tránh được các sự phũ-hoa giả-trá, thì tình thân-ái ngày càng bền-chặt mà mỗi đồng-tâm có lẽ cũng chóng kết bền được.

HẾT

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT biên-dịch
(Phụ-lục « Tâm-lý-học toàn-đồ »)

(1) Ông MICHEL CORDAY có làm một pho tiểu-thuyết nhan đề là « Cái nhớ của con tim » (*La mémoire du cœur*) đề tài-thuyết sự tranh-luận của phái tự-nhiệm và phái tiên-định, trong có một đoạn như sau này: « Có ai chần nôm người ốm lại vì thói-tha, dằn-thiêu, hời-taoh mà ghét người ốm không? Đối với cái ốm đau xác thịt mọi người tự-nhiệm có lòng nhân-từ thế, thì đối với cái ốm đau tinh-thần lại cũng có được cái lòng nhân-từ đó, vì rằng cứ bụng tội, ốm tinh-thần, ốm xác-thịt cũng một nguyên-nhân; cũng một nguyên-nhân thì phải có cũng một lòng thương xót... » Nguyễn văn là: «... *Faisons nous grief à un malade de ses sautes, de ses haleines, des soins répugnants auxquels il nous oblige? Eh bien, cette indulgence que vous inspirez tout naturellement la misère physique, je l'éprouve, moi, et sans qu'il m'en coûte pour la misère morale! Car leur donnant même origine, je les confonds dans la même pitié...* »

TÂM-LÝ-HỌC TOÀN-ĐỒ

圖全學理心

ĐỒI TÂM-LÝ

I. Đồi Tiềm thức — II. Đồi Ý thức

| | | | | | |
|---------------|----------------------------------|---|--------------------------|--|---|
| ĐỒI TÌNH-TỰ | Phân thụ-động | <ul style="list-style-type: none"> - Cảm-giác thượng khê-lạc. - Tình-tự thượng khê-lạc. | Duy - kỹ (Hoặc vi-kỹ) | <ul style="list-style-type: none"> - Ham sống - Thích yêu-vui - Hiếu-dòng - Tự-ái - Mếu tự-do | |
| | | | | | |
| ĐỒI TRÍ-TUỆ | Lấy vật-liệu | <ul style="list-style-type: none"> - Cảm-giác. - Tri-giác. | Tự-nhiên | <ul style="list-style-type: none"> - Liên-tưởng - Sáng-tạo tưởng-tượng. - Trừu-tượng. - Khái-quát. - Phán-đoán. | <ul style="list-style-type: none"> - Phụ-cận. - Tương-tự. |
| | Giữ lại | <ul style="list-style-type: none"> - Ký-ức. - Tái-sinh tưởng-tượng. | | | |
| ĐỒI HOẠT-ĐỘNG | Động-tác (Thân-thể tinh-thần) | Vô-tâm | Theo lẽ phải | <ul style="list-style-type: none"> - Lý-tiên. Các đề-bất-nguyên-lý. a) Tư-tưởng bất-năng tự-phân. b) Cứu-cann ng uyên-lý. | <ul style="list-style-type: none"> - Tự-nhiên. - Phần-lại. - Thiên-tình (bản-căn). Thói quen. |
| | | | | | |

QUÀ DƯA ĐỒ (1)

PHIÊU-LƯU TIÊU-THUYẾT

(Được phần thưởng văn-chương Hội Khai-Tri Tiến-Đức năm 1925)

VI

XV — Gặp thầy ông từ-tướng.

Bốn bộ quần áo vừa chế xong thì bị bão mất hai ngày hai đêm. Sáng hôm sau tạnh bão, trời hửng nắng, cả nhà thay quần áo mới. Nàng Ba đem quần áo của vợ chồng con cái ra bãi bể giặt, Nàng bắt được một đoạn song dài độ một sải ở bên bờ mang về đưa cho chồng xem, bấy giờ chàng đứng ở cửa hang đón lấy khúc song mà xem đi xem lại, nói rằng :

— Khúc song này là cái dây chằng cột buồm, tay người cầm vào đã nhẵn, dây chằng buồm to thế này, thì cái thuyền đã lớn lắm, có lẽ là chiến-thuyền của nước ta bị bão đánh đắm, dây chằng cột buồm đứt trôi ra đây, thế thì con bão tây-bắc to lắm mới thổi rất được những vật trôi trên mặt bể ra mãi gò này, cứ một vật này thì chung quanh cái gò cũng còn nhiều vật cùng với khúc song này bị bão trôi ra nữa, mỗi buổi chiều ta đi chơi mát ra những khu bãi cát từ tây-bắc đến tây-nam, xem có được cái gì nữa không.

Nói rồi An Tiêm cầm cái khúc song vuốt hai tay mà uốn ra rồi lấy gươm bứt hai đầu xước đi cho nhẵn mà rằng :

— Cái này ta để làm cái gậy cho hiền-thề chống khi lên núi, và giữ làm ghi cái tin buồn của quê-hương mà thân cụ-mẫu đã đưa đến cho ta biết.

bấy nay không biết tin-tức trong nước thế nào, nay đã được một cái hung-báo rồi đây !

Nói xong cầm cái gậy song giờ lên ngắm-nghĩa một cách rất trân-trọng ngắm-ngùi, rồi đem cất vào trong động. Đến chiều quần áo cũ vừa khô, vợ chồng gấp gọn-gàng để vào góc động, rồi đưa con ra bãi bể chơi mát. An-Tiêm trong thì đóng một cái khổ lụa cũ, ngoài mặc cái áo bị xẻ tà, ngắn đến đầu gối, lưng thắt một cái đai bằng côi, đầu đội một cái nón ghép bằng lá, tay cầm thanh lân-viên điện-quang, chân đi dép côi, cổ đeo cái diu, diu con gái. Nàng Ba thì mặc một cái xiêm côi, một cái áo cộc côi, mà gấu xiêm gấu áo đều để đầu đi tết làm chân chỉ, thắt một cái dây lưng côi bện tròn, và cũng đội nón lá, đi dép côi, hai đứa con cũng mỗi đứa một cái áo côi, Mai-Lâm thì đi đất, ba người giặt nhau cu-kêu đi thơ-thần trên bãi cát trắng phiu, một bên thì sóng bể rền lên lau văng nhật sế, một bên thì áng cỏ chân đồi phơ-phất dưới bóng tà-dương phai nhạt, trước mặt gió lộng ùm đánh tạt vào xiêm áo Nàng Ba, nghe tiếng sột-sạt, giá thử khi nắng mới đến đảo này mà trông thấy cái cảnh lổ-lăng lam-lũ như thế, thì nàng không thể cầm lòng được mà không sa mây giọt lệ thương-tâm, nhưng bấy lâu cảm-hóa những lời chồng khuyên-dỗ về cái đạo « tự tín,

(1) Xem N. P. từ số 103. — Bộ tiên-thuyết này tác-giả giữ bản-quyền, không ai được in lại.

tin trời» thì đã sinh bao nhiêu cái lòng can-dảm, cái chí kiên-nhẫn, cái tài phương-tiện, để cùng nhau chống với tai-nạn, nên nàng nghe tiếng áo bay, cúi đầu tự ngắm mình, không lấy làm khờ, lại có ý mừng rằng vợ chồng thế mà cũng khéo. An-Tiêm xem biết ý vợ, lấy làm đắc-ý lắm. Chàng cho vũ-trụ lúc đó là một cái vườn xuân mà Thượng-đế để riêng cho một gia-đình nhà mình tiêu-dao, chàng bèn ứng-khẩu đọc lên một bài rằng :

*Nhờn-nhờ đứng trước gió đông,
Gió lay áo cói xiêm lông tũ-toi.
Ngắm ta ta cũng cười,
Răng đen má phấn vốn người ta xưa.
Thay hình đổi dạng nên ngờ,
Mà lòng son sắt bao giờ nhạt phai.*

Nàng Ba mỉm-mỉm cười mà rằng :

*Lòng son dạ sắt cho bền,
Răng đen má phấn càng thêm bận lòng.*

Nàng-Ba đọc xong thì hai vợ chồng cùng cười vang lên, vừa cười vừa đi vừa trông xuống mé nước bề xem có vật gì rạt vào không. Đi đến một cái bãi cát rộng thung-thỉnh, An-Tiêm cho Quế-nương đứng xuống, rồi cùng nhau trông lên phương trời tây-bắc mà ngắm xem mây đáng chốn hương-quan, bỗng nghe tiếng vù-vù sậu lung, cùng ngẩng lại thì thấy một cái hoa hồng bị gió thổi rụng xuống, rồi gió càng thổi càng lẫn long-lóc, tí-tấp mù xa như cái bánh xe lăn trên bãi cát, đang đứng xem với nhau thì cái hoa khác lại chạy sượt qua, Mai-Lâm ù phá đuổi bắt. An-Tiêm cũng nó với con mà đuổi theo, càng đuổi, cái bánh xe cồn-con có nhiều tua ấy càng chạy nhanh, An-Tiêm hết sức cũng không theo kịp. Lại ba bốn cái khác kể đến. Mai-Lâm rối-rít ngã lăn cả ra bãi, cả nhà cười ầm lên với nhau. Nàng Ba bèn đọc lên rằng :

*Dan tay góc bề ban chiều,
Mây bay phơi-phới, sóng kêu ùng-ùng.
Giữa cồn cát trắng mệnh-mông,*

*Thằng con đuổi cái hoa hồng gió làn.
Gió làn hồng chạy tuyết-trần,
Mà cho thằng bé lằng-cằng trên cồn.*

Nàng Ba ngắm xong thì thấy có hai con qua bề ở mé bãi đang nam bay lên kêu mấy tiếng rồi lại đậu xuống. Một lát lại hai ba con nữa ở đâu bay đến cũng sà xuống đấy. An-Tiêm nói :

— Những con qua bề nó gọi nhau đến chỗ kia, chỗ ấy có cái gì, ta đến xem đi.

Bốn người dắt nhau lững-thững đi đến gần đầu ghềnh, thì đàn quạ bề bay tán đi. Vợ chồng đưa con bước đảo lên, trông xuống bề cái lạch nhỏ bên đầu ghềnh, thì thấy người nằm vắt ngang ra đấy. Nàng Ba rùng mình sợ hãi. An-Tiêm với dắt vợ con đi lùi lại đến chỗ vừa khuất mắt, để cho vợ con đứng lại rồi một mình đi lên đến nơi xem thì thấy ngay một cái xác người đàn ông cao lớn lực-lượng, da sắt mây rậm, cầm en đầu hăm, râu quai nón, đầu tuột mắt mũ, chân tuột mắt giày, mình mặc cái áo nâu đỏ, thắt một cái thắt lưng đỏ chít mũi hậu. An-Tiêm nhận dich là người Văn-lang, nhưng không biết là ai. Chàng bèn cởi cái cúc áo ở áo tử-thị mà lật cái vạt áo mở bụng ra xem, thì thấy một cái túi con khâu vào lẫn lót, có một cái con so bằng ngà, thịch hai chữ họa-Văn là « 不蜀 bình Thục ». Chàng khẹp vạt áo lại rồi cầm cái con so đem lại giờ cho vợ xem mà rằng :

— Trong mình có cái quân-phủ này, thì ông này là một viên Bình-lực Lạc tướng-quân đang đi đánh rợ Thục, không biết trận-tử ở trận thủy-chiến nào mà bão trời ra tận đây, xem lại bàn tay và áo trước mặt có máu bắn, mà mình chỗ nào cũng có dấu thủng, thì ông chết khi ông đang xung-sát kẻ thù. Nhưng sao tôi không biết mặt bao giờ. Thấy ông mà tôi lại nghĩ một điều rằng, rợ Thục ở tây-bắc nước ta, ta đi vắng

mới rằm sáu tháng này, nó có sang thì còn đánh ở sơn-cước, chứ có lẽ nào đã tràn qua trung-nguyên đến hải-tân mà có tràn thảy-chiều to thế này!

— Khốn - nạn ! giặc Thục hạ mắt thành Phong-châu rồi thì lão-thần tôi già yếu, thoát sao cho khỏi cái vạ lửa-bình !

— Còn lấy lý mà đoán như thế, chứ đã hẳn đâu. Ta phải nên cầu - đảo Thượng-đế thần-minh a-bộ cho nước ta còn thời nhà ta mới còn, nước nhà ta còn thì ta mới trông mong có cái ngày được hưởng cái phúc đoàn-viên nơi cố-ly, vậy hiền-thê hãy đứng ở đây với con, để tôi trở lại viếng ông vài lời.

— Thi-thê đã biến đổi nhiều chưa ?

— Không biết trăm-nhị từ hôm nào mà thi-thê chưa hề biến-động, diện-mạo vẫn lẫm-liệt trông như người ngủ.

— Sống tướng mạnh chết thảo thiêng, những bậc trung-thần liệt-sĩ vì nước liêu minh như thế, tất có hiền linh khác thường, ta lâu không được trông thấy cái mặt sống người đồng-bang, may được trông thấy thầy người trong nước, cũng đủ hả chút nhớ mong, phương chi người chết lại là một đấng trung-liệt, thì được sùng-bái cái anh - linh của ngài chẳng cũng may ru ? lang-quân cho tôi đến với.

— Vậy thì cho con cũng đến.

Bấy giờ lại dắt-diều nhau đến, hai vợ chồng cũng chấp tay vái trước linh-hải. An-Tiêm khấn lên rằng :

« Chúng tôi là vợ chồng An - Tiêm với Cao-thị và hai con, kính viếng vong-linh ông Bình Thục Lạc-trưởng trận-vong mà linh hải trời đến mé gò Hải-nam là nơi quốc-giới xa - xăm cách muôn dặm trung-dương này, chúng tôi với ông tương-ngộ nhau ở chỗ mé bờ gió cát mây mù, lạnh-lung vắng ngắt này trước khi chúng tôi chưa đến thì có một đàn quạ bề đưng châu ông, chúng

nó tuy là một giống ác-điều mà thấy linh hải một đấng trung-thần cũng phải khởi-kính không dám động hề gì, tôi khi chúng tôi đến thì lại chỉ có chúng tôi là bốn người còn sống với ông là một người đã qui-linh rồi là năm, ngoài ra không còn có ai là người đồng-cửu với ông mà viếng ông nữa, chúng tôi với ông tuy mình-dương hai ngã khác nhau mà cái kiếp phiên-lưu cũng là một, ông tuy thác mà thác là vĩnh, chúng tôi tuy sống mà sống là nhục, vĩnh là trước khi ông từ-trần đã được mục-kích cái cuộc binh-tranh của nước nhà, đã từng ghé vai gánh cả gánh non sông cho tới lúc thế cùng mới chịu đem một cái chết mà báo-quốc, tuy lúc loạn-quân rối-rit mà người nước hay sử-thặng đời sau, không biết đến cái oanh oanh liệt-tiệt của ông nữa, thì trời cũng đã t - ấu rồi. Cái lễ tôn-tượng đưa linh hải ông tới cái đảo thần-tiên này là một lễ của cả vũ-trụ những tiếng sóng bề đn-ào là những âm-nhạc bi-ai, những đám mây bay phát-phối là những cờ minh-tinh đan-triệu, chìm trời cả bề là những si tốt nhân-dân đi tiễn-biệt, cái can-tráng ông bộc-bạch với cao-thám, cái vong-hồn ông siêu-thoát, mà cái linh - phách ông còn báng-bạc ở càn-khôn, cái anh-linh bất-tử ông còn y-bạn cỏ hoa đất nước, thế là ông vĩnh. Nhục là chúng tôi sống dở chết dở, lêu-lồng ở ngoài trời này, thậm-chí đến nước nhà nguy khốn, quân-thụ lo phiên nhân-dân xâ-tắc tôn-tộc phần-mô đang hăm-nhiếp ở trong cái gió tợ Thục, đã không chia xẻ một chút tai-nạn nào, lại mang-nhiên không biết đến nữa, thế là chúng tôi nhục. Tuy vậy dù sống dở sống nhục, sống làm cái kiếp chìm muông thế này, chúng tôi cũng xin cam lòng mà chịu, để làm cái việc của Thượng-đế với Thiên-tử đã phó-thác cho. Song le, chúng tôi không biết cái tin lành dữ ở trong nước bây giờ thế nào, vì vạn-

nhất cái ngày chúng tôi thành-tựu được công-nghiệp ở đây rồi mà non sông đã đổi chủ, thì ai sẽ đón chúng tôi về mà chúng tôi sẽ về đâu? Vậy xin ông sống khôn thác thiêng, phủ - hộ cho chúng tôi đủ sức mạnh gan bền mà mở-mang lấy cái hồn cũ-lao côn-con của nước ta này, vong-linh ông cũng được cùng chúng tôi cùng ngóng đợi tiêu-hao của tôn-quốc, thôi, càng nói càng đau, càng trông càng thêm, bây giờ trời đã gần tối, khi bề lạnh-lung, chúng tôi xin chào vong-linh ông ở lại với linh-hài cho chúng tôi tạm trở về trong hang núi, sớm mai xin lại ra đáp điểm lấy cái linh-hài của tổ-tiên truyền đời, của non sông chung đúc nên một khối linh-trung này, để ông yên giấc mộng lâu dài.»

Khấn xong, An-Tiêm lại đọc một bài thơ viếng rằng:

Bén ghềnh dưới bóng tà-huy,
Ba con quạ bề một thi tướng-thần.
Non sông cũng kiếp nợ-nần,
Cũng đời trôi rạt cũng thân bề trời.
Hỏi ông ông chẳng trả lời,
Nước nhà thua được tôi thời hỏi ai!

Nàng Ba nghe chồng đọc mỗi câu, lại càng thêm thồn-thức lên, đọc xong, hai vợ chồng vừa vái vừa khóc nước-nở rồi đưa con về, về đến hang thì tối mịt. An-Tiêm cầm dóm ra vệ núi hái được hai cái lá to đem về, vợ thì cầm dóm giờ lên, chồng thì nằm phục xuống cầm cái gai vừa nghĩ vừa viết vào lá làm lời lụy để ngày mai đọc viếng trước phần mộ ông Tiên Lạc-tướng ngoài bãi bề. Sáng mai tang táng, An-Tiêm cầm gươm và xách cái rọ đan bằng cành cây vắn để đánh cá, một mình đi ra chỗ thi-thờ ông Lạc-tướng, còn Nàng Ba thì phải ở nhà để đi hái rau kiếm cá ăn bữa trưa, An-Tiêm đứng ngẫm lại phương-hướng mà lầm-nhầm một mình rằng:

— Hôm qua đầu chính đông, mà hôm nay quay ra đông-nam trông về cổ-quốc, cụ Tiên Bình-Phục Lạc-tướng

thực đã hiển-linh ở đây rồi, ý thần cũng như ý người, vậy xin cho làm lễ an-táng.

Nói rồi An-Tiêm qui xuống cái cái con so ngà vào túi cho linh-hài, lại xé một vuông lụa thắt lưng của ông Lạc-tướng mà phủ lên mặt cho ông chỉnh-dốn xong mới ra sức cắt vào rọ, hai tay bẻ đi lom-khom đến đổ lên trên đỉnh đầu cho ông tử-tướng một cách rất thành-kinh cảm-động, chàng tự nghĩ trong bụng rằng: « Cái qui báu bất-hủ của tạo-vật tất phải cất vào kho bảo-tàng của cần-khôn như thế này cũng phải, còn quan quách lăng-tâm của thế-tục kia chỉ thêm cho đời sau biết chỗ mà bới cái bất-khiết ra thôi, chứ có ích gì.» Từ đó chàng cứ huy-huyệt sức cắt đồ lần lượt mãi lên, đến trưa vừa xong thì Nàng Ba đưa con và mang đồ-đạc ra, Nàng còn đi ở đằng xa đã trông thấy một cái mô nhọn đầu nhỏ lên ở mé ghềnh rồi, nàng mừng lắm, đưa áo mũ cho chồng thay, rồi đem gỗ thom đốt ở trước mộ. An-Tiêm thay mũ áo quốc-phục đứng ra trước mộ vái mà khấn, rồi lấy hai cái lá trong bọc ra, cao tiếng đọc lời lụy lên rằng:

« Than ôi! Cát vàng một năm, phơi dài giữa trời; dào-dạt sóng khơi, cuộn cồn gió bề; Ó vàng khi xé, thổ bạc lúc tà; ta lại gặp ta, biết chẳng chẳng biết; nghìn thu nghìn-liệt, một khối trung-hồn; hòa với nước non, bề Nam núi Tản; núi cao bề quảng, bóng lộng kiên-khôn. Than ôi thương thay!»

Đọc xong bùng mặt mà khóc rất thảm. Nàng Ba vừa vái vừa khóc, một lát nàng bảo An-Tiêm rằng:

— Từ rầy mỗi hôm ta phải mang mỗi người một hòn đá ra mà chửi chung quanh từ chân mộ trở lên thì mới giữ cho sóng bề khỏi lở được.

Hai vợ chồng đi vòng quanh mộ rồi lại trông về mé tây-bắc trước mộ, cầm

thương vô - hạn, loanh - quanh mãi
mời đũa nhau về.

XVI — Đã có lễ-văn chề- độ

*Gió mưa thấm-thoắt hôm mai, bốn
mùa hải-vị sinh-nhai lần hồi. Hôm ấy vợ
chồng con cái An-tiêm ngồi ăn bữa trưa
ở trong cái nhà thảo-dường trước cửa
hang Hương-Việt, cứ theo trong sách
Mai-thôn-ký đã nói, thì cái cảnh-sắc của
cái thế-giới bốn người một nhà An-
Tiêm ở Hải-nam lúc đó đã có vẻ phong-
quang khác trước nhiều lắm. Bấy giờ
tiệc bày có một cái mâm thừa ghép
bằng gỗ cảnh cây; đồ ăn rau cá thì sào
nấu bằng những cái lon sành mà An-
Tiêm mới lấy đất sét nặn ra, rồi đắp cái
lò con mà nung; những thứ rau cá ấy
thì đựng vào những cái vỏ chai vỏ ốc to,
bát ăn cũng bằng vỏ ốc sà-cừ; giữa
mâm lại có cái vỏ chai tròn mà giết dề
muối; hai vợ chồng với Mai-Lâm thì
gắp bằng đũa, nói tóm lại là bữa ấy đã
ra phong-thể một gia-dình ở trong nội-
địa mà không ăn gạo ăn bốc như mọi
ngày; nước uống thì có vài cái lon to,
để chứa được vài ngày không phải mỗi
bữa ăn rồi lại phải ra giếng mát một
quãng xa; lại có cái vòm làm bếp biệt-
tịch ra đằng sau đầu nhà thảo-dường.
Bốn người ngồi trên cái chiếu buồm mà
Nàng Ba mới đan ra giải lên trên cái
bệ đất về gian mé nam; cách gian giữa
bỏ không để đi lại và làm việc; đến
gian mé bắc lại có cái bệ đất giải một
cái chiếu cỏ, giữa bệ có một tập lá khô
để biên chép, một cái vỏ ốc nhỏ đựng
nhựa cây làm mực, vài cái bút bằng gỗ
vót nhọn cắm vào một cái vỏ ốc to,
mỗi bên bệ áp vách có một cái gối cũng
bằng vỏ ốc; ấm chén uống nước cũng
đùng bằng vỏ ốc cả; giữa bức thượn
trên cửa sổ hướng bắc, ở đấy treo một
cái mũ châu, một bên treo cái gậy song
để ghi trận bão ngày nọ, một bên treo
thanh gương lẩn-viên điện - quang
đã cụt, là vì An-Tiêm mới bê làm*

*con dao con, để khi nhiều việc
hai vợ chồng cùng có đồ mà làm, còn
cái áo giáp cũ cũ g treo ở bên. Lại
nói đến cái nhà ấy là An-Tiêm tìm
mãi mới thấy được ở trong vùng núi
đá một chỗ có ít cây nhỏ và thẳng, vợ
chồng bần nhau mỗi hôm thư việc lại
đẵn vác về một vài cây, dần dần đã mấy
tháng trời mới dựng lên được một túp
lều ba gian ấy, trên lợp cỏ, hai đầu
hồi vói hai bức ở gian bên đằng trước
đều chát vách, để cửa sổ. An-Tiêm là
người vốn ăn ở chỗ cửa quyền đã quen,
nên tính thích sạch sẽ, chàng chịu khó
nhặt những hòn đá trắng nhỏ rồi nung
lâm vôi mà quét vách trắng lớp, trước
cửa gian giữa thì che liếp bằng cỏ, mặt
sau liền vói cửa hang thì để không; bài
huyết-thư ở giữa gian giữa gần mái
gianh nét chữ rõ ràng rành, ngồi trong
cái thảo-dường ấy mà trông ra ba mặt
cửa sổ thu-thập được hết phong-cảnh
xa gần, về cửa sổ mé tây mé bắc thì
trông về bề trời nơi cổ - quốc,
về cửa sổ mé nam thì trông thông-
thống ngay ra mộ ông tử-tướng và cửa
bến Sứ, ghé sang đông nam thì ngọn
núi Vọng cổ xanh, mây trắng, chót-
vót giữa trời. Lúc đó trời đương trưa
nắng nực, sắc yên-ba với ánh sáng ba
mặt nhà đều nhấp nháy lung - linh,
hồng một cơn gió nam từ ngoài khơi
xa xa đưa đến, làm cho cả nhà đều mát
mẻ tỉnh người ra mà muốn ăn thêm
lên bát rau hay bát cá nữa,*

Nàng Ba nói :

— Bữa ăn này là bữa ăn lần đầu ở cái
nhà mới này, cũng là bữa ăn khánh-
thành nhà đây.

An-Tiêm nói :

— Phải. Lại là bữa dự mừng cái
công nghiệp của ta ở đây nữa, vì như
làm nhà đã dở nên xây móng xong rồi,
còn nhà cao cửa rộng, mái gấm tường
hoa, cứ nhân đó mà lập ra.

An-Tiêm đang nói thì dùng lên đi vào trong hang mang cái số « kỷ lịch » ra, hai vợ chồng cùng đếm thì được ba cái vô số, ba cái vô ngàn, và một cái vô ốc sên. An-Tiêm rói :

— Thê là hôm nay là ngày mồng 3 tháng ba năm canh-li, vì năm 1 goái là năm kỷ-hợi, tức là năm thứ hai của ta ở đảo này rồi đó, kể ngày tháng từ ngày lên bến Sứ là ngày 28 tháng hai năm ngoái đến hôm nay là ngày mồng 3 tháng ba thì vừa được mười ba tháng năm ngày, trong cái khoảng mười ba tháng năm ngày ấy là một cuộc đời tân-sáng của ta ở đây, mà cũng là cuộc đời tái-tạo của ta ở đây nữa, cuộc đời này ngày tháng có bao lăm, mà biến hóa bằng mây nghìn vạn năm về đời cổ sơ trong nội-địa. Mình đang ở đời Chiến-quốc tung-hoành mà bỗng hóa ra làm người ở đời Tuân-phỉ (1) hay đời Nhân-dề (2) nào đó, tự mình phải tìm kiếm lấy những thức ăn thức mặc mới có đủ sống, rồi dần dần bày biện ra có lễ-văn chế-độ cho cái cuộc đời của mình được sống một cách tôn-nghiêm lý-thứ, khác với cái sống của cầm thú, như ngày hôm nay. Đem cái lễ-văn chế-độ ở cái nhà thảo-dương này mà so với cái lễ-văn chế-độ ở Phong-châu thì một văn một dã khác nhau biết trời vực nào. Nhưng mà ở Phong-châu là nhờ được công-đức của tiên-phân mấy nghìn năm gây dựng, nhờ huyêi-hân của bao nhiêu người giúp giặp nên, mà ta ở đây có bốn đầu đen, mà làm có bốn làn tay trắng, trong cái thời-kỳ 13 tháng 5 ngày đang là một cái hoang-đảo giữa bề giữa trời, mà nhóm ngay lên được có cái cảnh nhân-sinh thế này, lại chẳng đáng mừng sao? Đời ta hôm nay có thể gọi là đời Hồng-bàng hay là đời Hoàng-đế được rồi. Lễ-văn chế-độ tuy

thô-sơ mà cũng lược đủ, còn từ đây sang đời ngọc-bạch y-thường cũng chẳng xa gì.

Ấn xong, Nàng Ba nói :

— Thê ta cũng sắp phải lên núi Vọng mà làm lễ cáo để thôi chứ.

— Tôi còn muốn làm thêm một việc nữa rồi mới lên làm lễ cáo với ngài. Từ khi ta gặp được linh-hài cụ Tiên Lạc-tướng, biết trong nước có việc chiến-tranh với rợ 1 hục, lúc tôi ở nhà đi tông-chinh đánh nước ấy mấy lần, biết nước ấy vẫn có chí khuy-du nước ta đã mấy đời nay, nước ta gặp phải cái hồi này, bọn lại-tư ngu-trá tham-tàn, làm cho dân nghèo lực kiệt, nên nước nó lại càng sửa vượt qua đặng, nay giao-chiến mà đã đánh đến mặt thủy rồi thì chắc có cơ nguy lắm, không biết kết-cục ra thế nào, tôi lo quá. Trước kia thì ta chỉ mong-mỏi cho cái công việc ở đây chóng được thành-lập, mai một Thượng-đế sẽ mở đường mở lối cho ta về, đến bây giờ lại thêm một cái lo, vi-dù non sông đến cái kiếp vỡ-lở, thì ta ở đây sẽ ra thế nào. Ấu là Thượng-đế đã mệnh cho ta làm người, phú cho ta cái trí-tuệ thì ta phải lo liệu lấy cái phần đời ta cho khỏi tiêu-trảm ấy là biết đạo thờ đưc Thượng-đế đó. Vậy phải kiên-kỷ ở đây cho sẵn, một cái nền-nếp là một cái đảo-quốc, phòng xa mà truyền lấy cái tuyết-thống của ông cha như con cháu nhà Ân ở đất Kinh-man, dòng-dõi người Mèo ở ngàn Ngũ-lĩnh. Muốn như thế thì ta phải khai-trang cho con nó học. Tôi vẫn nói rằng cái sống của người ta phải khác với cái sống của cầm-thú, là cầm-thú thì ngoài sự sống ra, từ tạo-thiên lập-địa, từ có vạn-vật đến nay, con vật nào y-nguyên là con vật ấy, không biến-đổi chút nào, nghĩa là con quạ không bao giờ hót được tiếng con họa-mi, con chó không bao giờ biết

(1-2) Tuân-phỉ 循 武, Nhân-dề 因 提 = tên hai thế-dại tự Thượng-cổ.

được việc của con trâu con ngựa. Người ta thì không thể, người ta mới ngày nào còn ở trường ăn sống, lễ-thể xó rừng, mà bỗng lập nên thành gia-hương bang-quốc, có lễ nhạc cương-thường vượt qua cái kiếp tự-bại-gu-si, mà lên cái cõi thần tiên thánh-triết, biết đến công ơn của Thượng-đế mà nhận lấy cái việc xếp đặt của càn khôn, là vì người ta có biết học, đời đã phải nhờ có sự học mới tiến-hóa được, thì ta muốn mở lấy một cuộc đời ở đây, ta không thể không chăm về sự học được, ta không những phải lo liệu về sự sinh-nhai, mà ta lại phải lo liệu về sự lưu-truyền ký-trú nữa, sự lưu-truyền ký-chú tức là sự ta dạy bảo cho con cái ta biết cái đạo ở đời, biết cái gốc làm người, biết trên vũ-trụ còn có thần-minh thượng-đế vậy.

— Bây giờ còn nhớ sách vở nào mà dạy?

— Cũng không phải nhớ trọn một quyển sách nào. Sách bất-quá là cái mới biên viết những điều sơ-biết của cổ-nhân mà thôi. Đời Thái-cổ chưa có văn-tự, người ta thắt nút dây mà nhớ với nhau đến đời vua Thương-Hiệt mới bắt-chức những cái văn-vẽ của núi sông, trăng sao, chim muông mà chế ra chữ « lục-thư », thì đời mới có chữ. Sau tiên-triều đời Hùng ta lại chế ra thứ chữ « hải-thanh » nữa, mà văn-tự ở đời càng thịnh, có chữ rồi mới sưu-tập lấy những nghĩa-lý, những sự-cố mà biên-chép lại thì đời mới có sách. Trước thì có những sách « Tam-phần, Ngũ-diễn, Bát-sách, Cửu-khâu » là sách rất cổ. Về sau bên ta thì có sách « Hồng-bàng thế-phả, Hoàng-cầu cách-ngôn, Thần-tiên liệt-truyện »; bên Tàu thì có những sách « Chu-quan » của triều nhà Chu, sách « Lục-kinh » của Khổng-phu-tử san-định, đó là những sách tập hợp lại cả. Từ Xuân-thu trở xuống mới có nhiều những sách riêng của từng nhà soạn ra như những sách Quân-tử, Âm-tử, Lão-tử, Trang-tử, Liệt-

tử, Tăng-tử, Tử-tư, Đào-công, Tôn-tử, cùng những sách sử-thăng của các nước chư-hầu. Sách thì nói về sự lý, sách thì nói về binh, nông, nghệ, thuật; sách càng nhiều, nghĩa càng rộng mà học càng khó, người đi học phải như người đi chợ, phải tìm qua mọi hàng mà mua lấy cái thiết-dụng cho mình. Người đi học xem rộng các sách mà theo lấy điều cần-thiết cho đời mình, chứ không phải là đã học thì câu nào cũng toàn bằng ở cả sách được đâu, cổ-ngữ có nói rằng: « Cái gì cũng tin ở cả sách thì thà không sách còn hơn. » Lại ngày xưa vua Hoàn-công nước Tề ngồi xem sách trên đềm, một người thợ mộc lên, hỏi rằng: « Ngài xem gì? » Hoàn-công nói: « Ta xem sách của cổ-nhân. » Người thợ nói: « Thế là ngài xem những lời bả-giả của cổ-nhân đó thôi, xem như việc làm nghề, tôi không truyền được cái khéo cho con tôi, con tôi cũng không học được cái khéo của tôi, phải tự-dắc ở bụng mà ứng ra ở tay mới được, thế là ngài đọc cái lời bả-giả của cổ-nhân đó thôi. » Xem thế thì biết chữ là cái của dùng chung, mà sách là nghĩa biết riêng, người trước truyền cái sơ-biết cho người sau, người sau lại nhân mà truyền cái sơ-biết cho người sau nữa. Nay ta cũng thế, không phải nhớ trọn một quyển sách nào mới được.

— Thế bây giờ con còn bé mới dạy võ lòng thì cũng dễ, nhưng sau thì định dạy thế nào?

— Thượng-đế còn để cho ta trâng-cửa mà làm việc khai-hoang ở đây thì ta biết đến đâu, ta sẽ biên viết ra mà dạy con cái ta đến đấy, còn cái thiện-biến thì ở nó về sau, nhưng cứ bây giờ ta cần dạy cho nó biết, nó là dòng-đôi nước Văn-lang mà thụ-mệnh của đức Thượng-đế, thì phạm sự-lý nào có quan-hệ với hai cơ ấy, ta nhớ đâu ta cứ viết ra mà dạy. Và xem cổ-nhân học thì sách làm bằng

những cái thẻ tre và những cái lá cây bồ, chữ thì viết bằng nhựa cây, mỗi một cái thẻ hay một cái lá thì viết được bao nhiêu chữ, mỗi một bộ sách thì đề khắp mấy cái giương, học khó-nhọc thế, mà cò-nhân gầy nên biết bao nhiêu hiền-hào thành-trí, thì biết cò-nhân sớ-đắc là ở giảng-dàm ngôn-luận bằng lời nói nhiều hơn là bằng ở văn-tự, bởi vậy ở đây bây giờ không những cần dạy cho con biết chữ nghĩa, mà lại cần dạy cho con biết tiếng nói nữa. Xem thằng Mai-Lâm năm nay lên sáu, tuy non năm, nhưng nó cũng ngộ-nghĩnh thì cũng học được. Còn Quế-nương bao giờ bằng tuổi anh nó lại cho học.

— Dạy những văn-học lễ phép, còn tiếng nói thì nó tự bắt-chước người lớn, chữ phải dạy gì?

— Trẻ con trong nước chỉ cần học chữ nghĩa, còn tiếng nói thì bắt chước nhau, nhưng ở đây cả một cái thế-giới có hai người lớn với một người bập-bẹ, một người chưa biết nói, mà hai người lớn thì bạn công bạn việc luôn, không mấy khi ngồi nói chuyện cho con nghe, và nói chuyện lại phải trông thấy sự-vật gì thì mới hay nói đến, mà ở đây còn có sự-vật gì để nói đến cho con bắt chước, tôi xem thằng Mai-Lâm nhiều khi muốn nói cái gì mà không đạt cái ý nó ra được. Lại nhiều khi tôi bảo mà nó không hiểu là nó không biết cái tiếng ấy bao giờ. Nếu không dạy thì chẳng những Mai-Lâm nó biết ít đi mà đến Quế-nương lại biết ít đi nữa, nhất-dân cái tiền-thân ta mẫn thì con cái ta sẽ không đủ tiếng mà nói, quên cả tổ-tiên mà không biết mình là người nữa. Vậy bây giờ ta dạy cho con ta học, mỗi câu trong sách lại phải giảng-giải ra bao nhiêu câu nói ngoài, cái sự-vật gì ở đây không có thì ra mẫu cho nó biết.

— Thẻ thì hóm nào khai trang.

— Tôi định sáng mai.

Vừa nói vừa đứng đi sang bệ bên kia cầm lấy một tập lá khô đem sang đưa cho vợ xem mà rằng:

— Cái lá này tôi lấy ở trong núi đá, cây nó như cây náng mà cao, mỗi dóng có một lá rộng độ hai tấc, dài độ thước rưỡi hai thước, không có gợn mà phẳng, phơi khô thì trắng như cói mà bền, gấp đi gấp lại không giòn, dùng để làm sách tốt lắm, còn việc dạy thì lúc tôi rồi tôi dạy, lúc tôi bận thì hiền-thê dạy, dần-dần mỗi ngày một tí, trước ta hãy dạy chữ Việt-ngữ là chữ thông-dụng trong nước, sau sẽ dạy chữ Hoa-văn là gốc văn-hóa của hai dòng Thần-nông và Hoàng-đế, sau nữa những ca-dao tiếng thổ, là tiếng người thổ-dân đất Việt cũng nên dạy, ngày ở sông Bờ tôi có chép được nhiều câu hay, như câu « Mừ nhàu mừ nhả bỏ mừ phan, mừ phục mừ phá bỏ mừ cầu lớn. » Nghĩa là có trâu có cau không có voi, có giương có chiếu mà không có người nằm. Ở cái đời hội-minh sinh văn này mà có được cái tài tượng ký thì còn gì bằng.

Sáng mai Nàng Ba bỏ năm gỗ thom vào cái lon sành nhỏ đốt lên, rồi để lên trên cái bệ mé tây, đem giấy lá bút que mực nhựa bày ra tề-chỉnh, trong ống bút lại có cắm một cành hoa mới bẻ tươi hơn-hơn. An-Tiêm vào làm lễ tiên-thánh tiên-sur rồi bảo Mai Lâm Nàng Ba lễ sau. Lễ xong An-Tiêm ngồi lên một bèn bệ lấy giấy bút ra viết mấy chữ cho con học vỡ lòng. Nàng Ba thì bẻ Quế-nương ngồi bên bệ, Mai-Lâm thì ngồi ở cái chiếu cói giải dưới đất mà học, nó học cũng sáng dạ, hai vợ chồng mừng lắm. Từ đó cứ sáng thì hai vợ chồng thay đổi nhau dạy con học một chốc rồi mới đi làm.

An-Tiêm nói:

— Một cái gò bệ từ cò chưa từng có tiếng người mà nay có cả tiếng trẻ con học tiếng nước Việt, cái tiếng ấy

tức là tiếng của tổ-tiên đất Việt mấy trăm đời ứng vào miệng đứa trẻ con mà ca-tụng cái công-dức của Thượng-đế và thờ-than với ngài ở giữa chỗ trời cao bề rộng này đó, nhân đọc lên rằng:

*Bút que sách lá dạy con,
U-ơ mấy tiếng hú hồn nghìn xưa.
Người xưa vắng-ngắt như tờ,
Lời xưa vắng-vắng bây giờ còn nghe.*
Ngâm rồi An-Tiêm bảo Nàng Ba rằng:

— Một cái cõi đời mà đã biết học thì là cái đời phong-khí mở-mang, nhân sự thành-lập rồi đó, ngày mai ta phải lên núi Vọng mà cảm-tạ thượng-đế thần-minh, rồi lại kỳ-đạo cho chóng tới ngày trù-thịnh.

— Lần này ta đã có những cái ốe vận làm bầu đựng nước, mỗi người đeo đi hai cái, lại có trầm-hương để đốt, chứ không phải lấy áo thấp nước và đốt cỏ như mọi khi nữa.

— Thượng-đế đã lập nên vũ-trụ, sinh ra nhân-vật, cả vũ-trụ cả nhân-vật hợp lại cũng không đủ khinh-trọng gì ở trước mặt ngài, cho nên người ta cứ đem những cái tôn-sùng, những cái thị-hiếu của thế-gian mà dâng ngài thì thực là không đáng, chỉ có cái lòng thành-thực cái việc nghĩa-lý, cái lời đã hứa với ngài thế nào phải làm như thế, là cảm-cách được ngài mà thôi. Ngài đã cảm-cách thì không để cho ai mất lòng tin cậy bao giờ.

Buổi hôm sau chừng giờ tị, trên đỉnh núi Vọng đang nắng chang-chang tự-nhiên có một cơn mây u-âm lại ở giữa trời, gió im bóng rợp, một ngọn khói ở chóp núi bốc thẳng lên trên không, ấy là ngọn khói từ-trầm-hương của An-Tiêm mới tìm được ở trong núi đá mà hôm nay hai vợ chồng đốt để cáo với Thượng-đế lần thứ hai đó. An-Tiêm với Nàng Ba cùng quỳ trước núi cầu khẩn tưởng niệm Thượng-đế thần-minh, một lát xong, hai vợ chồng cùng đọc mỗi người mấy bài cổ-thi để tụng công-dức Thượng-đế và thần-minh, cứ chồng đọc một bài xong thì vợ lại đọc tiếp một bài, hai vợ chồng lấy làm vui mừng lắm, tưởng như lần này Thượng-đế thần-minh giám-lâm và an-ủi cho hơn là hai lần trước, An-Tiêm lại nghĩ thêm một bài mới đọc lên rằng:

*Cao cao cao tít mù xanh,
Tuy cao mù tít vẫn quanh-quần gần.
Dữ lạnh cần nhắc đồng cần,
Mà cơ họa phúc chuyền-văn chẳng sai.
Hiện-tiền quá-khứ tương lai,
Như vòng vòng dtnh như quay quay tròn.*

Bấy giờ hai vợ chồng lại dắt con mà đứng trông thăm thăm về phương trời tây-bắc. Phương trời nước nổi mây chìm, nhớ quê muốn hóa làm chim bay về. Chuyện trò mãi rồi mới hạ-son.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG - THUẬT



VĂN - UYÊN

Thơ ông Tú Xương

1. — Than bão lụt

Người thế nào ai tỏ sự trời,
 Ngồi buồn trời giở cái trò chơi.
 Gió giong hai lượt xin không dứt,
 Nước lớn đôi phen lay chẳng rời,
 Như bụi quét trong loài quỷ dữ,
 Hôi tanh rửa sạch thói ma trời.
 Cơ mưu nghĩ đến thêm buồn bã,
 Mới biết ông xanh khéo ghẹo đời.

2. — Chê ông phó-băng

I

Tri-huyện lâu nay giá rẻ mà,
 Vì vào tay tớ quyết không tha.
 An-sơn (安山) tổng giống người keo thực,
 Bồ-thủy (蒲水) xưa nay của kiết à?
 Đất nhĩ để thường lơu rúc ở
 Lửa nòng nên phải chuột đùn ra.
 Ông mà giữ tình kiêu-kỷ mãi,
 Huấn-đạo ông nguyên huấn-đạo già.

Ông này mé gái thực là mê,
 Thím khách già kia cũng gớm ghê!
 Mới hỏi ra chừng chề bạc ít,
 Gần cheo toan sự trả cau về.
 Mấy kỳ văn khó sao làm được,
 Một sợi tơ hồng chẳng biết về.
 Lo việc ai bằng ông Phan Bát,
 Cũng còn nhân nhớ sự nghiên-khê.
 Gần gũi đôi nơi nam với khách,
 Kỳ kéo ba chữ thiệp làm thê.
 Chẳng đầy mặt phần quan không hỏi,
 Không đủ phù trang gái chẳng về.

3. — Than đời.

Có đất nào như đất ấy không?
 Phố phường tiếp giáp với bờ sông.
 Nhà đâu lối phép con khinh bố,
 Mu no chanh chua vợ chửi chồng.

Keo củi người đầu như cứt sắt,
 Tham-lam chuyện thờ những hơi đồng.
 Bắc nam hỏi khắp bao nhiêu tỉnh,
 Có đất nào như đất ấy không?

4. — Khen vợ

Quanh năm buôn bán ở Mom-sông,
 Nuôi đủ đàn con với một chồng.
 Lặn lội chân cô khi quãng vắng,
 Eo tèo mặt nước buổi đò đông.
 Một duyên hai nợ thời đành phận,
 Năm nắng mười mưa dám quản công.
 Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
 Có chồng hờ-hững cũng như không.

5. — Than sự học

Cái đạo nhà nho đã hồng rồi,
 Mười người đi học chín người thôi.
 Cổ hàng bán sách lim-dim ngủ,
 Thầy khóa tu-lương nhấp-nhôm ngồi.
 Sĩ-khi rụt-rè gà thấy cáo,
 Văn-thơ liều-linh đám ăn xôi.
 Tôi đâu dám mĩa tàng nho thế,
 Trình có quan tiền thứ-chỉ tôi.

Tự-trào

I

Hàn tự chẳng biết hán,
 Tây tự chẳng biết tây.
 Quốc ngữ cũng tit mít,
 Thôi đi về đi cày.

II

Trồng ngô và trồng đậu,
 Cây chiêm lại cấy mùa.
 Ăn không hết thì bán,
 Bán đã ông tày mua.

III

Được tiền thì mua rượu,
 Rượu say rồi cưới trâu.
 Cưới trâu thế mà vãng,
 Có ngã cũng không đau.

IV

Ăn lương hàm chinh-thất,
Thối thối thế cũng xong.
Vị bằng nhà nước dụng,
Hắn bỏ trường canh-nông.

7. — Mừng Bắc-kỳ Nghị-viên.

Nghị-viên hà phải việc con con,
Nước có quyền dân nước mới còn.
Nay được mở mồm nên rức óc,
Dù ai bóp bẹp cũng vè tròn.
Thay mười làm triệu người ăn nói,
Mở bốn nghìn năm mặt nước non.
Hy chúc duy-tân hai chữ mới,
Đừng như xôi thịt lũ quan hôn.

8. — Phú đặc: Tú Tây-hồ đồ Xuân-đục, nhà nào vô phúc thì gặp hai anh.

Tú kiết đồ keo cũng một môn,
Phải ai tai úy thất kinh hồn.
Người sao đặt những phường thám mòng
Trời để chơi khăm đũa nhân trôn.

9. — Phú đặc: Vào rừng không biết lối ra, thấy cây núc-nác gỗ là vàng lấm.

Hỏi đũa ôm cây tở bảo thăm,
Ruột vàng nhưng thịt nó thì thâm.
Tìm hiểu chẳng thấy chơ thẳng quàng,
Xấu hổ khôn che mẹ cái lấm.

10. — Tranh nhau đồ dầu

Hai đũa tranh nhau cái thủ-khâu,
Đũa khoe vẫn hoạt đũa vẫn già.
Năm nay đồ rất phường hay chữ,
Kia bác Lê kia cũng thứ ba!

11. — Ông cử

Thức năm ông cử ai làm nổi,
Học trò quan Đốc ở Hà-nội.
Nghe tin bà cổ cười khi khi,
Đồ cả diều cua xuống vũng lội!

12. — Ông Thành thủ-ý (1)

Ông biu ông ăn đũa troc đầu,
Troc không có tóc biu vào đầu.
Nghĩ mình nghiệm nặng cho nên kiết,
Những đũa ăn chay ắt hẳn giầu.

13. — Ông sư chùa Cuối.

Quảng-dại từ-bi cũng phải tù,
Hay là sư cụ vụng đường tu.
Tụng kinh cứu khổ ba trăm quyển,
Ý hẳn còn quên một phép phù.

14. — Đưa bạn đi thi

Này này hương-thí đồ khoa nào?
Nhân-hậu thay lòng quan thượng Cao.
Người ta thi chữ ông thi phúc,
Dù đồ dù hay ông cũng vào.

15. — Hỏi bạn đồ Tiến-sĩ

Tiến-sĩ khoa nay đồ mấy người?
Xem chừng hay chữ có ông thôi.
Nghe văn mà gớm cho văn mãi,
Cờ biển vua ban cũng lạ đời!

16. — Chẽ quan Đốc.

Ông về đốc học đã bao lâu,
Cờ bạc giông-chơi rất một mầu.
Học trò chừng nó lợi gì thế,
Đến nổi cho ông vớ được đầu.

17. — Mừng em.

I

Nhà ta ngày trước có gì đâu,
Chủ thim ngày nay đã lại giàu.
Mới biết trời cho không mấy lúc,
Lọ là nưôi cá với trồng cau.

II

Nhà gỗ năm gian lợp lá gồi,
Trông dòng sông Vị tựa non Gôi.
Đầu nhà khánh-khách vào làm lễ,
Ngồi thấy chim con nó há môi.

(1) Nhân mấy năm trước có toán lính về đóng ở đình Vị-xuyên, bị mất trộm ít đồ và quân áo, ông Thành bày nghiệm, xưa nay vẫn vay mượn của ông Sư không được, thủ ông sư, mượn và va cho rằng nhà chùa vẫn thường chứa người ăn trộm, làm cho ông Sư phải bị bắt giam ở nhà pha mất mấy hôm, sau xét ra ông sư vô-lội được tha, bởi vậy ông Tú mới làm đũa 2 bài này!

18. — Mừng ông Trùm.

Chủ lại nuôi thầy dạy các em,
 Một bồ kinh sử mấy cỗ nem.
 Đất nào là đất chẳng văn-học,
 Quyết mở đường cho thiên-hạ xem.

19. — Than về sự thi

Cử-nhân cậu ấm Kỳ,
 Tú-tài con dõ Mĩ.
 Học thế thế mà thi,
 Khi ơi ! ơi hỡi khi !

20. — Lắm quan

Ở phố hàng Song thực lắm quan,
 Thánh thi đen kịt Đốc thi lang.
 Chồng chung vợ chạ kia cô Bõ,
 Đổ lạy quan xin nợ chủ Hàn.

21. — Ông Đội Ch.

Việc thánh như ông đã hết lòng,
 Hết lòng gia của, lại gia công.
 Từ rầy thầy mẹ ông viên hỏi,
 Thi cử làm chi nó chữ ông.

22. — Ông lang B.

Làm thuốc như ông cũng có tài,
 Thực là chăm chỉ lại nhanh trai.
 Khoa này mở mả nhà ta phát,
 Thi cử hai con đổ cả hai.

23. — Ông Hàn C.

Hàn lâm Tu-soạn kèm gì ai,
 Đủ cả vung nồi, đủ công chai.
 Vì phông quyền thi ta được chăm,
 Đù cha đù mẹ đù riêng ai.

24. — Ông cử Nhu.

Sơ-khảo trường Nam bác cử Nhu,
 Thực là vừa dốt lại vừa ngu.
 Dừng quen như lối khuyên đơn thuốc.
 Khéo khéo không mà chết bỏ bu !

25. — Hót của trời.

Nó rú nhau đi hót của trời,
 Hang khi trời ngủ của trời rơi.
 Hót mau kéo nữa kinh trời dày,
 Trời dậy thì bay chết bỏ đời.

26. — Chú Mán

Phong lưu nhất ai bằng chú Mán,
 Trong anh em chúng bạn kem thua xa.
 Bưởi loạn-ly bốn bề không nhà, rặng
 chẳng nhuộm, vợ chẳng lấy, lướt-lá
 chẳng mặc. Mán chỉ làm đủ tiền tiêu vãi,
 khi cà-phê, khi nước-dá, khi lại đi xe.
 Sự đời Mán chẳng buồn nghe.

27. — Đồi thi

Nghe nói khoa sau sắp đồi thi,
 Các thầy đồ cõ đồ mau đi.
 Dầu không bia đá còn bia miệng,
 Viết bút lông đi, giắt bút chì.

28. — Tiến-sĩ Trung-thu.

Ông đồ khoa nao ở xứ nào ?
 Thế mà hoa-hốt với trâm bào.
 Một năm một tiết Trung-thu đến,
 Tôi vẫn quen ông chả muốn chào

29. — Chị Hằng

Tôi thấy người ta có nói rằng :
 Nói rằng hằng cuội ở cung trăng.
 Chứa ai chẳng chứa, chứa thẳng
 tôi góm gan cho chị ả Hằng.

30. — Hóa ra dưa hồng (1)

Ước gì ta hóa ra dưa,
 Để cho người tắm nước mua chậu đồng.
 Ước gì ta hóa ra hồng,
 Để cho người bế, người bồng người chơi.

V. X. T. sao-lục

(1) Một hôm vào độ tháng năm, ông Tú trông thấy người con gái bên hàng xóm cầm quả dưa hồng bỏ vào chậu thau rửa, mới đọc đùa mấy câu như trên.

THƠ CA MỚI

1. — Người câu cá

Một rổ một cần tre,
Trên đầu chiếc nón che.
Thú vui hồ hải sản,
Danh lợi thêm « xoay phe! »

2. — Người kiếm củi

Rừng lũng khắp mọi xô,
Củi núc thành từng bó.
Bóng ác xế non tây,
Đậm hộc tìm lối cũ.

3. — Người cấy ruộng

Trời sáng giông trâu đi,
Trời tối dong trâu về.
Đi về bao khó-nhọc,
Kiều lây hát « văng tề! »

4. — Người xem sách

Ngon đèn khêu lù mú,
Quyển sách mở tờ hơ.
Liếc mắt chào cổ nhân,
Nói câu chuyện nghĩa xưa.

5. — Hai bán tay

Anh em lớn bé mỗi nhà năm,
Của tự làm ra kẻ có trăm.
Phải trái bảo nhau đừng cãnh kẻ,
Kẻ hơn người kém việc thường chăm

6. — Con chó lang

Không đen không trắng cũng không
Đôi dáng thay hình sắc-sở lang [vàng,
Thừa lúc nhá nhem vùng trời đất,
Đánh hơi xủa bậy xóm giếng vang.

7. — Con cua

Cây có nhiều chân, cây có càng,
Đến đâu cũng đóng cái vai « ngang! »
Khinh đời đời mắt giương chông chọc,
« Không ruột » ai cần, « cậu ấm » sang! (2)

8. — Vợ mắng

Mười năm đi học ối chao ông!
Ông tưởng ông hay ông cứ nông!
Cờ bạc rượu chè hơn quí sống,
Văn-chương chữ nghĩa khéo thần thông!
Lên còi sớ biết ta đây giỏi,
Rút cục vô nghề vợ hết trông!
Ấy cái tài ông tài hơn thế,
Ông năm ông nghĩ sướng đời không?

9. — Thấy Đỗ hiệu-dụ cô Đỗ

Bọn sĩ bây giờ hóa bọn « sĩ »!
Nông, công, thương, biết đời nghề gì!
Tiếc về đèn sách mười năm khổ,
Túi với anh em một chữ « thi »!
Phỏng muốn học Tây nhà buổi tưng,
Mà bọn dạy trẻ chủ ai vì!
Bao dung nhờ lượng cô mày vậy,
Phú quý sau rồi cũng có khi!

10. — Gái tân lấy chồng ông lão

Trách chi bà Nguyệt với ông Tư,
Vị của cho nên hóa ốm ở.
Em trẻ duyên em dành đã lỡ,
Lão già bụng lão vẫn còn thơ!
Lấy chồng lấy để mong chồng chết,
Làm vợ làm chi cái vợ dơ!
Thời hẵng cố công chiều chuộng lão,
Kiếp sau sẽ liệu kén đời vừa.

11. — Ăn mày

Oan chừ ăn, bao giờ để lại đây?
Nghiep gì chẳng nghiệp, nghiệp ăn mày!
Cha tàn phỗng đá ngồi loe miệng,
Mẹ mặt mo nang đứng chấp tay!
Bầm bầm thừa thừa không biết nhục,
Luôn luôn cúi cúi lại của hay.
Khôa hỏn bị bít quăng đi sớm,
Kêu gầy ông lẽ khốn có này!

12. — Câu hát vặt

1. — Lời khấn « Vua Tề »

Ái đi hội Tề đền Hùng,
Hương hoa tẩm lễ có lòng gửi lên.

(2) Giống cua nhái danh là « vô-trường công-tử 無腸公子 »

Khấn rằng : « Tờ quốc vạn niên,
« Nhị Nùng đất nước, Long Tiên giống
[nói :

« Từ xưa Tờ triệu Tôn bồi,
« Đến nay con cháu đời đời chịu ơn.
« Ngửa trông phù hộ ngày hơn »

II — Cổ hàng « nước »

Thiếu gì nghề nghiệp cô ơi ! Cô đi
« bán nước » cho người để kiếm lấy xu
tiêu !

Giá « nước » cô bán được bao nhiêu ?
một trinh một bát, ra điều « bỏ » lắm cô
ham !

Này cô ơi đã là con gái nhà Nam,
phận mình còn nhiều việc phải làm
đối với non sông !

Gương tử - đức, băng tam tông,
quốc-hồn chưa mất mà gì - phong
vẫn lưu truyền !

Cái sập « bình » cốt cách y nguyên,
nghĩ sao xứng với con Tiên cháu Rồng.
Chớ đừng « bán nước » mua công !

III — Công ơn cha mẹ

À Công cha như núi Thái sơn,
Sữa mẹ như nước ngọn nguồn chảy ra.
Nước ngọn nguồn chảy ra bao cạn.
Núi Thái-sơn mấy vạn tầng cao !
Đạo con báo đáp nghĩ sao ?

IV — Đốn đời

Ông cha ngày trước thế nào ?
Bây giờ con cháu làm sao thế này ?
Áo mặc mượn, gạo ăn vay,
Ở nhờ cấy rẽ cực thay kiếp người !

V — Uơn hèn là khổ

Trong nhà chuông trống sẵn sàng,
Cớ sao không đánh ? chuyển sang tay
người.

Trong nhà sân ngõ hẳn hoi,
Cớ sao không dọn ? tay người chuyển
sang !

13— Tự đề tập thơ

« Mảnh óc Nôm » (1)

Trời phú cho ta khối óc mềm,
Ốc mềm bút cứng có duyên thêm.
Rừng Nho ương giống cành cây tốt,
Bề học quay thuyền sóng gió êm.
Xóm mạc gáy om gà buổi sớm,
Bạn bầu gọi vãng cuộc thâu đêm.
Ai ơi ! ai biết, ai không biết,
Kiếp chữ nghìn năm một nỗi niềm !

14— Muốn làm cậu trò con

Lớn người lớn xác lớn « bò ngoao » !
Làm cậu trò con lại hóa cao.
May được tinh khôn càng tỏ giỏi,
Lỡ ra ngu dại cũng không sao.
Hay gì dối lốt « ngâm » cùng « mặc », (2)
Chực những lên còi « bá » với « hào » (3).
Mở cổng mắt mà xem các nước,
Người ta người lớn óc bằng bao !

15— Nhớ bạn

Trời một vầng trăng đất rậm nghìn,
Dặm nghìn khơi nẻo tấm lòng in.
Đêm đêm gối điệp mơ màng mộng,
Buổi buổi thư hồng thắc thốt tin.
Giấy dưới thêm rêu còn rõ bước,
Thơ trên vách phấn chữa mờ tên.
Học sâu ai đó đừng dong nữa,
Non nước sau này chân vạn duyên !

16.— Vòng trần-lụy

Trần lụy ai hay lọt khỏi vòng ?
Còn vòng còn lụy chứ không không !
Mười năm lẽ đẽo con đường học,
Muốn gỡ nhưng mà gỡ chửa xong.

(1). Tập thơ này của tôi mới biên-tập, vẫn thường trích đăng lên báo Nam-phong và báo Khai-hóa. — Đ. T. C.

(2). Ngâm = Ngâm-ông. — Mặc = Mặc-khách.

(3). Bá = Thị-bá. — Hào = Thị-hào hay văn-bào. — Xin chú ý rằng làm là « bá-bộ » và chuyển hào » Đ. T. C.

17. - Người học-trò

Đèn sách thừ thâu canh,
Chăm lo sự học hành.
Một mai nhờ phận đạt,
Không phụ chí bình sinh.

18. - Người làm ruộng

Chất phác kẻ dân quê,
Làm ăn giữ thường lễ.
Gió Âu mưa Á mặc,
Đồng áng chốn di về.

19. - Người làm thợ

Văn minh buổi đời nay.
Máy móc hơn trước ngày.
Khí cụ làm tinh xảo,
Phụ cường giúp một tay.

20. - Người đi buôn

Thương-chiến buổi sớm mai,
Hoàn cầu thông vắng lại.
Thực lòng gom lấy vốn,
Tranh lợi các nước ngoài.

21. - Lời mẹ khuyên con gái

I

Nết-na

Sắc nước hương trời một đóa hoa,
Đóa hoa, thân gái khác đâu mà !
Có hương không sắc thừa sang trọng,
Có sắc không hương tở xấu sa !
Ăn ở đũa chi tưởng gái đại.
Tiếng tăm giữ lấy giá con nhà.
Kẻ hay người dở trông ta ngắm,
Hơn kém nhau đều bởi nết na.

II

Nói-năng

Nết na như vậy, nói-năng sao ?
Chờ có chua ngoa phải ngọt-ngào.
Trò chuyện luận bàn câu tử-tế,

Hỏi-han đối đáp giọng thanh-tào.
Dạ, vâng, ừ, phải tùy từng bậc,
Hay, dở, nên, chẳng tính đủ điều.
Thêm loạn xưa nay đâu khởi trước ?
Xét ra « dài lưỡi » vẫn phần nhiều.

III

Dáng người

Nói năng rồi đến dáng con người,
Nét mặt thường thường giữ vẻ tươi.
Lược giắt trâm cài vừa khoảng vậy,
Son tô phấn điểm dễ trông thôi.
Sen vàng nghiêm chỉnh khi đi đứng,
Nụ ngọc đoan trang lúc nói cười.
Khuê các tỏ ra người yếu điệu,
Đài gương treo để chị em soi.

IV

Việc làm

Việc làm cốt nhất ở chuyên cần,
Khó nhọc bao nhiêu cũng vững chân.
Bé, đạo tề-gia mà quán-xuyến,
Lớn, đường nội-trợ sẽ tinh-quần.
Cửa nhà cất đặt nên cơ ngũ,
Nghề nghiệp buông thu phải tảo tần.
Hễ biết chịu thương cùng chịu khó,
Lo gì chẳng được ấm vào thân.

22. - Chó với mèo

Chó kia chẳng biết mình là chó,
Lên mặt ta sùng sỏ hợp mèo.
Động nghe thấy tiếng « meo meo »,
Ba chân bốn cẳng đuổi theo kỳ cùng.
Chó tuy vậy, mèo không chịu lép,
Tốt xa nhà chạy nép một bên.
Tráo trưng chó ngựa mõm lên,
Rằng : « Ông nhất định đóng bèn ở đây.
« Chờ đến lúc hễ mày hết cứng,
« Bấy giờ « ông » nuốt chửng mới thôi » !.
Mèo rằng : « Mặc sức mày ngồi,
« Mày ngồi « ông » cũng chẳng lui đầu
mà » !
Chó chực chân chạy ra chỗ khác,
Thấy ăn, mèo dăm choạc xuống kêu.

Nghe kêu chó vội đuổi theo,
Thói quen mèo lại chạy leo xà nhà.....
Ai ơi! ăn ở phải hòa!

Nhị-dông ĐOÀN TINH-CANH (1)

1. — Thức bạn ngủ trưa

Gọi đã rất cỡ chẳng thèm thưa,
Người dậy sao mình cứ ngủ trơ ?
Cánh-tượng văm-minh vừa gặp hội,
Giang-san hoa-dán mở ngay giờ.
Tỉnh sao công việc còn bừa-bộn,
Nỡ để anh em đứng đợi chờ !
Thôi, dậy đi thôi, đừng « ngáp » nữa,
Nào nào anh đã lĩnh hay chưa ?

2. Khéo khéo nó cấp

Ở đời ta phải giữ mình ta,
Khéo khéo phòng khi nó cấp mà !
Thân ngọc chen vào đoàn quý-sứ,
Tay cua dễ mắc chúng yêu ma.
Biết bao hùm rắn trăm loài độc,
Giữ lấy tiên rồng một giống da,
Dận với đồng-bào xem đó với,
Nước non bền vững nước non nhà.

3. — Con tâm rút ruột

Trăm mối tơ vương một tấm lòng.
Con tâm rút ruột biết bao xong ?
Đoạn-trường mộng kết buồng gan tím,
Bạc-mệnh sầu tuôn giọt lệ hồng.
Nửa thế chưa đành duyên chỉ nguyệt,
Ngân thu còn vướng nợ dây đồng.
Ai lên tam-bảo cầm gương phật,
Chém đứt dây oan thoát khỏi vòng.

4. — Nhân bạn

Cùng nhau dan díu sáu năm chầy,
Trái nếm bao chường nổi đắng cay.
Chén rượu Vương tôn tha-thiết giọng,
Cung đàn Tư-mã ngân-ngờ đây.
Tình như thế ấy, duyên như thế,

Thời vậy hay là mệnh vậy vay !
Há chịu ba sinh hương lửa lạnh,
Vuông tròn ta phải tính sao đây ?

5. — Hữu-sở-tư

(Xuân quang-hảo)

I

Nông nổi nợ,
Ấy ai bày,
Bề khơi con sóng, núi lâu mây.
Thấy gì đây ?
Hồng-nhạn bay qua cửa bắc,
Tà-dương bóng ngã về tây.
Mỗi sầu càng lắc lại càng đây.
Ai nhớ ai !

II

(Cách phổ-liên)

Sông Tương nước trong leo-lẻo
Hỏi nguyệt nguyệt làm thinh,
Hỏi hoa hoa muốn gheo,
Trước án gió hiu-hiu,
Ngoài hiên sương lạnh-lẻo.
Khéo trêu mình,
Học nói trên cành oanh rất-réo !
Bốn nẻo trông trời,
Một tấm sầu riêng thất-thếu.
Thối thì ba canh mượn chén rượu tạm
tiêu-sầu.

Tiêu-sầu có rượu,
Uống suốt ba canh,
Rượu tàn gan héo !

III

(Bổ-bộ thêm)

Tương-tư một mảnh tình mai trúc,
Bối-rối lòng tơ vò chín khúc.
Uống rượu tiêu-sầu rượu cạn bầu,
Gãy đàn giải-muộn đàn như khúc.
Ngọn đèn hắt-hiu gà eoóc,
Năm canh lưỡng những mình trần trọc.
Tắt đèn tựa gối họa thẩy chiêm bao
chiêm ?
Chiêm bao chẳng thấy rơi hàng ngọc !

(1) Tập văn vãn tôi đăng ở số báo 105, những bài thứ 1, thứ 2 và thứ 3, nguyên của xá-đệ là Đoàn Thọ-Sơn, nhưng thợ sắp chữ bỏ sót mất tên tác-giả; còn chính của tôi thì chỉ có từ bài thứ 4 trở xuống. — Bài « Đêm đông » câu « Hạt sương muốn đọng bóng trăng lồng », chữ « muốn » xin đổi là chữ « muốn ». — Bài « Đẻ ba mươi tết », chữ « đẻ » xin đổi là chữ « đêm ». — Bài « Xin chừa tổ-tôm », câu « thông-tâm chi thập-hồng » chữ « tâm » xin đổi là « tôm ». D. T. C

IV

(Mộc-lan-hoa)

Đền ai tiêu-sái,
 Khiến khách giang-hồ inh ái ngại.
 Lơ-lửng trăng sâu,
 Bóng mình mình ngỡ bóng giai-nhân,
 Vẽ tranh vân-câu,
 Khiến người giết tỉnh hồn k m-cổ,
 Mưa đánh hoa lè,
 Vì ai giọt lệ áo dầm-dia?

V

(Nguyễn - lang qui)

Kìa ai trầu-trọc suốt canh đầu.
 Vần-vương một mối sầu,
 Ruột tâm càng rứt lại càng đau,
 Yêu nhau ấy giết nhau!

6. — Viếng nghĩa-địa

(Bắc-giang mai-lệnh)

Nào biết ai lập công muốn dậm dưng
 phong hầu?
 Nào biết ai già ngồi trước cửa bạc phơ
 đầu?
 Nào biết ai lân-khở ba sinh than bất-ngộ?
 Nào biết ai ngọn bút hùng-vạn cướp cầm-
 bào?

Vàng vàng cỏ khâu,

Xanh xanh cỏ khâu,

Ài khách trớ công hầu chỉ một độ,
 Dầu hoàng vương để bà cũng ngàn thu!
 Thương thay một đấm mỡ, tiều ma bết
 mấy người kim cổ.

Thương thay ba thước đất thắm-chúa
 bao nhiêu giọt thắm sâu!

Trông cảnh phù-du!

Cám cảnh phù-du,

Ôi! một kiếp,

Rì rì đám cỏ,

Đời đời trăng thâu!

7. — Viếng thằng bé con mới đẻ

(Thơ trường-thiên)

Mới lọt lòng ra đã chán đời,
 Chán đời như thế, phải, em ơi!
 Chờ cho khôn lớn rồi em chán,
 Lại mắc bao nhiêu nợ thế rồi.
 Lại mắc bao nhiêu nợ thế rồi,
 Trăm năm lo trả nợ cho xuôi.

Chán đời mà nợ đời chưa sạch,
 Chán thế em ơi! then với đời.
 Chán thế em ơi! then với đời,
 Đùng-dùng bảy tám chủa mười mười.
 Cuộc đời trải mấy cơn dầu bẻ,
 Sầu thắm bao phen mấy độ cười.

Sầu thắm bao phen mấy độ cười,
 Chán đời ai cũng một lần thôi.
 Khen em sớm biết cơ con tạo,
 Mới lọt lòng ra đã chán đời!

8. — Tự hứng cảm

(Hát nói)

Miếu

Gương trong chẳng chút bụi trần,
 Bàng tâm một mảnh mười phần vẹn mười.
 Cuộc đời khi đã lạnh rồi,
 Lạc-dương bẻ bẻ nào người biết ta?

Nói

Tri ngã giả bất tri ngã giả,
 知我者不知我者
 Mặc dầu ai hô mã hô ngư!

Ngang-tàng cho rõ mặt trường-phu,
 Rồi mới biết kẻ ngu hay người trí?

Niên sinh quý thích chí,

人牛貴適志

Phú quý diệc hà vi?

富貴亦何為

Bé con con mới đó tóc xanh rì,
 Ngoảnh mặt lại tu mi đã nửa trắng!

Hồng lam tử địa đa danh-thắng

鴻藍此地多名勝

Thiên-hạ hà nhân hữu chứng-
 吾

Cờ một cuộc, cầm một khúc, thơ một
 túi, rượu một bầu.

Cơ đắc-ý công-hầu xem cũng nhỏ.
 Tranh vân-câu bên trời treo rặng lớn.

Khuyên ai trông đó ngắm mà hay.
 Có bao nhiêu ba vạn sáu nghìn ngày.
 Mà chắc lấy sự đời cho mệt.

Nhân thế công danh vi hà vật,

人世功名爲何物

Dầu cùng thong dầy: thất cố làm chi.
 Bao giờ thiên-hạ xrag-kỳ,

Bây giờ mới bết nam-nhi trong đời,
 Cuộc đời thôi cũng nực cười!

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Hội Vạn-quốc. — Hội - nghị Hội Vạn-quốc họp ở Genève ngày mồng 7 tháng 6, kỳ Hội-dồng này là kỳ thứ 40 từ khi lập hội Vạn-quốc đến giờ. Ngoại-tướng Pháp BRIAND, ngoại-tướng Anh CHAMBERLAIN đều có dự hội-nghị. Trong các vấn-đề bàn ở Hội-nghị, có việc kiểm-sát tài-chính hai nước *Autriche* (Áo) và *Hongrie* (Hung), việc hạt sông *Sarre*, thứ nhất là việc dự bàn đổi lại chế-độ trong Hội-nghị. Thuộc về việc sau đó thời hai nước *Espagne* và *Brésil* vẫn cứ kháng-kháng đòi hỏi cho nước Đức được chân thường-trực ở Hội-nghị thời hai nước ấy cũng phải được chân thường-trực, thành ra việc cũng khó lòng giải-quyết cho xuôi được và tất có phương-hại cho tôn-chỉ hội Vạn-quốc chứ không khỏi được.

Việc nước Anh. — Việc tổng-bãi-công ở nước Anh thì đã tiệm giải-quyết xong, nhưng việc bãi-công riêng của bọn thợ mỏ thời vẫn diễn-man mãi đã ba bốn tháng nay. Chính-phủ, các chủ mỏ, các hội đồng-nghiệp của thợ, các lãnh-tụ của đảng lao-động ở Nghị-viện, vẫn vận-động thương-thuyết luôn, nhưng các phương-diện trái nhau, chưa điều-đinh cho xuôi được. Tuy-nhiên ngày mồng 1 tháng 7 có xảy ra một việc cũng quan-hệ: là Chúng-nghị-viện quyết-nghị tăng giờ làm việc của thợ mỏ mỗi ngày 7 giờ lên 8 giờ, số vé tống-thuận là 332, số vé phản-đối là 147. Xét ra thời muốn giải-quyết cái tình-trạng bối-rối trong công-nghệ khai mỏ than ngày nay, ngoài những phương-pháp thuộc về chuyên-môn khiễn cho sự sản than được tiện-lợi hơn ai cũng đồng-ý cả không kể, còn chỉ có ba cách như sau này: 10

Chính-phủ cứ trợ-cấp cho các chủ mỏ, giảm số sản-xuất đi và tăng giá bán than lên, đó là những kế-hoạch của các hội đồng-nghiệp thợ chủ-trương, những kế ấy mà thi-hành thì hại cho sự kinh-tế chung cả nước, vì bất tức là bắt cả các công-nghệ khác phải chịu sự thua lỗ của một nghề: 2^o giảm tiền công thợ; 3^o tăng giờ làm việc mỗi ngày, Chính-phủ có cử hội-dồng để điều-tra, thời hội-dồng bàn nên giảm công thợ. Các hội đồng-nghiệp cực-lực phản-đối, Chính-phủ cả-quyết đòi Nghị-viện quyết-nghị luật 8 giờ, đại-đa-số ở Nghị-viện ưng thuận như trên kia đã nói. Cứ thực ra thời kháng-kháng phải-đối chỉ những tay đàn anh chủ-trương việc bãi-công mà thôi, chứ phần nhiều thợ thời cũng bằng lòng chịu làm thêm ra một giờ mà vẫn được công bằng cũ còn hơn là phải giảm công. Vậy người ta mong rằng nếu chủ với thợ trực-tiếp điều-đinh với nhau theo cách đó thời thợ sẽ trở về làm đống.

Hiệp-ước hai nước Anh và Ý về việc Abyssinie. — Khoảng tháng 12 năm ngoái, ngoại-tướng nước Anh CHAMBERLAIN và thủ-tướng nước Ý MUSSOLINI gặp nhau ở Hội-nghị *Rapallo*, hai nước Anh Ý đã đình ước với nhau để giúp đỡ quyền-lợi cho nhau ở xứ *Abyssinie* (một nước nhỏ độc-lập ở góc Đông-bắc Phi-châu), định cùng nhau hiệp-lực để yêu-cầu chính-phủ *Abyssinie* nhượng cho nước Anh cái hồ *Tsana* là một nơi phát-nguyên của sông Ni-la xanh (*Vil bleu*), rất quan-hệ cho việc dẫn-thủy-nhập-diện ở đất *Soudan* và Ai-cập *Egypte*, và nhượng cho nước Ý đất để làm một

đường xe lửa chạy từ *Erythré* là thuộc-địa Ý cho đến *Addis Ababa*, là kinh-dô *Abyssinie*. Ước ấy là kết-quả của sự thương-thuyết hai chính-phủ Luân-đôn và Là-mã tự năm 1919. Ước đã ký từ năm ngoái, mới đây mới đệ-trình Hội Vạn-quốc. Nước Pháp có gửi giấy chất-vấn một cách ôn-hòa về việc ấy, cho là trái với hiệp-ước ba nước Pháp, Anh, Ý đã ký tự năm 1906 cam - đoan với nhau là hễ khi nào một nước trong ba nước hành-động gì ở *Abyssinie* thời cũng phải đồng lòng nhau chuẩn-hứa mới được. Nghe đâu hai chính-phủ Luân-đôn và Là-mã đã trả lời nước Pháp rằng hiệp-ước mới ký này không có quan-hệ gì về chính-trị và không có ý xâm-phạm đến quyền độc-lập của nước *Abyssinie*. Nước Pháp cũng chịu nghe như thế. Nhưng không thấy nói nước *Abyssinie* nghĩ thế nào : làm thân một nước bèn nhỏ ở đời này, giữ cho được độc-lập, nghĩ cũng khó thay !

Việc giao-thiệp Anh Nga. — Trong việc thợ bãi - công ở nước Anh, các lãnh-tự đảng Công-nhân công-nhiên quyết rằng không có chính-phủ Cách-mệnh Nga giúp. Nay chính-phủ Anh tra ra thì bọn thợ mỏ bãi-công rõ ràng có nhận tiền trợ-cấp ở bên Nga gửi sang nhiều. Bởi thế nên một phần dư-luận nước Anh đòi tuyệt-giao với Chính-phủ Sô-viết và bãi cái thương-ước của hai nước Anh Nga ký năm 1920. Ngay trong Nội-các, ý-kiến cũng phân - vân, Ngoại-vụ-tổng-trưởng CHAMBERLAIN phải khéo phân-giải mới giữ được cái thái - độ ôn - hòa. Ngày 25 tháng 6 ở Chung-nghị-viện có thảo-luận về việc ấy, tuy kết-quả không có thay-đổi gì về hiện-trạng sự giao-thiệp hai nước, nhưng từ việc ấy sự giao-thiệp Chính-phủ Anh với Chính-phủ Nga lãnh-dạm lắm.

Việc nước Tchecoslovaquie. — Trong các tay chính trị ở nước *Tché.*

coslovaquie, ông BENÈS là người có danh giá nhất, không những một trong nước mà liệt-cường cũng biết tiếng. Thường khi trong các quốc-tế-hội-nghị ông vẫn chiếm một địa-vị riêng làm vè-vang cho nước nhà tuy là một nước nhỏ mới thành-lập mà nhờ ông có quyền ăn nói ở các Hội-đồng Vạn-quốc. Bởi thế nên tòa Nội-các cầm quyền ở *Tchecoslovaquie* ngày nay không thuộc đảng ông là đảng « quốc-gia xã-hội » (*parti socialiste national*) mà ông vẫn giữ Bộ Ngoại-vụ. Gần đây vì đảng quốc-gia xã-hội có chuyện bất-bình với Tổng-lý Nội - các CERNY, chiếu theo đảng-qui bất ông không được tham-dự Nội-các nữa. Chính-phủ mà không có ông thời thế lực trong quốc-tế sẽ giảm mất đi nhiều, bởi thế nên quan Giám-quốc MASARYK cố nài đề cho ông ở lại. Ông BENÈS phải trả lại ghế nghị-viên cho đảng ông, và lấy tư - cách nhà chuyên - môn vẫn cứ tham Các chủ trương Bộ Ngoại-vụ. Đó cũng là một cách giải-quyết nhã và khéo vậy.

Việc nước Đức. — Cuộc « điều tra dân-chúng ý-kiến » về việc xử-trí tài-sản của hoàng-tộc Đức cũ, như ký trước đã nói, sau kết-quả phân-vấn không quyết hẳn về đường nào, Chính-phủ bèn định chám-chước cả mọi bề bản cứ tịch-biên các tài-sản mà đến tiền cho cụ-chủ, nhưng đem ra Nghị-viện *Reichssag* bị đảng xã-hội bác đi, thành ra địa-vị của Chính-phủ cũng khó xử. Nay thủ-tướng chỉ có ba cách xử-trí như sau này : một là tựa vào phe hữu ở Nghị-viện để làm thế ý-giốc, còn việc tài-sản hoàng-tộc thời để cho tòa án thường tài-dịnh ; hai là giải-tán Nghị-viện ; ba là hoãn sự quyết-ngi về luật bồi-thường cho Hoàng-tộc. Nội các quyết theo kế thứ ba đó, rút cái dự-án về luật bồi-thường ở Nghị-viện về, để đến cuối năm sẽ hay. Nay Nghị-

viện nghị-hệ, việc này giải-quyết thế nào, đến cuối năm mới biết được.

Việc nước Ý. — Nước Ý đương qua một buổi khó-khăn về tài-chính và kinh-tế. Muốn giải-quyết sự khó-khăn đó, thủ-tướng *Mussolini* có tru một cái tổng - chương-trình chỉnh-dốn kinh-tế, mục-dịch là để tài-giảm các kinh-phí, các hàng ngoại-hóa nhập-cảng, chấn-hưng cho các công-nghệ trong nước, khiến cho tăng-gia số chế-tạo sản-xuất lên. Sự tài-giảm quan-hệ nhất về các xa-xi-phẩm. Nhiều khoản ngoại-hóa trước được miễn thuế thương-chính, nay phải đánh thuế hết. Chính-phủ khuyến-khích cho chỉ dùng những nhiên-liệu (than) trong nước. Giờ làm việc ở các công-xưởng tăng mỗi ngày tám giờ lên chín giờ. Thủ-tướng lấy cái thế-lực mạnh của đảng « Pha-xi », dùng thủ-đoạn chuyên-chế mà bắt cả nước phải nhần-nhục tuân theo những điều đó để cho cuộc kinh-tế nước nhà qua được buổi bối-rối; cả nước đều phục-tòng, không ai dám dị-nghị. Giá các nước khác thời ở Nghị-viện đã đảng nọ đảng kia phản - đối rầm cả lên, và những kế-hoạch đó vị-tất đã thi-hành được hoàn-toàn. Nếu vì lợi chung cả nước mà dùng cách chuyên-chế thời sự chuyên-chế thật không phải là một chính-sách không hay. Xem gương nước Ý ngày nay đủ biết vậy.

Việc Ba-lan. — Kỳ trước đã thuật về việc chính-biến ở Ba-lan và nói tướng *Pilsudski* là người chủ-trương việc chính-biến ấy được Quốc-hội bầu làm Giám-quốc, nhưng không chịu nhận, vì cho là vé bầu không được khá nhiều để đủ thế-lực mà bàn cải hiến-pháp. Vậy đầu tháng sáu, Quốc-hội lại họp lần nữa, để bầu quan Giám-quốc khác; ông giáo *Mosciki* được trúng-tuyển. Ông này là tay học-vấn, đã có tuổi, người ôn-hòa. Ngày mồng

4 tháng sáu đã làm lễ tuyên-thệ (*Prse-tation de serment*) ở cung *Zamek*. Trong mấy ngày khuyết chức Giám-quốc thời Nghị-trưởng *RATAJ* quyền-nhiếp. Hôm ấy họp văn-vũ bách-quan và cả các nghị-viên Thượng-Hạ-viện cùng ngoại-giao-đoàn, ông *RATAJ* trao quyền lại cho ông Giám-quốc, đọc cho nghe điều thứ 54 trong hiến-pháp, ông Giám-quốc phải nhắc lại từng câu, cúi đầu xuống tỏ ý thề nhận. Lời tuyên-thệ rằng : « Tôi thề trước Thượng-đế tối-linh, thề trước quốc-dân Ba-lan rằng nay tôi lĩnh chức Tổng-thống Dân-quốc xin một niềm tuân theo và giốc lòng bênh-vực pháp-luật của Nhà-nước, thứ nhất là luật Hiến-pháp này... » — Xem lời tuyên-thệ trình-trọng rõ-ràng như thế, thời đủ biết cái ý của tướng *Pilsudski* đương muốn xin cải-cách hiến-pháp nên không chịu nhận chức Giám-quốc để bị hó-buộc vào lời thề đó. Nhưng tuy ông không làm Giám-quốc mà ông vẫn giữ binh-quyền, thế-lực ông vẫn mạnh lắm, Chính-phủ thật ở trong tay ông vậy. Giám-quốc đã bầu xong thời Tổng-lý Nội-các lâm-thời là ông *Bartel* xin từ-chức, nhưng ông Giám-quốc lại vẫn giao cho tờ-chức Nội-các mới.

Việc Lô-mã-ni (Roumanie). — Việc tuyên-cử Nghị-viện ở Lô-mã-ni về đầu tháng sáu vừa rồi, thiên-hạ đều có ý lấy làm lạ. Đã hai tháng nay. Nội-các *BRATIANO*, thuộc về đảng tự-do (*parti libéral*), bị đảng phản-đối công - kích, phải từ chức, kể đến Nội-các *AVERESCO* lên thay. Nội-các sau này là thuộc về đảng bình-dân (*parti du peuple*), tướng *AVERESCO* làm lãnh-tụ, ai cũng tưởng rằng không bền được, vì sánh với các đảng khác đảng bình-dân số ít lắm. Thế mà kỳ tuyên-cử mới rồi lại được phần đa-số rất lớn : được trên dưới 280 ghế ở Nghị-viện. Còn đảng quốc - gia (*parti national*) đất *Transylvanie* và đảng

nông dân (*parti des paysans*) là hai đảng phản-đối mạnh nhất trước, nay gồm cả hai chỉ được có 82 ghế. Đến như đảng tự-do được cầm quyền mấy tháng trước thì rút lại chỉ còn chừng có 15 ghế. Kết quả cuộc tuyển-cử đó thật không ai ngờ. Nay thế là quyền chính-trị ở Lỗ-mã-ni vững-vàng thuộc về tay đảng binh-dân, và tướng AVERESCO làm thủ tướng chắc được lâu bền vậy. Ở Nghị-viện không có một người nào thuộc về đảng Cộng-sản, cũng không có một người nào thuộc về đảng Xã-hội. Xem thế thì đủ biết sự vận-dộng của phái quá-khích Nga ở Lỗ-mã-ni không có đặc-lực vậy.

Việc Ai-cập (Egypte). — Kỳ tổng tuyển-cử Nghị-viện Ai-cập mới rồi, đảng quốc-gia, tức là đảng ông ZAGHLOUL PACHA được chiếm đa-số. Người ta đã sợ nếu chính ông ZAGLOUL đòi ra tổ chức Nội-các để cầm quyền chính-trị, thời không khỏi xung-đột với các đảng khác, với Chính phủ Anh, thanh ra lắm nỗi khó-khăn. Nhưng Cao-đẳng ủy-viên (*Haut commissaire*) nước Anh ở Ai-cập là LORD LLOYD đã thương-thuyết được với ZAGHLOUL PACHA chịu thôi không ra chủ trương Chính phủ. Nội-các trước của ZIWER PACHA, thuộc về phái ôn-hòa, xin từ-chức. ADLY PACHA là lãnh-tụ đảng tự-do đã nhận tổ-chức Các mới. Trách nhiệm của Nội-các này cũng khó-khăn lắm, vì phải làm thế nào cho điều-hòa được sự giao-hiểu với nước và sự vận-dộng của đảng ái-quốc.

Kết-cục việc Mossoul. — Kỳ trước có nói qua về việc phân-tranh nước Anh và nước Thổ ở Mossoul đã giải quyết xong, lợi cả cho hai bên. Vậy ngày mùng 5 tháng 6, ở kinh-dô Thổ Angora, đại-sứ Anh ở Thổ nhĩ kỳ là SIR RONALD LINDSAY, Ngoại-vụ-bộ Tổng-trưởng Thổ là ROUCHDY PACHA và đại biểu xứ Irak (thuộc quyền bảo-hộ

nước Anh, tự nay được kiêm-tính hạt Mossoul) là NOURY PACHA, đã cùng nhau ký hiệp-trớc điều-dinh xong mọi việc. Việc phân-tranh nay đã dài-dằng tới hai mươi tháng trời, mấy lần tưởng nguy cho cuộc hòa-bình ở miền Cận-Đông Hồi tháng 12 năm ngoái. Hội-nghị Hội Vạn-quốc đã định cho sáp-nhập hạt Mossoul vào xứ Irak, duy buộc một điều là quyền ủy-nhiệm của nước Anh ở đất *Mésopotamie* phải tiếp thêm một hạn 25 năm nữa. Nhưng Thổ-nhĩ-kỳ không chịu như thế. Tự dấy hai bên giao-thiệp nhau mãi, nhờ SIR RONALD LINDSAY khéo thương-thuyết, sau nước Thổ cũng chịu nhận điều đó vậy. Đường địa-giới nước Thổ với xứ Irak định theo như Hội Vạn-quốc đã chỉ-hoạch năm 1924; hai bên sẽ đặt một hội-lồng để cắm mốc ở trên đất. Trong điều-uớc lại có mấy điều về chính-trị để chủ việc bảo-an cho hai xứ (như đặt giới-tuyến trung-lập, đặt lệ trọng tài khi có việc phân-tranh, v. v.). Về đường kinh-tế thời các công-cuộc khai-mở dầu ở hạt Mossoul được lợi bao nhiêu, về phần nước Thổ được dự 100/o.

Việc nước Pháp. — Kỳ trước đã nói về việc thay đổi Nội-các. Ông Tài-chính Tổng-trưởng RAOUL PÉRET vì không được Nghị-viện duyệt cái dự-án chỉnh-dốn tài-chính của ông, nên xin từ chức. Cả Nội-các có liên-dái quan-hệ cũng xin từ chức. Nhưng quan Giám-quốc lại lưu ông thủ-tướng BRIAND để tổ-chức Các mới, Nội-các này là Nội-các thứ mười của ông. Phần nhiều vẫn giữ người cũ, duy có Bộ Tài-chính thì lại mời ông CAILLAUX ra và đặt thêm hai chức thứ-trưởng do hai ông PIÉRET và DUBOIN lĩnh. Ông CAILLAUX liền đặt một hội-đồng tài-chính chuyên-gia (*Commission des experts*) để nghiên cứu, rồi ngày 6 tháng 7 thời đem cái chương-trình tài-chính ra trình Nghị-viện để thảo-luận, cuộc thảo-luận này các nhật-báo nói thật là đáng kỷ-niệm

trong lịch-sử Nghị-viện. Ông CAILLAUX nói trong mấy giờ đồng hồ, bày tỏ các kế-hoạch ông định dùng để cứu-cấp cho cái tình-hình tài-chính nguy-hiêm. Ông nói xong đảng phản-đối lên bác lại, thật là một cuộc chiến-đấu rất kịch-liệt. Ra đầu khai-chiến là ông LÉON BLUM, lĩnh-tự đảng xã-hội: ông bài-bác chương-trình của Chính-phủ, rồi bày cái chương-trình của đảng xã-hội đối lại. Theo đảng xã-hội thời muốn chấn-cỉnh kinh-tế mà không phải lụy đến nước ngoài, không phải tăng thuế gián-tiếp, là những thuế tổn-hại đến cả bản-dân, kẻ nghèo cũng như kẻ giàu, duy chỉ có một cách, là cách « trích-liếm tư-bản (*prélèvement sur le capital*), nghĩa là thu lấy một phần tư-bản của những kẻ có của, ngoài cách ấy không còn kế gì là mong cho có thực-hiệu được. Ông LÉON BLUM phổ-diễn cái lý-thuyết của đảng xã-hội một cách rất sáng-sủa và rất tài-tình, khiến cho khi nói xong ông CAILLAUX tuy đáp lại rằng: « Bấy nhiêu lời ông nói tôi không đồng-ý với ông một câu nào », nhưng cũng phải chịu là nói giỏi và ăn-căn chạy ra bắt tay khen. Nghị-viện phần nhiều cũng không đồng-ý với ông LÉON BLUM, nhưng nghe lời diễn-thuyết xem ra cũng hơi có ý chuyển-dộng. Ông CAILLAUX trả lời lại suốt ngày mùng 8, đại-khải nói rằng hiện nay chỉ có hai đường: một là theo chương-trình của đảng xã-hội, nghĩa là trích-liếm tư-bản, là thu lấy một phần của của những người có của, như thế thì diên-đảo cả cuộc kinh-tế trong nước, hai là theo cái chương-trình của chính-phủ đã chăm-chước mọi bề cho được ổn-thỏa cả. — Kể đến đây ông nghị-viện nữa thay mặt các đảng khác như BOKANOWSKI, FRANÇOIS PONCET, ANDRÉ, TARDIEU, lên diễn-thuyết phản-đối cả hai cái chương-trình trên, nói rằng cứ theo các phương-pháp cũ mà cải-lương cho thích hợp, thì hành cho đến nơi, cũng đủ ngăn được sự

lạm phát giấy bạc (*inflation*) và mộ trái ngoại-quốc, là hai điều tối-bất-khả, không cần phải dùng đến những kế-hoạch của Chính-phủ để mang nợ với nước ngoài, hay kế-hoạch của đảng xã-hội để gây khủng-hoảng cho những kẻ có của. Nguyễn trong chương-trình chính-phủ có dự-định mộ quốc-trái ở ngoại-quốc, điều này mấy ông nghị-viện GEORGES BONNET, MALVY và LOUIS MARIN đều cực-lực phản-đối. Ông LOUIS MARIN lại phản-đối cả cái ước Chính-phủ đã tạm ký với nước Mỹ để điều-đinh các khoản nợ, mà chưa đem ra Nghị-viện duyệt-y. -- Đến khi bỏ vé quyết-nghị thời phần nhiều Nghị-viện bác cái chương-trình của đảng xã-hội (324 vé phủ-quyết, 203 vé khả-quyết); đến cái chương-trình của Chính-phủ thời được khả-quyết nhưng chỉ được 269 vé đối với 247 vé mà thôi, phần ưng hơn phần bác có 22 vé, và lại có một điều lạ, là trừ hai đảng cộng-sản và xã-hội đều nhất-luật bác cả, còn các đảng khác thời phân vân, kẻ bác người ưng, không có định-kiến gì cả; phần đa số vừa ít-ôi và vừa bấp-bồng như thế, thì Chính-phủ quyết không thể bằng-cứ được. Kịp đến khi ông CAILLAUX đề-trình cái dự-án xin Nghị-viện « ủy quyền » (*délégations*) cho Chính-phủ để làm thời có thể tự-quyết các kế-hoạch về tài-chính (các kế-hoạch này đều đã kê ra rõ cả), không cần phải nhất-nhất đợi Nghị-viện quyết-nghị, thời đại đa-số Nghị-viện xoay ra phản-đối. Ông HERRIOT bỏ ghế nghị-trưởng mà xuống đứng đầu đảng Cấp-tiến để công-kích Chính-phủ về khoản đó, nói rằng ở nước dân-chủ, chủ-quyền phải ở Nghị-viện không thể « ủy-quyền » cho Chính-phủ, thế là trái với chính-thể trong nước. Ông CAILLAUX xin quyết nghị tin-dụng, phần nhiều vé tỏ không tin-dụng, Nội-các phải từ chức. Thế là Nội-các thứ mười của BRIAND được có mấy tuần bị đờ. Quan Giám-quốc mới

ông HERRIOT ra tổ-chức Các mới, kỳ trước đã nói Các này được có một ngày thời dõ. Nghị-viện chỉ theo ông HERRIOT về việc phân-đổi cái nghị ủy-quyền mà thôi, còn thời cho ông là một tay đảng-lãnh hăng-hái quá, không thể điều-hòa được với các đảng khác để lập được một tòa Nội-các trung - hòa. Bấy giờ quan Giám-quốc mới phải vội đến ông POINCARÉ để tổ-chức một tòa Nội-các đồng-tâm-liên - hiệp, như kỳ trước đã nói, gồm cả các tay cừ-khỏi trong các đảng. Bộ Tài-chính là bộ khó-khăn nhất bảy giờ thời chính ông Tổng-lý POINCARÉ giữ, bộ Ngoại-giao vẫn thuộc ông BRIAND, còn ông HERRIOT thời chịu lĩnh Bộ Học là một bộ không quan-hệ đến thời-chính mấy, có ý tỏ ra cái thái-độ nhần-nhục để cầu lấy hòa-bình. Lấy về cái giá-trị người thời thật từ xưa đến nay không Nội-các nào gồm được nhiều tay tài giỏi như Nội-các này. Song cũng vì lắm tay « hách » như thế, và toàn là những tay xưa nay không ưa gì nhau, vẫn cực-lực phản-đối nhau hoài, nên có người ngờ rằng không biết có hòa-thuận với nhau được lâu không, hay là rồi lại đến mâu-thuẫn nhau mà tan mất cái cuộc đồng-tâm-tạm-thời này. Nhiều người chắc rằng thủy-hòa tương-khắc, tan là cái thể tất nhiên, chẳng kịp thời chầy mà thôi. Nhưng cũng nhiều người cho rằng đối với tình-thế nguy - cấp hiện-thời, các vị ấy chắc cũng có đủ công-tâm mà bỏ những chuyện tư-hiền để cùng nhau hiệp-lực phù-cứu quốc-nguy. Dù thế nào mặc lòng, hiện nay thời Nội-các mới đều được Nghị-viện và quốc - dân hoan-ngheh cả, ông Thủ-tướng POINCARÉ đã trừ xong các kế-hoạch cần cấp để chỉnh-đốn tài-chính và nghị-viện đã duyệt-y trước khi giải-tán đề nghị hê. Thế là Nội-các còn được yên, từ giờ đến cuối năm. — Nhưng nghĩ cũng lạ : Nghị-viện bầu cử ra ngày 11 tháng 5 năm 1924 là chủ-y phản-đối cái chính-

sách của POINCARÉ, thế mà quanh đi quẩn lại, hơn hai năm trời, lại phải chịu nhận ông POINCARÉ làm thủ-tướng vậy sự thế xoay vần thật nực cười!

Nghị-viện duyệt y. — Phạm điều ước quốc-tế của các chính-phủ ký với nhau, phải có Nghị-viện mỗi nước duyệt-y thời mới thi-hành được. Kỳ trước đã nói. Ngày 29 tháng 4. Chính-phủ Pháp với Chính-phủ Mỹ có ký hiệp-ước để định các khoản nợ của Pháp đối với Mỹ. Hiệp-ước ngày 2 tháng 6 đã được Hạ-Nghị viện nước Mỹ duyệt-y và đã đệ-trình ra Thượng-Nghị-viện. Đại-sứ Pháp ở Mỹ, ông nghị-viện HENRY BERANGER là người đã có công điều-đinh cho thành hiệp-ước ấy, cũng về Paris để vận-dộng cho Nghị-viện Pháp duyệt-y. Nhưng xem ra dư-luận còn phân-vân lắm, không biết Nghị-viện có chịu duyệt ngay không. — Các hiệp-ước ký ở Locarno năm ngoài để định cái tình-hình chính-trị ngoại-giao của các nước Âu-châu đối với nhau, cũng mãi đến ngày 4 tháng 6 Thượng-nghị-viện Pháp mới duyệt-y, được 274 vé khả-quyết, 6 vé phản-đối. Trong khi thảo-luận, ông ngoại-tướng BRIAND là tay chủ-động ở Hội-nghị Locarno năm trước có trình bày cho Nghị-viện nghe rất tường tận về tình trạng ngoại-giao nước Pháp.

Việc Ma-lạc-kha. — Từ khi tướng ABD EL KRIM hàng, thế là việc chiến-tranh ở Ma-lạc-kha kết-liễu. Nay chỉ còn hai nước Pháp và Tây-ban-nha phải thương-thuyết với nhau để điều-đinh mọi việc cho ổn-thỏa và định cái chế-độ cho đất Rif sau này. Vậy ngày 14 tháng... ở Bộ Ngoại-giao Pháp đã mở hội-nghị hai nước. Đại-biêu cho nước Tây-ban-nha là ông QUINONES DE LEON, đại sứ Tây-ban-nha ở Paris, và tướng JORDANA, cao-đẳng-ủy-viên Tây-ban-nha ở Ma-lạc-kha. Đại-biêu cho Pháp là tướng SIMON và ông PONSOT, đã thay mặt Chính-phủ Pháp ở Hội-nghị Oudjda

tháng trước. — Hội-nghị Pháp-Tây họp ở Paris này có ba mục-dịch : 1^o định đường địa-giới phân-cách phần đất thuộc Pháp và phần đất thuộc Tây-ban-nha, và định kế-hoạch bảo-an lẫn cho nhau ; 2^o đặt cách kinh-lý và cai trị các đất mới thu-phục được ; 3^o định cách xử-trí Abd El Krim thế nào. — Gần đây trong phạm-vi quốc-tế có khởi lên một cái phong-trào dư-luận, thứ nhất là ở Ý và ở Anh, xin đặt một hội-nghị quốc-tế để xét việc Ma-lạc-kha. Song điều-ước Algésiras năm 1912 và các điều-ước quốc-tế trước đã phân-minh nhận cho hai nước Pháp và Tây-ban-nha được tự-do chia nhau mà khuếch-trương thế-lực ở Ma-lạc-kha. Duy có hạt Tanger là đặt làm như nơi tô-giới Vạn-quốc, thời cái chế-độ đặc-biệt đó vẫn đã thi-hành và hai nước không hề xâm-phạm đến đây. Vay thời việc Ma-lạc-kha ngày nay xử-trí thế nào chỉ quan-hệ đến hai nước Pháp và Tây điều-dinh với nhau, miễn là không trái các điều-ước quốc-tế hiện-hành thời thời.

Việc Syrie. — Việc Ma-lạc-kha đã xong hẳn rồi, việc Syrie nay cũng tiệm xong. Thành Salkhad là nơi sào-huyệt của rợ Druses. Thành này là trung-tâm-diểm đất Djebel Haouran, tướng SOLTAN EL ATTRACHE tập hết đồ-dang ở đây để chống lại với quân Pháp. Vay ngày 3 tháng 6, hai toán quân Pháp, một toán đi tự miền Airé, phía Nam Soueïda, một toán đi tự miền Bosra, là nơi cùng-tận đường xe lửa Damas, hai toán hiệp nhau lại đánh lấy được Salkhad. Sự đặc-thắng đó có thể cho là giải-quyết được việc loạn rợ Druses, vì nơi sào-huyệt đã thất-thủ thời các đồ-dang tất tan-tát hết, rồi cũng đến phải hàng cả, vì không chạy trốn vào đâu được, chung quanh là sa-mạc hết.

Tình-trạng phía Nam nước Tàu. — Hiện giờ phía Nam nước Tàu có một chính-phủ gọi là Quốc-dân cách-mệnh

chính-phủ, nguyên của Tôn Văn lập ra. Khi Tôn còn sinh-tiền, tỉnh Quảng-dông chưa thống-nhất, sau khi Tôn mất thì đồ-dang của Tôn, bên văn thì có Uông Tinh-Vệ, Ngũ Triều-Khur, Tôn Khoa, v. v., bên võ thì có Trương Giới-Thạch, Đàm Diêu-Khải, Lý Tế-Tham, v. v., đều tận-tâm kế-nghiệp, lại có phần xuất-sắc hơn. Như năm vừa rồi, Trương Giới-Thạch phụng-lệnh đi đánh giặc Đông-giang, phá tan quân-đội của Trần Quýnh-Minh, hãm cái thành rất kiên-cố là thành Huệ-châu, bọn tàn-quân của Trần chạy trốn lên tranh Giang-tây và Phúc-kiến cả. Còn Lý Tế-Tham thì phụng-mệnh đi dẹp loạn Đặng Bản-Ân ở cù-lao Hải-nam, nên hôm đầu năm nay Quảng-dông thống-nhất. Ở tỉnh Quảng-tây thì có Lý Tôn-Nhân và Hoàng Thiệu-Hùng đuổi bọn Thảm Hồng-Anh ra khỏi Quảng-tây. Ở Hồ-nam thì Đường Sinh-Tri đuổi Triệu Hằng-Dịch ra khỏi tỉnh, rồi Lý Tôn-Nhân và Đường Sinh-Tri đều qui-y về Quảng-dông. Vay bây giờ quốc-dân Cách-mệnh Chính-phủ gồm cả ba tỉnh là : Quảng-dông, Quảng-tây và Hồ-nam.

Tại Chính-phủ có lập ra các bộ : mỗi bộ đều có chức Bộ-trưởng, quyền ai người nấy làm, đều có lập hội Ủy-viên về dân-chính và quân-chính để nghị việc nước. Về phe võ của ba tỉnh có 8 quân-đội, mỗi quân-đội có chức quán-trưởng, 8 vị Quán-trưởng theo thứ-tự là : 1^o Hà Ứng-Khâm, 2^o Đàm Diêu-Khải, 3^o Chân Bồi-Đức, 4^o Lý Tế-Tham, 5^o Lý Phước-Lâm, 6^o Trình Tiềm, 7^o Lý Tôn-Nhân, 8^o Đường Sinh-Tri.

Ngoài các quân-đội trên lại có một quân-đội của đảng Trung-ương, quan đốc-học trường võ-bị ở Hoàng-phổ là Trương Giới-Thạch cai-quản. Mỗi đội-quân đều có quan võ Nga làm chức Cố-vấn để tập-luyện quân-cơ.

Cách ba tháng nay Ngô Bội-Phu ở Hồ-bắc trợ-lực cho Diệp Khai-Kim công-kích Đường Sinh-Tri, Đường thất

Trường-sa, lui quân xuống Hoàng-châu cổ-thủ, nhằm lúc Chính-phủ Quảng-dông đang dẹp giặc cướp chưa yên, và Cộng-sản-dảng với Quốc-dân-dảng xung-dột nhau, Chính-phủ xử-trí chưa yên, nên sai hai lữ quân tỉnh Quảng-tây là Chung Tồ-Bồi và Hạch Sùng-Hi đem binh cứu-viện Đường Sinh-Tri được binh tiếp-cứu, nỗ-lực đoạt Trương - Đàm, rồi khôi-phục được Trường - sa, đương nhằm Nhạc-châu tấn-phát, mới đây có dây thép nói ngày 18 *Juillet* 1926, Đường Sinh-Tri đã hạ được thành Nhạc-châu rồi, quân của Diệp thoái lên tranh Hồ-bắc, vậy nay Đường Sinh-Tri nhất-thống được Hồ-nam,

Đã nói mục-dịch Quốc-dân Cách-mạnh chính-phủ là nhất-thống Trung-nguyên, nay vì trừ - bị Bắc-phạt đã xong, xử-trí với đảng Cộng-sản cũng rồi, nên thừa-cơ hội quân. Cách-mệnh Hồ-nam thắng lợi, quyết đem binh bắc-phạt, dẹp bọn quân-phiệt Ngô Trương cho rồi. Ngày 9 *Juillet* 1926 Chính-phủ giao chức tổng-tư-lệnh Bắc-phạt-quân cho Trương Giới-Thạch. Trương là người còn trẻ, chí-khí khảng-khải quá, quân-pháp rất nghiêm, xem cái tài dẹp giặc Đông-giang đã biết, nay Trương đứng đầu đạo quân Bắc-phạt thì dư-luận Tàu bằng lòng lắm.

Khi Trương lĩnh chức, thế-sư giữa ba quân, đại-khải bảo tướng-sĩ phải đồng-tâm hiệp-lực để điều-dẫn phạt kẻ có tội, tướng-sĩ phải hi-sinh tinh-mệnh để giữ bình-dẳng tự-do cho dân, tận diệt bọn quân-phiệt, để thực-hành cái « Tam-dân chủ-nghĩa » (dân-tộc dân-quyền, dân-sinh) v.v.. Trương định bữa 24, xuất đại-binh do ngã Đông-giang lên Thiều-quang rồi trực-chỉ Hồ-nam hiệp với Đường Sinh-Tri, hết thấy binh Bắc-phạt này ước 11, 12 vạn người.

Lúc này Ngô Bội-Phu thấy Diệp Khai-Kim thất-lợi, nên sai tướng tiếp-ứng

thêm vì thanh-thế của quân Cách-mệnh lây lừng nhằm Võ-xương tấn-phát, mà Ngô thì lo mặt tây-bắc đối-dịch với quốc-dân-quân của Phùng Ngọc-Tường tại Nam-khẩu, nên không hở tay mà đối-phó với miền nam. Nước Tàu chỉ trông cậy quân Bắc-phạt đánh thấu tới Bắc-kinh hiệp với quốc-dân-quân thống-nhất Trung-hoa thì nội-loạn mới yên, vì chính-phủ Cách-mệnh không có vị một đảng riêng nào, binh-quyền không về một tay ai như bọn quân-phiệt kia bề được binh-quyền trong tay thì những chức trọng-yếu đều dành cho phe-dảng của mình, thành ra phe này áp-chế phe kia, bởi vậy mới có đảng kia đánh đảng nọ, gây ra cái vạ cốt-nhục tương-tàn.

Đó là hiện-trạng binh-tình ở miền nam như vậy, còn về việc sinh-kế của dân rất gian-nan, bởi nước có giặc thì trộm cướp dấy như ong, quan-binh đã đánh dẹp không hở tay, như ở miền Đông-giang những quân bại-trận chạy tán-lạc sẵn có khí-giới, chủ-tướng đi mất, rồi tụ-tập lại, chỗ một hai trăm, chỗ một đôi ngàn-chiếm cứ một hòn núi nào đó rồi đón đường bộ đường thủy mà cướp giật.

Hễ bắt được khách bộ-hành giàu có thì đem về núi nhả tia cho chuộc, nên hiện nay việc buôn bán chỗ chuyèo, huyện này qua phủ kia, quân lính canh tuần nghiêm-nhất, mà một hai khi cũng không khỏi, hễ bắt được ăn cướp bao nhiêu thì bắn chết bấy nhiêu, mà chúng nó cũng không từ.

Tuy nước Tàu bị nội-loạn mà dân-khí mạnh-mẽ lắm, hễ có cướp nào dưng cường-quyền áp-chế thì dân-khí nổi lên kháng-cự ngay. Như ngày 30 *Mai* 1925 xảy ra việc ở xưởng dệt Nhật-bản, rồi lây tới người Anh tại Thượng-hải, nên dân Quảng-dông biểu-dồng-tình với dân Thượng-hải « tây-chay » hàng-hóa Anh bởi vậy dất Sa-diện ở Quảng-dông và cũ-lao Hương-cảng bị ảnh-hưởng. Bây giờ

cù-lao Hương-cảng là trung-tâm việc buôn bán miền nam nước Tàu, cũng như Sài-gòn là trung-tâm của miền nam xứ Đông-duong ta vậy. Khi xây ra cái phong-trào « tây-chay » Anh-hóa, họ tuyệt-giao với cù-lao Hương-cảng lập ra một thương-cảng mới tại Hoàng-phố, từ Hương-cảng đến Quảng-dông cũng bằng từ Vũng-tàu mà vào Sài-gòn, nay họ lập thương-cảng Hoàng-phố ở giữa đường, vì từ Hoàng-phố trở vào, sóng càn tàu lớn chạy không được. Nay hàng xuất-cảng đem ra đó, hàng nhập-cảng tàu vào tới đó làm cho Hương-cảng buôn bán trụy

lạc; trước « tây-chay » không đủ phổ mà ở, sau « tây-chay » phổ bỏ không mấy nghìn gian, bồi thương-nhân Tàu thì phần nhiều dời về Hoàng-phố, chỉ còn các nước khác thôi. Hiện nay vấn-đề « tây-chay » này nước Anh và nước Tàu, mới hội-ng nghị để giải-quyết mà hễ giải-quyết cái vấn-đề nào không bình - đẳng thì họ không chịu ngay.

Việc quân trong nước bời-bời, nhân-dân lo nạn trộm cướp, mà dân-tâm cố đòi cho được 17 - do, bình - đẳng mới nghe. Khả khen thay ! — (Bài của ông Dương Công-Chường trong *Lục-tỉnh tân-văn*)

Việc trong nước

Tình - hình chính - trị. — Nam-phương vẫn có tình hăng-hái hoạt-động hơn xứ Bắc. Xem như kỳ Hội-đồng Quân-hạt Nam-kỳ họp ở Sài-gòn vừa rồi thì đủ biết. Đảng họ cạnh-tranh với đảng kia, các đảng chống lại với chính-phủ, cái cảnh-tượng náo-nhiệt, cái hình-thức vận-động về chính-trị, đã gần hết được như bên Đại-Pháp, qui-hóa thật ! Nói cho đúng thì chưa phải là hết được như Paris vì « Le conseil » ở Sài-gòn chưa dám sánh đâu với « La chambre » ở Paris, nhưng cũng cho là bằng một phủ-huyện bên qui-quốc. Hoặc-giả lại cho là có lẽ giống với các « thuộc-địa cũ » của Pháp (như Guadeloupe, Martinique) thời phải hơn. Các thuộc-địa này đã có tiếng là hay sinh chuyện chính-trị lắm, thường muốn mô-phỏng như mẫu-quốc, mỗi lần hội-ng nghị hay bầu-cử vẫn có cái vẻ náo-nhiệt và có khi lại kịch-liệt lắm. Nam-kỳ tuy là một thuộc-địa kẻ cũng còn mới, nhưng về phương-diện này học cũng đã tấn tới vậy !

Vậy kỳ họp Hội-đồng Quân-hạt vừa rồi có xảy ra hai việc đáng chú-ý. Một là việc mấy ông nghị-viên Tây Nam làm đơn kiện ông Thống-đốc Nam-

kỳ COGNACQ về tội đánh tráo và man trá giấy công-văn của Hội-đồng. Xưa nay kiện quan thủ-hiến, mới có lần này là một, cũng là một chuyện kỳ. Chủ-trương việc này là ông thầy kiến GALLET, có chân Hội-đồng Quân-hạt. Ông này về đảng phản-đối ông COGNAEG xưa nay, nhân cùng với mấy ông Nghị-viên An-Nam như ông Nguyễn Phan-Long, ông Trương Văn - Bền, ông Nguyễn Tấn-Dược, tìm được một việc diên - thõ xem ra ông COGNACQ thiên-vị một người diên - chủ lớn là Trần Trinh-Trạch mà làm vượt quyền trái phép, liền đem ra tuyên-bố tại Hội-đồng và làm đơn kiện sang Paris. Đơn kiện, cả mấy ông An-Nam cùng ký. Ấy việc có thể, nhưng cái nội - dung nó còn phiền-phức hơn, hiện nay chưa biết rõ được hết. Song ông COGNACQ có đảng phản-đối mà cũng có đảng bênh-vực, đảng này lại là phần đa số mà đứng đầu chính là hội-trưởng Hội-đồng Quân-hạt DE LACHEVROTIERE, chủ một tờ báo lớn tên là L'Impartial, và là bạn thân của ông COGNACQ. Thành ra hai đảng trong hội-đồng, — và cả trong công-chúng nữa, — công - kích nhau rất kịch - liệt. Hiện nay ông

COGNACQ đương nghị ở Paris. Có người nói việc này tuy vỡ lở ra to-tát như thế, nhưng rồi kết-quả cũng chẳng có gì, những sự vượt quyền lạm phép là thủ-đoạn thường của phái quan-liêu thuộc-địa, xưa nay còn nhiều chuyện to hơn nữa, sau có thấy gì ; ông COGNACQ rồi cũng chẳng bị hỏi, bị tra, bị xét, bị xử gì cả ; những tay gây ra việc này cũng biết thế, mục-dịch của họ chỉ là dùng cách đó để vận-dộng cho việc bầu-cử sang năm này mà thôi. Ấy nhiều người thì bình - phẩm như thế, ta hãy đợi xem kết - quả ra làm sao. Nhưng vận-dộng bầu-cử mà dùng những cái thủ-đoạn như thế mới là « cũ » !

Việc thứ nhì là việc Chính-phủ bàn đặt mấy thứ thuế mới, cả Hội-đồng (lần này thì các đảng đồng-lâm hết) đều đồng - thanh bác. Ông thầy kiện GALLET cũng nhân dịp này diễn-thuyết công-kích chính-phủ dữ, trách là lãng-phí tiền công-khố.

Nam-kỳ thì hăng - hái như thế mà Bắc-kỳ thì vẫn êm như thường. Tuy cũng có hội-đồng « Nhân-dân-đại-biểu » đó, — cái tên to-tát thay ! — nhưng chẳng có chuyện gì là hưng-thú. Mấy khóa trước nghị-trưởng là ông Nguyễn Hữu-Thu, thiên-hạ bình-phẩm đã nhiều; năm nay nghị-trưởng là ông Nguyễn Hữu-Cv, chẳng biết thiên-hạ có hoan-nghehnh lắm không nhỉ ? Hoặc có người nói: Đồi ông Nguyễn-Hữu thứ nhất lấy ông Nguyễn-Hữu thứ nhì, biết đâu rồi lại không tiếc ông thứ nhất ! Xứ Bắc ta mới làm nhân-tài thật ! — Kỳ hội-nghị Dân-biểu Bắc-kỳ vừa rồi, đáng chú-ý nhất chỉ có bài diễn-thuyết khai-hội của quan Thống - sứ ROBIN. Bài này không phải là một bài diễn-thuyết thường, thật là một cái chương-trình hành - chính, dự-định cải - cách nhiều việc, (việc học, việc y-tế, việc đặc-điền, v. v.). Về việc học, ý-kiến quan Thống-sứ thật là hợp với ý - kiến của bản-chí vẫn chủ-trương đã lâu nay.

Một kỳ sau sẽ bàn tường về các việc đó, vì là những việc quan-hệ ngay đến sự lợi-bệnh của dân ta.

Bản lập một hội Du-học bảo-trợ.
— Bản-chí tiếp được bức thư ngỏ của một ông bạn đọc báo ở Hải-phòng, bàn về việc nên lập một Hội « Du-học bảo-trợ », do viên-chức các công-sở gây lên trước, bản-chí rất biểu-đồng-tinh và vui lòng công-bổ bức thư sau này :

Thơ ngỏ cùng các viên-chức trong các công sở nước ta

Thưa các Ngài,

Ngon cao bề rộng, đất tốt mỡ nhiều, kẻ đã cần cho một nước, nhưng chưa cần lắm bằng nhân-tài vậy.

Vào một dinh-cơ nào thấy cửa cao nhà rộng, gác tía lầu hồng, vườn hoa cây cảnh, đồ-đạc trang-hoàng, mà đã vội cho ngay là một nhà hữu-phúc, thế là lầm ; ta phải xem nhân-vật nhà ấy có thông-minh dĩah-ngộ hơn người, có tài có đức gì không đã. Sách ta có câu : « Hữu phúc khản nhi-tôn ». Nếu người trong nhà ấy ngu hèn đần độn, thì chưa dễ đã giữ được cơ-nghiệp, có lẽ lại vì cơ-nghiệp đó mà lụy đến thân.

Một nước cũng thế, đất rộng của nhiều mà nhân-tài ít, thì chỉ tổ làm một cái mồi ngon cho ngoại-nhân đòm rỏ vậy.

Ồi! nghĩ như nước Việt-Nam ta, dân-số đông đến hơn hai mươi triệu, Đất liền rộng tới một triệu Anh-phương-lý, năm loài kim khố đất, trăm giống thóc đầy đồng, rừng tre, miếu gỗ, cá bễ, chim trời, so với hoàn-cầu kẻ cũng không kém, thế mà sự tiên-bộ vẫn cam chịu thua người.

Đó là một cái nhục chung cho cả nước, phàm người tư-ái, ai chẳng đau lòng.

Nhưng lo nước mà chỉ thờ vắn thao đài, cũng là vô-biộ ; ta đã biết rằng nước ta thua kém là vì hiểm nhân-tài, thì ta phải cùng nhau tìm phương đào-luyện.

Đào-luyện lấy nhân-tài là việc chung của cả quốc-dân, mà nhất là các bậc sĩ-phù lại càng phải lưu-tâm đến.

Kể ngu này thường ngày đêm lo nghĩ về việc đó, nhưng không phải là việc lo một mình mà được, nên đánh bạo viết bức thư này, kêu với liệt-vị chư-tôn, xin cùng lo học may nên việc.

Hiện nay Chính-phủ cũng đã chấn-chỉnh việc học-bành cho ta lắm, song việc đó là việc của ta, ta há cứ ỷ-lại vào Chính-phủ mà không tự mình lo liệu nữa ru ?

Vả lại Chính-phủ còn mắc bận trăm công nghìn việc, mà ta muốn cho nước ta chóng có nhiều nhân-tài thời ta phải tìm phương-kế giúp Chính-phủ, tức là giúp cho ta vậy.

Muốn giúp Chính-phủ không gì bằng tất cả các viên-chức trong các công-sở cùng làm đơn tình-nguyện xin đóng mỗi tháng một đồng bạc, các viên nào lương 30 50 trở xuống thời đóng 0 50 hay là tất cả cùng xin đóng hai phần trăm (20%), tổ-chức một hội • Du-học Bảo-trợ • mục-dịch chỉ có 05 trợ-cấp cho học-sinh có bằng Cao-đẳng tiểu-học bên này rồi sang du-học bên Pháp cho đến lúc thành-tài.

Muốn tiện việc thu tiền, không gì bằng nhờ ngay sở phát lương (Service de solde) cứ cuối tháng trừ ngay vào lương cũng như tiền hưu-trì, tiền nhà thương rồi số nào số ấy gửi ngay vào nhà ngân-hàng giữ hộ.

Tất cả các ngạch : Ngạch Toán-quyền, ngạch Thông-sứ, Học-chính, Bru-chính, Thương-chính, Công-chính, Tài-chính, Y-chính, Hỏa-xa, văn-vân, cùng đóng như thế cả, thời chắc rằng số tiền hàng tháng cũng được khá to. Đến cuối năm tính xem được bao nhiêu, thời tùy theo số tiền ấy mà kén lấy học-sinh gửi sang Pháp.

Trung, Nam, Bắc, cả ba kỳ cùng làm như thế, thì mỗi năm có thể gửi đi được vô-số học-sinh.

Việc kén chọn học-sinh không gì bằng xử nào xử ấy mỗi năm mở một kỳ thi (concours) để lọc lấy nhân-tài tùy theo số tiền xử mình đã thu được.

Muốn được công-bình thì ta lại nhờ Chính-phủ cử cho một ban để chấm bài thi.

Học-sinh trúng-tuyển thì hội đề tùy-ý các ông ấy thích gì thì học nấy, hội chịu hết các tiền phí-tồn cho đến khi được thành-tài trở về mà không bất kỳ cam-đoan gì cả, vì rằng người đóng tiền đã vì nước mà đóng, người đi học cũng vì nước mà học, hai bên cũng vì một nghĩa cao-thượng thì không nên có bụng nhỏ-nhen. Tuy-nhiên giá thực ủa ông có thành-tài trở về mà tu-đạo dạy lấy một ít đồng-bào biết được nghề mian và dịch các sách học về nghề ấy cho đồng-bào xem thời may lắm.

Hội cũng nên nhờ mấy ông ở Paris trông nom xem xét cho việc học-hành của du-học-sinh.

Lượt này về, lại gửi lượt khác sang, cứ thế mà làm mãi trong mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, mãi đến khi nào trong nước có được thực nhiều nhân-tài mới nghe.

Có đồng-đẳng mới bình-đẳng được, ta muốn bằng người thì ta phải lo làm sao cho nước ta mỗi năm xuất-sản ra vài ba mươi ông tiến-khoa bác-sĩ.

Đó là về phần các người làm việc ở các công-sở, còn trong quốc-dân, các nhà tư-bản nhà đi buôn, nhà làm ruộng, nhà làm thợ, ai có lòng tâm-thành việc này xin cứ gửi tiền vào Ngân-hàng, giữ lấy biên-lai, lại càng quý lắm, vì càng có nhiều tiền lại càng gửi được nhiều người đi học.

Cứ cuối năm hội nên in một quyển tưng-biên (bulletin annual) thuật lại các công việc hội xem thu được bao nhiêu tiền, tiêu hết bao nhiêu, số học-sinh gửi đi là bao nhiêu, thành-tài về là bao nhiêu và đăng tên các người gửi tiền vào Ngân-hàng giúp hội.

Kể về tôn-chỉ này thì nước ta từ trước nguyên cũng đã có hội • Pháp-học Bảo-trợ •, nhưng trong cả nước mà mới có một vài, thỉnh-thoảng mới gửi được mấy người, • độc-thụ bất-thanh-lâm •, cái kết-quả chưa thu được mấy, tưởng cũng bởi tại lẽ đó.

Nếu nay lại có một hội nữa thêm ra thì không những cả sông dòng chợ, cuộc du-học tất được thêm đông, mà có số-sánh, có cạnh tranh, sự học-hành của các học-sinh các hội cứ đi có lẽ thêm phần tiến-bộ.

Việc này có quan-hệ đến những bậc thanh-niên nước nhà là thế, có ảnh-hưởng đến tiền-đồ xã-hội là thế, mà cách làm có, thế giản-dĩ thu-công là thế, chắc các bậc tâm-huyết cũng sẵn lòng hiến-đồng-tình : nhưng còn sợ học-giả có ngại nào quá nghĩ vì những lẽ sau này mà sinh lòng tri-trừ bất-quyết chẳng ; vậy cũng phải phân-trần cho hết :

1. — Sự rằng Chính-phủ không cho phép chẳng ?

Xin thưa :

Chính-phủ xưa nay đối với hoàn-cầu vẫn có tiếng là có nhân-đạo, lại thêm nhân cái thiên-chức khai-hóa cho dân-tộc ta mà việc ta làm đây là quang-minh chính-đại, lại nhờ Chính-phủ trông nom cho cả như thế, chắc rằng không những là Chính-phủ sẽ bằng lòng cho phép, mà có lẽ lại giúp thêm.

Vả lại các ông Chánh-trưởng Ái-hữu liên-hiệp hội (Présidents d'Interamicales) và các ông trưởng-hội các hội Ái-hữu cũng đứng lên xin thời không lẽ nào mà Chính-phủ không cho.

2. — Sự rằng việc đó là việc riêng của hội mình mà phải đến Chính-phủ, như trừ lương để gửi nhà Ngân-hàng, cũng là đặt Hội-đồng chấm thi để lấy người đi học, thì không khỏi có điều bất-tiện chẳng ?

Xin thưa :

Mục-dịch Chính-phủ đã lấy sự khai-hóa cho dân làm cốt, thời bao nhiêu những sự có thể giúp được cái mục-dịch ấy, tất Chính-phủ cũng hết lòng phụ-trợ, hưởng-chi là một việc ích chung cho dân như thế, mà Chính-phủ lại ở vì chút bận mảy-may để phụ lòng dân hay sợ

3. — Sự rằng trình-độ dân ta còn thấp, người vi-kỹ còn nhiều, nay lập nên hội này, đã bay người, đóng tiền là bởi đồng-tâm, nhưng sợ người đi học hoặc-giả có người vì tư-lợi một mai thành-tại về nước, đối với quốc-dân xã-hội, tuyệt-nhiên không bổ ích gì, không những cái huyết-hũu đồng-bào bấy lâu chỉ làm vi thuộc bỏ phi-thần phi-gia cho ai, mà cái học-thuật văn-minh học được đó, lại càng lỗ lăm con dao sắc cho ai đào khoét, cái mặt nạ cho ai vênh-vào đó chẳng ?

Xin thưa :

Vâng, điều đó có lẽ cũng có, nhưng thiết-tưởng xã-hội nào không có người tốt người xấu, song muốn cho bớt dần phần xấu thời phải càng nên đào-tạo lấy phần tốt nhiều ra, nếu vì một phần ít người không có lương-tâm mà vội cho một xã-cội là không đủ làm việc, tưởng cũng là quá; ta làm việc là làm với lương-tâm, với nghĩa-vụ, mà lại là theo cái ý-thích của mình, ba cái đó nếu đã trọn- vẹn thời việc làm của mình thế là thành-công, dù thật có cái kết-quả như ở trên kia, cũng chưa phải đã là vô-ích, phương-chỉ trong hàng mấy mươi người, mấy trăm người đi du-học đó, há lại chẳng có nhiều người đủ cho ta kỳ-vọng hay sao.

Thế thì mấy điều đó cũng không khó cả, chỉ còn cần tìm lấy phương-pháp hành-động che thật quang-minh, làm thế nào cho khỏi xây ra những việc khó-khăn về tiền-tài, thu vào tiêu ra cho, rành-mạch, cái đó xin nhờ liệt-vị dhu-tôn chỉ bảo cho.

Việc công của nước, xin tất cả quốc-dân và các ông chủ-bút các nhà báo có ý-kiến gì cao-minh, xin cùng bàn cho xác-đáng, nếu việc thành thời may cho tiền đồ tổ-quốc ta lắm.

Kể viết thư này vốn tự biết tại hèn sức mọn, không phải dám tự-nhiệm lấy cái trách lo-lắng việc đời và sinh-bình vẫn sùng-bái cái chủ-nghĩa thực-hành, chưa từng dám múa mep viển-vông đề mua chuộc cái hư-danh ái-quốc, chỉ là thấy những việc đáng

làm mà sức mình có thể với đến, lại chắc cũng là những việc mà các bậc hữu-tâm trong nước thường lưu-ý, nên mới dám tỏ bày.

Mong rằng các ông Trưởng-hội các hội Ái-hữu nước ta đứng lên hỗ-nào và xin cùng Chính-phủ, nếu việc thành thì công ơn các ngài chẳng nhỏ vậy.

Nay kính

NGUYỄN U-LAN

Thư-ký

Sở Điện-báo Hải-phòng

Giới-thiệu sách mới

1^o Tây hồ Phan Chu-Trinh trên lịch-sử cận-đại của ông Nguyễn Mạnh-Bông soạn, bán tại nhà in Nguyễn Kinh công-ty, Hải - phòng. Sách dày 102 trang, giá bán 0 \$ 35.

2^o Nữ-sinh độc-bản. Dùng trong các trường sơ-đẳng nữ-học, của ông Trinh Đình-Rư soạn ra 60 bài, dày 96 trang, bán tại Hương - hát thư-điểm, Hải-phòng, giá 0 \$ 32.

3^o Tay chắt (?) làm nên. Của ông Vũ Duy-Hoán dịch sách Tàu ra, in tại Hồng - kinh ấn-quán, dày 51 trang, giá 0 \$ 30.

4^o Hai ngày ở Am Dật - sĩ Nguyễn Duy-Chinh. Của ông Nguyễn Văn-Lịch soạn ra, in tại Kim-Đức-Giang, dày 68 trang, giá 0 \$ 45.

5^o Môn tóc đỏ. Của ông Nhâm-phong dịch thuật trình - thâm từu thuyết, nhà in Long-quang xuất-bản, dày 32 trang, giá 0 \$ 10.

